

ĐẠI HỌC HUẾ
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

PGS.TS. NGUYỄN QUANG NINH

GIÁO TRÌNH

(Dành cho sinh viên khối Khoa học xã hội và nhân văn)

TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH A

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ - 2013

MỤC LỤC

PHẦN MỘT: LUYỆN KĨ NĂNG CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT	4
I. CHÍNH TẢ LÀ GÌ?.....	4
II. MỘT SỐ LỖI CHÍNH TẢ THƯỜNG GẶP.....	4
III. NGUYÊN TẮC CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT.....	6
IV. VIẾT ĐÚNG CHÍNH TẢ	6
V. LUYỆN TẬP	12
PHẦN HAI: LUYỆN KĨ NĂNG DÙNG TỪ.....	21
I. TỪ VÀ TỪ VỤNG TIẾNG VIỆT	21
II. NHỮNG YÊU CẦU CHUNG CỦA VIỆC DÙNG TỪ.....	27
III. THAO TÁC LỰA CHỌN VÀ SỬ DỤNG TỪ.....	38
PHẦN BA: LUYỆN KĨ NĂNG ĐẶT CÂU	43
I. CÂU TRONG TIẾNG VIỆT.....	43
II. YÊU CẦU CHUNG CỦA VIỆC ĐẶT CÂU.....	50
III. CHỮA CÂU SAI	57
PHẦN BỐN: LUYỆN KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN.....	63
I. YÊU CẦU CHUNG CỦA VIỆC VIẾT ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN	63
II. LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN CÓ CÂU CHỦ ĐỀ.....	70
III. LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN THEO MỐI QUAN HỆ Ý NGHĨA	76
IV. LUYỆN TÁCH ĐOẠN VĂN VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN	85
V. LUYỆN RÚT GỌN VÀ MỞ RỘNG ĐOẠN VĂN	96
PHẦN NĂM: LUYỆN KĨ NĂNG TIẾP NHẬN VĂN BẢN	108
I. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC CỦA VĂN BẢN	108
II. PHÂN TÍCH VĂN BẢN.....	120
III. TÓM TẮT VĂN BẢN.....	124
IV. TỔNG THUẬT CÁC VĂN BẢN KHOA HỌC	128
V. LUYỆN TẬP	135
PHẦN SÁU: LUYỆN KĨ NĂNG XÂY DỰNG VĂN BẢN	159
I. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG VĂN BẢN	159
II. LẬP ĐỀ CƯƠNG VĂN BẢN	167

III. TRIỂN KHAI ĐỀ CƯƠNG THÀNH VĂN BẢN	176
IV. KIỂM TRA VÀ HOÀN THIỆN VĂN BẢN ĐÃ VIẾT.....	192
V. LUYỆN TẬP	192
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	207

PHẦN MỘT

LUYỆN KỸ NĂNG CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT

I. CHÍNH TẢ LÀ GÌ?

Chính tả, hiểu theo nghĩa thông thường là "phép viết đúng".

Đúng ở đây là đúng với truyền thống sử dụng chữ viết được xã hội thừa nhận, đúng với bản thân hệ thống văn tự của một ngôn ngữ. Chính tả được xây dựng trên cơ sở của những quy định mang tính xã hội cao, được mọi người trong một quốc gia chấp nhận và sử dụng. Những quy định đó thường là thói quen trong thực tiễn sử dụng chữ viết của một dân tộc, hoặc cũng có thể là do những cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Bản chất của chính tả là sự phiên tiếng thành chữ, là hệ thống các quy tắc xác lập các phương thức để chuyển lời nói sang chữ viết. Mỗi ngôn ngữ có cách riêng trong việc phiên âm thành chữ, hay nói một cách khác, mỗi ngôn ngữ có một hệ thống chính tả riêng của mình. Ví dụ chính tả tiếng Việt, chính tả tiếng Nga, chính tả tiếng Anh, chính tả tiếng Trung Quốc,...

Nội dung của chính tả tiếng Việt bao gồm nhiều vấn đề, nhưng nổi lên là mấy vấn đề chính sau đây:

– Xác định cách viết đúng cho các từ ngữ theo quy tắc của hệ thống chữ viết tiếng Việt, đặc biệt là việc xác định cách viết thống nhất cho các từ có những cách phát âm giống nhau nhưng lại có cách viết khác nhau. Ví dụ: *dơ / giơ / zơ*.

– Xác định và thực hiện các nguyên tắc viết hoa, viết tắt. Ví dụ: viết *Hà Nội* hay viết *Hà nội*, viết *Italia* hay viết *I-ta-li-a*,...

– Cách phiên chuyển tên riêng nước ngoài, tên riêng các dân tộc thiểu số sống trên đất nước Việt Nam sang tiếng Việt. Ví dụ: viết *Krôngput* hay viết *Krông-pút*.

– Cách sử dụng các dấu câu. Ví dụ, viết "*Ngày xưa có vợ chồng ông lão đánh cá nghèo sống ở ven sông*", hay viết "*Ngày xưa, có vợ chồng ông lão đánh cá nghèo sống ở ven sông*".

Những vấn đề trên có thể được tìm hiểu và giải quyết riêng biệt nhưng cũng có thể được xem xét và giải quyết trong mối quan hệ lẫn nhau, nhất quán theo một số nguyên tắc nhất định.

II. MỘT SỐ LỖI CHÍNH TẢ THƯỜNG GẶP

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc mắc lỗi chính tả. Ngoài việc mắc lỗi do người sử dụng viết tùy tiện, cầu thả, chữ nọ xọ chữ kia,... các lỗi chính tả thường gặp có thể quy vào một số loại chủ yếu sau đây:

1. Mắc lỗi do không nắm vững chính tả

Nói một cách khác, lỗi chính tả ở đây là do người viết không nắm vững cách viết được coi là chuẩn, được xã hội thừa nhận mặc dù người viết có thể phát âm đúng. Người viết thường mắc lỗi trong các trường hợp sau:

– Lỗi về phụ âm đầu (khi cùng một âm có nhiều cách viết).

Ví dụ:

- + *gồ ghề* viết thành *ghồ ghề*
- + *ghê gớm* viết thành *ghê ghớm*
- + *nguyệt ngoạc* viết thành *nguyệt ngoạc*
- + *cạn kiệt* viết thành *kạn kiệt*

– Lỗi về phân vần (khi gặp những vần phức tạp).

Ví dụ:

- + *khước trương* viết thành *khuyếch trương*
- + *nguồn nghèo* viết thành *nguồn nghèo*
- + *quần quai* viết thành *quần quai*

– Lỗi do không nắm được quy tắc viết hoa.

Ví dụ:

- + *Nguyễn Thị Minh Khai* viết thành *Nguyễn thị Minh Khai*
- + *Điện Biên Phủ* viết thành *Điện biên Phủ*
- + *I-ta-li-a* viết thành *I Ta Li A*

2. Mắc lỗi do phát âm sai

– Phát âm sai phụ âm đầu dẫn tới viết sai.

Ví dụ:

- + *lo lắng* viết thành *no nãng*
- + *thể dục* viết thành *thể rục*
- + *rách nát* viết thành *dách nát*

– Phát âm sai phân vần dẫn tới viết sai.

Ví dụ:

- + *rượu chè* viết thành *riệu chè*
- + *hươu nai* viết thành *hiêu nai*
- + *kính coong* viết thành *kính cong*

– Phát âm sai thanh điệu dẫn tới viết sai.

Ví dụ:

- + *mĩ mãn* viết thành *mỉ mãn*
- + *vui vẻ* viết thành *vui vễ*
- + *hỗ trợ* viết thành *hộ trợ*

– Phát âm sai các chữ cái của phụ âm cuối hoặc lẫn lộn giữa các chữ cái của nguyên âm giữa dẫn tới viết sai.

Ví dụ:

- + *phốp pháp* viết thành *phốp phát*
- + *tan tác* viết thành *tang tác*
- + *cái đuôi* viết thành *cái đui*

III. NGUYÊN TẮC CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT

Chữ Việt hiện đại được xây dựng trên cơ sở ghi âm. Vì vậy có thể nói nguyên tắc cơ bản của chính tả tiếng Việt là *nguyên tắc ngữ âm học*, nghĩa là phát âm như thế nào thì viết như thế nấy.

Tiếng Việt là thứ tiếng không biến hoá hình thái. Từ ở ngoài câu hay trong câu đều được đọc và viết giống nhau, không có sự khác biệt nào. Điều này làm cho chính tả tiếng Việt đã đơn giản lại càng trở nên đơn giản hơn, tiện lợi hơn đối với người sử dụng. Bởi vậy có thể nói rằng viết đúng chính tả tiếng Việt thực chất là viết đúng theo cách phát âm phổ biến của tiếng Việt dựa trên cơ sở ý nghĩa của từ.

Ví dụ:

– Khi ta nghe *lạc lõng* thì viết *lạc lõng* (không viết *nạc nõng*), khi ta nghe *dịu dàng* thì viết *dịu dàng* (không viết *dựu dàng*), khi ta nghe *uể oải* thì viết *uể oải* (không viết *uể ải*), khi ta nghe *no đói* thì viết *no đói* (không viết *lo đói*),... Vậy, viết đúng phân phụ âm đầu và phần vần của một tiếng là rất quan trọng.

– Khi ta nghe *dễ dãi* thì viết *dễ dãi* (không viết *dễ dải*), khi ta nghe *mỹ nữ* thì viết *mỹ nữ* (không viết *mỉ nữ*),... Vậy, viết đúng thanh điệu của một tiếng cũng là điều quan trọng của chính tả tiếng Việt.

IV. VIẾT ĐÚNG CHÍNH TẢ

A. ĐỐI VỚI CHỮ VIẾT THƯỜNG

Vì nguyên tắc chính tả tiếng Việt là nguyên tắc ngữ âm học cho nên để viết đúng chính tả, vấn đề chủ yếu là *nghe như thế nào thì viết như thế nấy*. Tuy vậy, trên thực tế để viết đúng chính tả, chúng ta có thể dựa vào một số cơ sở khác như:

1. Dựa vào quy tắc chính tả

Để viết đúng chính tả cần phải học thuộc một số quy tắc. Dưới đây là một số quy tắc cần nắm vững:

a) **nh** và **ng**

– Viết **nh** khi đứng trước các nguyên âm **i, ê, e**, ví dụ:

nhì hoặc, nghề nghiệp, nghe ngóng, nghiêng ngả,...

– Viết **ng** khi đứng trước các nguyên âm khác, ví dụ:

ngỡ ngàng, ngơ ngác, ngu tối, ngộ nguây, ngược mắt, ngắc ngứ,...

b) **gh** và **g**

– Viết **gh** khi đứng trước các nguyên âm **i, ê, e**, ví dụ:

ghi nhớ, gói ghém, bàn ghế, ghìm nén,...

– Viết **g** khi đứng trước các nguyên âm khác, ví dụ:

gà gô, lưng gù, gắm giữ, gò hàn, gờn gợn,...

c) **k, c** và **q**

– Viết **k** khi đứng trước các nguyên âm **i, ê, e**, ví dụ:

kín đáo, kim chỉ, kế hoạch, kể lễ, ê ke, cò kè, kiên trì, đao kiếm,...

- Viết **c** khi đứng trước các nguyên âm khác, ví dụ:
co giãn, cơ hội, cay cú, cá mè, mặc cả, cuộc xéng, cô giáo,...
- Viết **q** khi đứng trước âm đệm, ví dụ:
quân đội, quân ca, quản lí, quá quắt, quanh co, đặc quánh,...

d) Âm đệm

- Viết **o** khi đứng trước các nguyên âm **a, ă, e**, ví dụ:
hoan hô, hoán vị, hoạn nạn, hoen ố, xoén xoét, xoăn,...
- Viết **u** khi đứng trước các nguyên âm khác, ví dụ:
quán quýt, quân đội, lãng quên, tuần lễ,...

2. Dựa vào một số mẹo chính tả

a) Mẹo viết dấu hỏi (?) / ngã (~)

(1). Dùng mẹo "**Mình nên nhớ là viết dấu ngã**" để viết đúng hỏi ngã cho từ Hán Việt.

Đối với từ Hán Việt, nếu các tiếng bắt đầu bằng những phụ âm *m, n, nh, l, v, d, ng* (*ng*) thì viết dấu ngã (~). Điều này có nghĩa là khi gặp một từ Hán Việt, không biết viết dấu ngã hay hỏi thì ta sẽ viết ngã nếu từ đó có phụ âm đầu là: *m, n, nh, v, l, d, ng* (*ng*).

Ví dụ:

- Với **m**: *mẫu tử, mãi cảm, mĩ mĩn, mình mẫn, mẫn nguyện,.....*
- với **n**: *nỗ lực, truy nã, nữ tính, nữ công, noãn bào,...*
- Với **nh**: *nhẫn tâm, kiên nhẫn, nhãn hiệu, nhãn quan, nhiễm bệnh,...*
- Với **l**: *lão tướng, lễ phép, lỗ thời, lỗi lạc, lãn công, lãng tử, lễ nghi, truy lĩnh,...*
- Với **v**: *vững bền, vãng lai, vãn võ, vĩ nhân, uy vũ, võ công,...*
- Với **d**: *kiêu diễm, dũng mãnh, giáo dưỡng, dã sử, diểu võ, dữ kiện, dưỡng dục,...*
- Với **ng** (**ng**): *ngưỡng mộ, ngôn ngữ, ngữ hành, nghĩa khí,...*

Có thể dùng mẹo để nhớ các phụ âm đầu này: **mình (m) nên (n) nhớ (nh) là (l) viết (v) dấu (d) ngã (ng)**.

(2). Dùng mẹo "**Huyền ngã nặng, hỏi sao không sắc thuốc**" (Hay: **Chị Huyền mang nặng ngã đau, hỏi không sắc thuốc biết bao giờ lành**) để viết đúng dấu hỏi hay dấu ngã cho từ láy.

Đối với từ láy, các dấu thanh bao giờ cũng nằm cùng trong một nhóm:

huyền – ngã – nặng

không – hỏi – sắc

Theo mẹo này, trong từ láy, khi ta thấy còn băn khoăn không biết viết dấu hỏi hay ngã mà thấy tiếng kia đã là *không dấu* hoặc *dấu sắc* thì tiếng còn lại ắt phải là *dấu hỏi*.

Ví dụ:

- **Không – hỏi**: *run rẩy, lảng lơ, vợ vắn, nhỏ nhẹ, ủ ê,...*
- **Sắc – hỏi**: *mát mẻ, rả rích, gửi gắm, nhí nhảnh, ngổ ngáo,...*

Ngược lại, khi ta còn băn khoăn không biết viết dấu hỏi hay ngã mà thấy tiếng kia đã có dấu *huyền* hoặc *dấu nặng* thì tiếng còn lại ắt phải là *dấu ngã*.

Ví dụ:

– **Huyền – ngã**: *thần thờ, rõ ràng, âm ã, bì bõm, bầu bĩnh, đầy đà,...*

– **Nặng – ngã**: *quanh quẽ, rục rỡ, nũng nịu,...*

b) Mẹo viết phụ âm đầu **d/gi**

Sẽ viết **d** (mà không viết **gi**) khi đứng trước các vần *oa, oã, uâ, oe, uê, uy*.

Đối với từ Hán Việt, có thể dùng một số mẹo sau:

+ Dùng mẹo "**duỡng dục**" để viết **d**.

Nếu từ Hán Việt mang dấu *ngã (duỡng)* hoặc dấu *nặng (dục)* thì viết **d**. Ví dụ: *công diễn, dũng cảm, dĩ nhiên, dị dạng, dịch vụ, điện mạo,...*

– Dùng mẹo "**giảm giá**" để viết **gi**.

Nếu từ Hán Việt mang dấu *hỏi (giảm)* và dấu *sắc (giá)* thì viết **gi**. Ví dụ: *giảng văn, học giả, đơn giản, giả thuyết, gián tiếp, giá cả, giáo sinh, giới hạn,...*

c) Mẹo viết phụ âm đầu **ch/tr**

– Viết **ch** trong những trường hợp sau:

+ Từ chỉ quan hệ họ hàng, gia đình. Ví dụ: *cha, chú, chồng, chị, cháu, chắt, chít, chít.*

+ Từ chỉ đồ dùng thường gặp trong gia đình. Ví dụ: *chai, chảo, chậu, chõng, chum, chĩnh, chiếu, chăn, chổi, chày, chén.*

+ Từ chỉ ý phủ định. Ví dụ: *chưa, chẳng, chớ, chẳng.*

– Viết **tr** trong những trường hợp:

+ Từ chỉ ý không có sự che đậy. Ví dụ: *trần truồng, trống trải, trơ trọi, trần trụi, trùng trục, trống trơn, trọc lóc.*

+ Từ chỉ tính chất xấu. Ví dụ: *tráng tráo, trơ trẽn, trừng trộ, trợn trừng, trơ tráo, trơ trơ, tráo trợn.*

d) Mẹo viết phụ âm đầu **s / x**

– Viết **s** trong một số trường hợp sau:

+ Từ chỉ trạng thái tốt: *sáng suốt, sạch sẽ, sung sướng, sớm sửa, suôn sẻ, sốt sắng, sâu xa, sung túc,...*

+ Từ chỉ người, động vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng thiên nhiên. Ví dụ: *sư, sãi, sứ thần; sên, sáo, sò, sếu; sim, sung, súng, sấu, si; sọt, siêu, sợi (dây); sấm, sóng, sao, sông, suối.*

– Viết **x** trong một số trường hợp sau:

+ Từ chỉ tên thức ăn: *xôi, xúc xích, xá xíu, Lạp xưởng,...*

+ Từ chỉ sự nhỏ đi, sút đi hoặc teo đi: *xì, xẹp, xóp, nhỏ xíu,...*

e) Mẹo viết vần **ăc / ăt** và **ăng / ản**

– Từ có vần **ăc** thường có nghĩa là chỉ sự lung lay, dao động. Ví dụ: *lúc lắc, ngắc ngoải, ngắc ngư, lắc xắc, ngúc ngắc, cà nhắc, tán sắc,...*

– Từ có vần **ăt** thường có nghĩa là cắt nhỏ, tách rời hoặc tóm giữ vật gì đó. Ví dụ: *cắt, chặt, hắt, ngắt, bắt, lắt nhắt, thắt, chắt lọc.*

– Từ có vần **ăng** thường có nghĩa là thẳng ra... Ví dụ: *băng, phăng, lẳng, căng, thẳng, phăng,...*

– Từ có vần **ăn** thường chỉ sự cuộn tròn, không thẳng. Ví dụ: *quần, xoắn, xoắn, quăn, quăn, loăn xoắn, nhăn nhúm, nhăn nheo, ngoằn ngoèo.*

Ngoài các vần trên, còn có một số vần khác cũng rất dễ nhầm nhưng nhìn chung các vần đó chỉ xuất hiện hạn chế ở một số từ, vì vậy chúng ta cần thuộc lòng. Ví dụ: vần: *ươp, ươu, ưt, ưi, ưm,...*

B. ĐỐI VỚI CHỮ VIẾT HOA

1. Những trường hợp cần viết hoa

a) Viết hoa *tên riêng* của người, địa danh hoặc tên riêng của các tổ chức, các cơ quan đoàn thể.

Ví dụ:

Tóc này khác nào rừng dừa, lũy tre, ruộng lúa, bãi biển, khác nào những dòng sông Trà Khúc, Thu Bồn, những núi rừng Ba Tơ, An Khê, Kon Tum, Đắc Lắc.

(Anh Đức)

b) Viết hoa *chữ cái đứng đầu câu*:

– Sau dấu chấm.

Ví dụ:

Vào đêm trước ngày khai trường của con, mẹ không ngủ được. Một ngày kia, còn xa lắm, ngày đó con sẽ biết thế nào là không ngủ được. Còn bây giờ giấc ngủ đến với con dễ dàng như uống một li sữa, ăn một cái kẹo.

(Theo Lí Lan)

– Sau dấu chấm than, dấu chấm hỏi.

Ví dụ:

Hỡi ôi, lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết. Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn.

(Nam Cao)

– Sau dấu gạch đầu dòng bắt đầu một lời thoại.

Ví dụ:

Tí và Sửu đi qua một đám ruộng bí. Tí chợt trông thấy quả bí to, nói rằng:

– Chà! Quả bí đâu mà to như thế kia !

S Sửu có tính hay nói khoác, cười mà bảo:

– Thế đã lấy gì làm to. Tôi đã từng thấy những quả bí to hơn nhiều...

(Quốc văn giáo khoa thư)

c) Viết hoa *chữ cái đứng đầu một dòng thơ*.

Ví dụ:

*Đất nước mình đây
Hai mươi năm mưa, nắng, đêm, ngày
Hành quân không mỏi,
Sung sướng bao nhiêu: tôi là đồng đội*

Của những người đi, vô tận, hôm nay.

(Chính Hữu)

d) Viết hoa với dụng ý tu từ.

Ví dụ:

– Bàn tay con nắm tay **Cha**
Bàn tay **Bác** ấm vào da vào lòng

(Tố Hữu)

– *Bác là người **Ông**. Bác là người **Cha**. Bác là nhà thơ. Bác là nhà triết học. Hoà bình ta có thể vẽ **Bác** buông cần câu trên một dòng suối thời gian. Nhưng bây giờ dựng tượng **Người**, ta sẽ dựng tượng Hồ Chí Minh. Người du kích Hồ Chí Minh. Vị tướng Hồ Chí Minh. Vị Tư lệnh. Người chỉ huy...*

(Chế Lan Viên)

2. Cách viết hoa

a) Tên riêng Việt Nam và tên riêng nước ngoài phiên qua âm Hán Việt

– **Tên người**

Tên người Việt Nam (gồm cả họ kép, tên kép, bút danh, tên tự, tên hiệu): viết hoa chữ cái đầu của tất cả các âm tiết.

Ví dụ:

Tên đơn: *Thảo, Phương, Giang,...*

Tên kép: *Quý Thành, Quang Tuấn,...*

Tên tự, bút danh: *Tố Như, Thép Mới, Nam Cao, Tú Mỡ,...*

Họ kép + tên kép: *Trần Nguyễn Thuỷ Giang, Trần Hoàng Yến Hưng,...*

Họ + tên đơn: *Nguyễn Du, Lê Hoàn,...*

Họ + lót + tên đơn: *Nguyễn Văn Tùng, Nguyễn Thị Thảo,...*

Họ + tên kép: *Nguyễn Hoài Giang, Trần Hải Lâm,...*

Họ + lót + tên kép: *Phan Thị Thanh Nhàn, Trần Thị Yến Hưng,...*

Họ + tên hiệu: *Trần Hưng Đạo,...*

Tên người nước ngoài phiên qua âm Hán Việt: viết hoa như cách viết hoa tên riêng người Việt Nam. Ví dụ:

Mao Trạch Đông, Lí Quang Diệu, Đặng Tiểu Bình,...

Kha Luân Bố, Nã Phá Luân, Mã Khắc Tư, Tư Địa Lâm,...

– **Tên địa lí**

Viết hoa chữ cái đầu của tất cả các âm tiết.

Ví dụ:

Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định,...

Bình Trị Thiên, Hà Nam Ninh, Cao Bắc Lạng,...

Đèo Khế, Cửa Ông, Mũi Ngọc, Hòn Gai,...

Mạc Tư Khoa, Bắc Kinh, Hắc Hải,...

– **Tên cơ quan, đoàn thể, tổ chức...**

Viết hoa chữ cái đầu của âm tiết đầu tiên và các âm tiết đầu của các bộ phận tạo thành tên riêng (nếu có tên người, tên địa lí thì viết theo quy tắc viết tên người, tên địa lí Việt Nam ở trên).

Ví dụ:

Bộ Giáo dục và Đào tạo
Nhà xuất bản Giáo dục
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
Trường Tiểu học Chu Văn An
Hội Chữ thập đỏ thành phố Hà Nội
Nhà máy Cơ khí Gia Lâm
Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

b) Tên riêng nước ngoài

– Trường hợp phiên âm không qua âm Hán Việt (phiên âm trực tiếp, sát cách đọc): Đối với mỗi bộ phận tạo thành tên riêng, viết hoa chữ cái đầu và có gạch nối giữa các âm tiết (dấu gạch nối được viết sát vào hai chữ cái trước và sau nó, không có dấu cách).

Ví dụ:

Lô-mô-nô-xốp, Mát-xcơ-va, Bu-da-pét, Áp-ga-ni-xtan, In-đô-nê-xi-a,...

– Đối với tên tổ chức, cơ quan, đoàn thể nước ngoài: viết hoa theo quy tắc viết hoa tên cơ quan, tổ chức, đoàn thể Việt Nam (nếu có tên người hoặc tên địa lí thì viết hoa theo quy tắc tương ứng ở trên).

Ví dụ:

Viện Hàn lâm Khoa học Giáo dục Nga
Trường Đại học Tổng hợp Mát-xcơ-va mang tên Lô-mô-nô-xốp

C. ĐỐI VỚI CHỮ VIẾT TẮT

1. Dạng tắt

Dạng tắt là cách viết rút gọn của các từ ngữ (lưu ý: không được đọc như các từ thông thường).

Ví dụ:

H.T.X: đọc là hợp tác xã (không đọc *hờ tờ xờ*).

Đ.H.S.P: đọc là Đại học Sư phạm (không đọc là *đờ hờ sờ pờ*).

U.B.N.D: đọc là uỷ ban nhân dân (không đọc là *u bê ên dê*).

Trong dạng tắt lại có các cách ghi sau:

– Có thể ghi lại tất cả những chữ đầu của các tiếng.

Ví dụ:

T.T.X.V.N – Thông tấn xã Việt Nam.

Đ.H.T.H – Đại học Tổng hợp.

V.A.C. (có thể đọc là *vê a xê*) – vườn ao chuồng.

– Có thể chỉ ghi lại chữ đầu của tiếng thứ nhất trong từ nhiều tiếng. Ví dụ:

V.T.V (có thể đọc là *vê tê vê*) – Vô tuyến Truyền hình Việt Nam.

C.K.X (có thể đọc là *xê ca ích*) – chính trị, kinh tế, xã hội.

2. Từ tắt

Từ tắt là cách viết rút gọn của các từ ngữ sao cho có thể đọc được như những từ thông thường. Thông thường, từ tắt đó có đặc điểm cấu trúc như một âm tiết tiếng Việt.

Ví dụ:

VAC: Đọc là *vác* (vườn – ao – chuồng).

VIP (very important person): đọc là *víp* (nhân vật quan trọng).

Để thuận tiện cho việc phân biệt và sử dụng *dạng tắt* và *từ tắt*, chúng ta có thể đặt dấu chấm giữa các yếu tố tắt trong dạng tắt; còn giữa các yếu tố tắt trong từ tắt không cần dùng dấu chấm tách biệt từng yếu tố đó.

V. LUYỆN TẬP

1. Luyện viết ng / ngh, g / gh và âm đệm

Bài tập 1

Hãy giải thích vì sao các trường hợp dưới đây lại viết *ng / ngh*:

– *ngô, ngày, người, nga, ngân, ngủ, ngáy, ngon, ngoan, ngừng, ngưng, nguội, nguyên, nguyệt, nông, ngờ, ngát, ngậm, ngấm.*

– *nghệ, nghề, ghen, nghèo, nghênh, nghỉ, nghỉ, nghiêm, nghĩa, nghị, nghiên, nghìn, nghị, nghiệm số, nghĩa quân, nghị định, nghỉ tay.*

– *nghiệt ngã, nghiên ngập, nghịch ngợm, nghiêm ngặt, nghênh ngang, nghi ngờ, gốc, ghéch, nghề nông, nghi ngút, ghen ngào.*

Bài tập 2

Hãy giải thích vì sao các yếu tố dưới đây lại viết *g / gh*:

– *nhà ga, con gà, gạ gẫm, gả bán, gan góc, gác lửng, gạch hoa, gánh vác, gây gỗ, gáp gáp, gân gùi, gầy còm, gây chuyện, gầy gọn.*

– *dì ghẻ, ghe thuyền, ghen ghét, ghi chép, ghìm nén, ghi âm, ghé tựa, ghéch mõm, lấp ghép, ghi chặt, trêu ghẹo.*

Bài tập 3

Hãy giải thích vì sao âm đệm trong các chữ dưới đây khi viết *u*, khi lại viết *o*:

– *quân đội, quán quân, quăn queo, quê quán, quyết chiến, thuyền chuyển, quyền lợi, quấy quá, quý mến, quyền quý.*

– *loanh quanh, ngoay ngoáy, hân hoan, hoạn nạn, hoán vị, xoén xoét, xoắn xuýt, loằng ngoằng, ngoan ngoãn.*

Bài tập 4

Hãy giải thích vì sao các trường hợp dưới đây lại viết *c / k / q*:

– *ca hát, cái ca, con cò, chim cú, cách biệt, cách mạng, can đảm, cọ xát, cãi lộn, cạn chén, cạm bẫy, cao kiến, cung cấp.*

– *kè nhè, kẻ cả, kem que, kèm nhèm, kém cạnh, kèo nhèo, kẹo kệt, keo cú, kế thừa, kênh càng, kéch xù, kết thúc, kêu nài, kêu van.*

– *qua lại, quả tang, quá bán, quá chừng, quái ác, quái vật, quan hệ, quán triệt, quản lí, quang quẻ, quảng cáo, quạnh quẽ, quắc thước.*

2. Luyện viết tr / ch

Bài tập 1

Chữa lại những chữ viết sai *tr / ch* trong các từ ngữ dưới đây:

<i>chài lưới</i>	<i>chanh chấp</i>
<i>chống trái</i>	<i>chà chọn</i>
<i>chiến tranh</i>	<i>trong tróng</i>
<i>trung thủy</i>	<i>chấn giữ</i>
<i>chân thật</i>	<i>trù trừ</i>
<i>con chai</i>	<i>trách cứ</i>
<i>trẻ chung</i>	<i>trạnh lòng</i>
<i>trung cuộc</i>	<i>trình phu</i>
<i>trung thủy</i>	<i>chinh nữ</i>
<i>trà đạp</i>	<i>chưng dụn</i>

Bài tập 2

Điền *tr / ch* vào chỗ trống.

<i>thủy ...ung</i>	<i>trà ...ộn</i>
<i>...ọc phú</i>	<i>...à đạp</i>
<i>...ân tình</i>	<i>điểm ...ọng yếu</i>
<i>vượt ...ùng dương</i>	<i>con cá ...ắm</i>
<i>cái ...õng tre</i>	<i>...êu tức</i>
<i>...anh vẽ</i>	<i>...âm ọc</i>
<i>bán ...ịu</i>	<i>chân ...ừ</i>
<i>...ợ cấp khó khăn</i>	<i>...uyện ngắn</i>
<i>nặng ...ũ</i>	<i>đã ...úng tuyển</i>
<i>bao ...ùm</i>	<i>dây ...uyên</i>
<i>nói ...uyện</i>	

Bài tập 3

Với mỗi trường hợp dưới đây, tìm 10 chữ:

– Có mở đầu bằng: **tr**

– Có mở đầu bằng: **ch**

Bài tập 4

Đọc phân biệt *tr / ch* trong đoạn văn sau:

Trong sới chọi, đôi trâu khoẻ ngang sức đang lờ miếng, bỗng hai cặp sừng rập vào nhau phát ra một tiếng kêu chát chúa làm người xem chọi cả tai. Chúng quần nhau làm bụi cuốn mù mịt. Thật là một khát cân xứng. Bỗng con trâu Đồ Hải giở miếng "cáng". Con trâu Đồ Sơn chuyển thế đứng dọc, chân trước khuyu xuống đỡ đòn như

một võ sĩ nhà nghề lão luyện. Rồi nó trả đũa bằng một tiếng đánh tạt ngang hiểm hóc, mang lại kết quả bất ngờ là con Đô Hải bị toác đầu rất nặng. Giữa tiếng reo hò náo nhiệt của vòng người xem đông nghìn nghịt, con Đô Hải đã ở vào thế thua, muốn lảng ra. Nhưng con Đô Sơn chưa chịu buông, bổ tới chặn đường rút của đối thủ, lừa đối thủ vào sới chọi định tiếp tục đòn chí mạng.

(Đào Vũ)

3. Luyện viết l / n

Bài tập 1

Chữa lại những chữ viết sai l / n trong các từ ngữ dưới đây:

vùng lụt nội	lò lung vôi
không nói nên lời	lập lên
thật náo xược	trèo nên cây bưởi
no liệu cơm nước	liềm vui to nón
thật là đáng no sợ	lỗi niềm
lở ra cuộc tranh luận	lăm mươi ngày
lôn thốc lôn tháo	lương nhờ cửa Phật
đã lên người	

Bài tập 2

Điền n / l vào chỗ trống:

- trên những ...ẻo đường chiến tranh
- ...iên tiếp giành được thắng... ợi
- mua được miếng thịt ...ạc
- ăn ...ăn hối ...ổi
- làm ...ên sự nghiệp lớn
- vì thế cho ...ên

Bài tập 3

Với mỗi trường hợp dưới đây, tìm 10 chữ:

- Có mở đầu bằng: **l**
- Có mở đầu bằng: **n**

Bài tập 4

Đọc phân biệt l / n trong đoạn văn sau:

Dãy hàng lợn, người mua người bán phát vào tay nhau bèn bẹt để trả giá. Những con lợn nằm trong rọ, bị trói chặt bốn chân nằm tơ lơ trên mặt đất bẩn thỉu, những con nái sẽ phơi hai hàng vú như hai hàng khuy trên chiếc áo nhem nhuốc, những chú lợn con kêu ré lên như bị chọc tiết, tất cả cái đám súc vật thảm hại ấy chẳng phù hợp chút nào với không khí mua bán hừng hực, những giọng quát tháo, những bộ mặt đỏ gay với những đôi mắt lác lác. Nhưng cái thói quen mua bán lợn như vậy đã có hàng trăm năm nay rồi, ở chợ làng tôi cũng như ở các chợ khác trong toàn vùng đồng bằng, thành thử người ta cứ vậy mà theo, chẳng bao giờ nghĩ là nó cần thiết hay không. [...] Tôi ngắm nhìn không biết bao

nhieu cuộc mua bán nơi chợ làng và thấy rằng người đi chợ, cả người mua lẫn người bán, hai bên liền đeo lên cho mình một cái mặt nạ. Nhưng khi cuộc mà cả chấm dứt thì họ liền quăng ngay cái mặt nạ xuống đất và cười với nhau một cách hồn nhiên như những đứa trẻ. Thì ra, cái mặt nạ nào cũng vướng víu.

(Vũ Thư Hiên)

4. Luyện viết s / x

Bài tập 1

Chữa lại những chữ viết sai s / x trong các từ ngữ dưới đây:

<i>sé rách tờ giấy</i>	<i>tóc sũa trước trán</i>
<i>nâng cao năng xuất</i>	<i>xợi dây xích</i>
<i>đẩy mạnh suất khẩu</i>	<i>nói xen vào</i>
<i>dư luận xôn xao</i>	<i>quanh quẩn số nhà</i>
<i>xa cơ lỗ vận</i>	<i>ăn gió nằm xương</i>
<i>thật là xáng dạ</i>	<i>con chim xáo</i>
<i>ngã xấp mặt</i>	<i>xóng to gió lớn</i>
<i>sức khỏe xuy xụp</i>	

Bài tập 2

Điền s / x vào chỗ trống.

- không nên ...oi mới chuyện của người khác
- gây ...ích mích là không tốt
- bị thua lỗ ...iếng liếng
- đừng đùa cợt bôm ...om
- không ...ờ vào hiện vật
- những suy nghĩ thật ...ắc ...áo
- thấy ...ao ...uyến trong lòng

Bài tập 3

Với mỗi trường hợp dưới đây, tìm 10 chữ:

- Có mở đầu bằng: s
- Có mở đầu bằng: x

Bài tập 4

Đọc phân biệt s / x trong đoạn văn sau:

*Các em, hôm qua chúng ta viết bài làm văn: **Tan học về**. Bài lần này kết quả ra sao? Chúng ta xem xét hai con số sau sẽ rõ. Lớp chúng ta có 50 người, viết về việc tan học về dọc đường đã quên mình nhảy xuống nước cứu em bé chẳng may bị sa chân ngã có tới 20 người, viết về việc nhặt được túi tiền nộp cho công an có tới 21 người. Các em hãy xem, làm gì có tới chừng ấy em bé nhằm vào lúc tan học về để ngã xuống nước cho các em xông vào cứu? Dọc đường làm gì có ngân ấy túi tiền cho các em cúi xuống nhặt? Thầy sống bằng này tuổi rồi mà trên đường đến trường hay về nhà, sao chẳng có được cái may mắn như các em, không một lần nhặt được túi tiền?*

5. Luyện viết *r / d / gi*

Bài tập 1

Chữa lại những chữ viết sai *r / d / gi* trong các từ ngữ dưới đây:

<i>dác dưới bờ bãi</i>	<i>trống rong cờ mở</i>
<i>vấn đề thật rắc đối</i>	<i>củ giông giềng</i>
<i>đối như tơ vò</i>	<i>tiếng trống róng đá</i>
<i>tự nguyện tự dác</i>	<i>che dấu tội lỗi</i>
<i>dọng nói riu ràng</i>	<i>không nên dấu điểm</i>
<i>dành cho trẻ em</i>	<i>để rành để rụm</i>
<i>tranh dành đất đai</i>	<i>con dun đất</i>
<i>phận trời dun dủi</i>	

Bài tập 2

Điền *r / d / gi* vào chỗ trống.

- con ...un xéo lắ*m* cũng quầ*n*
- ðừng có mà ...ây ðư*a*
- xui nguyên ...ụ*c* bị
- thúc ...ụ*c* mọi người ði nhanh
- ...út ...ây ðộng rừ*ng*
- người nào cũng rét ... un cầ*m* cậ*p*

Bài tập 3

Với mỗi trường hợp dưới đây, tìm 10 chữ:

- Có mở đầu bằng: **r**
- Có mở đầu bằng: **d**
- Có mở đầu bằng: **gi**

Bài tập 4

Đặt câu với từng từ cho sẵn dưới đây:

- rò, dò, giò
- rong, dong, giông
- rương, dương, giương

Bài tập 5

Đọc phân biệt *r / d / gi* trong đoạn văn sau:

*Gió bắt đầu thổi mạnh. Bỗng cơn dông ùn ùn thốc tới. Mây ở đâu từ dưới rừng xa ðùn lên ðen sì như núi, bao trùm gần kín cả bầu trời. Gió thổi ngày càng mạnh, ầm ầm ù ù. Cây ða cổ thụ, cành lá rậm xum xoà ðang quầ*n* lên vạt xuống. Trời mỗi lúc một tối sầm lại. Vũ trụ quay cuồng trong cơn gió mãnh liệt. Những tia chớp xé rạch bầu trời ðen kịt, phát ra những tiếng nổ kinh thiên ðộng ðịa.*

(Đoàn Giỏi)

Bài tập 6

Tìm 10 từ trong đó có tiếng:

– gia (ví dụ: gia đình)

– ra (ví dụ: ra vào)

– da (ví dụ: da thịt)

6. Luyện viết các vần khó

Bài tập 1

Chữa lại các chữ viết sai trong những từ ngữ dưới đây:

<i>bệnh tình thuận giảm</i>	<i>chữ viết nguệch ngoạc</i>
<i>vịt kêu quang quác</i>	<i>que củi cong qeo</i>
<i>quanh co khúc khủ</i>	<i>huyền hoang khoác lác</i>
<i>ăn nói huên thuyên</i>	<i>cười nói ngoen ngoẻn</i>
<i>chữ viết nguệch ngoặc</i>	<i>đường đi ngoành ngoèò</i>
<i>đầu óc chuyển chuang</i>	<i>khuyếch chương thanh thế</i>

Bài tập 2

Hãy tìm:

– 10 từ có vần *uyên*.

– 10 từ có vần *uyêt*.

– 10 từ có vần *ươc*.

– 10 từ có vần *ươt*.

– 10 từ có vần *oăn*.

– 10 từ có vần *oắt*.

– 10 từ có vần *ươi*.

– 10 từ có vần *ươu*.

– 10 từ có vần *oac*.

– 10 từ có vần *oat*.

Bài tập 3

Điền từ thích hợp vào chỗ trống.

– Mặt nhìn mặt càng thêm tươi

Bên lời vạn phúc bên lời hàn....

– Hài vẫn lân bước dặm xanh,

Một vùng như thể cây..... cành dao

– Cửa ngoài vội rủ rèm the

Xăm xăm băng lối vườn một mình

– Nhật thừa gương giọt đầu cành,

Ngọn đèn trông lọt trướng huỳnh hắt.....

– Đoạn trường thay lúc phân kì !

Vó câu khấp bánh xe gập.....

Bài tập 4

Điền vần thích hợp vào chỗ trống.

gà kêu quang q....

dốt đ... cán mai

bắn kh... lo lắng

chạy loăng q...

t... đất, t... vàng

kh... trương thanh thế

con đường khúc kh...

thắt lưng b... bụng

chạy cuống c...

no ph... bụng

đau q... bụng

cành lá xum x...

làm lưng quần q...

lam lũ q... năm

ướt lướt th...

không chịu q... gối

chóp loăng ng...

mặt mũi lem l...

say lướt kh...

r... chè be bát

Bài tập 5

Trong số những từ dưới đây, hãy gạch chân những từ viết sai vần:

con mương – tấm gương – tương trái – say khước – tóm lướt – ngọt đãi – rắn nứt – hoa thướt dượt – cái phướng – phưỡng phệ – sóng buồn tuông – quét liệt – trân tráo – xanh biêng biết – khóc lóc thống thiếc – ngắt nguểu – nguyệt ngoạch – dai ngoắt – bước ngoạch – ăn nói quá quách – xây dựng thành quách – dáng linh khuyính – con ngoá ộp – hũ riêu – nằm sóng sược – rác rườu – ngúng ngoẩy

Bài tập 6

Hãy đọc rồi viết lại đúng các tiếng dưới đây:

– **ăng**: *băng, cắng, chắng, ngoằng, nhằng, rằng, quắng, vắng, quặng, rặng.*

– **ăp**: *chắp, cắp, nhắp, quắp, cắp, quắp, đắp, ắp, tắp, thắp.*

– **ăt**: *bắtt, cắtt, oắtt, phắtt, vắtt, chắtt, ngắtt, ngoắtt, vắtt, ngắtt, oắtt, thoắtt, khắtt.*

– **âc**: *bắcc, cắcc, gắcc, nắcc, ngắcc, tắcc, xắcc, bắcc, chắcc, giắcc, nhắcc.*

– **oong**: *loong koong, kính koong, ba toong, nôi soong, choòng.*

– **ooc**: *coóc, moóc, soóc, phoóc.*

– **uop**: *cướp, mướp, tướp, chướp, nướp.*

– **uou**: *hươu, bướu, khươu, rươu.*

7. Luyện viết dấu thanh và viết hoa đúng quy tắc

Bài tập 1

Hãy đánh thanh hỏi (?) / thanh ngã (~) vào các tiếng sau sao cho phù hợp nghĩa:

mi man

đại biểu

từ ngư

sắc sao

ngheñh ngẫng

đung đĩnh

san se

bụ bâm

cu nát

trai tre

lõng bong

cửa ngõ

chậm trê

bao tấp

đình đạc

trong treo

đằng dặng

đơ đầu

trống trai

bây chuột

tục ngư

<i>đur dôi</i>	<i>lồm bom</i>	<i>chính phu</i>
<i>bừa bai</i>	<i>cống ranh</i>	<i>phô thông</i>
<i>bầu binh</i>	<i>hoa bươi</i>	<i>nghiêng nga</i>

Bài tập 2

Điền tiếng thích hợp vào chỗ trống.

- Vừa chạy đã thở ... hển
- không được ăn chơi phè ...
- chỉ nghe được ... bồm
- đôi bủn ... cả chân tay
- đi đứng trông thất ...
- con lợn béo mũm ...
- ngã ... người ra
- được nhận giải ...

Bài tập 3

Hãy giải thích các trường hợp được viết hoa dưới đây:

*Doanh trại bình lên hội đuốc hoa,
Kìa em xiêm áo tự bao giờ,
Khèn lên man điệu nàng e ấp,
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ.
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy,
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ.*

(Quang Dũng)

Bài tập 4

Hãy giải thích những trường hợp viết hoa được dùng trong đoạn thơ sau:

*Vui sao một sáng tháng Năm
Đường về Việt Bắc lên thăm Bác Hồ.
Suối dài xanh mát nương ngô
Bốn phương lồng lộng Thủ đô gió ngàn.
Bác kêu con đến bên bàn
Bác ngồi Bác viết nhà sàn đơn sơ.*

(Tố Hữu)

Bài tập 5

Chữa lại những trường hợp viết hoa không đúng:

- Lê hồng Phong, Trần Phú, Nguyễn văn Huyền, Lê Thánh tông, Quang Trung, Hưng đạo vương.
- Các mác; Ăng-Ghen; Giu-li-út Phu-xích
- Hà Nội, Đà nẵng, Hải Phòng, Nha trang, Cần thơ, An Giang.
- Mạc-Tư-Khoa, Bắc Kinh, Plây-Cu, In Đô Nê Xi A.

Bài tập 6

Chữa lại những trường hợp viết hoa không đúng quy tắc.

- *Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà*
- *quốc hội nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa*
- *Bộ Giao thông vận tải*
- *Viện khoa học Công nghệ và Môi trường*
- *Viện Nghiên cứu Máy*
- *Trường Tiểu học Đống Đa*
- *Trường phổ thông trung học Chu văn An*
- *Xí nghiệp đóng tàu bạch đằng*
- *Công ti trách nhiệm hữu hạn Trần Phương*
- *Hội Phụ nữ Việt Nam*
- *Hội sinh viên Việt Nam*
- *Trường đại học Sư Phạm mang tên Lê Nin*
- *Trường đại học Nông nghiệp Hô-xê Mác-ti*

PHẦN HAI

LUYỆN KỸ NĂNG DÙNG TỪ

I. TỪ VÀ TỪ VỤNG TIẾNG VIỆT

1. Từ tiếng Việt

Từ là đơn vị cơ bản của ngôn ngữ, là vật liệu chủ yếu để tạo câu, để xây dựng lời nói.

Từ là một tín hiệu ngôn ngữ bao gồm hai mặt: mặt *hình thức* (âm thanh, chữ viết) và mặt *nội dung* (nghĩa, ý nghĩa). Từ có tính độc lập về mặt ngữ pháp, nghĩa là từ có thể hoạt động độc lập trong câu. Từ được sử dụng một cách nguyên vẹn, hoàn chỉnh trong mọi lời nói khác nhau. Từ là một đơn vị có sẵn trong ngôn ngữ.

Ví dụ, từ *mặt trời* được dùng nguyên vẹn, hoàn chỉnh, không thay đổi trong những cấu tạo câu khác nhau:

– Ngày ngày **mặt trời** đi qua trên lăng
Thấy một **mặt trời** trong lăng rất đỏ.

(Viễn Phương)

– **Mặt trời** đến mỗi ngày như khách lạ
Gặp mỗi mặt người đều muốn ghé môi hôn

(Chế Lan Viên)

– **Mặt trời** của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng

(Nguyễn Khoa Điềm)

– Kìa **mặt trời** Nga bùng chói ở phương Đông
Cây cay đắng đã ra mùa quả ngọt

(Chế Lan Viên)

a) Xét về mặt *cấu tạo*, tiếng Việt có từ *đơn* và từ *phức*. Trong từ phức lại chia nhỏ ra thành từ *ghép* và từ *láy*.

Ví dụ:

– nhà, cửa, cây, hoa, quả: từ *đơn*.

– học sinh, thầy giáo, ăn nói, tốt đẹp, long lanh, nhí nhảnh, lơ mơ: từ *phức*.

Trong số các từ phức này, ta lại có thể chia ra:

+ học sinh, thầy giáo, ăn nói, tốt đẹp: từ phức *ghép*, gọi tắt là từ *ghép*.

+ long lanh, nhí nhảnh, lơ mơ: từ phức *láy*, gọi tắt là từ *láy*.

b) Xét về mặt *số lượng nghĩa*, từ được chia thành từ *một nghĩa* và từ *nhiều nghĩa*. Trong từ nhiều nghĩa lại chia ra thành *nghĩa chính* và *nghĩa chuyển*.

Ví dụ:

– bàn, xe đạp: từ *một nghĩa*.

– ăn, chín: từ *nhiều nghĩa*.

Từ *chín* có một số nghĩa như sau:

- (1). (*quả, hạt, hoặc hoa*) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngon ngọt.
- (2). (*thức ăn*) nấu nướng đến mức ăn được.
- (3). (*sự suy nghĩ*) ở mức đầy đủ để có thể hành động có hiệu quả.
- (4). (*màu da mặt*) đỏ ửng lên.

Trong những nghĩa này, nghĩa (1) được gọi là *nghĩa chính*. Đó là nghĩa xuất hiện đầu tiên của từ. Những nghĩa (2), (3), (4) còn lại là những *nghĩa chuyển*. Đó là những nghĩa xuất hiện sau nghĩa chính.

c) Xét về mặt *quan hệ âm và nghĩa*, từ được chia thành: từ *đồng âm*, từ *đồng nghĩa*, từ *trái nghĩa*.

Ví dụ:

- đá (hòn đá), đá (đá bóng): *đồng âm*.
- hổ, beo, hùm, chúa sơn lâm: *đồng nghĩa*.
- tốt / xấu, nóng / lạnh, khóc / cười, sống / chết: *trái nghĩa*.

d) Xét về mặt *nguồn gốc*, từ được chia thành từ *thuần Việt* và từ *mượn*.

Ví dụ:

- nghèo, khoẻ, túng, sông, núi: *từ thuần Việt*
- quốc ca, thủy triều, gia sư, mít tinh, bôn sê vích, xà phòng: *từ mượn*.

Những yếu tố Hán được mượn dùng trong tiếng Việt gọi là từ Hán Việt.

e) Xét về mặt *phạm vi sử dụng*, từ được chia thành từ *toàn dân* và từ *địa phương*.

Ví dụ:

- nhà, cửa, trâu, bò, lợn, gà, bát, chén, ra, vào, lên, xuống: *từ toàn dân*.
- heo, hộp quẹt, li, vô rúa: *từ địa phương*.

g) Xét về mặt *phong cách*, từ được chia ra thành từ *đơn phong cách* và từ *đa phong cách*.

Ví dụ:

- phương trình, ẩn số, đại lượng, tích phân, vi phân: *từ đơn phong cách*.
- giường, tủ, vườn, cây; suy nghĩ, hành động; tốt, xấu: *từ đa phong cách*.

Để có kỹ năng sử dụng từ, ta không thể không biết tới những hiểu biết trên đây.

2. Từ vựng tiếng Việt

Từ và các đơn vị tương đương với từ lập thành kho từ vựng của một ngôn ngữ. Các đơn vị tương đương với từ gồm: *thành ngữ* và *quán ngữ*.

– *Thành ngữ* là những tập hợp từ mang tính cố định, tạo thành một chỉnh thể, có ý nghĩa chung khác với nghĩa của từng yếu tố tạo thành và hoạt động như một từ riêng biệt ở trong câu.

Ví dụ:

+ *Chúng nó lâu nay xa nhà, buồn mồm buồn miệng, nói năng lém tém, nghe nó thì **đổ thóc giống ra mà ăn đấy ạ**.*

(Nguyễn Thị Ngọc Tú)

+ Có một số người khác vì không muốn bị phản ứng nên cũng giữ thái độ **mũ ni che tai** không đấu tranh mà cũng không ủng hộ, bảo vệ người đấu tranh.

(Báo Tiền phong, số 2426)

– Quán ngữ là những tập hợp từ được quen dùng trong nói, viết hàng ngày nên phần nào đó đã mang tính cố định. So với thành ngữ, tính cố định của quán ngữ không cao và nghĩa của quán ngữ có thể coi là nghĩa của tổng các yếu tố hợp thành quán ngữ đó.

Ví dụ:

+ Chúc lên đường gặp nhiều may mắn.

+ Xin thân ái chào tạm biệt các bạn.

+ Xin cảm ơn quý vị đã chú ý lắng nghe.

Bên cạnh những hiểu biết về từ, hiểu rõ về thành ngữ và quán ngữ cũng giúp chúng ta có điều kiện rèn luyện kỹ năng nói, viết tốt những đơn vị tương đương với từ trong hoạt động giao tiếp.

3. Luyện tập

Bài tập 1

Hãy gạch dưới những từ láy và nói rõ tác dụng của chúng trong đoạn thơ sau:

*Thanh minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh.
Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân,
Đập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.
Ngổn ngang gò đống kéo lên,
Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay.
Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nấm đất bên đàng
Dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Bài tập 2

Nêu sự khác nhau của các cặp từ dưới đây và đặt câu với chúng:

– học / học hành

– chơi / chơi bời

– nhà / nhà cửa

– xe / xe pháo

- *đẹp / đẹp đẽ*
- *xinh / xinh xắn*
- *làm / làm lung*

Bài tập 3

Tim những từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa với các từ sau:

- *ngĩ* (ví dụ: *ngĩ ngợi, cân nhắc,...*)
- *mang* (ví dụ: *đem, xách, địu,...*)
- *chết* (ví dụ: *tử, từ trần,...*)
- *riêng* (ví dụ: *cá nhân,...*)
- *bọc* (ví dụ: *đùm, bao,...*)
- *bạn* (ví dụ: *bạn bè, bầu bạn,...*)
- *khổ sở* (ví dụ: *đau khổ, khổ cực,...*)
- *rách* (ví dụ: *rách nát, nát bươm,...*)
- *hèn* (ví dụ: *hèn mọn, hèn hạ,...*)

Bài tập 4

Hãy xác định xem từ nào phù hợp với nghĩa nêu bên dưới:

kế tục, kế nghiệp, kế tự, kế thừa, kế cận, kế toán

- a) Nối dõi.
- b) Tính toán, ghi chép tình hình tăng giảm của vốn và tình hình thu chi trong một xí nghiệp, một cơ quan.
- c) Tiếp tục sự nghiệp của cha ông để lại.
- d) Thừa hưởng, giữ gìn và tiếp tục phát huy (cái có giá trị tinh thần).
- e) Ở vị trí công tác liền ngay sau lớp người trước, có thể sẽ thay thế lớp người trước.
- g) Làm tiếp, thực hiện tiếp phần công việc người trước đã làm cho khỏi bị đứt quãng.

Bài tập 5

Với mỗi nội dung dưới đây, hãy tìm một từ phù hợp nhất:

- *Có tinh thần quên mình vì việc nghĩa, cứu giúp người khi họ gặp khó khăn, hoạn nạn.*
- *Việc làm, hành động vì nghĩa.*
- *Chí khí của người làm việc nghĩa.*

Bài tập 6

Với mỗi nghĩa của các từ nhiều nghĩa dưới đây hãy đặt một câu:

- a) *Tránh*
 - Tự dời chỗ sang một bên để khỏi làm vướng nhau, khỏi va vào nhau.
 - Bằng biện pháp chủ động, làm cho mình khỏi phải tiếp xúc hoặc khỏi phải chịu tác động trực tiếp của cái gì đó không hay, không thích.
 - Tự giữ không làm điều gì đó.
- b) *Quay*

– Chuyển động hoặc làm cho chuyển động quanh một trục hay một điểm ở trung tâm một cách đều đều, liên tục.

– Chuyển tiếp sang hoạt động khác, việc khác.

– Sử dụng tiền bạc, phương tiện sản xuất vào việc này tiếp luôn vào việc khác.

– Hối vắn vẹo, cặn kẽ.

c) *Giật*

– Làm cho rời ra, cho di chuyển một quãng ngắn bằng một động tác nhanh, gọn.

– Chuyển động đột ngột một cái rồi trở lại ngay vị trí cũ.

– Giành lấy được về cho mình bằng sự nỗ lực, cố gắng.

– Vay trong thời hạn ngắn.

d) *Mất*

– Không còn thuộc về mình nữa.

– Không có ở mình nữa.

– Thời gian, công sức, tiền của dùng vào việc gì đó.

– Không còn sống nữa.

e) *Sang*

– Di chuyển đến một nơi nào đó thường gần nhà mình đang ở.

– Chuyển qua một giai đoạn khác, một trạng thái khác trong quá trình vận động.

– Chuyển cho người khác quyền sở hữu.

Bài tập 7

Hãy dùng các từ *cái, quyển, con, chiếc, đôi, tờ, pho, bức, nỗi, niềm, cơn, giấc, trận, lá* để điền vào chỗ trống cho phù hợp:

... <i>vui</i>	... <i>mưa</i>	... <i>bàn</i>
... <i>buồn</i>	... <i>vui</i>	... <i>máy bay</i>
... <i>giấy</i>	... <i>sung sướng</i>	... <i>sông</i>
... <i>sách</i>	... <i>thuyền</i>	... <i>tem</i>
... <i>guốc</i>	... <i>cá</i>	... <i>thư</i>
... <i>cặp</i>	... <i>tượng</i>	... <i>cờ</i>
... <i>ác mộng</i>	... <i>tường</i>	... <i>xe</i>
... <i>mơ</i>	... <i>kéo</i>	... <i>lịch</i>

Bài tập 8

Hãy gạch dưới những từ mượn có trong đoạn trích:

... *Chỉ cần có đầu vi-đi-ô, dàn âm li và mi-crô là có thể hát được ka-ra-ô-kê. Người chơi cầm mi-crô và hát theo các bài hát có nhạc đệm. Băng ka-ra-ô-kê có lồng hình các ca sĩ và phong cảnh để hấp dẫn người chơi. Nếu như ở Nhật Bản, ka-ra-ô-kê chỉ là trò chơi trong gia đình thì ở Việt Nam, ka-ra-ô-kê đã và đang được sử dụng làm trò chơi đại chúng.*

(Xuân Nguyễn)

Bài tập 9

Gạch dưới những từ Hán Việt có trong những đoạn trích dưới đây:

– *Đối với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút, viết văn là một thiên chức. Và Nguyễn Đình Chiểu trọng chức trách của mình chừng nào thì càng khinh miệt bọn lợi dụng văn chương để làm việc phi nghĩa chừng nấy.*

(Phạm Văn Đồng)

– *Sông Đà khai sinh ở huyện Cảnh Đông tỉnh Vân Nam, lấy tên là Li Tiên mà đi qua một vùng núi ác, rồi đến gần nửa đường thì xin nhập quốc tịch Việt Nam, trưởng thành mãi lên và đến ngã ba Trung Hà thì chan hoà vào sông Hồng. Từ biên giới Trung – Việt tới ngã ba Trung Hà là 500 cây số lượn rồng rắn, và tính toàn thân sông Đà thì chiều dài là 888 nghìn thước mét.*

(Nguyễn Tuân)

Bài tập 10

Những từ nào trong các câu dưới đây là từ địa phương:

- *Trời ơi, em biết khi mô*
- *Răng không cô gái trên sông?*
- *O du kích nhỏ giương cao súng*
- *Ai vô đó với đồng bào đồng chí*

Bài tập 11

Hãy gạch dưới những từ đơn phong cách trong hai đoạn văn dưới đây:

– *Điện hồ tức là một phần của dòng điện đi theo dây nguội xuống đất, mà không chạy vào các đồ điện theo yêu cầu của ta, cũng chẳng khác nào ống dẫn nước bị rò rỉ vậy. Bạn có muốn xem điện chạy thế nào không? Xin mời bạn cùng làm thí nghiệm.*

– *Cơ chế thị trường đòi hỏi phải hình thành một môi trường cạnh tranh lành mạnh, hợp pháp, văn minh. Cạnh tranh vì lợi ích phát triển đất nước, chứ không phải làm phá sản hàng loạt, lãng phí các nguồn lực, thôn tính lẫn nhau. Thực hiện đúng chức năng quản lí Nhà nước. Tôn trọng và phát huy đầy đủ quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp trong cơ chế thị trường.*

Bài tập 12

Gạch dưới các thành ngữ có trong đoạn trích sau:

Có một bà già kia lười lao động, chỉ quanh quẩn ở nhà, con cà con kê, sinh lắm chuyện. Bà thóc mách, bới lông tìm vết, đơm đặt chuyện nọ, chuyện kia, gây xích mích với bà con làng xóm.

(Báo Nhân dân)

Bài tập 13

Gạch dưới các thành ngữ, tục ngữ có trong những câu thơ dưới đây trích từ *Truyện Kiều*:

- *Hổ sinh ra phận thơ đào,*
Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong.
- *Hổ môi ra cũng thẹn thùng,*

Để lòng thì phụ tấm lòng với ai.
 – Ngày xuân em hãy còn dài,
 Xót tình máu mủ thay lời nước non.
 Chị dù thịt nát xương mòn,
 Ngậm cười chín tuổi hãy còn thơm lây.
 – Thôi con còn nói chi con,
 Sống nhờ đất khách thác chôn quê người
 – Con kia đã bán cho ta,
 Nhập gia phải cứ phép nhà tao đây.
 – Lâu xanh có mẹ Tú Bà,
 Làng chơi đã trở về già hết duyên.
 Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
 Mặt cưa mướp đắng đôi bên một phùng.
 – Khéo là mận dạn mào dày,
 Kiếp người đã đến thế này thì thôi !
 Thương thay thân phận lạc loài,
 Dầu sao cũng ở tay người biết sao?
 Lâu xanh mới rủ trướng đào,
 Càng treo giá ngọc càng cao phẩm người.
 Biết bao bướm lả ong lơ,
 Cuộc say đây thán trận cười suốt đêm.
 Dập dùi lá gió cành chim,
 Sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Trường Khanh.
 Khi tỉnh rượu lúc tàn canh,
 Giật mình mình lại thương mình xót xa.
 Khi sao phong gấm rủ là,
 Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.
 Mặt sao dày gió dạn sương,
 Thân sao bướm chán ong chường bấy thân !

II . NHỮNG YÊU CẦU CHUNG CỦA VIỆC DÙNG TỪ

Hằng ngày, chúng ta thường nhắc nhau cần phải dùng từ cho giản dị, trong sáng, dễ hiểu và tránh dùng tràn lan những từ Hán Việt, gây khó khăn cho người đọc, người nghe. Hay nói một cách khác, khi nói và viết, chúng ta cần phải dùng từ thế nào cho ai cũng có thể hiểu được. Vậy yêu cầu cơ bản của việc dùng từ là phải dùng **đúng**: đúng âm thanh, đúng ý nghĩa, đúng quy tắc ngữ pháp, đúng phong cách ngôn ngữ (nói, viết).

1. Dùng từ phải đúng âm thanh, đúng ý nghĩa

Từ bao giờ cũng có hai mặt, âm thanh và ý nghĩa. Âm thanh và ý nghĩa như thế nào là do xã hội, do người sử dụng quy định. Khi nói và viết, chúng ta phải tuân theo những quy định mang tính xã hội đó. Muốn dùng theo ý nghĩa này nhưng chúng ta lại dùng hình thức ngữ âm khác, tất yếu sẽ dẫn đến chỗ dùng sai âm thanh, sai ý nghĩa của từ.

Ví dụ:

Dùng từ đúng

khẳng định
bản (tuyên ngôn)
xán lạn
tinh tế
bôn ba
thuỷ mặc
cảm khái
tâm khảm

Dùng từ sai

kháng định
bảng (tuyên ngôn)
sán lạn
tinh túy
buôn ba
thuỷ mặc
cảm khoái
tâm cảm

Từ dùng trong khi nói, viết được coi là đúng nghĩa phải thể hiện được:

– Đúng nội dung thực tế khách quan cần biểu thị.

– Đúng tư tưởng, tình cảm, thái độ đối với người nghe, người đọc và đối với chính hiện thực được đề cập tới trong lời nói.

Ví dụ: Trong cuộc họp tổ hôm nay, chị Lan đã **đề đạt** một ý kiến rất hay góp phần vào việc xây dựng tổ ta thành tổ tiên tiến.

Câu này dùng sai từ *đề đạt*. Ở đây, người viết muốn thể hiện nội dung đưa ra, nêu ra một vấn đề để xem xét nhưng lại dùng từ *đề đạt* nên câu này lại được hiểu là đã trình ý kiến, nguyện vọng lên cấp trên để cấp trên xem xét giải quyết. Hiểu như vậy không đúng với nội dung hiện thực khách quan cần biểu thị, vì thế phải thay từ *đề đạt* bằng *đề xuất* mới phù hợp.

Hoặc câu dưới đây cũng là câu dùng sai từ:

*Bọn giặc đã cầm cự rất **dũng mãnh**, nhất định không chịu rút lui.*

Câu này dùng từ *dũng mãnh* là sai, không phù hợp với thái độ, tình cảm của người viết đối với chính hiện thực được trình bày. Bởi vì tính chất *dũng mãnh* chỉ dùng cho những người có sức mạnh về thể chất và tinh thần trên hẳn mức bình thường, thể hiện bằng khí thế mạnh mẽ trong hành động, không sức chống đối nào có thể cản trở nổi. Bọn giặc thì không thể là người có tính chất như vậy. Ở đây phải thay từ *dũng mãnh* bằng *điên cuồng* mới phù hợp.

Việc dùng từ sai có nhiều nguyên nhân. Tuy vậy có thể thấy, việc dùng sai âm của từ thường là do người sử dụng không nắm thật chắc hình thức ngữ âm, nghe âm này lại chệch sang âm khác, hoặc vì các âm gần nhau nên lẫn lộn, không phân biệt được. Còn việc dùng sai nghĩa của từ thường do người sử dụng không hiểu biết, không hiểu kĩ hoặc chỉ hiểu một cách lảng máng, lơ mờ nghĩa của từ mà đã vội dùng.

Ví dụ:

– Nguyễn Đình Chiểu đã được tận mắt **chứng thực** bao cảnh chém giết tàn bạo của thực dân Pháp.

(Lẽ ra phải dùng từ *chứng kiến* thay cho *chứng thực*).

– Thuý Kiều là người con gái có tài, có sắc nhưng lại là người **bạc mạng**, sống **phiêu bạt** nơi chân trời góc biển.

(Lẽ ra phải dùng từ *bạc mệnh* thay cho *bạc mạng*, từ *phiêu bạt* thay cho *phiêu bạc*.)

– Từ ngày được giác ngộ cách mạng rồi đi theo cách mạng, anh ấy luôn luôn giữ một lập trường **trong sạch**.

(Lẽ ra phải dùng từ *kiên định* thay cho *trong sạch*.)

– Chúng ta cần phải **luyện ái**, đoàn kết với nhau.

(Lẽ ra phải dùng từ *thân ái* thay cho *luyện ái*.)

Để tránh việc mắc những lỗi như trên, khi muốn dùng một từ nào, ta cần phải nắm thật chắc hình thức ngữ âm và hiểu thật kỹ ý nghĩa của từ đó. Một từ ta chưa hiểu chính xác về âm, chưa hiểu thật rõ ràng về nghĩa thì dứt khoát chưa nên dùng từ đó.

2. Dùng từ phải đúng quy tắc ngữ pháp

Tiếng Việt bao gồm nhiều từ loại khác nhau. Mỗi từ loại lại có những đặc điểm ngữ pháp riêng thể hiện ở nội dung nghĩa và khả năng kết hợp giữa từ đó với các từ khác. Khi tạo câu, có từ kết hợp được với số từ, có từ không; có từ kết hợp được với *rất*, *lắm*, có từ không; có từ cần phải có bổ ngữ trực tiếp, có từ không,...

Ví dụ:

Chỉ nói

– mua **ba** lạng thịt

– **lắm** sách

– hai **gói** xôi đậu xanh

– bốn **tờ** giấy trắng

– nước **rất** xanh

– dài **hai** mét rưỡi

– chạy **xong**

– đẹp **quá**

Không nói

– mua *ba* thịt

– *lắm* quyển sách

– hai *xôi* đậu xanh

– bốn *giấy* trắng

– nước *rất* xanh *thâm*

– *đen* hai mét rưỡi

– *buồn* xong

– *nhà* quá

Chính vì những đặc điểm trên của từ, khi tạo câu, chúng ta phải chú ý đến khả năng kết hợp của từ đó với những từ đứng trong câu. Nói một cách khác, khi dùng từ, chúng ta cần phải chú ý đến đặc tính ngữ pháp của từ. Nếu không chú ý tới điều này, việc dùng từ đặt câu trong khi viết rất dễ mắc lỗi.

Ví dụ:

– Thanh chỉ còn mỗi một **cái quần áo** mới trong tủ.

– Anh ta **cười ba hoa** một lúc lâu rồi mới chịu im lặng.

– Chúng tôi cũng đâu có dám **miễn cưỡng các chị** nhận lời.

– Nhìn **dáng đi lục cục** của anh ta, ai cũng thấy khó chịu.

Chúng ta mới chỉ nghe thấy nói *bộ quần áo*, *cười ha hả*, *phải miễn cưỡng* (nhận lời), *dáng đi kì cục* mà không nghe thấy nói *cái quần áo*, *cười ba hoa*, *miễn cưỡng các chị*, *dáng đi lục cục*. Cho nên những kết hợp đó là những kết hợp sai. Chính điều này buộc ta phải chú ý tới đặc tính ngữ pháp của từ khi kết hợp.

3. Dùng từ phải đúng phong cách ngôn ngữ

Nhìn chung, phần lớn các từ tiếng Việt đều được dùng trong nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau, nhiều hoàn cảnh nói, viết khác nhau. Tuy vậy, cũng có những từ thường

chỉ được dùng trong một số trường hợp nhất định nào đó, nghĩa là dùng trong một phong cách nhất định nào đó. Vì thế, chúng ta cần phải chú ý những điều sau:

a) Có những từ thường chỉ xuất hiện trong khi nói, ít khi xuất hiện trong khi viết, hoặc ngược lại, có từ thường xuất hiện trong khi viết, ít khi xuất hiện trong khi nói.

Ví dụ:

Thường dùng khi viết

– tranh luận

– phụ nữ

– trẻ em

– tổ quốc

– nếu

– nói thẳng

Thường dùng khi nói

– cãi cọ, tranh cãi

– đàn bà

– trẻ con, con nít

– đất nước

– giá thử, ví như

– nói toạc móng heo

b) Có những từ chỉ xuất hiện trong ngôn ngữ văn bản loại này mà ít xuất hiện trong ngôn ngữ văn bản loại khác.

Ví dụ:

– Trong ngôn ngữ văn bản khoa học:

Hiđrô cacbon là những chất mà phân tử của chúng gồm những nguyên tử cacbon và hiđrô. Người ta gọi hiđrô cacbon và những dẫn xuất khác của chúng là các hợp chất hữu cơ.

(Theo SGK Hoá học)

Các từ: *Hiđrô, cacbon, phân tử, nguyên tử, dẫn xuất, hợp chất, hữu cơ* là những từ thường được dùng trong văn bản khoa học.

– Trong ngôn ngữ văn bản chính luận:

Riêng đối với lao động chất xám, ông cha ta ngày trước đã đối nhân xử thế thế nào? Thế kỉ XVIII, nhà bác học lỗi lạc Lê Quý Đôn đã nêu nhận xét sâu sắc về bốn điểm: phi nông bất ổn, phi công bất phú, phi thương bất hoạt, phi trí bất hưng. Quốc gia nào biết sử dụng trí thức, quốc gia đó cường thịnh. Điều đó đã được thực tế kiểm nghiệm ở nhiều nước.

(Báo Nhân dân)

Các từ ngữ: *đối nhân xử thế, bất ổn, bất phú, bất hoạt, bất hưng, trí thức, cường thịnh* là những từ ngữ thường được dùng trong văn bản chính luận.

– Trong ngôn ngữ văn bản hành chính – công vụ:

Căn cứ vào Điều 83 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều 9 của Luật thuế doanh thu, Điều 9 của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;

Theo đề nghị của Hội đồng Nhà nước và ý kiến của các đại biểu Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ

Phê chuẩn.....

.....

Những từ ngữ như: *căn cứ vào, điều, luật, theo đề nghị, quyết nghị,...* là những từ ngữ thường được dùng trong phong cách hành chính- công vụ.

Như vậy, khi nói (viết) cần phải nắm được đặc điểm ngôn ngữ của từng phong cách, chúng ta mới có thể dùng từ ngữ một cách có hiệu quả. Trong văn bản khoa học, chắc chắn ta không thể gặp những câu dùng từ kiểu câu "*Cho một đường tròn tâm O **mảnh khảnh***", hoặc "*Đường thẳng AB **run rẩy** cắt đường tròn tại hai điểm **xinh xắn** E và F*", nhưng ngược lại trong văn bản văn học, những từ ngữ như vậy lại có khả năng xuất hiện nhiều. Bởi vậy, dùng từ sai phong cách ngôn ngữ văn bản là một loại lỗi cần tránh.

c) Dưới đây là một vài ví dụ về lỗi phong cách thường gặp trong việc dùng từ:

– Dùng từ của văn nói trong văn viết.

Ví dụ:

+ *Đây là một vùng đất có **cực kì** nhiều đước.*

(Nên dùng từ *rất* thay cho *cực kì*.)

+ *Nước ta nắng lắm, mưa nhiều nên cây cối **chen vai sát cánh** nhau xanh tốt quanh năm.*

(Nên dùng từ *đan xen* thay cho *chen vai sát cánh*.)

– Dùng từ của văn viết trong văn nói.

Ví dụ:

+ *Bố đã **trình bày** hết ý kiến của mình, các con đã **quán triệt** đầy đủ chưa nào?*

(Nên nói là *nói* thay cho *trình bày*, *hiểu rõ* thay cho *quán triệt*.)

+ *Có nhận ra tao không nào? **Bạn thuở thiếu thời** đây mà?*

(Nên nói *nói* thay cho *thuở thiếu thời*.)

d) Ngoài những yêu cầu trên, để từ dùng được đúng và hay, chúng ta cần phải cố gắng luyện tập.

(1). Tránh dùng từ sáo rỗng, công thức

Từ sáo rỗng, công thức là những từ không có sức gợi tả, không có tính truyền cảm nhưng người nói, người viết vẫn dùng trong bất kì trường hợp nào, bất kể câu văn thể hiện nội dung gì. Nói một cách khác, đó là những từ người nói, người viết đưa ra dùng một cách dập khuôn, máy móc, không chịu bỏ công tìm tòi, suy nghĩ, cân nhắc trong việc lựa chọn. Việc dùng từ sáo rỗng, công thức như vậy sẽ làm cho bài nói, bài viết trở nên nhàm chán, nhạt nhẽo, nội dung hời hợt, không sâu, còn lời lẽ lại thiếu sức sáng tạo, không đủ sức lôi cuốn người đọc, người nghe.

Ví dụ:

Lao động là vẻ vang, là vinh quang, là hạnh phúc. Bởi vậy, dù là lao động trí óc hay lao động chân tay đều rất đáng quý, đáng trân trọng, đáng tự hào.

Những từ *vẻ vang, vinh quang, hạnh phúc,...* là những từ sáo rỗng, công thức.

Đã có rất nhiều các học giả, các nhà văn phê phán cách dùng từ sáo rỗng. "Cái tật "nói chữ" không chỉ có hại ở chỗ gây khó hiểu cho người nghe, người đọc, làm cho tiếng ta vốn là trong sáng, hoá ra đục và tối; tật xấu đó còn đưa đến một thói quen khá nguy hiểm là

dùng chữ sẵn, câu sẵn, điệu nói sẵn để lấp vào bất cứ trường hợp nào, nghĩa là dùng cái "sáo" thường khi chẳng có ý nghĩa gì để thay thế sự suy nghĩ, những ý và tình chân thật, xuất phát từ đáy lòng và diễn tả bằng tiếng nói thông thường, mộc mạc, hồn nhiên và có ý vị... Trong đời sống bình thường cũng như trong đời sống chính trị của chúng ta hiện nay, cái bệnh sáo này phải coi chừng".

(Phạm Văn Đồng)

"... cứ viết đến mô hôi thì nhễ nhại, tinh thần thì hăng say, đàn ông cười phá lên, người thanh tú, thon thả, nét mặt xúc động, mắt ánh lên. Những chữ ấy không phải công phu mình nghĩ ra, chỉ vì đã vơ lấy dùng đi dùng lại."

(Tô Hoài)

Tất cả những ý kiến như vậy cho thấy trong khi nói, viết ta cần hết sức tránh những từ công thức, sáo rỗng.

(2). Tránh dùng từ ngữ địa phương một cách tùy tiện

Từ địa phương là những từ ngữ chỉ dùng trong một phạm vi nhỏ hẹp, một vùng, một miền nhất định. Các từ như:

– *mắc cỡ* (xấu hổ), *nón* (mũ), *thẳng* (phanh), *cà ràng* (bếp kiềng),...

– *hòm* (quan tài), *nác* (nước), *mô* (đầu), *chộ* (thấy),...

Những từ này chỉ được dùng trong một phạm vi hẹp, không mang tính phổ biến nên không phải ai cũng có thể hiểu được. Ví dụ, khi người Nghệ – Tĩnh nói "Rào rú ngái ngói mê nỏ chộ" thì không phải người nào cũng hiểu được là "Sông núi xa xôi nào chẳng thấy". Chính vì những lí do này nên trong nhà trường, khi nói, viết không nên dùng từ ngữ địa phương, vì nói (viết) như vậy sẽ làm ảnh hưởng tới sự tiếp nhận nội dung ở người đọc, người nghe.

(3). Tránh lạm dụng từ Hán Việt

Tiếng Việt của chúng ta mượn khá nhiều từ trong tiếng Hán. Điều này không có nghĩa là tiếng Việt nghèo, không phong phú về vốn từ mà đó là quy luật hoạt động, tiếp xúc của ngôn ngữ. Vì vậy, khi sử dụng từ Hán Việt, chúng ta cần lưu ý hai loại sau:

– Loại thứ nhất, gồm những từ Hán Việt mà trong tiếng Việt *không có từ nào mang nghĩa tương đương*.

Ví dụ: *xã hội*, *độc lập*, *tự do*, *lí tưởng*, *tiền đồ*,...

– Loại thứ hai, gồm những từ Hán Việt mà trong tiếng Việt *có từ mang nghĩa tương đương*.

Ví dụ: *phi trường* (sân bay), *phi cơ* (máy bay), *phu nhân* (vợ), *phụ nữ* (đàn bà), *giang sơn* (sông núi), *thị nhân* (nhà thơ), *hắc* (đen), *bạch* (trắng), *tẩu* (chạy),...

Đối với loại thứ hai, nếu như giữa từ Hán Việt và từ thuần Việt không có sự khác biệt nào đáng kể thì nên dùng từ thuần Việt. Còn trong trường hợp giữa từ Hán Việt và thuần Việt có sự khác nhau nhất định về sắc thái tình cảm hoặc phạm vi sử dụng thì nên cân nhắc, chọn lựa cẩn thận để phù hợp với nội dung tư tưởng, tình cảm, thái độ cần thể hiện.

Ví dụ:

– *nhi đồng* / *trẻ con*

– *phụ tử* / *cha con*

- *huynh đệ / anh em*
- *đơn phương / một phía*
- *quan phương / chính thức*
- *đa dạng / nhiều vẻ*
- *đa phương / nhiều phía*

Đối với những từ Hán Việt, nếu như không hiểu nghĩa, chúng ta không nên dùng, vì nếu không hiểu, hoặc hiểu nghĩa còn lơ mơ, việc dùng từ rất dễ bị mắc lỗi.

Ví dụ:

– *Chàng trai lưng đeo thanh gươm **gia truyền**, nhảy lên mình ngựa, rồi phi thẳng vào kẻ thù.*

(Lẽ ra phải dùng từ *gia bảo* thay cho *gia truyền*).

– *Sau mỗi bài học lí thuyết, chúng ta cần phải được **thực thi** nhiều.*

(Lẽ ra phải dùng từ *thực hành* thay cho *thực thi*).

Về điều này, chúng ta hãy ghi nhớ lời dạy của Bác Hồ:

"Tiếng ta còn thiếu, nên nhiều lúc phải mượn tiếng nước khác, nhất là tiếng Trung Quốc. Nhưng phải có chừng mực. Tiếng nào ta sẵn có thì dùng tiếng ta [...]. Có nhiều người có bệnh "dùng chữ Hán", những tiếng ta có sẵn không dùng mà dùng chữ Hán cho bằng được [...]. Nhưng sẽ là "tả" quá nếu những chữ Hán đã hoá thành tiếng ta ai cũng hiểu, mà cố ý không dùng. Ví dụ: *độc lập* mà nói là *đứng một*, *du kích* thì nói là *đánh chơi*. Thế cũng là tếu [...]. Chúng ta không chống mượn tiếng ngoại quốc để làm cho tiếng ta đầy đủ thêm. Nhưng chúng ta phải chống cách mượn không phải lối, mượn đến nỗi bỏ cả tiếng ta, đến nỗi quần chúng không hiểu".

4. Luyện tập

Bài tập 1

Hãy đặt câu với những nghĩa khác nhau của từ:

- *xuân*
- *hoa*

Bài tập 2

Phân biệt nghĩa và đặt câu với từng từ dưới đây:

- *cải tạo / cải tiến*
- *tập tục / tập quán*

Bài tập 3

Phân biệt nghĩa của các cặp từ dưới đây qua việc đặt câu:

- *trung bình / trung lập*
- *trung thực / trung thành*
- *nhân nghĩa / nhân ái*
- *gửi / gửi gắm*
- *khẩu cung / khẩu phần / khẩu khí / khẩu lệnh*

Bài tập 4

Yếu tố *tử* trong các từ sau có gì khác nhau:

- tử trận, tử vong, tử thi, tự tử.
- đệ tử, phụ tử, mẫu tử.

Bài tập 5

Hãy xác định từ phù hợp với nghĩa sau:

- Tầng lớp có tài sản ở mức giữa trong xã hội.
- Người đã qua tuổi thanh niên nhưng chưa già.
- Đứng ở giữa hai bên đối lập, không theo hoặc không phụ thuộc vào bên nào.
- Ở giữa, có tính chất chuyển tiếp hoặc nối hai sự việc.

Bài tập 6

Với mỗi từ dưới đây hãy đặt một câu để làm rõ nghĩa của chúng:

- ý thức, ý tưởng, tư tưởng
- cảm giác, cảm tính, cảm quan
- ý niệm, quan niệm, khái niệm
- đặc tính, đặc điểm, đặc trưng
- thực tại, thực trạng, hiện trạng

Bài tập 7

Phân biệt sắc thái ý nghĩa của các cặp từ:

- ác / dữ, cău / giận, căm / tức, yêu / thương
- tươi tắn / tươi tỉnh, tươi đẹp / tươi vui
- xum xuê / rườm rà / rậm rạp / rậm rịt
- buồn bã / buồn rầu / buồn chán / buồn buồn
- hiếm / hiếm hoi / ít ỏi / thỉnh thoảng / đôi khi
- bát ngát / mênh mông / bao la / rộng lớn / rộng rãi
- ngớ ngẩn / ngu ngờ / ngờ nghệch / dở hơi / ngu dại / đần độn
- náu / trú / ẩn / dấu / che / đậy / lẩn
- ngộ nghĩnh / khôi ngô / khôi hài

Bài tập 8

Phân biệt nghĩa và đặt câu với các từ sau:

- đối thủ / đối phương / kẻ thù / thù địch
- tài liệu / tư liệu / hồ sơ
- gián điệp / tình báo / thám báo / trinh sát

Bài tập 9

Hãy phân biệt nghĩa trong từng trường hợp sử dụng của các từ:

a) lặng

- Cây muống lặng, gió chẳng đờng.
- Buông không lặng ngắt như tờ.
- Mây núi hiu hiu chiều lằng lặng.

b) xôn xao

- Gió lộng xôn xao sóng biển đu đưa.
- Chim rùng xôn xao gọi nhau về tổ.
- Lòng xôn xao một niềm vui khó tả.

c) *đường*

- Trên đường cái ung dung ta bước.
- Đường cách mạng dài theo kháng chiến.
- Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh.
- Nói một đường, làm một nẻo.
- Đường ta đó tự do cuộn cuộn.

d) *thắm*

- Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.
- Tháng Tám mùa thu xanh thắm.
- Mây của ta trời thắm của ta.
- Có phải duyên nhau thì thắm lại.
- Đôi ta thắm tình duyên quê.

Bài tập 10

Hãy nói rõ nghĩa của các yếu tố sau:

a) *báo*

- báo đáp, báo thù, báo ân, báo ứng, báo hiếu
- báo chí, báo cáo, báo tang, báo hỉ

b) *bá*

- bá cáo, truyền bá
- bá chủ, bá vương
- bá quyền

Bài tập 11

Giải nghĩa yếu tố Hán Việt trong các từ sau:

a) *can* trong:

can thiệp, can đảm, can gián, can trường

b) *trí* trong:

dân trí, trí thức, bố trí, bài trí

c) *quan* trong:

tham quan, quan sát, quan ải, quan hệ

d) *kết* trong:

kết quả, kết duyên, kết thúc, kết cục

Bài tập 12

Gạch dưới từ phù hợp với nghĩa cho trước.

1. Người bị buộc tội và đưa ra xét xử trước toà án.

bị cáo, bị can

2. Ngôi chùa đẹp, được nhiều người biết tên.

- danh lam, thắng cảnh*
3. Có tâm trạng luyến tiếc, nhớ thương xen lẫn nhau.
băn khoăn, bàng khuâng
 4. Kể thất nghiệp, rong chơi, quen dùng sức mạnh để quậy phá.
du côn, du đãng
 5. Truyền thống văn hoá lâu đời tốt đẹp.
văn học, văn hiến
 6. Nhanh, gấp và có phần căng thẳng.
khẩn thiết, khẩn trương
 7. Không yên lòng vì có những điều phải suy nghĩ, tính toán.
băn khoăn, lưỡng lự
 8. Cảm thấy đau xót về lỗi lầm của mình.
ăn năn, hối hận
 9. Kiểm ăn một cách lén lút về ban đêm.
ăn bẻ, ăn sương
 10. Nằm ỳ ra để đòi cho được hoặc bắt đền.
ăn hiếp, ăn vạ
 11. Bướng bỉnh hay gây sự.
ba gai, ba hoa
 12. Cử giữ chức vụ cao hơn.
đề cử, đề bạt
 13. Nói nhẹ nhàng như khen nhưng thật ra là mỉa mai, chê trách.
nói móc, nói mát
 14. Im lặng, làm như việc chẳng có liên quan gì đến mình.
mặc nhiên, mặc cảm
 15. Cách tổ chức các thành phần nhằm thực hiện chức năng của một chính thể.
cơ chế, cơ cấu

Bài tập 13

Hãy đặt câu với từng từ ngữ dưới đây:

- *đàm thoại / trò chuyện*
- *cố nhân / bạn cũ*
- *đơn phương / một phía*
- *đại tu / sửa chữa lớn*
- *giang san / sông núi*

Bài tập 14

Hãy giải thích nghĩa của những thành ngữ sau:

- *Ăn vóc học hay*
- *Bóng chim tắm cá*
- *Già đòn non nhẽ*
- *Lá mặt lá trái*

- *Sống để dạ chết mang theo*
- *Múa tay trong bị*
- *Mượn gió bẻ măng*
- *Mạt cưa mướp đấng*

Bài tập 15

Phân tích và chữa lỗi dùng từ trong các câu dưới đây:

- *Anh lúc nào cũng là người giản dị nhưng phong cách của anh thì mãnh liệt vô cùng.*
- *Ai cũng đều biết Cám là con người gian xảo, tàn ác còn Tấm là cô gái mẹ từ trần ngay từ khi Tấm còn nhỏ nên Tấm sống rất khổ ải.*
- *Giá như đây là buổi trưa của xứ ôn đới thì chúng ta còn nói làm quái gì, nhưng đằng này lại là buổi trưa của xứ nhiệt đới Việt Nam mới hoá ra gay go. Chúng ta cần phải nhớ rằng cái buổi trưa hè Việt Nam thì đáng sợ hết sức. Thế mà người nông dân phải cần mẫn cùng con trâu đi trước, cái cày đi sau. Thật là khổ sở hết chỗ nói.*
- *Sống giữa bùn lầy như bản, đây những cám dỗ của cuộc sống giàu sang, chị Sửu vẫn giữ được lập trường thuỷ chung với chồng, cương quyết giữ thái độ trong sạch với chồng.*
- *Nó nhắc mọi người cần phải ăn quả nhớ kẻ trồng cây. Có được miếng cơm thơm ngọt, dẻo ngon hôm nay chính là kết quả của bao ngày lao động gian nan, vất vả, đã chịu bao ngày mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày. Những câu ca dao đó không biết tự bao giờ nó đã đi sâu vào lòng người, và nó đi bằng cách nào ấy nhỉ? Ở đúng rồi, nó đi bằng cái giấy thông hành là nghệ thuật của nó đấy.*
- *Vấn đề cơm ăn áo mặc đối với những người lao động nghèo khó luôn luôn là vấn đề quần bách.*
- *Khi còn ngồi trong ghế nhà trường, tất cả học sinh chúng ta đều cần phải cố gắng học tập thật tốt.*
- *Đã tham gia vào hoạt động cách mạng là không được quản ngại bão táp mưa sa, mưa phùn gió bắc.*
- *Những người cộng sản không bao giờ chịu khuất tất trước kẻ thù mà luôn luôn hiên ngang, cứng đầu cứng cổ đến giờ phút cuối cùng của cuộc đời.*
- *Em hãy tả lại tinh thần phấn đấu vượt khó của bạn em.*
- *Ngày hôm sau, bé gái đó lại đến, dắt theo nhiều em trai, em gái và cả các bác, các cô, các chú cùng các mẹ.*
- *Trời mưa nên tối khá nhanh. Càng đi họ càng thấy tối. Con mưa đã làm họ chậm gấp đôi.*
- *Trời tối. Đi trên đồng cỏ phẳng lì như biển này ban đêm rất dễ lạc đường.*
- *Chương trình của Đài Truyền hình Việt Nam bắt đầu từ 5^h30 sáng đến khoảng 23 giờ đêm.*
- *Đoạn đường từ đây tới đó, chúng tôi dự đoán phải đi hết ít nhất hết 2 tiếng xe máy.*

– Tôi luôn là người có nhiều ước mơ. Lúc nào tôi cũng cầu mong cho những ước mơ của tôi được toại nguyện.

– Hiện nay trên thị trường có rất nhiều loại báo khác nhau. Cần phải hoà nhập các tờ báo đó lại để số đầu báo ít đi.

– Khi đoàn nhà báo chúng tôi đến thì hiện trường chỉ còn lại một xác chết bất động cùng một vài thứ đồ đạc ngổn ngang.

– Dù phải đi xa đến đâu, dù phải đi tới những nơi cùng cực của thế giới, anh vẫn luôn luôn hướng về quê hương.

– Được vun đắp trong một mảnh đất màu mỡ nên chỉ vài năm sau khi ra trường, tài năng của anh đã chấp cánh bay cao.

– Trận chiến đấu diễn ra thật ác liệt. Bên ta có một thương vong còn bọn giặc cũng chết chóc khá nhiều.

– Lan có nước da trắng tinh khiến cho nhiều người phải chú ý.

– Ông đi không vững bước những bước chập chờn trong đêm tối.

– Bài báo đã đưa ra rất nhiều chi tiết nhỏ nhẹ nên chưa thuyết phục được người đọc.

– Sự tiêu pha hào hoa của anh ấy dễ chiếm được tình cảm của mọi người.

– Lúc nhỏ, hắn cũng đã từng được sống trong một gia đình có cuộc sống thật êm ái.

– Lăn lộn đầu đường xó chợ nên nước da hắn đen lay láy.

– Chúng ta cần phải tránh xa những loại hoá chất độc đáo.

III. THAO TÁC LỰA CHỌN VÀ SỬ DỤNG TỪ

Các nhà văn tên tuổi trên thế giới đã nhiều lần nói tới tầm quan trọng của việc dùng từ trong văn bản. Một nhà văn Nga viết: "Trong ba tính từ đặt cạnh danh từ, thế nào cũng có một tính từ chính xác hơn cả, hai tính từ còn lại chắc chắn sẽ thua kém hơn. Bởi thế, rõ ràng là tính từ duy nhất đó cần phải được giữ lại, còn hai tính từ kia thì phải gạch bỏ không thương tiếc". Nhà văn Pháp Guy Đơ Mông-pát-xăng cũng đã viết: "Muốn miêu tả sự vật một cách sát thực, cần phải dùng chuẩn xác một danh từ để gọi tên sự vật, một động từ để chỉ rõ động tác, một tính từ để làm rõ tính chất. Bởi vậy, phải tìm cách chọn cho được chính danh từ, chính động từ và chính tính từ ấy trong vô số các từ mà quyết không thể vừa lòng với việc chọn từ gần giống để dùng, quyết không nên mơ hồ, lẫn lộn". Như vậy, việc chọn từ sao cho có hiệu quả để sử dụng trong khi nói, viết là việc hết sức quan trọng.

Việc chỉ ra rạch ròi từng bước trong việc lựa chọn và sử dụng từ không phải lúc nào cũng thực hiện được. Tuy vậy, để thấy được một cách tương đối cụ thể quy trình lựa chọn và sử dụng này, chúng ta có thể hình dung quy trình này được tiến hành theo các bước cơ bản dưới đây:

1. Xác định nội dung nói, viết

Chỉ khi có nội dung thật rõ ràng thì việc lựa chọn từ mới có kết quả. Mỗi nội dung lựa chọn sẽ ứng với những từ ngữ nhất định. Nội dung nào, từ ngữ ấy. Vì thế chỉ khi có nội dung mới nói tới việc chọn và sử dụng từ.

Nội dung ở đây cần phải hiểu vừa là sự phản ánh hiện thực vào trong lời nói, vừa là sự thể hiện thái độ của người nói, người viết đối với người nghe và đối với chính nội dung hiện thực ấy.

Khi nội dung xuất hiện thì cũng đồng thời là lúc từ đầu tiên xuất hiện. Nhưng từ đó thường không phải là từ tốt nhất. Vì vậy, cần phải huy động thêm các từ khác để có thể chọn được từ phù hợp nhất cho việc thể hiện nội dung.

2. Xác định các từ ngữ đáp ứng được với nội dung nói, viết

Khi đã có một từ xuất hiện, ta không thể bằng lòng ngay với từ đó. Cần phải huy động thêm những từ khác có khả năng cùng diễn đạt nội dung ấy.

Ví dụ:

a) Khi có nội dung "lứa tuổi còn nhỏ" ta có thể huy động các từ ngữ như: *trẻ con, trẻ em, trẻ nhỏ, trẻ ranh, nhóc con, nhãi ranh, thằng nhóc, lỗi con, ôn con, oắt con, con trẻ,...*

b) Hoặ với nội dung "sự đình lại của một hoạt động" ta có thể huy động các từ ngữ như: *ngừng, đình, chết, tử, toi, mất, hi sinh, bỏ mạng, châu trời, từ trần, khuất núi,...*

c) Hoặ với nội dung "làm cho chỗ hỏng trở lại trạng thái bình thường" ta có thể huy động các từ ngữ như: *sửa, chữa, sửa chữa, tu sửa, tu bổ,...*

Chỉ khi có vốn từ đồng nghĩa và gần nghĩa phong phú, ta mới có nhiều khả năng chọn được từ chính xác nhất trong việc thể hiện nội dung.

3. Lựa chọn từ phù hợp nhất với nội dung nói, viết

Khi đã có được một số lượng các từ ngữ đủ để lựa chọn thì nội dung cần thể hiện chính là căn cứ, là cái mốc định hướng cho việc chọn từ. Từ nào vừa thoả mãn được việc phản ánh hiện thực, thể hiện chính xác nhất thái độ, tình cảm của người nói, người viết vừa đảm bảo được tính liên kết chặt chẽ với từ khác, câu khác trong đoạn văn, bài văn thì từ đó sẽ được lựa chọn.

Ví dụ:

– Với nội dung (a) ở trên, nếu nói với sự trù mến, thân mật ta sẽ chọn từ *trẻ em*, nhưng nếu dùng với thái độ coi thường, ta sẽ dùng từ *trẻ ranh,...* Quyết định chọn từ nào là tùy thuộc vào nội dung thể hiện. Chẳng hạn với câu "Tất cả những gì tốt đẹp nhất, chúng ta hãy dành cho trẻ em" thì từ *trẻ em* là từ phù hợp nhất.

– Với nội dung (b) thì ta không thể dùng từ *bỏ mạng* khi nói về các anh bộ đội, trong khi đó từ này lại có thể dùng để chỉ cái chết của kẻ thù.

4. Kiểm tra lại từ đã sử dụng

Đây là bước kiểm tra, đối chiếu lại từ được sử dụng với những yêu cầu:

– Đúng nội dung cần thể hiện chưa?

– Có đảm bảo được sự liên kết với các từ khác, câu khác trong đoạn văn, bài văn không?

– Mỗi văn bản khi nói, viết đều thuộc về một phong cách ngôn ngữ nhất định. Vì vậy, trong bước kiểm tra, chúng ta cũng cần chú ý xem xét từ được dùng đó có phù hợp với phong cách ngôn ngữ văn bản không?

Nếu những yêu cầu nêu trên chưa được đáp ứng một cách chặt chẽ, đầy đủ, ta cần phải lựa chọn từ khác.

5. Luyện tập

Bài tập 1

Trong bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh có câu:

Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng tiền bối khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bè bạn xa gần khỏi cảm thấy đột ngột.

Lúc đầu, ở vị trí của từ *sẽ*, Bác đã dùng từ *phải*, rồi sau đó mới gạch đi thay bằng từ *sẽ*. Hãy giải thích vì sao Bác lại dùng như vậy.

Bài tập 2

Nhà thơ Huy Cận, trong bài *Nhạc sâu* lúc đầu viết:

Ai chết đó, nhạc sâu chi lắm thế

*Chiều **điều hiu**, đời rét mướt ngoài đường.*

Sau đó nhà thơ thay từ *điều hiu* bằng từ *mồ coi* và biến câu thơ thành:

Ai chết đó, nhạc sâu chi lắm thế

*Chiều **mồ coi**, đời rét mướt ngoài đường.*

Trong hai từ *điều hiu* và *mồ coi*, từ nào hay hơn? Vì sao?

Bài tập 3

Trong bài thơ *Lá thư thành phố* viết vào những năm 1960, khi đất nước còn bị chia làm hai miền, nhà thơ Giang Nam có viết:

Con nhớ anh thường đêm biếng ngủ

Nó khóc làm em cũng khóc theo

Anh nhớ gửi về manh áo cũ

Đắp cho con đỡ nhớ anh nhiều.

Nhưng khi gửi ra miền Bắc, một biên tập viên của báo đã sửa lại thành:

Con nhớ anh thường đêm biếng ngủ

Nó khóc làm em cũng khóc theo

Anh nhớ gửi về manh áo cũ

Ủ con cho mẹ ấm nhờ hơi.

Hãy cho biết ý kiến của mình về cách dùng từ trong hai đoạn thơ trên.

Bài tập 4

Trong những cách viết sau, cách viết nào hay hơn? Vì sao?

a) – *Bóng Bác cao lồng lộng*

*Ấm **hơn** ngọn lửa hồng*

– *Bóng Bác cao lồng lộng*

*Ấm **như** ngọn lửa hồng*

- b) – *Cỏ non xanh **ron** chân trời*
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa
 – *Cỏ non xanh **tận** chân trời*
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa
- c) – *Đêm nghe tiếng ếch bên tai*
*Giật mình còn **tương** tiếng ai gọi ò*
 – *Đêm nghe tiếng ếch bên tai*
*Giật mình còn **ngõ** tiếng ai gọi ò*
- d) – *Con lại về thăm mẹ nuôi xưa*
Một buổi trưa nắng dài bãi cát
*Gió lộng **xôn xao** sóng biển đu đưa*
*Mát rượi lòng ta, **ngân nga** tiếng hát.*
 – *Con lại về thăm mẹ nuôi xưa*
Một buổi trưa nắng dài bãi cát
*Gió lộng **lao xao** sóng biển đu đưa*
*Mát rượi lòng ta, **ngân vang** tiếng hát.*

Bài tập 5

Nhà văn Pháp La Bruy-ơ sống ở thế kỉ XVII đã nói:

"Trong số hết thảy các từ ngữ có thể diễn đạt được một ý độc nhất của ta, chỉ có một từ ngữ đúng".

Nhà văn Pháp Guy-xtáp Phlo-bốt sống ở thế kỉ XIX cũng đã nói:

"Dù ta muốn nói điều gì đi nữa, cũng chỉ có mỗi một tiếng để diễn đạt điều đó thôi, chỉ có một động từ để làm cho điều đó hoá ra có sinh khí và mỗi một trạng từ để tả nó. Cần phải tìm cho được tiếng ấy và đừng lấy làm mãn ý khi mới tìm được những tiếng tương tự".

Hãy tìm một vài ví dụ minh hoạ để làm sáng tỏ những ý kiến trên.

Bài tập 6

Hãy phân tích cái hay của từ *phong* trong câu thơ dưới đây trích từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du:

Trước sau nào thấy bóng người
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.
Xập xè én liệng lâu không,
*Cỏ lan mặt đất rêu **phong** dấu giày.*

Bài tập 7

Phân tích cách dùng từ *cho*, *làm cho* trong đoạn thơ dưới đây trích từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du:

Lo gì việc ấy mà lo,
Kiến trong miệng chén lại bỏ đi đâu?
***Làm cho** nhìn chẳng được nhau,*
***Làm cho** đày đoạ cất đầu chẳng lên.*

*Làm cho trông thấy nhĩn tiên,
Cho người thăm ván bán thuyền biết tay.*

.....
*Làm cho cho mệt cho mê,
Làm cho đau đớn ê chề cho coi,
Trước cho bĩ ghét những người,
Sau cho để một trò cười về sau.*

Bài tập 8

Phân tích cái hay của việc dùng từ *càng* trong đoạn thơ sau trích từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du:

*Một nhà sum họp trúc mai,
Càng sâu nghĩa bể càng dài tình sông.
Hương càng đượm lửa càng nồng,
Càng xôi vẻ ngọc càng lông màu sen.*

PHẦN BA

LUYỆN KỸ NĂNG ĐẶT CÂU

I. CÂU TRONG TIẾNG VIỆT

1. Câu là gì?

Câu là một đơn vị của ngôn ngữ có cấu trúc nhất định phù hợp với quy tắc của một thứ tiếng, diễn đạt một nội dung thông báo nào đấy; khi viết cuối câu có dấu ngắt câu, khi nói câu có ngữ điệu.

Ví dụ:

Hôm qua em đến trường.

Câu này có các đặc điểm sau đây:

- Về mặt cấu trúc ngữ pháp: đây là câu đơn bình thường đủ hai thành phần: chủ ngữ (*em*), vị ngữ (*đến trường*) và có thành phần trạng ngữ (*hôm qua*).
- Về mặt nội dung chữ nghĩa: thông báo một sự việc.
- Về mặt hình thức: cuối câu có dấu chấm (.).

2. Cấu tạo của câu tiếng Việt

a) Thành phần nòng cốt câu

- (1). **Chủ ngữ** là phần nêu đối tượng được đưa ra xem xét, đánh giá.
- (2). **Vị ngữ** là phần chỉ ra đặc điểm, hành động, tính chất, trạng thái,... của đối tượng nêu ra ở chủ ngữ. Trong câu, chủ ngữ thường đứng trước vị ngữ.

Chủ ngữ và vị ngữ có thể do một từ hoặc một tập hợp từ đảm nhiệm.

Ví dụ:

(1). *Lan ngủ.*

(2). *Bé Lan đang ngủ say.*

Ví dụ (1), *Lan* là chủ ngữ, *ngủ* là vị ngữ. Ví dụ (2), *Bé Lan* là chủ ngữ, *đang ngủ say* là vị ngữ.

b) Thành phần phụ của câu

(1). **Trạng ngữ**

Trạng ngữ là từ hoặc tập hợp từ làm thành phần phụ của câu nêu hoàn cảnh, tình hình của sự việc được nói tới trong nòng cốt câu. Trạng ngữ gồm nhiều loại: trạng ngữ chỉ cách thức, phương tiện; chỉ nguyên nhân; chỉ mục đích; chỉ điều kiện; hoặc chỉ sự nhượng bộ.

Ví dụ:

– **Đánh xoảng một cái**, cái bát ở mâm ông Lí Cụt bay ra ngoài sân.

– **Để học tập tốt**, chúng tôi đã mua nhiều tài liệu mới.

– **Tuy ốm**, nhưng Thanh vẫn cố gắng đến lớp.

(2). **Đề ngữ**

Đề ngữ là thành phần phụ của câu nêu lên vật, việc được nói đến trong câu và không giữ vai trò chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu.

Ví dụ:

– **Còn chị**, chị công tác ở đâu?

– **Về phần tôi**, tôi cũng xin chịu.

(3). **Phụ tình thái**

Phụ tình thái là thành phần nằm ngoài nòng cốt câu, chỉ ra một số tình thái nhất định như hỏi, bộc lộ thái độ, cách đánh giá,...

Ví dụ:

– Người **thế mà lại** vô tâm. Chẳng giấu gì chú, năm ấy tôi làm phu đào huyệt chôn người chết ở Nam Định, gặp mẹ nó bây giờ cùng cảnh lang thang đầu đường góc chợ mới rủ về làm bạn với nhau. **Thế mà** hơn hai mươi năm **rồi đấy**.

(Nguyễn Đình Dũng)

– **Đêm nay nhất định** mưa đấy.

c) Thành phần biệt lập của câu

(1). **Phần hô đáp**

Phần hô đáp là phần gọi tên, gọi người cùng nói chuyện hoặc là lời kêu lên để bộc lộ cảm xúc.

Ví dụ:

– **Ôi thôi, chú mày ơi !** Chú mày có lớn mà chẳng có khôn.

(Tô Hoài)

– **Này, bà còn thức hay ngủ đấy.**

(2). **Phần phụ chú**

Phần phụ chú là phần biệt lập với nòng cốt câu, được dùng làm rõ thêm một phương diện nào đó cho một bộ phận khác của câu hoặc cho toàn câu.

Ví dụ:

– **Cụ cứ tưởng thế đấy chứ, tôi an ủi lão, chứ nó chả hiểu gì đâu.**

(Nam Cao)

– **Trong việc này mình không có lỗi, Thuý Lan tự nhủ.**

(3). **Phần chuyển tiếp**

Phần chuyển tiếp là bộ phận biệt lập với nòng cốt câu, được dùng để nối ý, chuyển ý giữa các câu, các đoạn văn có quan hệ với nhau.

Ví dụ:

– **Ai lại bán vườn đi mà lấy vợ? Vả lại bán vườn đi, thì cưới vợ về, ở đâu? Với lại, nói cho cùng nữa, nếu đằng nhà gái họ cứ khăng khăng đòi như vậy, thì dẫu có bán vườn đi cũng không đủ cưới.**

(Nam Cao)

– **Vườn cây đâm chồi nảy lộc. Rồi vườn cây ra hoa.**

3. Phân loại câu trong tiếng Việt

a) Phân loại câu theo mục đích nói

(1). Câu trần thuật

Câu trần thuật là câu có mục đích nhìn nhận sự vật, sự việc. Khi viết, cuối câu trần thuật thường đặt dấu chấm.

Ví dụ:

Những người không sành thường nghĩ bòng ăn chát. Thực ra, vớ được một quả bòng đực, nhất là bòng quế, cắn một cái ngáp răng, nhai thủng thỉnh, còn ngọt hơn cả cam hay táo. Nếu ăn hết một trái mà anh thấy còn thềm thì lấy hòn đá đập cái hột ra; anh sẽ có một cái nhân bùi như trám; và có nhiều, đem đồ xôi trước cúng cụ, sau ăn thì tuyệt.

(Vũ Bằng)

(2). Câu nghi vấn

Câu nghi vấn là câu có mục đích nêu điều chưa rõ, chưa biết, còn hoài nghi và cần được giải đáp, trả lời.

Ví dụ: *Sợ gì? Mà bảo tao sợ cái gì? Mà bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa.*

(Tô Hoài)

(3). Câu cầu khiến

Câu cầu khiến là câu có mục đích khuyên bảo, sai khiến, ra lệnh,... đối với người tiếp nhận lời.

Ví dụ:

– Bác Thủy ơi, bác có chuyện gì vui vui kể đi nào?

– Bác Thủy ơi, hay là bác kể chuyện buồn cũng được. Chuyện nào buồn nhất ấy!

(Nguyễn Kiên)

(4). Câu cảm thán

Câu cảm thán là câu được dùng với mục đích cảm xúc vui, buồn, tức giận,...

Ví dụ:

– Khiếp, bác mua có chục trái trứng gà mà lựa đến cả tiếng. Đàn ông cũng có người kĩ tính thật!

(Đương Thu Hương)

b) Phân loại câu theo cấu tạo ngữ pháp

Theo cấu tạo ngữ pháp, câu tiếng Việt được chia thành 3 loại:

(1). Câu đơn

Câu đơn là câu có cấu tạo ngữ pháp chỉ có một kết cấu chủ – vị làm nòng cốt câu. Câu đơn lại có thể chia thành:

– Câu đơn bình thường

Ví dụ:

Ruột gan Nhấn rời bời.

(Hồ Phương)

– Câu đơn đặc biệt

Ví dụ:

Từ chiều, lại bắt đầu trở rét.

Gió.

*Mưa.
Nỗn nùng.*

(Nguyễn Công Hoan)

– *Câu đơn rút gọn*

Ví dụ:

Nhiều người, trước khi nói không sắp sửa kĩ càng. *Lúc ra nói hoặc lặp lại những cái người trước đã nói, hoặc lặp đi lặp lại cái mình đã nói rồi. Lúng túng như gà mắc tóc. Thôi đi thì trên. Nói nữa thì chán tai.*

(X.Y.Z)

(2). *Câu phức*

Câu phức là câu có từ hai kết cấu chủ – vị trở lên, trong đó chỉ có một kết cấu chủ – vị làm nòng cốt câu, các kết cấu chủ – vị còn lại giữ vai trò thành phần nào đó bên trong nòng cốt câu.

– *Câu phức chủ ngữ*

Ví dụ:

Mùi xăng nồng nặc toả khắp rừng tràm báo hiệu rằng nó còn tiếp tục cháy rộng ra nữa.

(Anh Đức)

– *Câu phức vị ngữ*

Ví dụ:

Những di vật ở dưới đất là một kho tàng rất quý báu, vô giá.

(Phạm Văn Đồng)

– *Câu phức định ngữ*

Ví dụ:

*Anh phải có trách nhiệm với sự tin cậy của người bạn gái mà **anh vốn mến**.*

(Nguyễn Khải)

– *Câu phức bổ ngữ*

*Ông lão cứ ngỡ là **mình còn trong chiêm bao**.*

(Anh Đức)

(3). *Câu ghép*

Câu ghép là câu có từ hai kết cấu chủ – vị trở lên, mỗi kết cấu chủ – vị làm thành một vế câu, chúng không bao hàm lẫn nhau.

– *Câu ghép chính phụ*

Ví dụ:

+ **Tuy** có nhiều vấn đề còn phải thảo luận và chưa phải đã có thể kết luận được ngay **nhưng** dần dần chúng ta đã xác định được vị trí của "Truyện Kiều" và của Nguyễn Du trong nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

(Hoài Thanh)

+ **Nếu** nhà chị không theo, **thì** quan quở, chớ có trách tôi đấy.

(Nguyễn Công Hoan)

– Câu ghép đẳng lập

Ví dụ:

+ *Tiếng gió trên bờ tre rì rào và tiếng lá khô kêu xào xạc dưới bàn chân.*

(Kim Lân)

+ *Xuân Diệu cần hồn nhiên thêm, và Tế Hanh phải bớt tự nhiên đi.*

(Chế Lan Viên)

– Câu ghép qua lại

Ví dụ:

Anh Dậu mới kê đến miệng, cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào.

(Ngô Tất Tố)

– Câu ghép chuỗi

+ *Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị.*

(Hồ Chí Minh)

+ *Đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng.*

(Nguyễn Trung Thành)

Như vậy, trong câu ghép, tùy thuộc vào những phương tiện được dùng để liên kết các vế câu, ta có thể chia câu ghép thành bốn loại: *ghép chính phụ, ghép đẳng lập, ghép qua lại và ghép chuỗi.*

4. Luyện tập

1. Bài tập 1

Hãy phân loại các câu trong đoạn văn dưới đây theo mục đích nói:

Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng tự nhủ: "Chắc nó trừ mình ra!". Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ồ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào lại để ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này! A ha! Phải đấy hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào để ra thân hắn, để ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiến răng vào mà chửi cái đứa đã để ra Chí Phèo! Nhưng mà biết đứa nào đã để ra Chí Phèo? Có mà trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...

(Nam Cao)

Bài tập 2

Câu nghi vấn được sử dụng trong hai đoạn văn dưới đây có nhằm mục đích hỏi không? Hãy nêu tác dụng của những câu nghi vấn này.

– *Có lẽ Nguyễn Du không từng viết kịch hay đóng kịch nhưng rõ ràng Nguyễn Du rất biết "nhập vai", Nguyễn Du từng hoà với Kiều làm một và hoà làm một đến một mức rất sâu. Nhưng hoà làm một với Kiều mà vẫn là Nguyễn Du, người sáng tạo ra cả thế giới*

Truyện Kiều, vẫn nhìn Kiều và nhìn mọi người trong truyện với cái nhìn của Nguyễn Du. Cái khó trong nghệ thuật viết truyện cũng như trong nghệ thuật sân khấu, phải chăng là ở chỗ này?

(Hoài Thanh)

– Cái màu xanh luôn luôn biến đổi của nước bể chiều nay trên biển Cô Tô như là thử thách cái vốn từ vựng của mỗi đứa tôi đang nổi gió trong lòng. Biển xanh như gì nhỉ? Xanh như lá chuối non? Xanh như lá chuối già? Xanh như mùa thu ngả cốm làng Vòng? Nước biển Cô Tô đang đổi từ vẻ xanh này sang vẻ xanh khác. Nó xanh như cái màu áo Kim Trọng trong tiết Thanh minh. Đúng một phần thôi. Bởi vì con sóng vừa dộ lên kia đã gia giảm thêm một chút ít, đã pha biển sang màu khác. Thế thì nước biển xanh như cái vạt áo nước mắt của ông quan Tư Mã nghe đàn tì bà trên con sóng Giang Châu thì có đúng không? Chưa được ư? Thế thì nó xanh như màu áo cưới, được không. Hay là nói thế này: nước biển chiều nay xanh như một trang sử của loài người, lúc con người còn viết vào thân tre [...]. Chao ôi, nước biển Cô Tô chiều nay xanh cái màu xanh của ngọc bích. Hoặc là chao ôi nó xanh như một niềm hi vọng trên cửa bể. Nghe nó lại càng chung chung, chưa sướng gì, nhưng thôi hãy tạm khoanh lại đó đã.

(Nguyễn Tuân)

Bài tập 3

Hãy lần lượt cho biết từng câu dưới đây được dùng với mục đích gì?

- Nào, chị có cho tôi mượn được cái quạt không thì bảo?
- Trời ơi, có ai lại khổ như tôi thế này không?
- Thôi đi ông, còn tếu được cơ à?
- Bò no chưa! Thôi mau tắm rửa, thay quần áo đi! Cơm canh còn nóng nguyên, kẻo nguội tiệt cả bây giờ!

(Hồ Phương)

– Thế ra những năm đồng sáu kia đấy? À, mà lại còn tiền ăn đường của thằng bé này nữa nhỉ. Thế tất cả là đi, cho là năm đồng tiền tàu, với lại tám hào lính, với lại, mỗi ngày tiền ăn của nó bao nhiêu hở ông?

(Nguyễn Công Hoan)

Bài tập 4

Hãy tách biệt chủ ngữ và vị ngữ trong các câu dưới đây (ở hai đoạn trích) bằng một gạch chéo.

– Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!

(Thép Mới)

– Những bến vận hà nhộn nhịp dọc dài theo sông. Những lò than hầm gỗ được sản xuất loại than củi nổi tiếng nhất của miền Nam. Những ngôi nhà bè ban đêm được ánh đèn măng sông chiếu rọi trên mặt nước như những khu phố nổi.

(Theo Đoàn Giỏi)

Bài tập 5

Tìm các thành phần phụ của câu có trong những đoạn văn dưới đây và cho biết các thành phần phụ đó thuộc loại nào.

– *Cái chàng Đế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Đôi càng bè bè, nặng nề, trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẩu và mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ.*

(Tô Hoài)

– *Ngày mai, trên đất nước này, sắt, thép có thể nhiều hơn tre, nứa. Nhưng, trên đường trường ta dần bước, tre xanh vẫn là bóng mát. Tre vẫn mang khúc nhạc tâm tình. Tre sẽ càng tươi những cổng chào thắng lợi. Những chiếc đu tre vẫn dướn lên bay bổng. Tiếng sáo diều tre cao vút mãi.*

(Thép Mới)

Bài tập 6

Tìm các thành phần biệt lập trong câu có trong đoạn văn dưới đây và cho biết các thành phần biệt lập đó thuộc loại nào.

Mỗi lần có dịp đứng trên cầu Long Biên, cây cầu do chính nhà kiến trúc sư vĩ đại mà tên tuổi của ông được đặt thành tên ngọn tháp Ép-phen hùng vĩ thiết kế, tôi lại say mê ngắm nhìn màu xanh bãi mía, nương dâu, bãi ngô, vườn chuối phía Gia Lâm không bao giờ chán mắt. Cái màu xanh cần lao ấy gợi bao yêu thương và yên tĩnh trong tâm hồn ta. Và khi chiều xuống, nhìn về phía Hà Nội, thấy những ánh đèn mọc lên như sao sa, gợi lên bao quyến rũ khát khao.

(Theo Thuý Lan)

Bài tập 7

Hãy xác định câu đơn, câu ghép có trong phần trích sau:

Tôi cõng ba lô, giắt hai quả lựu đạn, khoác một khẩu tiểu liên lên đường về qua lối Mai Xiu. Máy hôm ấy mưa dầm dọt, mưa thổi đất thổi cát. Mưa trên rừng núi đáng lẽ buồn chết người đi được nhưng trái lại tôi thấy vui ghê, vì chắc chắn chuyến này thế nào cũng được rẽ qua nhà một tí. Anh tính ba năm rồi còn gì...

... Tôi không thể nói gì hơn nữa, quay đi, bước thật mau. Vừa đi tôi vừa có cảm giác Chi vẫn đang thân thờ nhìn theo và đang vẫy. Khi đi khuất ngọn tre làng cũ, tôi mới đi chậm lại. Trời lơ mờ sáng. Ngôi sao Mai vàng ánh đã hiện trên nền trời sáng như bạc phía đông.

(Hồ Phương)

Bài tập 8

Hãy xác định kiểu câu đơn có trong những phần trích dẫn dưới đây:

– Nó gật đầu mạnh bạo. Rồi đắc chí, nó lắc túi. Bà ấy múc cho nó một bát đầy. Nó ăn. Phù phù! Nóng! Xuyt xoạt! Cay! Ngon quá!

Ai cũng yên bụng. Không ai để ý đến nó nữa. Họ nghênh xe đạp. Họ nhìn ô tô. Họ pha trò. Họ cười ha hả.

Nó vẫn ăn. Ngon quá!

(Nguyễn Công Hoan)

– Một giờ, hai giờ, một ngày, hai ngày cho đến năm ngày đêm, nước đã vào đến ruộng, cờ đã mọc ngay giữa cánh đồng đang chết khát. Nước đã chảy reo quanh chân lúa. Lúa rung lên. Lòng người cũng rung lên. Nước đã lấp dần các vết thương nứt nẻ. Hình tam giác, lục giác, bát giác đã nối liền thành một khối. Nước chảy tràn ra, tràn mãi ra, triền miên. Một sào, hai sào, một mẫu, hai mẫu, rồi hàng trăm, hàng ngàn mẫu uống nước, uống mãi...

Trời vẫn nắng nhứt cả mắt. Vẫn không một giọt mưa.

Nước vẫn chảy chan hoà, reo trên những ruộng lúa.

(Thanh Tịnh)

Bài tập 9

Hãy xác định kiểu câu ghép có trong phần trích dẫn dưới đây:

Bởi vì tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phạch vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoãn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phanh phạch giòn giòn.

(Tô Hoài)

II. YÊU CẦU CHUNG CỦA VIỆC ĐẶT CÂU

1. Đặt câu phải phù hợp với quy tắc ngữ pháp

Bất kì một ngôn ngữ nào cũng có những quy tắc ngữ pháp riêng của mình. Tiếng Việt cũng như vậy. Vì thế, khi đặt câu, chúng ta buộc phải tuân theo những quy tắc ấy. Chỉ câu viết đúng quy tắc ngữ pháp người đọc mới có thể hiểu được một cách chính xác, rõ ràng và đầy đủ các ý. Đặt câu không đúng quy tắc ngữ pháp là những câu sai.

Ví dụ:

– Bó hoa.

– Bó hoa tươi này.

– Bó hoa thược dược tươi kia.

– Bó hoa thược dược tươi kia của chị Lan.

– Bó hoa thược dược tươi của chị Lan mua sáng nay.

Những ví dụ dẫn trên đều chưa thành câu.

Nhưng những ví dụ dưới đây lại được xác nhận đã thành câu:

– Bó hoa / tươi.

- *Bó hoa này / tươi.*
- *Bó hoa thược dược kia / tươi.*
- *Bó hoa thược dược của chị Lan / tươi.*
- *Bó hoa thược dược của chị Lan mua sáng nay / tươi.*

Trong tiếng Việt, trật tự từ trong câu, sự có mặt hay vắng mặt của các từ quan hệ,... giữ một vai trò hết sức quan trọng. Chỉ cần đổi trật tự từ hoặc thêm hay bớt đi một từ quan hệ là nội dung của câu hoặc cấu tạo ngữ pháp của câu cũng thay đổi.

Ví dụ:

(1). – *Đây là con gà của mẹ.*

– *Đây là con gà mẹ.*

(2). – ***Qua** buổi giao lưu đã giúp ta hiểu thêm tấm lòng của bạn bè trên khắp mọi miền của Tổ quốc.*

– *Buổi giao lưu đã giúp ta hiểu thêm tấm lòng của bạn bè trên khắp mọi miền của Tổ quốc.*

(3). – ***Anh** dạy **tôi** học ngoại ngữ.*

– ***Tôi** dạy **anh** học ngoại ngữ.*

2. Đặt câu phải hợp logic - ngữ nghĩa

Câu hợp logic – ngữ nghĩa là câu cần đạt được những yêu cầu sau:

a) Câu phải có nghĩa

Câu có nghĩa là câu phải có nội dung, tức là câu khi đọc, hoặc khi nghe mọi người đều có thể hiểu được câu đó muốn nói điều gì.

Theo quan niệm này thì những câu dưới đây (khi đứng độc lập, tách khỏi mối quan hệ với các câu khác trong văn bản) là câu sai về logic – ngữ nghĩa vì nội dung vô nghĩa, đọc lên không ai hiểu gì:

– *Thánh sầu gươm vua gươm tam cò.*

(Kho tàng truyện tiếu lâm Việt Nam)

– *Sông Nhĩ Hà sâu ba mươi sáu thước, chim ăn chim béo, cá không ăn cá bay về núi Hồng Sơn. Nhớ thuở xưa vua Thân Nông giá sắt, vua Đế Thuấn canh vên, cùng quăng cùng quăng, cùng quăng, tổng bắt ngoại bò vàng chi liếm lá !...*

(Giai thoại văn học Việt Nam)

b) Câu phải phù hợp với logic tồn tại, vận động của đối tượng

Điều này đòi hỏi mỗi câu viết ra phải phản ánh đúng quy luật tồn tại hoặc vận động của bản thân đối tượng được trình bày trong câu. Câu phản ánh không đúng bản chất, phản ánh sai logic tồn tại, vận động của đối tượng là câu sai.

Ví dụ:

Lần sau, mẹ chồng bảo chị luộc năm quả trứng. Trứng chín chị ta ăn nghiền đi hai quả. Đến bữa, mẹ chồng ngạc nhiên hỏi:

– *Sao luộc năm quả mà chỉ còn lại ba?*

Chị ta thản nhiên trả lời:

– *Tại trứng nó ngọt đi đấy, mẹ ạ !*

(Kho tàng truyện tiếu lâm Việt Nam)

Câu "Tại trứng nó ngọt đi đấy, mẹ ạ!" là câu phản ánh sai bản chất của đối tượng.

Những câu dưới đây cũng là những câu sai logic – ngữ nghĩa:

– Ông Thanh úp cái mũ lên mặt rồi ngã lưng xuống giường ngủ một giấc đến tận chiều.

(Theo Nguyễn Đức Dân)

– *Họa chẳng có người nhà ông chết nhầm thì có!*

(Kho tàng truyện tiếu lâm Việt Nam)

– *Đậu phụ làng cắn đậu phụ chùa đấy ạ!*

(Kho tàng truyện tiếu lâm Việt Nam)

Để câu viết ra phản ánh đúng quy luật tồn tại hoặc vận động của bản thân đối tượng được trình bày, người viết cần chú ý đảm bảo tuân thủ đúng quy luật về các mối quan hệ không gian, thời gian, nhân quả, tăng tiến, nhượng bộ,... giữa các bộ phận câu, giữa các thành phần trong câu.

c) Phải nhất quán trong việc trình bày

Điều này đòi hỏi các ý trong câu phải có sự thống nhất với nhau, nghĩa là ý này không được mâu thuẫn, không được phủ định ý khác. Khi trong nội bộ một câu, các ý không nhất quán với nhau, câu đó sẽ bị coi là câu sai.

Ví dụ:

– *Tôi tưởng Nam không đến **hoá ra** Nam không đến thật.*

– *Bây giờ **đã là** 8 giờ, ta cứ **từ từ thôi** cũng vẫn kịp giờ tàu chạy.*

– *Tôi **đã** thuộc lòng những bài thơ anh **sắp** viết.*

3. Đặt câu phải phù hợp với phong cách ngôn ngữ văn bản, phù hợp với phong cách nói, viết

Văn bản bao giờ cũng trình bày theo một phong cách ngôn ngữ nhất định. Với cùng một nội dung nhưng ở những phong cách ngôn ngữ khác nhau sẽ có cách dùng từ, đặt câu, dựng đoạn,... khác nhau. Để lựa chọn được phong cách ngôn ngữ phù hợp với văn bản, ta có thể dựa vào việc trả lời các câu hỏi sau:

– Nói, viết về vấn đề gì (nội dung giao tiếp)?

– Nói, viết để làm gì (mục đích giao tiếp)?

– Nói, viết với ai (nhân vật giao tiếp)?

Có nhiều phong cách ngôn ngữ văn bản khác nhau để người sử dụng lựa chọn: phong cách khoa học, phong cách chính luận, phong cách hành chính, phong cách báo chí. Việc lựa chọn đúng phong cách ngôn ngữ văn bản sẽ giúp người đọc, người nghe hiểu chính xác, nhanh chóng và đầy đủ nội dung trình bày.

Hãy so sánh hai ví dụ dưới đây để thấy sự khác biệt trong cách đặt câu thuộc hai phong cách khác nhau:

– Rừng tre, nứa ở nước ta có nhiều loài, nhưng thông dụng nhất có khoảng 30 loài như: tre trinh, tre hoa, tre vầu, luồng, giang, lồ, nứa, trúc,... Các loại tre, nứa này phân bố ở Tây Bắc, Việt Bắc, Đông Nam Bộ.

(Theo Việt Nam đất nước giàu đẹp)

– Nước Việt Nam xanh muôn ngàn cây lá khác nhau. Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý, nhưng thân thuộc nhất vẫn là tre nứa. Tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ, lũy tre thân thuộc làng tôi,... đâu đâu cũng có nứa tre làm bạn.

(Thép Mới)

Văn bản có thể tồn tại ở dạng nói và dạng viết. Mỗi dạng có những đặc điểm riêng của mình về mặt sử dụng ngôn ngữ, trong đó có việc đặt câu. Ở dạng viết văn bản thường xuất hiện những câu đầy đủ hai thành phần nòng cốt, câu văn dài, kết cấu chặt chẽ, nhiều tầng bậc...; trong khi đó, ở dạng nói của văn bản, câu tỉnh lược các thành phần, câu văn ngắn, có cấu trúc đơn giản, giàu hình ảnh,... lại xuất hiện với tần số khá lớn.

Ví dụ:

– Không còn nghi ngờ gì nữa, mình đã về trên đất nước cha ông rồi, bao nhiêu danh lam thắng cảnh của năm châu cũng không thấy đậm thắm như hình ảnh kia, một con cò tung cánh bay giữa đồng ruộng xanh tươi...

(Nguyễn Khắc Viện)

– À thằng này giỏi! Tao nuôi mày của chất cao hơn người, thử hỏi mày đã làm được gì báo đáp chưa mà tấp tễnh, học đòi phá của đấy hử?

(Nguyễn Kiên)

Như vậy nói, viết đúng phong cách văn bản là điều chúng ta cần hết sức chú ý trong việc đặt câu nói riêng và việc sử dụng ngôn ngữ của mình nói chung.

4. Luyện tập

Bài tập 1

Những kết hợp dưới đây đã thành câu chưa, vì sao?

- Con mèo ấy
- Con mèo đen ấy
- Con mèo đen đang ăn cơm ấy
- Con mèo đen đang ăn cơm ở góc nhà ấy
- Con mèo đen của gia đình anh Nam
- Con mèo đen của gia đình anh Nam ấy
- Con mèo đen của gia đình anh Nam mới mua hôm qua ấy

Bài tập 2

Trong số những kết hợp dưới đây, hãy đánh dấu vào những kết hợp đã thành câu:

- a) – Bông hoa đã nở ấy
- Bông hoa ấy đã nở.
- b) – Tờ báo ấy chị Lan vừa mua hôm qua.
- Tờ báo chị Lan vừa mua hôm qua ấy.

- c) – Đó là quyển sách của mẹ.
- Quyển sách đó của mẹ.
- Quyển sách mẹ mua đó.
- Mẹ mua quyển sách đó.

Bài tập 3

Hãy đánh dấu vào câu được coi là cách viết đúng:

- a) Đại hội các cô nuôi dạy trẻ tiên tiến lần thứ tư đã được khai mạc sáng nay tại Nhà hát thành phố.
- b) Các cô nuôi dạy trẻ tiên tiến đã khai mạc đại hội lần thứ tư vào sáng nay tại Nhà hát thành phố.
- c) Sáng nay tại Nhà hát thành phố, đại hội các cô nuôi dạy trẻ tiên tiến lần thứ tư đã được khai mạc.
- d) Đại hội lần thứ tư của các cô nuôi dạy trẻ tiên tiến đã được khai mạc sáng nay tại Nhà hát thành phố.
- e) Tại Nhà hát thành phố, sáng nay các cô nuôi dạy trẻ tiên tiến đã khai mạc đại hội lần thứ tư.

Bài tập 4

Câu nào sai trong số những câu dưới đây:

- a) – Tre giữ làng, giữ nước.
- Tre, giữ làng, giữ nước.
- b) – Quyển sách này, tôi đã đọc nhiều lần.
- Quyển sách mà tôi đã đọc nhiều lần này.
- Quyển sách này, tôi đã nhiều lần đọc.
- Tôi đã đọc nhiều lần quyển sách này.
- Quyển sách mà nhiều lần tôi đọc này.
- Quyển sách lần này tôi đọc.
- Quyển sách tôi đọc lần này.
- c) – Em tôi là một đứa trẻ thông minh.
- Trẻ thông minh là em tôi.
- Em tôi nó là đứa trẻ thông minh.
- d) – Hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ dũng cảm trong chiến đấu, chan chứa yêu thương trong tình đồng chí, đồng đội.
- Anh bộ đội Cụ Hồ dũng cảm trong chiến đấu, chan chứa yêu thương trong tình đồng chí, đồng đội.
- Anh bộ đội Cụ Hồ dũng cảm trong chiến đấu, chan chứa yêu thương trong tình đồng chí, đồng đội là hình ảnh đậm nét trong thơ văn kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.

– Hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ dũng cảm trong chiến đấu, chan chứa yêu thương trong tình đồng chí, đồng đội là hình ảnh đậm nét trong thơ văn kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.

Bài tập 5

Câu nào đúng trong số các câu dưới đây:

- Ở đây nhỏ răng không đau.
- Ở đây nhỏ không đau răng.
- Ở đây không làm đau răng khi nhỏ.

Bài tập 6

Chọn cách viết nào trong số các câu sau:

- a) – Vì anh nghỉ mà tôi cũng nghỉ.
 - Vì anh nghỉ nên tôi cũng nghỉ.
 - Vì anh nghỉ, tôi cũng nghỉ.
- b) – Vì mưa càng mạnh, nên gió càng to.
 - Vì mưa càng mạnh, nên gió to.
 - Vì mưa mạnh nên, gió càng to.
 - Vì mưa mạnh, nên gió to.
 - Mưa mạnh, nên gió càng to.
 - Mưa mạnh, nên gió to.
 - Mưa mạnh, gió to.
 - Mưa càng mạnh, gió to.
 - Mưa càng mạnh, gió càng to.

Bài tập 7

Các câu dưới đây có thể hiểu theo những cách nào:

- Khi ăn cơm không được uống thuốc.
- Bò cày không được giết.
- Cô giáo mới vừa đến.

Bài tập 8

Hãy chỉ ra chỗ khác nhau trong việc đặt câu ở những phần trích thuộc các phong cách khác nhau dưới đây:

a) – Làng xóm ta xưa kia lam lũ quanh năm mà vẫn quanh năm đói rách. Làng xóm ta ngày nay bốn mùa nhộn nhịp cảnh làm ăn tập thể. Đâu đâu cũng có trường học, nhà gửi trẻ, nhà hộ sinh, câu lạc bộ và kho của hợp tác xã. Đời sống vật chất ngày càng ấm no, đời sống tinh thần ngày càng tiến bộ.

(Hồ Chí Minh)

– Nhìn xuống cánh đồng có đủ các màu xanh: xanh pha vàng của ruộng lúa, xanh rất mượt của lúa chiêm đang thì con gái, xanh đậm của những rặng tre, đây đó một vài

cây phi lao xanh biếc và rất nhiều màu xanh khác nữa. Cả cánh đồng thu gợn trong tâm mắt, làng nối làng, ruộng tiếp ruộng. Cuộc sống ở đây có một cái gì mặn mà, ấm áp.

b) – Sông Đà dài 910 km từ Vân Nam vào nước ta theo hướng tây bắc – đông nam gần như song song với sông Hồng. Đoạn chảy ở địa phận nước ta dài trên 500km. Qua Lai Châu, dòng sông chảy trong một thung lũng sâu giữa khối cao nguyên đá vôi vùng Tây Bắc nên lắm thác, ghềnh và đi qua những hẻm hùng vĩ. Đến Hoà Bình, gặp núi Ba Vì, sông quặt lên phía bắc rồi đổ vào sông Hồng ở Thái Bình.

(Theo SGK Địa lí)

– Sông Đà khai sinh ở huyện Cảnh Đông tỉnh Vân Nam, lấy tên là Li Tiên mà đi qua một vùng núi ác, rồi đến gần nửa đường thì xin nhập quốc tịch Việt Nam, trưởng thành mãi lên và đến ngã ba Trung Hà thì chan hoà vào sông Hồng. Từ biên giới Trung – Việt tới ngã ba Trung Hà là 500 cây số lượn rông rảnh, và tính toàn thân sông Đà thì chiều dài là 888 nghìn thước mét.

(Nguyễn Tuân)

Bài tập 9

Những câu văn dưới đây thuộc dạng nói hay viết? Vì sao?

– *Thôi, chú đừng giận. Tôi mời chú ăn cơm để anh em tâm sự. Với lại tôi làm theo di chúc của bà đấy. Hồi bà sắp mất, bà gọi tôi đến bà bảo: Thầy mày đừng đánh giấy cho chú An làm gì. Đường xa, đi lại máy bay máy bò vất vả...*

(Vũ Tú Nam)

– *Ngày mai các em có quyền mơ ước một cuộc sống tươi đẹp vô cùng. Mười mười lăm năm nữa thôi, các em sẽ thấy cũng dưới ánh trăng này, dòng thác nước đổ xuống làm chạy máy phát điện, ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn. Trăng của các em sẽ soi sáng những ống khói nhà máy chi chít, cao thẳm, dài trên đồng lúa bát ngát vàng thơm, cùng với nông trường to lớn, vui tươi.*

Trăng đêm nay sáng quá! Trăng mai còn sáng hơn!

(Thép Mới)

– *Các em hiện nay tuổi mười bốn, mười lăm, trong cuộc chạy tiếp đống giữa các thế hệ, các em sẽ tiến lên cầm ngọn đuốc của dân tộc giơ cao lên sáng ngời! Đối với tiếng Việt cũng vậy, những người ngày mai rất gần đây giữ gìn và phát triển tiếng Việt là các em! Tâm hồn nhạy bén, trong sáng dào dạt của các em sẽ đưa đến những kho tàng mới cho tiếng Việt. Ngay từ bây giờ, các em phải có ý thức ấy. Các em yêu mến hãy nghĩ xem! Còn gì sung sướng hơn được làm lụng đổ mồ hôi trên đất nước của Tổ quốc liên một khối từ Lạng Sơn đến Cà Mau, đất nước mà hiện giờ ta đang phải lấy cả máu mình để bảo vệ; còn gì sung sướng hơn được nói, viết, học tiếng Việt, tâm hồn ta gần làm một với tinh hoa tiếng nói Việt Nam yêu quý!*

(Xuân Diệu)

Bài tập 10

Hãy thay những từ ngữ được in đậm trong các câu văn thuộc dạng nói dưới đây bằng những từ ngữ tương đương trong văn viết:

– *Thôi, cứ nhớ những lời anh em **bàn góp** như vậy mà về **xử sự** cho nó **ổn** đi.*

(Nguyễn Thế Phương)

– *Bây giờ chết nổi gì cũng trắng tay, chẳng có gì mà giúp cho cháu được.*

(Nguyễn Đình Thi)

– *Tình tôi cũng thế đấy. Mớ vào việc gì cũng muốn cưa đứt đục suốt. Tôi ghét nhất sự làm ăn quá quác, cứ y như chuột vầy cháo ấy.*

(Đỗ Chu)

III. CHỮA CÂU SAI

1. Một số điều lưu ý trong việc chữa câu sai

Viết câu sai có nhiều nguyên nhân. Loại trừ trường hợp viết câu sai không phải là do năng lực hạn chế, do trình độ kém cỏi mà chủ yếu là do người viết vội vàng, cẩu thả nên dẫn tới chỗ viết sai, ta có thể nêu lên một số nguyên nhân chính của việc viết câu sai như sau:

– *Người viết thiếu những hiểu biết về ngôn ngữ học nói chung và ngữ pháp tiếng Việt nói riêng, đặc biệt là cú pháp tiếng Việt.* Vì thế, khi đặt câu, người viết không biết thế nào là một câu đúng ngữ pháp, không biết câu đã đủ các thành phần cần thiết chưa, không hiểu mối quan hệ ngữ pháp, ngữ nghĩa giữa các câu ra sao,... nên từ đó dẫn đến chỗ viết sai.

– *Do năng lực tư duy của người viết kém, do đó suy nghĩ của họ thường thiếu chặt chẽ, sắp xếp nội dung lộn xộn, các ý được thể hiện không có sự mạch lạc, thiếu trong sáng.* Chính năng lực tư duy kém cùng với sự non yếu trong hiểu biết về ngôn ngữ học đã khiến cho người viết viết không thành câu, khi thì kết cấu rời rạc, khi thì kết cấu không đầy đủ, khi thì không xác định được mối quan hệ của các thành phần trong câu,... Do tư duy kém nên người viết thể hiện các ý ra cũng không rành mạch khiến cho người đọc không hiểu người viết muốn trình bày điều gì.

– *Do trình độ văn hoá và sự hiểu biết chung về các mặt của đời sống xã hội của người viết còn những khiếm khuyết.* Điều này khiến cho các câu tạo ra thường mắc những sai lầm về nội dung logic – ngữ nghĩa và từ đó làm cho câu viết ra cũng bị sai.

Câu sai có nhiều kiểu khác nhau, vì thế chữa câu sai cũng tùy thuộc vào kiểu sai cụ thể mới có khả năng định ra một cách chữa phù hợp nhất. Vì vậy, khó có thể có một chỉ dẫn chung dùng để chữa đúng cho mọi lỗi sai về câu. Tuy thế, để chữa được câu sai, ta có thể thống nhất với nhau ở những điểm cơ bản sau:

– *Cần nắm vững tiêu chí của một câu đúng.* Chỉ khi biết câu thế nào là viết đúng mới có thể chữa được câu sai. Đúng ở đây không phải chỉ là đúng ngữ pháp, mà còn cần phải đảm bảo đúng ngữ nghĩa – đúng logic, đúng phong cách và đúng trong mối quan hệ liên kết câu trong toàn văn bản.

– *Khi đã biết câu sai, muốn chữa được, cần phải theo dõi mạch nội dung thông tin để tìm hiểu xem câu bắt đầu đứt mạch, khó hiểu hoặc không hiểu được từ phân nào, ý nào.* Khi phát hiện đúng được điểm sai, ta rút gọn để tìm cấu trúc nòng cốt phù hợp với nội dung cần thể hiện. Cuối cùng đề xuất cách sửa chữa.

– Khi chữa xong, cần *kiểm tra lại câu chữa* xem đã đúng với tổ chức nội tại của câu chưa và có thống nhất nghĩa với các câu khác trong văn bản không. Nếu chưa đạt yêu cầu thì xem xét lại và tìm cách chữa khác cho phù hợp.

2. Chữa một số lỗi câu thường gặp

a) Lỗi do câu thiếu chủ ngữ

Ví dụ: *Qua nhân vật chị Sứ thấy rất rõ lòng yêu quê hương, yêu làng xóm thiết tha của người dân Việt Nam.*

Câu này sai vì người viết lầm tưởng bộ phận "*Qua nhân vật chị Sứ*" là chủ ngữ của câu. Thật ra, bộ phận này chỉ là trạng ngữ, một thành phần phụ của câu. Có thể chữa lại câu này như sau:

Qua nhân vật chị Sứ, chúng ta thấy rất rõ lòng yêu quê hương, yêu làng xóm thiết tha của người dân Việt Nam.

Những câu dưới đây cũng mắc lỗi tương tự:

– *Trong tác phẩm Tắt đèn đã thể hiện đậm nét những phẩm chất tốt đẹp của người dân lao động, đặc biệt là người phụ nữ lao động.*

– *Ở người thanh niên cộng sản ấy luôn luôn tin vào sự tất thắng của cách mạng Việt Nam.*

b) Lỗi do câu thiếu vị ngữ

Ví dụ: *Thầy Nam, thầy hiệu trưởng gương mẫu, tận tụy hết lòng vì học sinh thân yêu, người thầy được nhiều vị phụ huynh yêu mến.*

Câu này sai vì người viết đã kéo quá dài phần phụ giải thích "thầy hiệu trưởng gương mẫu, tận tụy hết lòng vì học sinh thân yêu, người thầy được nhiều vị phụ huynh yêu mến" nên họ lầm tưởng phần này là phần vị ngữ của câu. Có thể chữa lại câu này theo hai cách:

– Cách 1, biến bộ phận phụ giải thích thành bộ phận vị ngữ bằng cách thêm từ *là* vào sau chủ ngữ *thầy Nam*: *Thầy Nam là thầy hiệu trưởng gương mẫu, tận tụy hết lòng vì học sinh thân yêu, người thầy được nhiều vị phụ huynh yêu mến.*

– Cách 2, thêm bộ phận vị ngữ vào cho câu: *Thầy Nam, thầy hiệu trưởng gương mẫu, tận tụy hết lòng vì học sinh thân yêu, người thầy được nhiều vị phụ huynh yêu mến, đang trò chuyện vui vẻ với các bạn đồng nghiệp.*

Câu dưới đây cũng mắc lỗi tương tự như câu vừa dẫn trên:

Hồ Chủ tịch, vị cha già kính yêu của dân tộc, lãnh tụ thiên tài của cách mạng Việt Nam, người kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam.

c) Lỗi do câu thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ

Ví dụ: *Trong các tác phẩm dân gian, bằng sự hóm hỉnh, bằng trí tuệ thông minh sắc sảo, bằng nghệ thuật gây cười độc đáo và đả kích sâu cay của mình với bọn thầy bói, thầy cúng tham ăn, tham uống.*

Câu này sai vì người viết mới xác lập được các thành phần trạng ngữ, nhưng vì số lượng trạng ngữ nhiều mà câu lại dài nên người viết đã quên không viết tiếp thành phần nòng cốt của câu. Vì vậy, để câu này trở thành câu đúng ngữ pháp, ta cần phải thêm vào

cho câu một kết cấu nòng cốt chủ – vị phù hợp với các thành phần trạng ngữ đã có. Câu này có thể chữa lại như sau:

Trong các tác phẩm dân gian, bằng sự hóm hỉnh, bằng trí tuệ thông minh sắc sảo, bằng nghệ thuật gây cười độc đáo và đả kích sâu cay của mình, quần chúng nhân dân đã phê phán mạnh mẽ thói tham ăn, tham uống của bọn thầy bói, thầy cúng.

Câu dưới đây cũng mắc lỗi tương tự như câu trên:

Từ khi anh gia nhập Vệ quốc đoàn, chiến đấu với tinh thần quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh, rồi lên đường tham gia các chiến dịch trong cuộc kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mĩ, đến khi nhận quyết định về hưu với quân hàm trung tá.

d) Lỗi do thiếu một vế trong câu ghép

Lỗi này là loại lỗi do người viết dùng cặp từ quan hệ hô ứng để tạo câu nhưng do mới chỉ có một vế câu xuất hiện còn vế kia chưa có nên dẫn tới câu sai.

Ví dụ: **Mặc dù** quân giặc đã dùng mọi thủ đoạn dụ dỗ và dùng mọi cực hình tra tấn chọi hết sức dã man.

Câu này có cấu trúc đầy đủ sẽ gồm hai vế là: *mặc dù... / nhưng...* Thế nhưng câu này mới chỉ xuất hiện vế thứ nhất, thiếu vế thứ hai nên dẫn tới câu sai. Để chữa lại, cần viết thêm vế thứ hai cho cấu trúc câu được hoàn chỉnh. Có thể chữa như sau:

*Mặc dù quân giặc đã dùng mọi thủ đoạn dụ dỗ và dùng mọi cực hình tra tấn hết sức dã man, **nhưng** chọi vẫn không chịu đầu hàng.*

Những câu dưới đây cũng mắc lỗi tương tự như câu trên:

– *Tố Hữu không những là nhà thơ suy nghĩ qua âm nhạc, suy nghĩ trong âm nhạc.*

– *Sở dĩ chúng ta còn một số chưa yên tâm công tác, còn thắc mắc nhiều về tiến độ, về sự đãi ngộ.*

– *Nếu ai đã từng làm quen với hình tượng người nông dân với cuộc sống vất vả, cực nhọc, tới thăm ở nông thôn Việt Nam trong các tác phẩm văn học trước Cách mạng tháng Tám.*

e) Lỗi do chập cấu trúc câu

Đây là loại câu sai do người viết lấy một phần hay toàn bộ một cấu trúc này gắn với một phần hay toàn bộ một cấu trúc khác.

Ví dụ: *Sở dĩ em yêu quý con mèo nhà em vì nó hay bắt chuột nên em mới yêu quý nó.*

Câu này, khi phân tích, chúng ta thấy gồm hai cấu trúc câu như sau:

– *Sở dĩ... vì...* (kết quả – nguyên nhân).

– *Vì... nên...* (nguyên nhân – kết quả).

Vì nhập hai cấu trúc lại nên câu này trở thành câu sai. Để chữa câu này, ta chỉ cần giữ lại một trong hai cấu trúc:

– *Sở dĩ em yêu quý con mèo nhà em vì nó hay bắt chuột.*

– *Vì con mèo nhà em hay bắt chuột nên em mới yêu quý nó.*

Dưới đây là những câu mắc lỗi chập cấu trúc.

– *Cuối cùng, thầy hiệu trưởng kêu gọi chúng em hăng hái tham gia đợt trồng cây nhớ ơn Bác Hồ thành công tốt đẹp.*

– *Tôi rất lấy làm sung sướng biết bao.*

g) Lỗi do không có sự phù hợp nội dung ngữ nghĩa giữa các thành phần câu

Đây là loại câu sai do các thành phần câu không có sự phù hợp nghĩa với nhau, các ý không ăn nhập với nhau.

Ví dụ: *Bạn dịch đã tra tấn anh bằng lời lẽ rất man rợ.*

Câu này *tra tấn* và *lời lẽ rất man rợ* không phù hợp nghĩa nên dẫn tới câu sai.

Nguyên nhân chính dẫn đến loại lỗi này là do năng lực tư duy của người viết kém. Để chữa câu sai loại này cần xem xét kĩ các thành phần câu và xác lập đúng đắn mối quan hệ nghĩa giữa các thành phần đó. Với câu trên, ta có thể chữa lại như sau:

Bạn dịch đã tra tấn anh bằng những ngón đòn rất man rợ.

Những câu dưới đây cũng mắc lỗi tương tự như câu trên:

– *Trong tác phẩm **Rừng xà nu**, hình ảnh cụ Mết luôn luôn thể hiện được bản chất tốt đẹp của người dân Việt Nam.*

– *Qua nhân vật Chí Phèo, chúng ta thấy tất cả bản chất xấu xa, bỉ ổi của bọn cường hào gian ác ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng.*

3. Luyện tập

Bài tập 1

Đánh dấu vào những câu được coi là đúng.

– *Lan học giỏi nhưng lười học.*

– *Lan học giỏi và lười học.*

– *Lan càng học giỏi càng lười học.*

– *Lan vừa học giỏi vừa lười học.*

– *Không những Lan học giỏi mà còn lười học.*

– *Nếu Lan học giỏi nhưng Lan lại lười học.*

Bài tập 2

Các câu dưới đây có mắc lỗi về thiếu thành phần nòng cốt câu hay không? Nếu sai, hãy chữa lại cho đúng.

– *Qua việc học tập môn Lịch sử đã làm cho chúng em thêm tự hào với truyền thống quật cường của dân tộc.*

– *Với chất lượng sản phẩm hàng hoá như hiện nay đáng để cho chúng ta lạc quan, tin tưởng vào chất lượng hàng sản xuất ở trong nước.*

– *Vì sự nghiệp giáo dục, vì trách nhiệm đối với thế hệ trẻ, cần cố gắng dạy tốt hơn nữa.*

Bài tập 3

Các câu dưới đây mắc lỗi thiếu cả hai thành phần chính của câu. Hãy chữa lại cho đúng.

– *Nhờ sự đoàn kết nhất trí của toàn dân, toàn quân trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.*

– *Từ những ngày đầu tiên cắp sách đến trường làng đến lúc trưởng thành bước chân vào cổng trường đại học.*

– Khi đối chiếu, so sánh những câu thơ trong **Truyện Kiều** với những bài ca dao dân ca.

– Để hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng thuế đối với Nhà nước.

– Dù chúng ta phụ trách công tác gì, ở bất kì cương vị nào, và bất cứ hoàn cảnh nào.

– Để Tổ quốc được độc lập, thống nhất, nhân dân được sống trong hoà bình, ấm no, hạnh phúc.

Bài tập 4

Hãy phát hiện và chữa lỗi trong việc viết các câu ghép sau:

– Giai cấp vô sản và nhân dân thế giới không những đấu tranh xoá bỏ áp bức, bóc lột, thực hiện cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ.

– Nhân dân thà hi sinh tất cả vì độc lập, tự do của đất nước.

– Giặc càng điên cuồng chống chọi thêm tội ác, càng gieo rắc đau thương trên khắp đất nước ta bao nhiêu.

– Nếu trong lòng ta, tình yêu Đảng, yêu nhân dân mà kém phần nồng nhiệt.

– Tuy Lan là một học sinh gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống gia đình nghèo, bố mẹ bệnh tật, ông bà già yếu và bản thân phải lăn lộn kiếm sống.

Bài tập 5

Hãy chữa lỗi không phù hợp giữa các thành phần câu.

– Sau khi thi được vào đại học, mẹ đã cho tôi đi tham quan nhiều danh lam thắng cảnh của Tổ quốc.

– Được giữ chân đội trưởng, tôi thấy anh nhìn tôi với con mắt thiện cảm hơn trước đây rất nhiều.

– Mắt đăm đăm nhìn ra cửa bể, ta thấy Kiều buồn bã nghĩ tới tương lai tối tăm mù mịt của mình.

– Muốn chiến thắng ta phải chủ động tiến công.

– Nguyễn Du đã lên án xã hội phong kiến thối nát, mục ruỗng vì chính Nguyễn Du đã xuất thân từ tầng lớp xã hội ấy.

Bài tập 6

Trong những đoạn trích dẫn dưới đây, câu nào sai hãy sửa lại cho đúng.

– Rất vui mừng chào đón những đại diện ưu tú của bộ đội Trường Sa thay mặt cho lực lượng quân đội anh hùng đã đại diện cho chúng ta về đây gặp mặt chúng ta trong buổi họp mặt ngày hôm nay làm cho chúng ta hết sức vui mừng, phấn khởi vì chúng ta đã có người đại diện xứng đáng.

– Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Bác Hồ luôn luôn dành muôn vàn tình thương yêu cho các cháu thiếu nhi đã được ghi lại thật sâu đậm trong nhiều bài thơ của Bác ngay cả từ trước Cách mạng tháng Tám, khi còn bị giam giữ trong chốn lao tù của chế độ Tưởng Giới Thạch.

– Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam. Tác phẩm của Người luôn luôn chứa chan một tình thương mệnh mông, sâu sắc đối với đất nước và con người.

– Dân tộc ta, non sông đất nước ta tự hào đã sinh ra một con người vĩ đại. Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vô cùng kính yêu của nhân dân Việt Nam.

– Trong tác phẩm **Truyện Kiều** của đại thi hào Nguyễn Du đã tỏ ra rất tài tình trong việc khắc hoạ ngoại hình nhân vật. Với Nguyễn Du, việc miêu tả diện mạo, phục sức, dáng điệu của nhân vật. Đó không bao giờ chỉ đơn thuần là sự vẽ lại hình dáng bề ngoài. Ngược lại, dưới ngòi bút của bậc thiên tài ấy, cái dáng vẻ bề ngoài luôn luôn giúp cho người đọc hình dung rõ hơn bản chất, tính cách bên trong.

– Nếu ai đã từng quen với hình tượng người nông dân và cuộc sống tối tăm ảm đạm của nông thôn Việt Nam trong văn chương hiện thực 1930 – 1945 đến những con người mới, cuộc sống mới sôi nổi khí thế anh hùng cách mạng ở nông thôn miền Bắc hiện tại trong văn học từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay.

– Đến đây, chúng ta có quyền khẳng định rằng, bằng những câu ca dao trào phúng và những truyện cười dân gian là những vũ khí đấu tranh giai cấp sắc bén của nhân dân lao động.

– Vì chúng ta là những người cùng hoàn cảnh và xuất phát từ nông dân cần lao mà ra thì mới hiểu hết được sự sung sướng của những ngày độc lập, tự do này.

– Từ anh chiến sĩ ngày đêm ngồi trên mâm pháo bảo vệ bầu trời Tổ quốc, từ anh lính đảo Trường Sa tinh táo, cảnh giác bảo vệ vùng biển thân yêu của chúng ta đến các chị em nông dân ngày đêm miệt mài trên đồng ruộng, các chú các bác công nhân không quản mưa nắng ngày ngày vào hầm lò, tới công trường, đến nhà máy để làm giàu thêm nữa cho Tổ quốc.

– Tuy chị Dậu là người yêu chồng, thương con hết mực nhưng chị rất căm thù bọn người nhà lí trưởng.

– Khắp nơi trên đất nước ta, biết bao hình ảnh phụ nữ làm bí thư, làm chủ tịch hoặc giữ những cương vị quan trọng khác trong đời sống xã hội.

PHẦN BỐN

LUYỆN KỸ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN

I. YÊU CẦU CHUNG CỦA VIỆC VIẾT ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

Đoạn văn là một đơn vị tạo thành văn bản, trực tiếp đứng trên câu, được mở đầu bằng chữ lùi đầu dòng, viết hoa và kết thúc bằng dấu ngắt đoạn.

Theo cách hiểu này về đoạn văn, chúng ta thấy: một mặt, đoạn văn vừa cần phải đảm bảo được sự thống nhất nội tại giữa các câu trong đoạn; mặt khác, đoạn văn vừa cần phải thể hiện được những mối quan hệ giữa các đoạn văn khác trong cùng văn bản. Nói một cách khác, đoạn văn vừa phải đảm bảo được tính hướng nội (để duy trì mối quan hệ giữa các câu trong đoạn, để tách biệt được nó với các đoạn văn khác), vừa phải đảm bảo được tính hướng ngoại (để duy trì mối quan hệ giữa các đoạn trong văn bản, để chứng tỏ nó là một phần của văn bản).

Chúng ta hãy cùng xét văn bản dưới đây.

DÂN CHƯA MUA CỔ PHIẾU?

Người có ít tiền thường đầu tư vào ba lĩnh vực sau đây: mua trái phiếu kho bạc Nhà nước, gửi tiền vào ngân hàng thương mại và góp vốn xây dựng công ti.

Tỉ lệ sinh lời tính trên vốn đầu tư, ứng với mức sinh lời hàng năm của tiền tệ theo thứ hạng từ thấp lên cao. Mua trái phiếu kho bạc lãi suất thấp nhất nhưng lại an toàn nhất, vì cho Nhà nước vay tiền không sợ mất vốn. Gửi tiền vào ngân hàng thương mại, lãi suất cao hơn, nhưng nếu ngân hàng thương mại phá sản, việc rút vốn tiền gửi sẽ khó khăn, có khi bị mất. Đầu tư tiền vào công ti cổ phần – tức là mua cổ phiếu công ti – lãi suất hay còn gọi là cổ tức hàng năm thường cao hơn nhiều. Tuy vậy, nó chứa đựng nhiều rủi ro, có khi mất trắng. Bởi vậy, người ta đã tổng kết rằng: lãi suất càng cao, độ rủi ro càng lớn.

Đầu tư vào cổ phiếu công ti, coi như gửi vốn vào công ti. Trên cổ phiếu công ti có in dòng chữ "Chỉ được rút vốn ra khi công ti giải thể". Khi đó, mệnh giá cổ phiếu phụ thuộc vào kết quả thanh lí tài sản công ti do luật pháp quy định. Người sở hữu cổ phiếu, khi giải thể công ti, giá trị thực tế cổ phiếu có thể cao hơn hoặc thấp hơn mệnh giá.

Tuy vậy, về mô hình kinh tế trong cơ chế thị trường lại chủ yếu là công ti hoặc tổng công ti. Vì một lẽ không một cá nhân nào đủ vốn để xây dựng một doanh nghiệp tư nhân đủ mạnh. Đây là hình thức "tập trung tư bản", từ các nguồn vốn nhỏ thành nguồn vốn lớn. Mặt khác nó còn thể hiện được hai mặt: sở hữu và sử dụng vốn tiền tệ. Sở hữu cổ phiếu là của cổ đông, tức là cổ đông có quyền sở hữu một phần giá trị của công ti. Thế nhưng, sử dụng vốn từ cổ phiếu là quyền của Hội đồng quản trị và Giám đốc điều hành công ti, với mục tiêu đem lại cổ tức cho mỗi cổ đông ngày một cao. Nhưng không phải công ti nào cũng đạt được mục tiêu ấy.

Công ti phát hành cổ phiếu xây dựng công ti là đã hình thành thị trường sơ cấp của thị trường chứng khoán. Thị trường này làm cho vốn của người đầu tư trở thành cứng nhắc,

tức là không thể biến cổ phiếu thành tiền để giải quyết nhu cầu cuộc sống đòi hỏi. Để giải quyết mâu thuẫn này, đòi hỏi một thị trường mới, để bán và mua các cổ phiếu đã phát hành. Thị trường này gọi là thị trường chứng khoán thứ cấp.

Hiện nay, ở nước ta, người dân có tiền chỉ biết mua trái phiếu kho bạc Nhà nước hoặc gửi vào ngân hàng thương mại để hưởng lãi suất đã biết trước. Nhân dân ta chưa có thói quen đầu tư vốn vào thị trường chứng khoán để xây dựng công ti. Mặt khác, việc hoán vị cổ phiếu thành tiền khi cần thiết chưa có thị trường thực hiện, nên người dân không muốn đầu tư cổ phiếu. Vô tình chúng ta đã biến nhân dân có tiền nhàn rỗi thành "tư bản thực lợi" và luôn luôn đòi hỏi ngân hàng thương mại trả lãi suất cao.

Như vậy, một thị trường chứng khoán ra đời ở nước ta là cần thiết.

(Phan Lê, *Thời báo kinh tế Việt Nam*)

Theo dõi văn bản này, chúng ta thấy có bảy chỗ chữ cái lù đầu dòng, viết hoa và bảy chỗ có dấu ngắt đoạn. Chúng ta có thể kết luận rằng văn bản này có bảy đoạn văn, mỗi đoạn là một phần của văn bản *Dân chưa mua cổ phiếu?* và bản thân từng đoạn có sự độc lập tương đối nào đó với các đoạn khác trong cùng một văn bản.

Từ cách hiểu như trên về đoạn văn, để viết được một đoạn văn đúng và hay, chúng ta cần đảm bảo những yêu cầu chủ yếu sau đây:

1. Đoạn văn phải có sự thống nhất về chủ đề

Đoạn văn được coi là sự thống nhất chủ đề khi mà trong suốt quá trình triển khai đoạn văn, tác giả chỉ tập trung viết về cùng một hiện thực (hoặc một vài hiện thực có liên quan chặt chẽ với nhau) và cùng hướng theo một chủ đích nhất định. Nói cách khác, để đoạn văn có được sự thống nhất chủ đề, các câu trong đoạn văn chỉ nên xoay quanh, tập trung nói tới một sự vật, sự việc, hiện tượng hoặc một vấn đề duy nhất nhằm thực hiện tốt nhất hướng đích được đặt ra. Nếu như trong một đoạn văn, ta cần phải nói tới một đối tượng khác nữa thì tốt nhất là nên tách đối tượng đó ra để trình bày trong một đoạn văn khác.

Ví dụ:

Đá quý muốn mang tên ngọc phải hội đủ những yếu tố đặc sắc mà các loại đá thường không có. Đầu tiên, nó phải hoàn toàn trong suốt, không có bọt, cát hoặc bụi, nghĩa là đạt đến độ hoàn hảo. Với kim cương thì phải hoàn toàn không màu; ru-bi (hồng ngọc) phải có màu đỏ máu bô câu; sa-phia (lam ngọc) màu xanh lục phơn phớt sáng. Đó là chuẩn để tăng giá trị viên đá. Tính "quý phái" của đá còn nằm ở đặc tính chiết quang, tán sắc mạnh, tạo ra vẻ sáng rực rỡ, lóng lánh ngũ sắc đầy quyến rũ. Ngoài ra, độ cứng vô địch của kim cương và nhóm kim cương thạch (co-run-dum) làm cho đá quý bền vững với năm tháng, không bao giờ bị cát bụi thời gian làm phai mờ vẻ sáng ngời độc đáo vốn có.

(Nguyễn Ngọc Thạo, *Vén bức màn bí mật về đá quý Việt Nam*)

Đoạn văn này đã có sự thống nhất chủ đề vì trong suốt quá trình triển khai viết đoạn văn, tác giả chỉ tập trung nói tới một hiện thực duy nhất nhằm khẳng định những đặc tính quý của ngọc mà các loại đá bình thường khác không có: *trong suốt* (không đục), *chiết quang* và *cứng*.

Cũng có thể trong một đoạn văn, chúng ta nêu ra hai sự việc hoặc hiện tượng... nào đó. Nhưng điều chúng ta cần phải chú ý là hai sự việc hoặc hiện tượng này nếu đưa vào trong cùng một đoạn văn thì chúng phải có quan hệ rất mật thiết với nhau, thường thì đối tượng nọ làm nền, làm nổi bật cho đối tượng kia.

Ví dụ:

Bầu trời Côn Đảo trong buổi bình minh rất đẹp. Con đường từ Bến Đầm đến nhà lao uốn quanh bờ biển, men theo triền núi, bên trên là cây cối um tùm, bên dưới là sóng trắng vỗ bờ đá dựng. Trên cành cây, chim kêu riu rít. Chị Sáu như say sưa với cảnh tự nhiên. Chị hát theo một con chim hót. Chị rướn đôi tay bị còng chụp một con bướm bay qua. Chị chẳng để ý gì đến bọn lính với súng gươm tua tủa quanh mình.

(Theo SGK Tiếng Việt 9)

Đoạn văn này nêu lên hai đối tượng. Ba câu đầu tập trung thể hiện đối tượng thứ nhất: *cảnh Côn Đảo trong buổi bình minh*. Bốn câu tiếp theo tập trung thể hiện đối tượng thứ hai: *Chị Sáu hiện ngang, bình tĩnh bước ra pháp trường*. Hai đối tượng này có quan hệ rất mật thiết với nhau: đối tượng thứ nhất (*cảnh Côn Đảo trong buổi bình minh*) làm nền, làm nổi bật cho việc trình bày đối tượng thứ hai (*cảnh chị Sáu hiện ngang, bình tĩnh bước ra pháp trường*).

Tuy vậy, để việc luyện viết đoạn văn được tập trung, trong giai đoạn đầu rèn luyện, chúng ta chỉ nên tập trung viết mỗi đoạn văn thể hiện một hiện thực duy nhất.

2. Đoạn văn phải chặt chẽ về lôgic

Tính chặt chẽ về lôgic trong một đoạn văn được đảm bảo bởi sự phù hợp ở mức độ cao giữa *tính lôgic trong việc thể hiện sự tồn tại, vận động của bản thân đối tượng hiện thực đang được tác giả đề cập tới* với *tính lôgic trong việc tác giả trình bày về chính đối tượng đó*.

Để đạt được tính chặt chẽ về lôgic trong việc thể hiện sự tồn tại, vận động của bản thân đối tượng hiện thực đang được đề cập đến trong đoạn văn, ta cần phải chú ý: thể hiện *đầy đủ và chính xác sự tồn tại, vận động của bản thân đối tượng như nó vốn có trong thực tế*. Điều này buộc chúng ta phải đảm bảo tôn trọng hiện thực: chỉ nói tới cái đối tượng có, không nói tới cái đối tượng không có.

Để đạt được tính chặt chẽ về lôgic trong việc trình bày của tác giả về chính đối tượng đó, khi viết đoạn văn ta cần phải chú ý: ý sau không đối lập, không phủ nhận ý trước; ý sau tiếp nối và phát triển ý trước, nhất quán với ý trước; các ý phải được trình bày theo đúng quy luật của nhận thức, của tư duy.

Ví dụ, ta có thể trình bày lần lượt các ý theo quan hệ nguyên nhân– kết quả, giả thiết – kết quả, tăng tiến, nhượng bộ; hoặc ta cũng có thể trình bày các ý theo tầm quan trọng tăng dần hay giảm dần đối với đề tài và chủ đề; hoặc ta cũng có thể trình bày theo trình tự không gian: từ xa đến gần, từ rộng đến hẹp, từ ngoài vào trong hay ngược lại; hoặc ta cũng có thể trình bày theo trình tự thời gian: cái gì diễn ra trước nói trước, cái gì diễn ra sau nói sau... Chính cách thể hiện các ý theo một trình tự hợp lí như vậy tự nó cũng đã giúp cho lôgic của việc trình bày trở nên chặt chẽ.

Dưới đây là một số ví dụ cụ thể:

– Ví dụ 1 (đoạn văn được trình bày theo kiểu nêu liên tục một chuỗi các mối quan hệ nguyên nhân – kết quả):

*Cuộc đời tôi là một chuỗi **nếu như**. Từ nhỏ, tôi chỉ mong muốn làm một ông chủ trại như bố tôi, và không chịu học nếu như mẹ tôi không bắt tôi phải sống ở Luân Đôn. Tôi sẽ trượt trong kì thi vào Trường Đại học Y, nếu như tôi không phải là một thanh niên giỏi bơi lội, có thể đại diện cho nhà trường trong những Ô-lem-píc thể thao của sinh viên. Tôi sẽ suốt đời làm một thầy thuốc nông thôn, nếu như Giáo sư Wright không chọn tôi làm phụ tá cho ông tại phòng thí nghiệm riêng, nơi tôi tìm ra pê-ni-xi-lin. Phát minh này, tôi dự tính phải 15 – 20 năm mới triển khai được trong thực tế, nếu như chiến tranh thế giới không xảy ra, thương vong không nhiều đến mức các loại thuốc chửa kiểm tra cũng được phép sử dụng, thì pê-ni-xi-lin chửa chứng minh được công hiệu của mình và bản thân tôi chửa được Giải thưởng Nô-ben.*

(Lời ông Fleming trả lời các nhà báo nhân dịp ông được nhận Giải thưởng Nô-ben năm 1945, tạp chí *Hoá học ngày nay*, số 3 – 1994)

– Ví dụ 2 (đoạn văn được trình bày theo thứ tự thời gian):

Số 0 không phải tự nhiên mà có, mà là một phát minh lớn của loài người. Vào thế kỉ IV trước Công nguyên, các nhà bác học Ba-bi-lon (phía Nam I-rắc ngày nay) lần đầu tiên nghĩ ra số 0. Họ sử dụng nó trong cách đếm hết sức đặc biệt: hàng đơn vị không gồm 10 con số mà là những 60. Vào khoảng năm 600 sau Công nguyên, các nhà bác học Ấn Độ cũng nghĩ ra số 0. Họ truyền nó cho người Ả-rập cùng với cách viết hàng chục, hàng trăm (hệ đếm thập phân). Đến lượt mình, người Ả-rập lại truyền số 0 cùng với các chữ số khác đã được cải biên cho người châu Âu. Điều này xảy ra vào khoảng năm 1000. Đó chính là mười con số mà chúng ta thường dùng ngày nay 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

(Huy Toàn, *Số 0 không nhỏ*)

Qua hai ví dụ trên, chúng ta đều có thể thấy rằng chính việc trình bày nội dung theo một trình tự hợp lí, nhất quán đã tạo được cho đoạn văn tính lôgic chặt chẽ.

3. Đoạn văn phải phù hợp với phong cách chung của văn bản

Ngoài hai đặc tính: thống nhất về chủ đề và chặt chẽ về lôgic, đoạn văn còn cần phải đảm bảo có sự phù hợp với phong cách nội dung của văn bản. Mỗi phong cách có sự lựa chọn khác nhau về cách cấu tạo đoạn văn, về việc sử dụng các phương tiện liên kết. Bởi vậy, mỗi đoạn văn viết ra vừa cần phải đảm bảo sự thống nhất chủ đề và chặt chẽ về mặt lôgic trong nội bộ đoạn văn, vừa cần phải đảm bảo mối quan hệ chung, sự thống nhất chung về phong cách với các đoạn văn khác trong cùng văn bản.

4. Luyện tập

Bài tập 1

Hãy cho biết văn bản dưới đây gồm mấy đoạn văn? Vì sao?

LOẠN NƯỚC KHOÁNG?

Bây giờ họp hành, tiếp khách, liên hoan,... chỗ nào cũng thấy nước khoáng. Có tới 32 hãng tâm cỡ quốc gia, có tên tuổi, còn nhãn mác tên hiệu mù mờ, nửa ta nửa tây, nửa nước khoáng nửa nước lọc thì không ai đếm được (!).

Đã qua rồi cái thời nước khoáng bị lên án là vẩn đục, có tạp chất. Lọc cho trong suốt dễ ợt, ai chả làm được!

Có lẽ, đã tới lúc chúng ta có thể kết luận: Việt Nam là quốc gia nước khoáng. Chứ sao? Các nước văn minh phát triển họ đều dùng nước tinh khiết. Những người mắc một số bệnh ở thể nhẹ thì dùng một số nước khoáng có các chất giúp cho việc chữa bệnh, có sự hướng dẫn của thầy thuốc. Trên chai nước khoáng đều ghi rõ công thức, giống như một thứ thuốc vậy.

Còn ở ta thì không ưa phức tạp, nước khoáng nào cũng uống, khoẻ như vâm hoặc yếu như sên, uống tất. Khát là uống, không bỏ thượng thì cũng bỏ hạ. Như thế mới là "siêu cường nước khoáng"!

Có nhiều nhà sản xuất "nước khoáng" ở Việt Nam cũng chẳng cần ghi công thức khoa học và cách dùng lên nhãn mác, chỉ cần quảng cáo theo kiểu đây là một phần tất yếu của cuộc sống hoặc dành cho các nhà du hành vũ trụ là đủ. Dân ta vì còn nghèo nên có tâm lí chung là ai cũng muốn thêm phần tất yếu nữa, dù còn gánh gồng chạy bộ nhưng bỏ ra hai kí thóc là một cốc nước "vũ trụ", nghe đã thấy oai!

Chỉ có điều muốn nói: những người có trách nhiệm quản lí sức khoẻ của nhân dân đã có kế hoạch chấn chỉnh "loạn nước khoáng" chưa? Đã đến lúc chúng ta cần một cái "xê pê" về sản xuất và dùng nước khoáng?

(Tuấn Định, báo *Lao động*)

Bài tập 2

Hãy xác định hiện thực được nói tới trong đoạn văn sau:

Hiểu và cảm cho hết cái hay, cái đẹp của văn chương là điều không phải dễ dàng. Không ai dám nói rằng mình hiểu và cảm hết cái đúng, cái hay của bài văn, bài thơ. Chỉ có thể nói: mình đã cố gắng hiểu và cảm hết sức mình. Qua nhiều thời đại khác nhau, mỗi thời hiểu mỗi khác, có cái, thời nào cũng cho là hay, nhưng có cái, thời này cho là hay, thời sau lại cho là dở. Với một người, tuổi trẻ hiểu thế này, tuổi già lại hiểu thế khác, thậm chí lại muốn xoá bỏ cách hiểu cũ. Cùng một thời đại khác nhau, mình hiểu và cảm sâu chỗ này, bạn hiểu và cảm sâu chỗ khác, có điều mình thấy, mà bạn không thấy, và ngược lại. Đặc điểm của văn thơ có giá trị muôn đời là như vậy.

(Theo Lê Trí Viễn)

Bài tập 3

Hãy cho biết hai đoạn văn dưới đây bàn về vấn đề gì.

– *Hoạt động ma-kết-tinh (tiếp thị) là yêu cầu không thể thiếu được đối với kinh doanh hiện đại. Các bạn đều biết, hãng dầu nhớt Castrol, các hãng bia Tiger, Heineken đã nghiên cứu khách hàng Việt Nam cẩn thận như thế nào khi họ vào hoạt động ở thị trường nước ta. Cũng như thế, công ti sơn mài Lam Sơn, Thành Lễ, công ti dệt Thành Công,...*

đã không thể không nghiên cứu khách hàng nước ngoài khi xuất khẩu các sản phẩm của họ ra thị trường nước ngoài.

(Vũ Thế Phú)

– Giao thông vận tải là một ngành sản xuất vật chất độc đáo: nó không làm ra sản phẩm mới như công nghiệp hay nông nghiệp. Sản phẩm của ngành giao thông vận tải chính là sự vận chuyển người và hàng hoá. Vì thế, để đánh giá hoạt động của ngành này, người ta dùng chỉ tiêu: khối lượng vận chuyển (tức số hành khách và số tấn hàng hoá được vận chuyển và khối lượng luân chuyển (tính bằng người / km và tấn / km).

(Theo SGK Địa lí)

Bài tập 4

Những đoạn văn dưới đây có sự thống nhất chủ đề không? Vì sao?

– Khi có dông, ta cần chủ động phòng chống sét. Ta không nên ẩn nấp dưới gốc cây đơn độc, những điểm canh trơ trọi trên bờ đê hoặc giữa cánh đồng. Khi có dông bão, chúng ta cũng không nên sử dụng máy thu thanh, thu hình. Sét rất có khả năng đánh vào chúng ta qua những dụng cụ đó, vì hệ thống điện trong nhà được nối với dây điện ngoài trời.

(Nguyễn Đức Minh,

Hỏi đáp về những hiện tượng vật lí)

– Trước bản, rừng đào đã trút hết lá. Trên những cành khẳng khiu đã lấm tấm những lộc non và lơ thơ những cánh hoa đỏ thắm đầu mùa. Những cây thông già cao vút như bất chấp cả thời tiết khắc nghiệt. Trời càng rét, thông càng xanh. Lá thông vì vu một điệu đàn bất tuyệt.

(Mùa đông trên rẻo cao)

– Kinh nghiệm của hãng sản xuất ô tô Satum cho thấy, toàn bộ các hoạt động của nhân viên đều tuân theo nguyên tắc: "Không phải công ti mà chính khách hàng là người đảm bảo việc làm cho họ". Những công ti nổi tiếng thế giới như IBM, Coca Cola, General Electric, đều rất quan tâm tới việc liên hệ với khách hàng. Ngày nay, càng ngày khách hàng càng khó tính hơn, họ có cơ hội để lựa chọn, họ muốn có sự phục vụ tốt nhưng giá cả phải hợp lí. Vì vậy, giờ đây các nhà tiếp thị phải hiểu và đáp ứng được nhu cầu luôn thay đổi của thị trường. Thay vì quan tâm tới "4 Ps" – sản phẩm, giá cả, địa điểm và khuyến mại – các nhà tiếp thị cần chú ý hơn tới "4 Cs", đó là tiêu chuẩn khách hàng, chi phí, sự tiện lợi và sự tuyên truyền.

(Đặc trưng của những doanh nghiệp thành đạt,

báo Thời báo kinh tế Việt Nam)

– Rồi vườn cây ra hoa. Hoa bưởi nồng nàn. Hoa nhãn ngọt. Hoa cau thoảng qua. Vườn cây lại đầy tiếng chim bay nháy. Những thím chích choè nhanh nhẩu. Những chú khướu lẩm điệu. Những anh chào mào đom đóm. Những bác cu gáy trầm ngâm.

(Nguyễn Kiên)

Bài tập 5

Hãy phân tích sự thống nhất chủ đề trong các đoạn văn sau:

– *Sau trận mưa rào, mọi vật đều sáng và tươi. Những đoá râm bụt thêm màu đỏ chói. Bầu trời xanh bóng như vừa được gội rửa. Mấy đám mây bông trôi nhón nhơ, sáng rực lên trong ánh mặt trời.*

(Vũ Tú Nam)

– *Chúng tôi ra thăm cảnh chợ. Người chen chúc đông vui, náo nhiệt. Màu sắc ngồn ngồn của hoa quả, của áo quần như càng khiến cho cái náo nhiệt tăng thêm. Hoa quả nhiều lạ lùng. Nho chát thành đống lớn như đồi trên các quầy hàng, quả tròn hoặc bầu dục, xanh lơ hoặc tím mọng. Lựu phô màu đỏ chói. Đào vàng mướt mướt lông tơ. Những quả táo to bằng nửa nắm tay, màu xanh non mơn mớn...*

(Bùi Hiển)

Bài tập 6

Hãy sắp xếp các câu dưới đây thành một đoạn văn, sau đó phân tích tính logic của đoạn văn đã thu được đó.

(1). *Nhưng tại sao dân gian chỉ toàn sáng tạo ra truyện tiếu lâm để gây cười mà không tạo ra truyện tiếu lâm để gây khóc.*

(2). *Kể cũng lạ, con người sinh ra từ lúc chào đời là khóc chứ không phải là cười.*

(3). *Vậy thì, xem ra tiếng khóc không phải ít cung bậc và càng không ít ý nghĩa so với tiếng cười.*

(4). *Rồi từ khi sinh ra cho tới khi từ giã cõi trần gian còn có bao nhiêu điều cần khóc, phải khóc.*

(5). *Khóc vì đau khổ, oan ức, buồn tủi, giận hờn, thương cảm, trái ngang và lại cả vì vui mừng, sung sướng, hạnh phúc.*

Bài tập 7

Hãy phân tích tính chặt chẽ về mặt logic của đoạn văn dưới đây:

Chúng ta muốn tuyên truyền quần chúng, phải học cách nói của quần chúng, mới nói lọt tai quần chúng. Tục ngữ có câu: "Học ăn, học nói, học gói, học mở". Nói cũng phải học, mà phải chịu khó học mới được. Vì cách nói của dân chúng rất đầy đủ, rất hoạt bát, rất thiết thực, mà lại rất giản đơn. Anh em đi tuyên truyền chưa học được cách nói đó, cho nên khi viết, khi nói khô khan, cứng nhắc, không hoạt bát, không thiết thực.

(Theo X.Y.Z, Sửa đổi lối làm việc)

Bài tập 8

Hãy phân tích tính thống nhất về chủ đề và chặt chẽ về logic trong đoạn văn sau:

Môi trường không khí ở các nước Đông Nam Á đã bị ô nhiễm nặng do tình trạng sử dụng quá mức các loại xe cộ. Mỗi ngày ở Băng-cốc hơn ba triệu xe tràn ra phố, gây ách tắc giao thông. Mỗi năm thủ đô Thái Lan mất trắng 44 ngày vì tắc nghẽn đường, thiệt hại kinh tế 2,3 tỉ USD; bụi công nghiệp và xe cộ làm mỗi năm hơn một triệu người mắc chứng dị ứng và bệnh phổi. Thủ đô Cu-a-la Lăm-pơ mỗi ngày có 1,4 triệu xe ra đường, đông hơn số dân thành phố. Băng-cốc, Gia-các-ta, Cu-a-la Lăm-pơ được coi là ba trong mười lăm thành phố bẩn nhất châu Á.

Bài tập 9

Hãy chỉ ra những phép liên kết chính được sử dụng để nối các câu, tạo nên tính mạch lạc trong đoạn văn sau:

Bao bì đựng hàng trang trí hình tam giác, hình tròn, hình bán cầu thực ra không đơn giản là vật trang trí. Các loại này được xem là đối thủ cạnh tranh có hiệu quả vì hình thức của chúng kết hợp với những dòng chữ "có tặng phẩm" hay "giảm giá" có tác động rất lớn đến sự chú ý của người mua. Điều này đòi hỏi các nhà sản xuất và bán hàng phải cố gắng thiết kế bao bì ngày càng hấp dẫn hơn, vượt xa đối thủ của mình để thu hút khách hàng.

(Thuý Bình, *Bao bì cuốn hút khách hàng*, báo *Kinh doanh và tiếp thị*)

Bài tập 10

Những yêu cầu chung khi viết đoạn văn được đảm bảo như thế nào trong đoạn văn dưới đây:

Nét đẹp toát lên từ trang phục chỉ là một tiêu chí đánh giá phẩm chất người đẹp theo đúng nghĩa của từ này. Cha ông ta xưa nói "người đẹp vì lụa", nhưng lại cho rằng "cái nét đánh chết cái đẹp". Quan niệm "đẹp người đẹp nét" là sự khái quát chung của phụ nữ, trong đó có sự liên hệ qua lại, bổ sung cho nhau. Còn ngôn ngữ Bun-ga-ri có câu "áo quần quyến rũ lúc gặp mặt, tâm hồn quyến rũ lúc chia tay". Quả vậy, sau cái choáng ngợp ban đầu của hình thức thì cuối cùng đọng lại, cái được đánh giá cao, đích thực bao giờ cũng là yếu tố tâm hồn, cái bên trong. Cho nên, trang phục chẳng khác nào lời quảng cáo hấp dẫn về một kho báu nào đó. Còn số của cái trong kho báu đó thì chỉ sau khi mở cửa ra mới biết. Trang phục của người phụ nữ vì thế cần phải vừa là vẻ đẹp bề ngoài, vừa là sự phát ngôn cho cái "duyên thâm", vẻ đẹp tâm hồn và sức lôi cuốn bên trong. Nét duyên dáng nhìn từ góc độ trang phục sẽ là nét đẹp trí tuệ, là sự vươn lên trong chiều hướng hoàn thiện cái đẹp, cái thẩm mỹ của phụ nữ chúng ta.

(Theo Thanh Đạm, *Trang phục và vẻ duyên dáng thực sự*, báo *Phụ nữ Việt Nam*)

II. LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN CÓ CÂU CHỦ ĐỀ

Câu chủ đề là câu quan trọng nhất của đoạn văn, mang trong mình những thông tin chính của toàn bộ đoạn văn. Khi sử dụng phù hợp, câu chủ đề có những tác dụng rất lớn:

– *Về phía người viết*, câu chủ đề giúp cho việc thể hiện nội dung đúng hướng, duy trì được sự thống nhất chung cho toàn đoạn văn. Chính câu chủ đề giúp cho nội dung đoạn văn chỉ xoay quanh một nội dung chính, tránh được tình trạng viết lan man, dàn trải, không tập trung ý trong quá trình triển khai.

– *Về phía người đọc*, câu chủ đề giúp cho việc xác định được hướng tiếp nhận nội dung một cách nhanh chóng, chính xác; phân biệt được những thông tin chính với các thông tin phụ, bổ sung có trong đoạn văn.

Việc sử dụng câu chủ đề trong đoạn văn nên như thế nào tùy thuộc vào đặc điểm phong cách văn bản, đặc điểm phong cách tác giả và những nội dung cụ thể cần phải triển khai trong văn bản, trong đoạn văn. Tuy vậy, chúng ta vẫn phải khẳng định rằng, việc sử dụng câu chủ đề trong đoạn văn có nhiều lợi ích thiết thực. Bởi vậy, việc luyện viết câu chủ đề trong đoạn văn vẫn là điều cần thiết đối với chúng ta.

Để viết câu chủ đề đạt hiệu quả cao, khi viết chúng ta cần phải chú ý đến những đặc điểm sau đây của câu chủ đề:

1. Về mặt nội dung

Câu chủ đề phải thể hiện được những ý chính, khái quát và định hướng được nội dung triển khai cho toàn bộ đoạn văn.

Ví dụ 1:

Khí hậu và thời tiết có ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải. Ở nước ta, về mùa mưa lũ, hoạt động của ngành vận tải ô tô và đường sắt gặp nhiều trở ngại. Ở những khúc sông, tàu bè chỉ có thể qua lại được trong mùa nước lớn. Còn ở những xứ lạnh, về mùa đông, nước sông đóng băng, thuyền bè không qua lại được, còn các sân bay nhiều khi phải ngừng hoạt động do sương mù dày đặc hay do tuyết rơi quá dày.

(Theo SGK Địa lí 10)

Câu chủ đề trong đoạn văn trên đã nêu lên vấn đề cần bàn luận: ảnh hưởng của khí hậu và thời tiết đến hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải. Các câu tiếp theo trong đoạn văn đã được viết ra theo đúng sự định hướng này trong câu chủ đề.

Ví dụ 2:

Gần đây xuất hiện tình hình loạn mốt làm chóng mặt mọi người mà nguyên nhân chính là người dùng bị động, bắt chước chứ không xuất phát từ một căn cứ thẩm mỹ nào xác đáng. Vừa may chiếc áo, mua đôi giày, uốn tóc theo kiểu A, đang hí hửng, bỗng thấy chị em bạn mặc kiểu áo khác, loại vải khác theo kiểu B lạ hơn, thế là vứt bộ đồ vừa may vào gầm tủ, tức tưởi tìm cách đi may sắm như kiểu của bạn, dù đang túng thiếu, dù không phù hợp với hình thể, thời tiết. Cũng không ít trường hợp mặc áo quần may sẵn ở nước ngoài in những từ chẳng văn minh lịch sự, cũng cứ thản nhiên đi ra đường, vào chợ bởi không biết ngoại ngữ ấy hoặc biết nhưng bất chấp "cứ chơi"...

(Nguyễn Chí Tình, *Loạn mốt*,
báo *Hà Nội mới*)

Trong đoạn văn này, câu chủ đề đã nêu được nội dung chung, khái quát của toàn bộ đoạn văn.

2. Về mặt dung lượng

Câu chủ đề thường có dung lượng không lớn. Trong nhiều trường hợp, câu chủ đề là câu ngắn nhất so với các câu khác trong đoạn văn. Điều này đảm bảo cho các ý chứa trong câu chủ đề cô đọng, nổi bật hơn, và nội dung cần thể hiện cũng sẽ vì thế trở nên rõ ràng hơn, dễ nhận biết hơn đối với người tiếp nhận.

Ví dụ:

Tham nhũng đang là vấn đề được quan tâm hàng đầu ở châu Á. Mới đây, Chính phủ Nam Triều Tiên đã bắt giam hai cựu tướng lĩnh về tội nhận hối lộ một triệu đô la. Giới lập pháp ở Đài Loan hiện phải công khai tài sản của mình và rồi đây các viên chức cao cấp cũng sẽ làm điều đó. Cũng do tham nhũng, Đảng Dân chủ tự do cầm quyền ở Nhật Bản đã mất đa số tại hạ viện.

(Báo Tuổi trẻ, ngày 5–8–1993)

So sánh các câu trong cùng đoạn văn này, ta thấy dung lượng của câu chủ đề nhỏ hơn, nghĩa là số lượng từ ngữ của câu chủ đề ít hơn các câu khác. Điều này đảm bảo cho nội dung được thể hiện trong câu chủ đề nổi bật lên so với những câu khác.

3. Về mặt kết cấu ngữ pháp

Câu chủ đề thường là câu đầy đủ hai thành phần chính. Bởi vậy khi viết câu chủ đề, chúng ta cần viết câu có cả chủ ngữ lẫn vị ngữ. Điều này giúp cho câu chủ đề vừa thể hiện chính xác đối tượng trình bày, vừa thể hiện rõ nội dung trình bày trong đoạn văn.

Theo dõi những ví dụ đã dẫn trong các mục trên, chúng ta thấy các câu chủ đề thường có đủ cả hai thành phần chính:

- *Khí hậu và thời tiết / có ảnh hưởng...*
- *Tham nhũng / đang là vấn đề được quan tâm...*

Chúng ta hãy theo dõi thêm một số câu chủ đề dưới đây về mặt kết cấu cú pháp để thấy rõ hơn về đặc điểm này của câu chủ đề:

- *Tàn phá rừng / cũng là làm mất đi nguồn cung cấp dưỡng khí cho sự sống.*
- *Con người / đang nghiên cứu sử dụng loại nhiên liệu cấu tạo từ hiđrô nặng.*
- *Sau trận mưa rào, mọi vật / đều sáng và tươi.*

Tất cả các câu chủ đề này đều có đầy đủ chủ ngữ và vị ngữ.

4. Về mặt vị trí

Câu chủ đề thường đứng ở vị trí đầu đoạn văn, mặc dù về mặt lí thuyết, câu chủ đề có thể đứng ở bất kì vị trí nào trong đoạn. Đứng ở vị trí đầu như vậy, câu chủ đề được người đọc nhận ra nhanh hơn và cũng vì vậy việc định hướng nắm bắt nội dung cũng sẽ trở nên dễ dàng hơn, chính xác hơn.

a) Câu chủ đề đứng ở vị trí đầu đoạn văn

Ví dụ:

Thiếu chỗ chơi cho trẻ em, tác hại không thể lường hết được. Các em xuống lòng đường đá bóng, lên vỉa hè đánh cầu lông, quật con quay bất cứ chỗ nào... Tất cả đều là mất trật tự, không an toàn cho đường phố. Tất cả đều gây cản trở giao thông và có thể gây ra những trường hợp nguy hiểm khó tránh khỏi. Vì phải tự túc chỗ chơi, không ít em đã trèo cây kêu ve, bắt tổ chim; một số em ra sông, hồ bơi lội,... Nhiều trường hợp đáng tiếc đã xảy ra...

(Hữu Tâm, *Chỗ chơi cho trẻ em, một vấn đề bức xúc, báo Pháp luật và đời sống*)

Đây là đoạn văn có câu chủ đề đứng đầu đoạn. Loại đoạn này còn được gọi là *đoạn diễn dịch*.

b) Câu chủ đề đứng ở vị trí cuối đoạn văn

Ví dụ:

*Làng xóm ta xưa kia lam lũ quanh năm mà vẫn quanh năm đói rách. Làng xóm ta ngày nay bốn mùa nhộn nhịp cảnh làm ăn tập thể. Đâu đâu cũng có trường học, nhà gửi trẻ, nhà hộ sinh, câu lạc bộ, sân và kho của hợp tác xã, nhà mới của xã viên. **Đời sống vật chất ngày càng ấm no, đời sống tinh thần ngày càng tiến bộ.***

(Hồ Chí Minh)

Đây là đoạn văn có câu chủ đề đứng ở vị trí cuối và được coi là câu kết đoạn. Loại đoạn này còn được gọi là *đoạn quy nạp*.

Loại đoạn văn có câu chủ đề đứng ở giữa đoạn là loại đoạn văn rất ít được sử dụng. Vì vậy, trong bước đầu luyện tập xây dựng đoạn văn, chúng ta chỉ tập trung luyện viết đoạn văn có câu chủ đề đứng ở vị trí đầu đoạn và cuối đoạn văn.

Lưu ý:

Có những trường hợp đoạn văn chứa *câu chủ đề kép*. Đó là trường hợp đoạn văn có một câu đứng đầu đoạn nêu nhận xét chung, khái quát; một câu khác đứng cuối đoạn nêu ý kết thúc, khép lại nội dung toàn đoạn. Loại đoạn này còn được gọi là đoạn tổng hợp – phân tích – tổng hợp (viết tắt: *đoạn tổng – phân – hợp*).

Ví dụ:

Văn học dân gian đã đem lại những hiểu biết cực kì phong phú và đa dạng về cuộc sống nhân dân các thời đại.** Văn học dân gian cho ta thấy rõ quan niệm về vũ trụ, về nhân sinh, những kinh nghiệm sản xuất, những tập quán lao động, những quan hệ họ hàng, làng nước, những tín ngưỡng, những phẩm chất đạo đức và những tình cảm nhiều mặt trong đời sống con người. Điều đáng quý ở đây là tính chất cổ xưa và tinh nguyên của nó. **Người đời nay và mai sau có thể qua văn học dân gian mà tái hiện đời sống tinh thần của nhân dân trong quá khứ.

(Theo SGK Văn 10)

Đoạn văn này là đoạn văn có câu chủ đề kép và cũng vì thế đoạn văn này còn được gọi là đoạn văn tổng hợp – phân tích – tổng hợp.

5. Luyện tập

Bài tập 1

Hãy xác định câu chủ đề trong những đoạn văn sau:

– *Gần đây, nhiều công ti nước ngoài đã tỏ rõ sự quan tâm sâu sắc đến việc phát triển ngành công nghiệp khai khoáng của Việt Nam. Tổ hợp các công ti Đức, Nhật Bản và Nam Phi đang xúc tiến xây dựng dự án khả thi khi khai thác mỏ sắt Thạch Khê (Hà Tĩnh) với số vốn đầu tư dự kiến trên một tỉ USD. Tập đoàn LG Goldstar (Hàn Quốc) đã kí kết hợp đồng liên doanh khai thác và chế biến đất hiếm ở Phong Thổ (Lai Châu). Các*

công ti khác của Hàn Quốc, Mỹ, Nhật, Ôt-xtrây-li-a đang xúc tiến đàm phán để đầu tư vào các mỏ đồng ở Sin Quyên (Lào Cai), bauxit ở Di Linh (Lâm Đồng) [...].

*(Bắc Hải, Tiềm năng vẫn nằm dưới đất,
báo Thời báo kinh tế Việt Nam)*

– Thác Y-a-li, một thắng cảnh trên lưng chừng trời. Thác có độ dốc thẳng đứng, chảy mòn đá, tạo thành mười hai bậc từ trên đỉnh núi xuống mặt đất. Nước trút từ trên trời xuống, tạo nên một biển mù đẹp tuyệt vời. Nhất là lúc sắp hoàng hôn, mặt trời xói thẳng vào dòng nước lấp lánh như người ta đang dát một mẻ vàng vừa luyện xong.

(Thiên Lương, Thác Y-a-li)

Bài tập 2

Vì sao những câu in đậm dưới đây lại là câu chủ đề của đoạn văn:

*– **Cũng như đôi môi ở những nơi khác, đôi môi ở Hà Tiên giá trị nhất ở cái mai.** Ở đây, có những con nặng tới bảy, tám chục ki-lô-gam, đường kính của cái mai lên đến gần một mét và có thể bóc lên một ki-lô-gam vảy. Vảy đôi môi được dùng vào nhiều việc, nhất là làm những đồ mỹ nghệ: từ cán dao, gọng kính, hộp thuốc lá cho đến bình cắm hoa, trâm, lược, quạt, giá gương soi,... Tất cả đều là những mặt hàng có giá trị.*

(Theo SGK Địa lí)

*– **Nói chung sét rất nguy hiểm.** Do cường độ dòng điện trong tia sét và áp suất không khí xung quanh tia sét rất lớn, sét có thể đánh chết người và phá hoại các công trình kiến trúc. Người ta tổng kết trong 33 năm của thế kỉ XVIII, sét đã đánh vào 386 gác chuông nhà thờ, nhiều khi giết chết luôn cả những người kéo chuông, mà khi còn sống họ vẫn tin rằng tiếng chuông nhà thờ có thể đẩy lùi được bão táp.*

*(Nguyễn Đức Minh,
Hỏi đáp về những hiện tượng vật lí)*

*– **"Nhật kí trong tù" canh cánh một tấm lòng nhớ nước.** Chân bước đi trên đất Bắc mà lòng vẫn hướng về Nam, nhớ đồng bào trong hoàn cảnh lầm than, có lẽ nhớ cả tiếng khóc của bao nhiêu em bé Việt Nam qua tiếng khóc của một em bé Trung Quốc, nhớ đồng chí đưa tiễn đến ven sông, nhớ lá cờ nghĩa đang tung bay phấp phới. Nhớ lúc tỉnh và nhớ cả trong lúc mơ.*

(Hoài Thanh)

Bài tập 3

Hãy viết thêm câu chủ đề cho hai đoạn văn sau:

– Nhiều tuyến đường bộ như quốc lộ 1, 3, 5, 6,... đã đi qua Hà Nội tạo nên mối liên hệ chặt chẽ giữa Hà Nội với các địa phương khác. Hội tụ về Hà Nội còn có các tuyến đường sắt quan trọng: Hà Nội – Lào Cai, Hà Nội – Thái Nguyên, Hà Nội – Hải Phòng. Mạng lưới đường sông của Hà Nội chủ yếu là sông Hồng. Với cảng Hà Nội, thành phố có thể trao đổi hàng hoá với phần lớn các tỉnh phía Bắc. Đường hàng không với sân bay quốc tế Nội Bài, đã tạo thành chiếc cầu nối giữa nước ta với thế giới.

(Theo Địa lí Hà Nội)

– *Quan lại vì tiền mà bất chấp công lí, sai nha vì tiền mà tra tấn cha con Vương Ông; Tú Bà, Mã Giám Sinh, Bạc Bà, Bạc Hạnh vì tiền mà làm nghề buôn thịt bán người; Sở Khanh vì tiền mà táng tận lương tâm; Khuyển Ưng vì tiền mà lao vào tội ác.*

(Theo Hoài Thanh)

Bài tập 4

Từ những câu chủ đề cho trước dưới đây (đứng ở vị trí đầu đoạn văn), hãy triển khai thành một đoạn văn hoàn chỉnh.

– *Món quà tặng bạn ngày sinh nhật không phải quý vì giá trị vật chất mà quý vì tấm lòng của người tặng quà gửi gắm trong đó.*

– *Rừng của chúng ta có nhiều loại gỗ quý.*

– *Đời sống vật chất của nhân dân ta ngày càng ấm no, đời sống tinh thần ngày càng tiến bộ.*

Bài tập 5

Từ những câu chủ đề cho trước dưới đây (đứng ở vị trí cuối đoạn văn), hãy viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh.

– *Trong thơ Bác, ánh trăng luôn luôn tràn đầy.*

– *Đồi mồì đã làm cho Hà Tiên trở thành mảnh đất quý của Tổ quốc ta.*

– *Rừng Quốc gia Cúc Phương đúng là một viện bảo tàng động thực vật quý, hiếm của chúng ta.*

Bài tập 6

a) Từ những đoạn văn đã viết được trong *bài tập 4*, hãy viết thành đoạn văn khác có câu chủ đề đứng ở vị trí cuối đoạn.

b) Từ những đoạn văn đã viết được trong *bài tập 5*, hãy viết thành đoạn văn khác có câu chủ đề đứng ở vị trí đầu đoạn.

Bài tập 7

Hãy thêm vào đầu và cuối những đoạn văn dưới đây các câu cần thiết để chúng trở thành đoạn văn kiểu tổng hợp – phân tích – tổng hợp.

– *Một nửa loài người trên thế giới không đọc quảng cáo. Một nửa số người có đọc thì cũng không để ý đến thông báo của anh. Một nửa số có để ý đến thì lại không đọc nó. Một nửa số có đọc lại không coi nó là quan trọng. Một nửa số coi là quan trọng thì không tin vào thông báo. Một nửa số tin vào thông báo thì lại không mua hàng của anh vì họ không cần đến.*

(Nguyễn Hải Đạt,

Nghệ thuật quảng cáo hiện đại)

– **Truyện Kiều** có nhiều con người, nhiều sự kiện, nhiều cảnh vật, tâm trạng... khác nhau, thậm chí đối lập nhau nhưng Nguyễn Du đều thể hiện một cách thành công. Đó là thân hình đồ sộ, đầy đà của Tú Bà; dáng dấp hào hoa, phong nhã của Kim Trọng; cái lẩm

nhắm gập đầu ám muội của Sở Khanh; cái cười sáng khoải của Từ Hải; bộ mặt đen xì, ngơ ngẩn vì tình của Hồ Tôn Hiến; hay sự tinh tế của ánh trăng đến những nét rung cảm sâu thẳm trong lòng người đều được Nguyễn Du thể hiện chính xác.

(Theo Hoài Thanh)

Bài tập 8

Dựa vào những nội dung gợi ý dưới đây, hãy viết thành những đoạn văn có câu chủ đề.

- *Bình Ngô đại cáo là áng văn chương bất hủ.*
- *Truyện thần thoại có nhiều yếu tố thần linh, hoang đường.*
- *Tác phẩm văn học cho chúng ta hiểu biết thêm nhiều điều về cuộc sống.*
- *Tập thể dục thường xuyên là điều hết sức cần thiết cho việc giữ gìn sức khoẻ.*

III. LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN THEO MỐI QUAN HỆ Ý NGHĨA

Các câu trong đoạn văn bao giờ cũng được gắn với nhau theo những mối quan hệ ý nghĩa nhất định. Thường những mối quan hệ chúng ta hay gặp nhất là:

- Quan hệ liệt kê
- Quan hệ tương phản
- Quan hệ nhân quả
- Quan hệ suy luận
- Quan hệ hỗn hợp

Chúng ta có thể dựa vào những mối quan hệ này để luyện liên kết câu xây dựng đoạn văn. Để việc luyện tập tiến hành được thuận lợi, chúng ta thống nhất gọi:

– Câu đứng ở vị trí đầu đoạn là *câu khởi đầu*, hay *câu mở đầu* (có thể là câu chủ đề hoặc không phải là câu chủ đề).

– Tên đoạn văn là tên gọi của mối quan hệ ý nghĩa được sử dụng để xây dựng đoạn văn đó. Ví dụ, đoạn văn được xây dựng theo mối quan hệ liệt kê là đoạn liệt kê, đoạn văn được xây dựng theo mối quan hệ tương phản là đoạn tương phản,...

Dưới đây, chúng ta sẽ tiến hành luyện viết đoạn văn theo những mối quan hệ ý nghĩa này.

1. Viết đoạn văn có quan hệ liệt kê

Để viết được đoạn văn có quan hệ liệt kê (gọi tắt là đoạn liệt kê), ta có thể viết từ hai đến nhiều câu, trong đó mối quan hệ giữa câu khởi đầu với các câu khác trong đoạn cần đảm bảo đó là mối quan hệ mang tính chất liệt kê ngang bằng giữa các sự vật, hiện tượng, tính chất hoặc những mặt khác nhau nào đó của cùng một đối tượng.

Mô hình chung của loại đoạn văn này là:

KHỞI ĐẦU LIỆT KÊ..... LIỆT KÊ

Ví dụ 1:

Trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, Việt Nam đã đóng góp xây dựng Quỹ dự trữ lương thực ASEAN và đang thảo luận với Hiệp hội về khả năng đưa hàng nông sản chưa chế biến vào chương trình giảm thuế. Trong lĩnh vực giao thông vận tải và viễn thông, Việt

Nam tham dự thường xuyên các Hội nghị Bộ trưởng giao thông vận tải ASEAN cũng như các cuộc họp chuyên viên bàn về những hoạt động hợp tác trong khuôn khổ chương trình hành động 1994 – 1996. Việt Nam cũng đã tham gia hàng trăm dự án và hoạt động của ASEAN trong khuôn khổ hợp tác chuyên ngành diễn ra trên các lĩnh vực như khoa học – công nghệ, môi trường; văn hoá – thông tin; phòng chống ma tuý và các vấn đề hành chính – công vụ,...

(Hải Đăng, Hai năm hội nhập ASEAN,
báo Thời báo kinh tế Việt Nam)

Đoạn văn trên có 3 câu. Câu thứ nhất là câu khởi đầu, nêu những việc Việt Nam đã làm được trong lĩnh vực nông – lâm nghiệp khi chúng ta tham gia ASEAN. Câu thứ hai nêu những việc Việt Nam đã làm được trong lĩnh vực giao thông vận tải và viễn thông. Còn câu thứ ba nêu những công việc khác Việt Nam đã làm được trong các lĩnh vực như khoa học – công nghệ, môi trường; văn hoá – thông tin; phòng chống ma tuý, ... Đoạn văn được viết theo kiểu này được gọi là đoạn văn có quan hệ liệt kê, hay đoạn văn liệt kê.

Ví dụ 2:

Tài hoa, nhan sắc, tình nghĩa, nhân phẩm, công lí đều không còn có nghĩa gì trước thế lực của đồng tiền. Tài tình, hiếu hạnh như Kiều cũng chỉ là một món hàng, không hơn không kém. Ngay cả Kiều nữa, cái việc đại dột nhất trong suốt đời nàng, cái việc nghe lời Hồ Tôn Hiến khuyên Từ Hải ra hàng, một phần cũng vì xiêu lòng vì ngọc vàng của Hồ Tôn Hiến.

(Hoài Thanh)

Đoạn văn này cũng gồm ba câu và được viết theo quan hệ liệt kê.

Lưu ý:

– Về mặt hình thức cấu tạo, loại đoạn văn này thường được viết theo kiểu lặp cấu trúc ngữ pháp giữa hai câu.

– Về mặt nội dung ngữ nghĩa, khi liệt kê, các câu cần phải được sắp xếp theo một trình tự nhất định. Có thể đó là sự sắp xếp theo trật tự nhấn mạnh dần tầm quan trọng của nội dung, hoặc cũng có thể đó là sự sắp xếp theo trật tự giảm dần tầm quan trọng của nội dung chứa trong câu đó.

2. Viết đoạn văn có quan hệ tương phản

Đoạn văn có quan hệ tương phản (gọi gắt là đoạn tương phản) có thể gồm từ hai câu đến nhiều câu. Trong loại đoạn văn này, quan hệ chủ yếu giữa các câu là mối quan hệ tương phản. Khi viết cần đảm bảo mối quan hệ giữa câu khởi đầu (hoặc nhóm câu khởi đầu) với câu (hoặc các câu đứng sau) phải là mối quan hệ tương phản, đối lập.

Mô hình chung của loại đoạn văn này là:

KHỞ ĐẦU TƯƠNG PHẢN..... TƯƠNG PHẢN

Ví dụ 1:

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

(Hồ Chí Minh)

Đoạn văn này gồm hai câu. Câu thứ nhất nêu ý mở đầu đoạn văn. Câu thứ hai đứng sau nêu ý tương phản với ý của câu thứ nhất. Bởi vậy đoạn văn này là đoạn văn được viết theo kiểu tương phản.

Ví dụ 2:

Chắc còn lâu khói thuốc lá mới biến mất trên thế gian này. Nhưng rõ ràng hiện nay đang có xu thế chống lại việc hút thuốc lá trong các hoạt động tập thể. Có ban giám đốc xí nghiệp cấm hút thuốc lá trong giờ làm việc, vì họ tính ra rằng, những người hút thuốc lá làm xí nghiệp thiệt hại mỗi năm một số tiền lớn. Có ban giám đốc lại chơi độc hơn, ra lệnh ai muốn hút thì ra ngoài đường mà hút, nghĩa là phải trèo lên trèo xuống nhiều lần mà không được dùng thang máy. Có nơi không đuổi các dân nghiện vì trong số này có những thợ giỏi, nhưng người ta đặt ra những món tiền thưởng lớn cho những ai chịu bỏ hút.

(Theo Hà Thúc Loan, *Kỹ thuật hành văn*)

Đoạn văn này gồm nhiều câu. Câu thứ nhất là câu mở đầu đoạn văn. Câu thứ hai nêu ý tương phản, đối lập với ý trong câu mở đầu. Các câu còn lại giải thích, làm sáng rõ cho ý trong câu thứ hai. Và, vì câu thứ hai có quan hệ tương phản với ý trong câu thứ nhất nên do sự kéo theo mà các ý trong những câu sau cũng có quan hệ tương phản với câu thứ nhất. Bởi vậy đoạn văn này mối quan hệ chính là mối quan hệ tương phản, và vì thế, đoạn văn này là đoạn văn tương phản.

Lưu ý:

– Trong đoạn văn tương phản, để biểu thị ý nghĩa tương phản giữa câu khởi đầu với các câu sau, người ta thường dùng phép nối. Những từ ngữ thường được dùng để thực hiện phép nối bộc lộ quan hệ tương phản là: *nhưng, song, tuy nhiên, ngược lại, trái lại, đối lập với,...*

– Thường gặp nhất trong việc xây dựng đoạn văn có quan hệ tương phản là loại đoạn văn gồm hai câu: một câu nêu ý khởi đầu, một câu nêu ý tương phản. Những đoạn văn nhiều câu thường được xây dựng theo mối quan hệ hỗn hợp (điều này sẽ được nói tới sau trong loại đoạn văn hỗn hợp).

3. Viết đoạn văn có quan hệ nhân quả

Đoạn văn có quan hệ nguyên nhân – kết quả (gọi tắt là đoạn nhân quả) có thể gồm hai câu hay nhiều câu, trong đó có nhóm câu nêu nguyên nhân và nhóm câu nêu kết quả. Trật tự sắp xếp phổ biến của nhóm câu này trong đoạn văn thường là nhóm câu chỉ nguyên nhân đứng trước, nhóm câu chỉ kết quả đứng sau. Khi viết, để tạo ra được đoạn văn nhân quả, ta cần viết câu khởi đầu (hay nhóm câu khởi đầu) nêu ý nguyên nhân trước, rồi sau đó mới viết tiếp câu (hoặc nhóm câu) đứng sau nêu ý kết quả.

Mô hình chung của đoạn văn này như sau:

KHỞI ĐẦU..... KẾT QUẢ KẾT QUẢ

(nguyên nhân)

Ví dụ 1:

Hiện nay, Chính phủ Nhật Bản, bằng nguồn vốn ODA đang giúp Tổng công ti Thép Việt Nam xây dựng chiến lược phát triển tổng thể của Ngành đến năm 2010. Vì vậy, mỗi năm bạn lấy hàng trăm sinh viên tốt nghiệp Khoa Luyện kim Trường Đại học Bách khoa đi đào tạo ở Nhật Bản. Vì ít sinh viên nên mỗi năm lượng người sang Nhật Bản đào tạo chỉ mới chiếm 1/5 so với nhu cầu của bạn.

(Hạnh Nga, *Thiếu kĩ sư luyện kim, báo Thời báo kinh tế Việt Nam*)

Đoạn văn này gồm ba câu. Câu khởi đầu nêu nguyên nhân, câu thứ hai và câu thứ ba chỉ kết quả. Câu khởi đầu được liên kết với hai câu sau bằng phép nối (dùng từ: *vì vậy*).

Ví dụ 2:

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta sống cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị tới Bắc Kì, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

(Hồ Chí Minh)

Trong đoạn văn này, ba câu đứng đầu chỉ nguyên nhân, câu kết thúc đoạn chỉ kết quả. Ba câu đầu nối với các câu cuối bằng phép nối (dùng từ ngữ: *kết quả là*).

Lưu ý:

– Đoạn văn có quan hệ nhân quả thường sử dụng *phép nối* để liên kết các câu. Những từ ngữ thường được dùng để thực hiện phép nối là: *kết quả là, do đó mà, bởi vậy, vì thế cho nên,...*

– Trong những trường hợp nhất định, người ta có thể dùng phép liên tưởng để xây dựng đoạn văn nhân quả. Lúc này, giữa các câu chứa ý chỉ nguyên nhân với các câu chứa ý chỉ kết quả không cần dùng từ nối.

Ví dụ:

Gió thổi mỗi lúc một dữ dội. Cành cây gãy rãng rắc. Những mái nhà tranh bật tung. Bụi cuốn mù đường.

Trong ví dụ này, câu thứ nhất chỉ nguyên nhân, các câu còn lại chỉ kết quả. Giữa câu chỉ nguyên nhân với các câu chỉ kết quả được liên kết với nhau không phải bằng phép nối mà bằng phép liên tưởng nhân quả. Đoạn văn này vì thế cũng được coi là đoạn văn nhân quả.

4. Viết đoạn văn có quan hệ suy luận

Đoạn văn có quan hệ suy luận là đoạn văn được mở đầu bằng một sự kiện hay một vấn đề, rồi sau đó là những ý kiến, nhận xét rút ra được, suy ra được từ những sự kiện, những vấn đề mở đầu đó.

Mô hình chung của loại đoạn văn này là:

KHỞ ĐẦU SUY LUẬN SUY LUẬN

Ví dụ 1:

Bọn thực dân Pháp hoặc bỏ chạy hoặc đầu hàng. Thế là, chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong năm năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

(Hồ Chí Minh)

Đoạn văn này gồm hai câu. Câu thứ nhất nêu một sự kiện. Câu thứ hai là sự suy luận từ câu đứng trước.

Ví dụ 2:

Cái riêng là một sự vật, hiện tượng riêng lẻ, có những thuộc tính chung với những sự vật và hiện tượng khác, đồng thời nó lại có những thuộc tính riêng biệt mà những sự vật và hiện tượng khác không có. Như vậy là, cái chung tồn tại trong cái riêng, chỉ là một bộ phận của cái riêng. Cái riêng phong phú hơn cái chung, ngược lại, cái chung sâu sắc hơn cái riêng.

(Theo tài liệu *Triết học Mác – Lênin*)

Câu thứ nhất trong đoạn văn này nêu lên một vấn đề. Hai câu sau là ý kiến suy luận được rút ra từ câu khởi đầu. Vì thế, đoạn văn này là đoạn văn suy luận.

5. Viết đoạn văn có quan hệ hỗn hợp

Đoạn văn có quan hệ hỗn hợp là đoạn văn không phải chỉ chứa một loại quan hệ ý nghĩa như đã nêu trong 4 loại văn trên mà chứa từ hai đến nhiều loại quan hệ ý nghĩa trong cùng một đoạn văn.

Mô hình chung của loại đoạn văn này là:

KHỞI ĐẦU QUAN HỆ 1 QUAN HỆ 2

Ví dụ 1:

(1) Xưa chỉ có phụ nữ mới xỏ lỗ tai. (2) Vì thế, chỉ có phụ nữ khi cần mới đeo hoa, đeo khuyên. (3) Nhưng nay có cả những nam thanh niên lại tự bêu xấu mình bằng cách cũng xỏ lỗ tai, đeo hoa, đeo khuyên như thế. (4) Dưới mắt người lao động chân chính, biết tự trọng, thì những kẻ xỏ lỗ tai ấy chỉ là những kẻ nhố nhăng, vô học, thiếu nhân cách, người không ra người, ngợm không ra ngợm... (5) Không hiểu, rồi kiêu xỏ lỗ mũi như châu Phi lan sang đến đây, họ có bắt chước hay không, hay họ cũng rạch mặt nham nhở như một nước ở Trung Phi cho lạ, cho có vẻ ta đây là người quốc tế.

(Theo Băng Quân, *Xỏ... lỗ tai*,
báo *Tiền phong thứ bảy*)

Trong đoạn văn này, câu (1) và câu (2) có quan hệ nhân quả với nhau. Câu (3) lại có quan hệ tương phản với câu (1) và câu (2). Câu (4) và câu (5) có quan hệ suy luận với những câu đứng trước. Như vậy trong đoạn văn này chứa tới ít nhất là ba mối quan hệ như ta vừa phân tích. Đoạn văn vì thế được gọi là đoạn văn hỗn hợp.

Ví dụ 2:

*(1) Nam Cao ít tả cảnh, càng không bao giờ tả cảnh vì cảnh, mà có tả cảnh trước hết cũng để soi sáng nội tâm nhân vật. (2) Vì vậy, cảnh thiên nhiên trong truyện Nam Cao thường được nhìn qua tâm trạng nhân vật và mang đậm tình người. (3) Do đó, cũng là trắng, nhưng với anh văn sĩ đầu óc đắm văn thơ lãng mạn thì trắng là "liềm vàng", là "đĩa bạc", là "cái vú mộng tràn đầy mà thi sĩ của muôn đời mơ man" (**Trắng sáng**). (4)*

Còn ánh trăng của Chí Phèo đang bứt rứt, ngứa ngáy da thịt sau bữa rượu say lại "nhế nhại, rời rợi như là uớt nước... trên những tàu lá chuối uốn cong cong... thỉnh thoảng bị gió lay lại giãy lên đành đạch như là hứng tình" (Chí Phèo).

(Theo Nguyễn Hoàn Khung)

Trong đoạn văn này, câu (1) và (2) có quan hệ nhân quả. Giữa câu (3) và (4) có quan hệ liệt kê tương phản. Còn giữa nhóm câu (1), (2) và nhóm câu (3), (4) lại có quan hệ nhân quả với nhau. Như vậy, đoạn văn này đã chứa nhiều mối quan hệ nghĩa đan xen nhau. Đoạn văn này vì thế là đoạn văn hỗn hợp.

6. Luyện tập

Bài tập 1

Trong số những đoạn văn dưới đây, đoạn văn nào có câu chủ đề, đoạn văn nào không có câu chủ đề. Vì sao?

– Văn bản hành chính có mục đích thực hiện các quan hệ hành chính – công vụ, có hiệu lực cao trong đời sống xã hội. Do vậy, văn bản hành chính đòi hỏi cao về tính nghiêm túc, tính trang trọng trong cách diễn đạt; không chấp nhận cách nói thân mật, suồng sã theo kiểu quan hệ gia đình. Trong văn bản hành chính thường ghi rõ ngày lập văn bản, thời hạn có hiệu lực, phạm vi và đối tượng thi hành.

(Theo SGK Tiếng Việt)

– Mưa đã ngớt. Trời rạng dần. Mấy con chim chào mào từ hốc cây nào đó bay ra hót râm ran. Mưa tạnh. Phía đông một mảng trời trong vắt. Mặt trời ló ra, chói lọi trên những vòm lá bưởi lấp lánh.

(Tô Hoài)

– Màu sắc trên bao bì cũng là một yếu tố quyết định. Có loại hàng, "thượng đế" trông thấy là biết ngay "đồ xịn", và cũng có loại hàng trông thấy là biết ngay "đồ rởm". Có những loại không biết bên trong như thế nào mà nhìn ngoài đã thích mua để được lấy cái hộp bên ngoài. Thường thì những màu nổi dùng để "câu khách" trong siêu thị, những màu nhẹ thì làm dịu lòng khách khi bực bội. Màu vàng dùng cho thực phẩm là màu thích hợp nhất vì nó tạo cảm giác sạch sẽ, dịu mát, dễ kích thích dạ dày và trông "dễ trôi".

(Thuý Bình, Bao bì cuốn hút khách hàng, báo Kinh doanh và tiếp thị)

– Mỗi chúng ta nếu không giống mẹ thì nhất thiết phải giống cha. Đây là do tính di truyền. Nhưng đây không phải là sự giống nhau tuyệt đối. Bao giờ con cái cũng có điểm gì đó khác với bố mẹ, cả về ngoại hình lẫn tâm lí. Đó chính là do tính biến dị.

(Theo Sinh vật học lí thú, Di truyền và biến dị)

Bài tập 2

Có ý kiến cho rằng, cả hai đoạn văn dưới đây đều là hai đoạn văn không có câu chủ đề. Ý kiến đó có đúng không? Vì sao?

– Ngành chế biến sữa của nước ta còn rất non trẻ. Nhưng chỉ riêng các nhà máy sữa hàng năm cũng tạo ra một doanh số lớn khoảng 1.400 tỉ đồng và đã đóng góp cho Nhà

nước một số thuế không nhỏ, 125 tỉ đồng. Có thể vui mừng về sự phát triển của ngành chế biến sữa. Thế nhưng không vì thế mà không tập trung sức giải quyết những ách tắc.

(Lê Viết Li, Đã đến lúc cần có chính sách phát triển bò sữa ở nước ta, báo Nhân dân)

– Cuộc phí điện thoại luôn luôn là vấn đề được các nhà khai thác lẫn khách hàng quan tâm. Trước biến động của thị trường điện thoại quốc tế, gần đây các công ti điện thoại đã thông qua các hiệp định song phương nhằm đưa ra khung giá thanh toán mới thường chỉ bằng một nửa trước đây. Ủy ban liên lạc viễn thông Mỹ đề nghị giảm cước phí thanh toán điện thoại giữa Mỹ và Trung Quốc từ 1,06 USD/phút xuống còn 0,177 USD. Ma-lai-xi-a quyết định giảm cước phí điện thoại 18%. Còn In-đô-nê-xi-a cũng thương lượng với Mỹ về hiệp định giá gọi điện thoại mới,... Dịch vụ điện thoại hiện đại hơn, nhưng đỡ hao túi tiền của người tiêu dùng, đó sẽ là điều tất yếu.

(Theo Hà Phương, Thị trường điện thoại châu Á sôi động chưa từng thấy, báo Nhân dân)

Bài tập 3

Những đoạn văn dưới đây thuộc loại đoạn liệt kê. Hãy phân tích để thấy rõ điều đó.

– Ca dao là bầu sữa tinh thần nuôi dưỡng trẻ thơ (hát ru). Ca dao là hình thức trò chuyện tâm tình của những chàng trai, cô gái (hát ví, hát xoan, hát gheo). Ca dao là tiếng nói biết ơn, tự hào về công đức của tổ tiên và anh linh của những người đã khuất (bài ca lễ hội). Ca dao là phương tiện bộc lộ nỗi tức giận hoặc lòng hân hoan của những người sản xuất (hò, lí).

(Theo SGK Văn)

– Các loại máy văn phòng và thiết bị học tập được công ti kinh doanh gồm: máy chiếu phóng đại, màn hình tinh thể lỏng, máy chiếu giao diện với máy tính. Bên cạnh đó, công ti kinh doanh cả máy huỷ tài liệu, các máy chữ điện tử, máy đóng sổ sách và các loại máy photocopy, máy vi tính. Ngoài ra, công ti còn có những máy chuyên dùng trong lĩnh vực tài chính như máy tính tiền siêu thị từ loại đơn giản đến hiện đại nhất và máy thử đô la dùng để phát hiện đô la giả và siêu giả.

(Theo Thời báo kinh tế Việt Nam)

– Các bài thơ của Bác, đẹp ở chữ, ở lời, ở câu, ở bố cục cân đối, hài hoà. Đẹp ở hình tượng, phong cảnh; đẹp ở cảm xúc, âm thanh, màu sắc, nhạc điệu, hình khối. Đẹp vì tứ cao, ý sâu. Đẹp vì giản dị, lộng lẫy, hùng vĩ, cao cả, hài hoà.

(Theo SGK Văn)

Bài tập 4

Đoạn văn dưới đây có phải là đoạn văn liệt kê không? Vì sao?

Có một con người giả và một con người thực cùng ở trong anh ấy (anh lính thú đời xưa). Ta hãy để ý: bao vàng, nón dẫu, súng hoả mai, giáo trên mình anh ta thất, đội mang, cấp nhất nhất đều theo lệnh quan. Chân anh ta bước cũng là do tiếng trống giục. Con

người già, con người công cụ ấy choán hết bài thơ, nó đè nặng lên con người thực. Có cái gì như nghẹn ngào, tức tối. Đến khi con người thực vụt hiện ra ở cuối bài thơ thì câu thơ bỗng khóc oà lên, người ta không trông thấy gì ngoài những giọt nước mắt.

(Hoài Thanh)

Bài tập 5

Đoạn văn dưới đây là đoạn văn nhân quả. Hãy phân tích để thấy rõ điều này.

Thừa kế là việc nội bộ trong gia đình, giữa bà con thân thuộc với nhau. Vì vậy, chủ yếu là phân chia trên cơ sở tự nguyện, thương yêu, đoàn kết, tôn trọng pháp luật.

(Phan Đăng Thanh,
Quyền thừa kế của công dân)

Bài tập 6

Đoạn văn dưới đây có phải là đoạn văn nhân quả không? Vì sao?

Một đặc điểm nổi bật của Ngô Tất Tố mà các nhà văn hiện thực đương thời không đạt kịp ông là ông đã tả nông thôn và nông dân rất thành công. Được thế là nhờ Ngô Tất Tố có một vốn sống phong phú về nông thôn, có ngôn ngữ gần đại chúng, có một nghệ thuật già dặn.

(Theo SGK Văn)

Bài tập 7

Trong hai đoạn văn dưới đây, đoạn nào là đoạn tương phản, đoạn nào không phải là đoạn tương phản? Vì sao?

– Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

– Trong hàng nghìn năm dưới ách thống trị của phong kiến ngoại bang xâm lược... văn nghệ bác học cổ điển của ta có những tác phẩm tiến bộ mang cốt cách dân tộc, nhưng vẫn chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng thống trị ngoại bang... Trong gần một thế kỉ dưới ách áp bức bóc lột của thực dân Pháp, văn nghệ bác học của ta bị lai căng, nhưng vẫn có những tác phẩm tiến bộ, tuy nhiên nền văn nghệ bác học đó cũng không tích cực bằng văn nghệ của quần chúng. Vì vậy, muốn phát huy truyền thống dân tộc tốt đẹp, lành mạnh, phong phú và sâu sắc thì trước hết phải chú trọng đến văn nghệ của quần chúng.

(Theo Hà Huy Giáp)

Bài tập 8

Dưới đây là một đoạn văn suy luận. Hãy phân tích để làm sáng rõ điều đó.

Kiều đã bốn lần gảy đàn. Trong bốn lần đó, có lẽ chỉ có lần đầu tiên gảy cho Kim Trọng nghe là Kiều tự nguyện nhất. Thuý Kiều đã trở hết tài năng và hiểu biết của mình trong ngón đàn: nào lưu thủy, hành văn, nào khúc Quảng Lăng, khúc Chiêu Quân. Đó là tiếng đàn của mùa xuân, của buổi mai, của tuổi trẻ, của tình yêu, của những gặp gỡ diệu kì giữa nhạc và thơ.

(Theo Tế Hanh)

Bài tập 9

Những đoạn văn dưới đây có phải là đoạn văn suy luận không? Vì sao?

– *Những ngày thơ ấu* là một tập hồi kí về tuổi thơ của Nguyên Hồng. Nội dung và thể tài của tác phẩm đều rất phù hợp với phong cách của nhà văn. Mỗi chương sách là một kỉ niệm, một bài thơ trữ tình ghi lại những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ đại.

(Nguyễn Đăng Mạnh)

– Một chiều nước lụt, lên thuyền về một nơi nọ. Cao Bá Quát cho rằng: không thấy nước to sóng cả thì sao biết được tấm lòng nghìn dặm của người đi thuyền. Trong tâm trạng con người ấy có cái gì đó không nói với ai được đành phải đem gửi vào nước mây.

(Theo Lịch sử văn học Việt Nam, tập III)

– Ban ở sau lưng. Ban ở trước mặt. Ban ở bên phải. Ban ở bên trái. Ban ở trên đầu, ở trên đỉnh. Ban ở dưới chân, ở trong lòng thung lũng. Ban ngang tâm người nhưng lại nép ở bên kia mép vực đá.

(Theo Nguyễn Tuân)

Bài tập 10

Đoạn văn dưới đây là đoạn văn hỗn hợp hay đoạn văn suy luận? Vì sao?

Tăng Sâm vốn là người hiền hậu, hiếu thảo nên khi có kẻ nói "Tăng Sâm giết người" thì bà mẹ không tin. Một người nói, bà mẹ không tin; hai người nói, bà mẹ chuta tin; đến người thứ ba nói thì mẹ cuống cuống chạy trốn. Như thế mới hay cái dư luận của thiên hạ rất mạnh. Một việc, dù cho sai lầm đến mười mười, nhiều người đã cùng có một nghị luận đều như thế cả, thì cũng dễ khiến cho ta nghi nghi hoặc hoặc rồi đem bụng tin mà cho là phải... Đến như giữa chợ làm gì có cọp, thế mà một người, hai người, đến ba người nói có cọp, thiên hạ cũng tin có cọp thật nữa là. Những bậc ra được ngoài vòng dư luận, giữ vững được bụng như cây giữa rừng, như kiềng ba chân là rất hiếm, nhưng có thể có được, mới cao. Một chân lí có chứng minh rõ ràng mười phần chắc chắn, thì mới nên công nhận.

(Nguyễn Văn Ngọc – Trần Lê Nhân,
Cổ học tinh hoa)

Bài tập 11

Đoạn văn dưới đây là đoạn văn hỗn hợp. Hãy phân tích đoạn văn để thấy rõ điều này.

Chí Phèo đã chết, chết trên ngưỡng cửa trở về cuộc sống. Chí phải chết vì xã hội không cho Chí được sống. Và cũng chính vì Chí không tìm ra đường sống. Kẻ thù đã bị đền tội, nhưng "tre già măng mọc, thằng ấy chết còn thằng khác". Cuộc sống vẫn tối tăm.

(Theo Nguyễn Hoàn Khung)

Bài tập 12

Hãy lần lượt viết các đoạn văn với nội dung tự chọn theo những mẫu dưới đây.

a) Đoạn văn liệt kê:

Khởi đầu liệt kê liệt kê

b) Đoạn văn tương phản:

Khởi đầu tương phản tương phản

c) Đoạn văn nhân quả:

Khởi đầu kết quả kết quả

d) Đoạn văn suy luận:

Khởi đầu suy luận suy luận

e) Đoạn văn hỗn hợp:

Khởi đầu quan hệ 1 quan hệ 2

IV. LUYỆN TÁCH ĐOẠN VĂN VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN

1. Luyện tách đoạn văn

Tách đoạn văn là hoạt động của người viết trong việc phân chia ý, phân chia nội dung khi xây dựng văn bản. Kết quả của hoạt động này sẽ cho ta những đoạn văn. Việc tách đoạn phù hợp không phải chỉ có tác dụng đối với người viết mà còn có tác dụng cả với người đọc.

– *Về phía người viết*, tách đoạn có tác dụng vừa là một phương tiện để phân chia nội dung, trình bày nội dung vừa là một phương tiện để thể hiện phong cách riêng của người viết trong việc tạo văn bản.

– *Về phía người đọc*, tách đoạn có hai tác dụng chính:

+ Giúp cho việc tiếp nhận nội dung dễ dàng hơn và theo dõi được cách lập luận, cách trình bày của người viết một cách thuận lợi.

+ Tạo điều kiện cho việc ngừng nghỉ, chống lại sự mệt mỏi khi phải tiếp thu liên tục những dòng chữ dày đặc trên trang giấy và có đủ thời gian để hiểu đoạn văn trước, chuẩn bị tốt hơn cho việc tìm hiểu những đoạn văn sau.

Việc tách đoạn văn như thế nào cho phù hợp, tùy thuộc vào phong cách văn bản, nội dung văn bản và phong cách riêng của người viết. Thông thường thì trong các văn bản khoa học, chính luận việc tách đoạn chủ yếu là do sự phân chia lôgic đối tượng quy định. Trong khi đó, ở các văn bản nghệ thuật, việc tách đoạn lại không phải chỉ là sự phân chia lôgic đối tượng mà còn do sự phân chia mang tính biểu cảm thẩm mỹ chi phối (phân đoạn thể hiện phong cách riêng của người viết).

Dưới đây, chủ yếu chúng ta nói tới một vài cơ sở tách đoạn theo sự phân chia lôgic đối tượng. Các cơ sở này khi thì được dùng biệt lập, khi thì được dùng đan xen nhau cùng trong một đoạn văn.

a) Tách đoạn theo chủ đề

Nếu quan niệm một văn bản hoàn chỉnh gồm nhiều chủ đề nhỏ thì mỗi khi chuyển từ chủ đề nhỏ này sang chủ đề nhỏ khác, ta có thể tách thành một đoạn văn. Hay nói một cách khác, mỗi đoạn văn chỉ nên chứa một chủ đề nhỏ.

Ví dụ:

Hút thuốc lá đã gây ra những tác hại lớn đối với xã hội. Tình trạng cháy nhà, công sở hoặc rừng cây do mẩu thuốc lá không phải là chuyện hiếm gặp. Chỉ riêng khoản thiệt hại này đã lên đến hàng tỉ đô la tính trên toàn thế giới.

Đối với người mẹ, hút thuốc lá khi mang thai sẽ đem lại tác hại khôn lường cho thai nhi. Hội chứng trẻ sơ sinh đột tử có nguy cơ xuất hiện gấp đôi ở những đứa trẻ sống trong môi trường nhiều khói thuốc lá. Mới đây một chuyên san y học Mỹ đã thực hiện phỏng vấn bố mẹ của 200 trẻ sơ sinh đột tử và bố mẹ của 200 trẻ khoẻ mạnh. Kết quả cho thấy nguy cơ tử vong sẽ cao hơn với nhóm đối chứng 3,5 lần nếu bố là người nghiện thuốc và 2,3 lần nếu mẹ là người nghiện thuốc.

Vậy có phương pháp nào để cai thuốc một cách có hiệu quả? Cách đây 5.000 năm, các thầy thuốc Trung Hoa giúp người nghiện thuốc lá bằng cách mài củ cải và trộn với hai thìa mật ong rồi cho uống. Một cách khác có vẻ rắc rối hơn: dùng miếng đậu phụ khoảng 100 gam, khoét những lỗ nhỏ rồi nhét đường vào và đem hấp; khi lên cơn thèm thuốc, người nghiện lấy miếng đậu phụ này ăn ngay lập tức sẽ bị nôn thốc nôn tháo. Điều này tái diễn nhiều lần sẽ khiến người nghiện buồn nôn mỗi khi nghĩ mùi thuốc lá!

Dù có áp dụng phương pháp nào đi nữa, điều quan trọng nhất đối với người muốn cai nghiện là ý chí của họ. Nếu không cương quyết với chính mình, sẽ không có biện pháp khả thi nào để giúp họ tránh khỏi việc đốt một điếu thuốc mỗi khi cơn thèm xuất hiện.

(Theo Mi Nga, Cuộc chiến chống thuốc lá,
tạp chí Thế giới mới)

Phần văn bản trích dẫn này gồm bốn đoạn văn, mỗi đoạn nêu một chủ đề riêng biệt:

- Đoạn 1: Tác hại của thuốc lá đối với xã hội, đặc biệt là việc gây ra nạn cháy.
- Đoạn 2: Tác hại của thuốc lá đối với việc sinh đẻ và trẻ sơ sinh.
- Đoạn 3: Một số phương pháp cai nghiện thuốc lá.
- Đoạn 4: Sự quyết định của ý chí đối với việc cai nghiện.

Cách tách đoạn văn như vậy được gọi là cách tách đoạn theo chủ đề.

b) Tách đoạn theo thời gian

Nếu trong văn bản, chúng ta trình bày đối tượng theo trình tự thời gian thì sau mỗi thời đoạn, thời điểm, ta có thể tách thành một đoạn văn. Điều này có nghĩa là mỗi đoạn văn sẽ tương ứng với một thời đoạn hoặc một thời điểm nhất định.

Ví dụ:

Năm 1935, Nguyễn Cao Luyện gặp Hoàng Như Tiếp từ Huế ra Hà Nội. Hai kiến trúc sư đồng khoá, giàu tài năng và nhiệt tình, hợp lại như đũa có đôi. Hai ông đã đến với xóm thợ và dân nghèo thành thị ở bãi Phúc Xá, Hà Nội. Để giúp những người nghèo khó, hai ông đã sáng tạo ra kiểu **nhà ánh sáng** giản dị, bằng vật liệu rẻ tiền, nhưng vẫn tạo nên được nơi ăn chốn ở văn minh, hợp vệ sinh. **Nhà ánh sáng** không những đã có tiếng vang lớn trong nước ta thời kì đó, mà còn vọng sang một số nước thuộc địa của Pháp ở châu Phi.

Năm 1939, phòng kiến trúc có thêm Nguyễn Gia Đức, cũng là một kiến trúc sư ý hợp tâm đầu. Các ông đã khởi xướng những ý tưởng về không gian và hình dáng của kiến trúc Việt Nam với sự trân trọng tìm hiểu và khai thác vốn truyền thống, đồng thời đón nhận

những thành tựu mới của văn minh nhân loại đã để lại cho kiến trúc Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám dấu ấn đặc sắc, gắn bó với lịch sử phát triển kiến trúc nước nhà.

[...] Ngay từ đầu kháng chiến, ông đã có mặt ở Việt Bắc để góp phần bảo vệ và xây dựng chế độ mới. Từ đấy, ông bước vào một thời kì hoạt động xã hội phong phú. Với cương vị thành viên trong ban lãnh đạo Vụ Kiến trúc, Bộ Giao thông công chính, ông đã đóng góp về mặt tổ chức của ngành Kiến trúc non trẻ nước ta, cũng như tìm hướng đi cho nghệ thuật kiến trúc vừa phục vụ kháng chiến, vừa chuẩn bị cho kiến quốc sau ngày thắng lợi. Là một trong số những kiến trúc sư đầu tiên, năm 1948, ông đã sáng lập Đoàn Kiến trúc sư Việt Nam, tức Hội Kiến trúc sư Việt Nam ngày nay.

*(Theo Đoàn Đức Thành, Nguyễn Cao Luyện –
kiến trúc sư, nhà văn hoá, báo Nhân dân)*

Phần trích dẫn trên gồm ba đoạn văn, mỗi đoạn thể hiện một khoảng đời của kiến trúc sư Nguyễn Cao Luyện ở những thời điểm khác nhau:

- Đoạn 1: Hoạt động của kiến trúc sư Nguyễn Cao Luyện ở giai đoạn những năm 1935.
- Đoạn 2: Hoạt động của kiến trúc sư giai đoạn ở những năm 1939.
- Đoạn 3: Hoạt động của kiến trúc sư giai đoạn những ngày đầu kháng chiến ở núi rừng Việt Bắc.

Việc tách đoạn như vậy được gọi là tách đoạn theo thời gian.

Lưu ý:

Khi tách đoạn theo thời gian, ta nên dùng một câu có bộ phận trạng ngữ chỉ thời gian đặt ở đầu câu và bản thân câu này cũng cần được đặt ở vị trí đầu đoạn văn (trong câu chủ đề hoặc câu khởi đầu). Xem lại đoạn trích trong ví dụ trên ta sẽ thấy rõ điều này (những từ ngữ in đậm).

c) Tách đoạn theo không gian

Nếu trong văn bản, chúng ta trình bày đối tượng theo trật tự không gian thì cứ sau mỗi khoảng không gian, ta có thể tách thành một đoạn văn. Điều này có nghĩa là mỗi đoạn văn được tách ra sẽ ứng với một khoảng không gian nhất định.

Ví dụ:

***Tại Bra-xin**, nguồn cung cấp cà phê ở nội địa này, nhất là cung cấp cà phê cho ngành chế biến trở nên khan hiếm. Hiệp hội các nhà chế biến cà phê của Bra-xin đang đề nghị Chính phủ nước này bán 777.000 bao cà phê dự trữ để hỗ trợ nguồn cung nhưng chưa được chấp nhận. Mặc dù cà phê vụ mới của Bra-xin đang được bán ra thị trường nhưng chất lượng kém, hạt nhỏ, độ ẩm cao nên các nhà kinh doanh ngần ngại mua vào.*

*Trong khi đó, **tại Niu Ốc**, lượng cà phê đăng kí bán tính đến tuần 8/8 bị giảm mạnh làm các nhà kinh doanh e ngại cà phê giao kì hạn tháng 9 – 1997 sẽ bị thiếu hụt. Tất cả các yếu tố trên đã khuyến khích các hoạt động mua vào và đẩy giá cà phê A-ra-bi-ca tăng mạnh.*

Hai tuần qua, giá cà phê Rô-bu-xta tại Luân Đôn cũng tăng 60–100 USD/tấn so với giữa tháng 7 –1997 lên 1.610 –1.680 USD/tấn.

(Hoài Linh, *Cà phê A-ra-bi-ca lại tăng giá mạnh*,
báo Thời báo kinh tế Việt Nam)

Phần trích trên gồm ba đoạn văn, mỗi đoạn ứng với một không gian khác nhau:

- Đoạn 1: tại Bra-xin
- Đoạn 2: tại Niu Oóc
- Đoạn 3: tại Luân Đôn

Cách tách đoạn như phần trích dẫn trên được gọi là tách đoạn theo không gian.

Lưu ý:

Khi tách đoạn theo không gian, người ta thường đặt ở câu khởi đầu hoặc câu chủ đề của đoạn văn một bộ phận trạng ngữ chỉ địa điểm nằm ở vị trí đầu. Cách sắp xếp như vậy thường làm nổi bật được cách thức trình bày theo sự thay đổi không gian của văn bản.

d) Tách đoạn theo mục đích tu từ

Tách đoạn theo mục đích tu từ, đó là cách tách đoạn nhằm mục đích nhấn mạnh ý, thể hiện phong cách riêng, thể hiện sự độc đáo của người viết trong việc sử dụng ngôn ngữ. Do đặc điểm này, việc tách đoạn theo mục đích tu từ chủ yếu được dùng trong các văn bản văn chương, ít được dùng trong các văn bản khoa học, chính luận.

Ví dụ 1:

Đường phố bắt đầu hoạt động và huyền ảo. Những chiếc xe vận tải nhẹ, xe lam, xe xích lô máy nườm nượp chở hàng hoá và thực phẩm từ vùng ngoại ô về các chợ Bến Thành, Cầu Muối đánh thức cả thành phố dậy bởi những tiếng máy nổ giòn.

Thành phố mình đẹp quá ! Đẹp quá đi !

(Nguyễn Mạnh Tuấn)

Ví dụ 2:

Tôi trở về quê hương. Tôi cũng tính thêm rằng: sau khi về thăm mẹ, khi mẹ nhìn thấy mặt, mừng tôi còn sống, vẫn khoẻ, người an tâm rồi, bấy giờ tôi sẽ tính một cuộc du lịch xa xôi.

Tôi rẽ cỏ tìm lối về...

Đường về xa lắc, xa lơ...

(Tô Hoài)

Lưu ý:

– Các đoạn văn được tách ra với mục đích tu từ phổ biến là các đoạn văn chỉ có một câu.

– Các đoạn văn được tách ra với mục đích tu từ trong các văn bản khoa học, chính luận chủ yếu là để nhấn mạnh ý. Lúc này, đoạn văn mới chỉ chứa một phần của đề tài và chủ đề.

2. Luyện liên kết đoạn văn

Liên kết đoạn văn làm cho nội dung trình bày trong các đoạn văn của cùng một văn bản liên mạch với nhau và tạo thành một thể thống nhất chặt chẽ. Để liên kết các đoạn văn, ta có thể dùng từ ngữ hoặc câu văn.

a) Dùng từ ngữ để liên kết đoạn văn

– Dùng từ ngữ chỉ trình tự, chỉ sự liệt kê, sự bổ sung... để liên kết đoạn. Lúc này, trong các đoạn văn thường chứa các từ ngữ như: *một là, hai là; thứ nhất là, thứ hai là; trước hết là, sau cùng là; một mặt là, mặt khác là; trước hết, sau nữa,...*

Ví dụ 1:

Thứ nhất, trong điều kiện bắt buộc phải kinh doanh chủ yếu là hàng hoá sách các loại. Công ti chủ trương đa dạng hoá mặt hàng, phương thức phục vụ. Chủ động bám sát và kí hợp đồng với các đầu mối, ngoài việc đưa về địa bàn sớm đủ sách giáo khoa, công ti chú trọng đáp ứng sức mua của thị trường đối với sách chuyên nghiệp, dạy nghề, sách nâng cao kiến thức, sách bồi dưỡng học sinh giỏi,... công ti luôn luôn bảo đảm cung ứng hàng đúng thời điểm theo nhu cầu của từng vùng, từng miền và tranh thủ sự chỉ đạo của UBND các cấp và ngành Giáo dục, coi phương thức phát hành qua hệ thống quản lí giáo dục của Ngành là chủ lực.

Thứ hai, chú trọng làm tốt công tác thị trường, tiếp thị trong kinh doanh, công ti xây dựng trên 200 đại lí bán hàng trên địa bàn theo phương châm không bán sách lậu, bán đúng giá bìa, lấy chữ tín trong kinh doanh làm nền tảng, chiết khấu cho người bán tiền hoa hồng cao nhất có thể được...

(Báo Kinh doanh và tiếp thị)

Ví dụ 2:

Lí do chủ yếu dẫn dắt ngành công nghiệp điện tử dân dụng vào tình trạng thiếu việc làm, thu nhập giảm sút là thiếu một chiến lược đầu tư đúng đắn. Hiện tại Việt Nam có quá nhiều công ti và doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất và kinh doanh các sản phẩm điện tử dân dụng. Tình trạng bán phá giá do ế đọng, cần thu hồi vốn xảy ra ở các doanh nghiệp không chuyên kinh doanh điện tử dân dụng đã làm cho những doanh nghiệp làm ăn nghiêm túc khốn đốn.

Thêm nữa, mức thuế doanh thu 8% áp dụng cho điện tử dân dụng hiện nay càng khiến cho ngành khó hoạt động trong bối cảnh thị trường ế ẩm như hiện nay. Còn các doanh nghiệp nhỏ chuyên nhập linh kiện ti vi đen trắng, cách đây hai năm đã chịu mức thuế từ 7% lên 25% nên bị lỗ vốn ít nhất từ 400 triệu đến 800 triệu đồng nay đành khoanh tay chờ phá sản. Ngay cả các doanh nghiệp dám đầu tư vài trăm ngàn USD cho dây chuyền sản xuất hiện đại cũng còn khó xoay sở.

(An Yên, Điện tử... lữ khứ tại chỗ,
báo Thời báo kinh tế Việt Nam)

– Dùng từ ngữ có ý nghĩa tóm tắt, tổng kết, khái quát... các nội dung đã được trình bày để liên kết các đoạn văn. Lúc này trong các đoạn văn thường chứa các từ ngữ như: *tóm tắt, tổng kết lại, nhìn chung, nói một cách ngắn gọn, nói tóm lại,...*

Ví dụ 1:

Sản lượng cao su của Ma-lai-xi-a, nước sản xuất thứ ba thế giới, sẽ giảm xuống còn 1,09 triệu tấn/ha vào sau năm 2000 trong khi sản lượng của Thái Lan, nước sản xuất đứng hàng đầu hiện nay vẫn ở mức cao nhất trong thế kỉ này, sẽ giảm xuống còn khoảng 1,8 triệu tấn vào năm 2007.

*[...] **Nhìn chung**, sản lượng cao su sẽ tăng lên song song với nhịp tăng nhu cầu, với nhịp độ 4,1%/năm cho tới năm 2000. Song sau đó, nguồn cung cấp sẽ ngày càng không đủ. Mức tiêu thụ sẽ tiếp tục tăng lên với tỉ lệ trung bình là 3,5%/năm trong những năm đầu thập kỉ tới, dẫn tới việc sản lượng ngày càng thiếu hụt.*

(HN, Dự báo nhu cầu cao su tự nhiên vào năm 2002, báo Thời báo kinh tế Việt Nam)

Ví dụ 2:

Trong thời kì quá độ, bên những thành tích tốt đẹp là chính vẫn còn những cái xấu xa của xã hội cũ như: tham ô lãng phí, lười biếng, quan liêu, đánh con, đập vợ,... Đối với những thói xấu đó, văn nghệ cũng cần phải phê bình nghiêm khắc nhằm làm cho xã hội ta ngày càng lành mạnh, tốt đẹp hơn.

***Nói tóm lại:** phải có khen, cũng phải có chê. Nhưng khen hay chê đều phải đúng mức. Khen quá lời thì người được khen cũng hổ người. Mà chê quá đáng thì người bị chê cũng khó tiếp thu.*

(Hồ Chí Minh)

– Dùng từ ngữ có ý nghĩa đối lập, tương phản... để liên kết đoạn văn. Lúc này, trong các đoạn văn thường có chứa các từ ngữ như: *trái lại, ngược lại, đối lập với, thế mà, tuy vậy,...*

Ví dụ 1:

Ngân hàng Thế giới đã đưa ra các ngưỡng nghèo tính theo thu nhập cho các khu vực khác nhau. Đối với các nước đang phát triển là 1 USD / ngày, Mĩ La-tinh và Ca-ri-bê 2 USD, Đông Á và Liên Xô cũ 4 USD và các nước công nghiệp phát triển 14,4 USD/ngày.

***Tuy nhiên**, nghèo khó không chỉ tính theo thu nhập mà còn dựa trên điều kiện phát triển con người, xét trong ba lĩnh vực cơ bản của cuộc sống: giáo dục cơ bản, khả năng tiếp cận các nguồn lực và khả năng tiếp cận các cơ hội để tạo ra một mức sống cao hơn.*

(Đỗ Thoan, Thế giới còn 1,3 tỉ người nghèo, báo Đầu tư)

Ví dụ 2:

Đây là một yêu cầu hợp lí và cho dù phải bỏ thêm ít tiền thì phía Việt Nam vẫn có lợi hơn là tự dốc túi chi cho một dự án riêng của mình. Những tương dự án này sẽ được hoan hỉ đón nhận và nhanh chóng triển khai.

***Thế nhưng** đến quá nửa năm 1997, các quan chức của Lạng Sơn mới chợt nhận ra các dự án được triển khai không mấy nhanh chóng. Rừng Đức mới trồng được 971ha (kế*

hoạch của dự án là 187 ha), mà lại chủ yếu bằng nguồn vốn của năm 1996 chuyển sang. Rừng PAM thì mới trồng 113ha.

(Quảng Hà, *Chê cả tiền Tây!* báo Lao động)

– Dùng từ ngữ thế để liên kết đoạn văn. Lúc này, trong đoạn văn thường dùng các đại từ hoặc những từ ngữ như: *ấy, vậy đó, này, điều đó, việc này, như vậy,...*

Ví dụ 1:

[...] Rừng Nghệ An đã bị suy kiệt.

Điều đó không chỉ có nghĩa là diện tích rừng và lượng gỗ quý giảm đi, mà phải tính đến các "phí tổn môi trường", trong đó có sự mất mát về quỹ gen và cảnh quan văn hoá. Môi trường phải là cái cần được quan tâm trước hết trong tất cả các chiến lược phát triển, song để bảo vệ môi trường và quản lí tài nguyên, phải bắt đầu từ những người nghèo khổ.

(Bích Hằng, *Nghệ An hơn nửa thế kỉ mất rừng*, báo Lao động)

Ví dụ 2:

Giảng văn rõ ràng là khó.

Nói như vậy để nêu ra một sự thật. Không phải nhằm hù dọa càng không phải để làm ngã lòng.

(Lê Trí Viễn)

b) Dùng câu để liên kết đoạn văn

– Dùng câu nối để liên kết đoạn văn

Câu nối là câu chủ yếu thực hiện chức năng liên kết các đoạn văn. Nếu trong câu nối có chứa thông tin thì đó chỉ là những thông tin cũ đã được nói tới ở phần trên, hoặc những thông tin sẽ được nói tới ở phần sau của văn bản.

Ví dụ 1:

Trở lên, tôi đã đứng về **phía người đọc, người nghe** mà nhìn nhận tác dụng của phê bình. Cũng có thể đứng về **phía người sáng tác** mà nhìn nhận vấn đề.

(Hoài Thanh)

Cấu tạo đầy đủ nhất của một câu nối thường gồm 4 phần:

+ Phần 1: chứa từ ngữ nối với phần văn bản trên. Các từ ngữ thường được dùng trong phần này: *trên đây, ở trên, phần trước, trở lên, trên kia,...*

+ Phần 2: tóm tắt nội dung đã trình bày ở phần văn bản trên.

+ Phần 3: chứa từ ngữ nối với phần văn bản dưới. Các từ ngữ thường được dùng trong phần này là: *dưới đây, sau đây, bây giờ,...*

+ Phần 4: nêu khái quát nội dung sẽ trình bày trong phần văn bản dưới.

Trong đoạn văn, câu nối sẽ đứng ở vị trí thứ nhất, nếu câu nối đó gồm cả những từ ngữ nối với phần trên và phần dưới văn bản. Còn câu nối sẽ đứng ở vị trí cuối đoạn văn, nếu câu nối đó chỉ có các từ ngữ nối với phần sau của văn bản.

Ví dụ 2:

Ở trên, tôi đã nói Xuân Diệu là một nhà thơ dồi dào, dưới đây tôi xin nói thêm: Xuân Diệu là một nhà thơ luôn luôn tìm tòi.

(Theo Tế Hanh)

– Dùng sự song hành cú pháp (thường có kèm thêm việc lặp lại một số từ ngữ nhất định) ở một bộ phận nào đó trong câu mở đầu đoạn văn để liên kết.

Ví dụ 1:

Về phía người gửi, việc giảm lãi suất của ngân hàng đã không huy động được tiền gửi của họ, đặc biệt là các cán bộ hưu trí, những người chủ yếu tìm "đồng ra đồng vào" từ tiền gửi tiết kiệm...

Về phía ngân hàng, việc buộc phải hạ lãi suất huy động và cho vay đã gây không ít khó khăn. Việc mất khách đã làm cho một số ngân hàng phải đối phó bằng cách huy động với một mức lãi suất khá cao theo quy định của ngân hàng Nhà nước.

(Theo Thanh Hà, *Lãi suất ngân hàng cao hay thấp*, báo Thời báo kinh tế Việt Nam)

Ví dụ 2:

Việt Nam ! Cái tên yêu dấu ấy sẽ khắc sâu vào lòng mọi người chúng ta. Cái tên ấy là tên chung cho bao thế hệ Kinh, Thổ, Thái, Mán, Mường, Ê-đê, Xê-đăng,... ở Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ.

Việt Nam ! Đó là sự biểu hiện của tình cần cù và lòng yêu nước sẽ làm cho Tổ quốc ta bất diệt, mạnh hơn lên, giàu có hơn nữa để cùng với nhân loại tiến lên xây dựng những ngày hoà bình hạnh phúc lâu dài.

(Văn Phong, *Nhân dân Việt Nam cần cù và yêu nước*)

3. Luyện tập

Bài tập 1

Hãy chỉ ra cơ sở của việc tách đoạn văn trong các phần trích dẫn dưới đây:

Phần trích 1:

Vùng nuôi ong Tây Nguyên gồm các tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum. Hoa nguồn mật chủ yếu là cao su, cà phê. Sản lượng mật ong vùng Tây Nguyên có tốc độ tăng trưởng 50 lần (nhanh nhất trong cả nước), đạt 700 tấn/năm 1996. Ở vùng này hiện có trên 22.000 đàn.

Vùng nuôi ong Nam Bộ bao gồm các tỉnh: Đồng Nai, Sông Bé, Lâm Đồng, Tiền Giang, Vĩnh Long. Cây nguồn mật ở vùng này chủ yếu là cao su, chôm chôm, nhãn, cà phê. Sản lượng ong mật đạt từ 2500 – 3000 tấn/năm. Quy mô mỗi trại đạt từ 50 – 300 đàn, cá biệt có trên 10 trại đạt quy mô 1000 đàn / trại.

(Báo Thời báo kinh tế Việt Nam)

Phần trích 2:

Xu hướng lãng mạn chủ nghĩa thể hiện trực tiếp cái tôi cá nhân được giải phóng về tình cảm cảm xúc, về trí tưởng tượng. Nó chủ yếu đề cập đến quan hệ riêng tư và số phận cá nhân, đến thiên nhiên và tình yêu. Nói chung, nó tỏ thái độ bất hoà và bất lực đối với môi trường xã hội tầm thường, giả dối, tù túng...

Xu hướng hiện thực chủ nghĩa nhìn thẳng vào hiện thực, diễn tả, phân tích, lí giải bản chất và quy luật của hiện thực xã hội qua những hình tượng điển hình. Nó thường đi vào những đề tài thế sự với thái độ phê phán trên tinh thần dân chủ và nhân đạo.

(Theo SGK Văn học 12)

Phân trích 3:

Trước đây, cây sen được khai thác chủ yếu ngoài thiên nhiên ở vùng Đồng Tháp Mười. Sen sinh sôi nảy nở hàng hàng, lớp lớp tới hàng chục hay cả trăm ha.

Ngày nay, thấy lợi ích của chúng nên người ta đã tận dụng ao, hồ vừa trồng sen, vừa thả cá tăng thêm lợi nhuận. Có thứ sen ngoại năng suất khá cao chẳng những cho hoa to đẹp mà việc lấy ngó, lấy củ cũng dễ dàng, gương sen lại nhiều hạt gần gấp đôi cây sen ta. Khắp Nam Bộ, giờ đây việc trồng sen khá phổ biến, nhiều hộ gia đình nhờ cây sen với cá nuôi trồng trong ao hồ, mỗi năm có thể thu hoạch 50–70 triệu đồng.

(Lư Phú Hội, Làm giàu nhờ cây sen, báo Thời báo kinh tế Việt Nam)

Bài tập 2

Những đoạn văn dưới đây được tách ra dựa trên cơ sở của sự thay đổi chủ đề. Hãy phân tích để thấy rõ điều đó.

Năng lượng nguyên tử mới chỉ được sử dụng vào mục đích hoà bình trong vài chục năm nay. Việc sử dụng năng lượng này đòi hỏi những biện pháp an toàn khắt khe. Các vụ tai nạn khủng khiếp xảy ra liên tiếp ở các nhà máy điện nguyên tử gần đây đã làm cho con người e ngại trong việc sử dụng năng lượng này. Tuy nhiên, tới nay năng lượng nguyên tử cũng đã chiếm gần 1/4 tổng năng lượng mà con người đang sử dụng.

Trái Đất nhận năng lượng bức xạ của Mặt Trời, nguồn năng lượng có thể coi như vô tận. Tuy Trái Đất mới chỉ thu chưa được đến 1/10 tỉ năng lượng của Mặt Trời phát ra, nhưng mỗi năm Trái Đất cũng nhận được từ Mặt Trời một số năng lượng lớn gấp 10 lần tổng năng lượng của tất cả các nhiên liệu dự trữ của Trái Đất. Năng lượng Mặt Trời là năng lượng sạch nhất và rẻ nhất. Người ta tiên đoán năng lượng này sẽ là năng lượng của tương lai.

Ở sâu trong lòng đất có những dải nước nóng tới 50, 70, đôi khi vượt 300 độ C. Trong một tương lai gần, người ta có thể khai thác nguồn năng lượng nhiệt địa này một cách triệt để vào việc sưởi ấm cũng như chạy các động cơ nhiệt.

(Theo SGK Vật lí, Động cơ nhiệt và vấn đề nhiên liệu)

Bài tập 3

Có người cho rằng, phân trích dẫn dưới đây được tách đoạn dựa trên cơ sở của sự thay đổi không gian. Điều đó có đúng không? Vì sao?

Ai cũng biết có rất nhiều động vật quý sống ở trong rừng. Đó là các loài chim, các loài thú. Trong rừng còn có rất nhiều thực vật quý, đó là những cây dược liệu, cây cho hoa, cây cho quả làm thức ăn nuôi sống con người. Rừng chính là ngôi nhà chung cho các

loài động thực vật cùng cư trú. Tàn phá rừng là phá đi ngôi nhà thiên nhiên nuôi dưỡng cuộc sống của các loài động thực vật này.

Tàn phá rừng cũng là làm mất đi nguồn cung cấp dưỡng khí cho sự sống. Người ta vẫn ví rừng như một "lá phổi xanh" của Thượng đế ban cho con người. Hằng ngày, lá phổi này đã không ngừng làm việc để thanh lọc những luồng khí độc hại từ ống khói của các nhà máy thải ra, để cung cấp cho con người nguồn dưỡng khí trong lành. Tàn phá rừng chính là tự cắt đi lá phổi thiên nhiên quý giá của mình mà không hề hay biết.

(Theo SGK Làm văn)

Bài tập 4

Những đoạn văn dưới đây được tách ra dựa trên cơ sở của sự thay đổi thời gian. Hãy phân tích để thấy rõ điều đó.

Sau khi rời không quân về hưu năm 1981, ông cùng gia đình di chuyển về Tam-pa. Nơi đây, ông bắt đầu cuộc sống mới. Song một bi kịch giáng xuống gia đình ông năm 1983, con trai ông đã qua đời do một tai nạn xe hơi.

Sau cú sốc đó, gia đình ông trở lại sống ở Ma-rin-na, nơi quê hương của bà Các-lốt-ta, và năm 1985 ông đã trở thành Giám đốc Trung tâm Giáo dục trẻ em hư hỏng ở tuổi vị thành niên...

Năm 1990, Pi-tơ-son tham gia vào quốc hội Mỹ với tư cách là một thành viên của Đảng Dân chủ Hoa Kỳ. Song năm 1995, Các-lốt-ta, vợ ông qua đời vì bệnh ung thư vú và Pi-tơ-son dường như chán chường với tất cả những công việc của mình về chính trị tại Oa-sinh-ton và quyết định rời bỏ tất cả...

(Vũ Kim Thư, *Đôi nét về đại sứ Mỹ đầu tiên tại Việt Nam*, báo *Tiền phong thứ bảy*)

Bài tập 5

Phần trích dẫn dưới đây có phải được tách đoạn dựa trên cơ sở của sự thay đổi không gian không? Vì sao?

Từ trên trời nhìn xuống, phố xá Hà Nội nhỏ xinh như một mô hình triển lãm. Cũng như mô hình triển lãm, tất cả ruộng đồng, làng xóm, núi non. Những ô ruộng, những gò đống, bờ bãi với những mảng màu xanh, nâu, vàng, trắng và nhiều hình dạng khác nhau gợi những bức tranh giàu màu sắc. Núi Thầy rồi núi Ba Vì, sông Đà, dãy núi Hoà Bình,... triển miên một dải miền Tây ẩn hiện dưới làn mây, lúc dày lúc mỏng.

Đây rồi thung lũng lòng chảo Điện Biên. Từ trên trời nhìn xuống thấy rõ một vùng đồng bằng ở miền núi. Đồng bằng ở giữa, núi bao quanh. Giữa đồng bằng xanh ngắt lúa xuân, con sông Nậm Rốm trắng sáng có khúc ngoằn ngoèo, có khúc trườn dài. Chắc có con rồng ấy nằm giữa phun nước thì lúa mới xanh như thế.

(Trần Lê Văn)

Bài tập 6

Hãy phân tích cơ sở tách đoạn được dùng trong văn bản dưới đây:

NGƯỜI THẦY ĐẠO CAO ĐỨC TRỌNG

Ông Chu Văn An đời Trần nổi tiếng là một thầy giáo giỏi, tính tình cứng cỏi, không màng danh lợi.

Học trò theo ông rất đông. Nhiều người đỗ cao và sau này giữ những trọng trách trong triều đình như các ông Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát, vì thế vua Trần Minh Tông vời ông ra dạy thái tử học. Đến đời Dụ Tông, vua thích vui chơi, không coi sóc tới việc triều đình, lại tin dùng bọn nịnh thần. Ông nhiều lần can ngăn nhưng vua không nghe. Cuối cùng ông trả lại mũ áo cho triều đình, từ quan về làng.

Học trò của ông, từ người làm quan to tới những người bình thường khi có dịp thăm thầy cũ, ai cũng giữ lễ. Nếu họ có điều gì không phải, ông trách mắng ngay, có khi không cho vào thăm.

Khi ông mất, mọi người đều thương tiếc. Ông được thờ tại Văn Miếu ở kinh đô Thăng Long.

(Theo Phan Huy Chú)

Bài tập 7

Hãy tách phần trích dưới đây thành những đoạn văn, sau đó phân tích cơ sở đã được sử dụng để tách đoạn.

Buổi sớm nắng sáng. Những cánh bướm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm múa lượn giữa trời xanh. Mặt trời xế trưa bị mây che lỗ đố. Những tia nắng dát vàng một vùng biển tròn, làm nổi bật những cánh bướm duyên dáng như ánh sáng chiếu đèn sân khấu khổng lồ đang chiếu cho các nàng tiên biển múa vui. Chiều nắng tàn, mát dịu. Biển xanh ve màu mảnh chai. Núi xa pha tím hồng. Những con sóng nhẹ liếm lên bãi cát, bọt sóng màu bưởi đào.

(Theo Vũ Tú Nam)

Bài tập 8

Hãy chỉ ra những phương tiện dùng để liên kết các đoạn văn trong các phần trích dưới đây:

Phần trích 1:

Một năm đã qua.

Thế rồi một hôm, Hoài Văn đang luyện tập với sáu trăm gã hào kiệt thì có tin đồn thái tử nhà Nguyên là Trấn Nam Vương Thoát Hoan, thống lĩnh năm mươi vạn binh mã, đã xâm phạm vào cửa ải. Quan quân đã giao chiến với giặc.

(Nguyễn Huy Tưởng,
Lá cờ thêu sáu chữ vàng)

Phần trích 2:

Thứ nhất, đó là chức năng thông tin. Quảng cáo là một loại thông tin thị trường nhằm đưa tin tức về hàng hoá. Một nhà kinh tế đã nói: "Làm kinh doanh mà không quảng cáo khác nào nháy mắt với một bạn gái trong bóng tối, chỉ có mình bạn biết bạn làm gì". Tuy nhiên, thông tin quảng cáo không thể thay thế được thông tin thị trường do tính cục bộ,

chủ quan của quảng cáo. Nếu mọi người tiêu dùng đều tin tưởng ở quảng cáo thì khác nào đổ thóc giống ra mà ăn.

Chức năng thứ hai của quảng cáo là chức năng tạo sự chú ý. Quá trình diễn biến tâm lí, của khách hàng thường trải qua các giai đoạn chú ý, thích, quyết định mua, hành động mua. Bằng ngôn ngữ, hình ảnh, màu sắc,... quảng cáo sẽ tác động chính vào điểm khởi đầu của chuỗi tâm lí khách hàng, khai thông những bế tắc trong chuỗi.

(Nguyễn Hải Đạt,
Nghệ thuật quảng cáo hiện đại)

Phân trích 3:

Là nhà thơ, tôi muốn nói anh có một tâm hồn, một trái tim chân chính. Anh thành thật yêu thương cũng như căm thù. Anh luôn luôn đứng ở hàng đầu của cuộc đấu tranh: đấu tranh với địch cũng như đấu tranh về tư tưởng.

Là nghệ sĩ, tôi muốn nói Xuân Diệu đặt rất cao sự lao động nghệ thuật. Tôi đã nói: Xuân Diệu là nhà thơ dôi dào. Tôi thêm: Xuân Diệu là một nhà thơ luôn luôn tìm tòi. Anh không yên ổn và không để chúng ta yên ổn.

(Theo Tế Hanh)

Bài tập 9

Hãy điền vào chỗ trống các từ ngữ hoặc câu văn thích hợp để liên kết các phần của văn bản với nhau.

a) Ở trên chúng ta đã nói đến tình yêu quê hương làng xóm trong ca dao..... Trong ca dao Việt Nam, những bài về tình yêu nam nữ chiếm số lượng lớn. Đó là những bài về nỗi nhớ nhưng khi xa cách, nỗi lo lắng khi muốn bảo vệ tình yêu chung thủy, những đau thương khi xảy ra cản trở làm cho ước nguyện không thành, rồi đến khi có chồng cũng xảy ra biết bao buồn tủi chỉ vì những kỉ cương phong kiến [...].

b) Dưới đây chúng ta sẽ xem xét kĩ hơn về cái bọn người có quyền, có thế khác trong xã hội. Đó là một lũ sai nha, bọn Ưng, bọn Khuyển. Đó là bọn người có quyền, có thế bởi có đồng tiền. Chúng đục khoét, tàn phá xã hội. Chúng làm cho bao người con gái có tài có sắc như Kiều rơi vào vòng tủi nhục.

Bài tập 10

Viết một văn bản ngắn (gồm khoảng từ 4 đến 5 đoạn văn) với nội dung tự chọn, sau đó hãy:

- Phân tích cơ sở tách đoạn đã được sử dụng.
- Chỉ ra các phương tiện liên kết đoạn văn đã được dùng.

V. LUYỆN RÚT GỌN VÀ MỞ RỘNG ĐOẠN VĂN

1. Luyện rút gọn đoạn văn

Rút gọn đoạn văn được hiểu là sự rút bớt dung lượng (số lượng từ ngữ, câu) làm cho đoạn văn ngắn lại nhưng vẫn giữ được những nội dung cơ bản. Việc rút gọn (và cả việc mở rộng đoạn văn) có thể được tiến hành theo ba cách chủ yếu sau:

– *Rút gọn thành phần câu:*

Theo cách này, mỗi lần rút gọn ta lược bớt đi *một thành phần câu* (các từ ngữ), theo đó đoạn văn sẽ ngắn dần lại.

– *Rút gọn câu:*

Theo cách này, mỗi lần rút gọn ta lược bớt đi *một câu*, theo đó đoạn văn sẽ ngắn dần lại.

– *Nén câu:*

Theo cách này, việc rút gọn câu được thực hiện bằng cách tóm tắt tất cả các câu của đoạn văn lại thành một câu. Việc rút gọn đoạn văn bằng cách nén câu thường chỉ được thực hiện đối với các đoạn văn không có câu chủ đề.

Trong phần này, chúng ta chủ yếu tập trung rèn luyện việc rút gọn đoạn văn (và theo đó là cả việc mở rộng đoạn văn) bằng cách mỗi lần lược bớt đi (hoặc thêm vào) ít nhất một câu.

a) Rút gọn đoạn văn có câu chủ đề

Trong đoạn văn có câu chủ đề, chúng ta đều thấy câu chủ đề là câu chứa những thông tin quan trọng, chủ yếu nhất của đoạn văn. Vì vậy, để tiến hành rút gọn đoạn văn, ta có thể thực hiện lần lượt các bước như sau:

– Xác định câu chủ đề của đoạn văn.

– Phân tích các bậc ý trong đoạn văn. Bậc ý được xác định như sau:

+ Câu chủ đề là câu gốc làm nhiệm vụ định hướng là **câu bậc 0**.

+ Câu trực tiếp làm sáng rõ nghĩa cho câu chủ đề là **câu bậc 1**.

+ Câu trực tiếp làm sáng rõ nghĩa cho câu bậc 1 là **câu bậc 2**.

+ Câu trực tiếp làm sáng rõ nghĩa cho câu bậc 2 là **câu bậc 3**.

+

Như vậy trong đoạn văn, nội dung chứa đựng trong câu bậc 0 bao trùm lên nội dung của câu bậc 1; nội dung chứa đựng trong câu bậc 1 lại bao trùm lên nội dung của câu bậc 2; nội dung chứa đựng trong câu bậc 2 lại bao trùm lên nội dung của câu bậc 3,... Câu có bậc càng lớn thì ý càng nhỏ.

– Tiến hành rút gọn đoạn văn. Việc lược bớt đi bao nhiêu câu khi tiến hành rút gọn tùy thuộc vào cách tổ chức các bậc ý trong đoạn văn, tùy thuộc vào số lượng câu trong đoạn và tùy thuộc vào chủ định của người thực hiện. Khi rút gọn, ta cần lược bớt các câu từ câu bậc cao tới câu bậc thấp. Nếu khi rút gọn, đoạn văn:

+ Còn lại câu bậc 0 thì đó là **rút gọn tối giản**.

+ Còn lại câu bậc 1 (và câu bậc 0) thì đó là **rút gọn bậc 1**.

+ Còn lại câu bậc 2 (câu bậc 0 và câu bậc 1) thì đó là **rút gọn bậc 2**.

+

Ví dụ: Xét đoạn văn sau:

(1) Thành độc sách nhiều nhưng cũng chơi nhiều. (2) Chú thích đánh đáo, đánh cờ. (3) Chú thích lên núi Chung. (4) Trên đó có những chỗ đất bằng đánh cờ rất tiện. (5) Lại có lúc chú thần thơ một mình trước cửa đền Thánh Cả. (6) Đứng đó nhìn ra xung quanh rất đẹp. (7) Lại có những lúc mấy anh em kéo nhau đi chơi thật xa. (8) Đi lên Rú Mượu.

(9) *Đi qua đền Độc Lôi.* (10) *Đi đến tận Rú Thành.* (11) Nơi này cách làng vài chục cây số.

(Theo Hoài Thanh – Thanh Tịnh)

Ta thấy:

– Trong đoạn văn này, câu (1) là câu chủ đề, nêu ý chính, định hướng nội dung cho toàn bộ đoạn văn. Câu (1) là câu bậc 0.

– Các câu còn lại thuộc các bậc ý như sau:

+ Các câu 2, 3, 5, 7 trực tiếp làm sáng rõ nội dung của câu chủ đề nên thuộc về câu bậc 1.

+ Các câu 4 (trực tiếp làm sáng rõ nội dung của câu 3), câu 6 (trực tiếp làm sáng rõ nội dung của câu 5), câu 8, 9, 10 (trực tiếp làm sáng rõ nội dung của câu 7) là câu bậc 2.

+ Câu 11 trực tiếp làm sáng rõ nội dung của câu bậc 2 (câu 10) nên là câu bậc 3.

– Kết quả rút gọn như sau:

+ Rút gọn tối giản (đoạn văn chỉ còn câu chủ đề):

Thành đọc sách nhiều nhưng cũng chơi nhiều.

+ Rút gọn bậc 1 (đoạn văn còn lại các câu: 1, 2, 3, 5, 7):

(1) *Thành đọc sách nhiều nhưng cũng chơi nhiều.* (2) *Chú thích đánh đáo, đánh cờ.*
(3) *Chú thích lên núi Chung.* (5) *Lại có lúc chú thẩn thơ một mình trước cửa đền Thánh Cả.* (7) *Lại có những lúc mấy anh em kéo nhau đi chơi thật xa.*

+ Rút gọn bậc 2 (đoạn văn còn lại các câu: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10):

(1) *Thành đọc sách nhiều nhưng cũng chơi nhiều.* (2) *Chú thích đánh đáo, đánh cờ.*
(3) *Chú thích lên núi Chung.* (4) *Trên đó có những chỗ đánh cờ rất tiện.* (5) *Lại có lúc chú thẩn thơ một mình trước cửa đền Thánh Cả.* (6) *Đứng đó nhìn ra xung quanh rất đẹp.* (7) *Lại có những lúc mấy anh em kéo nhau đi chơi thật xa.* (8) *Đi lên Rú Mượu.*
(9) *Đi qua đền Độc Lôi.* (10) *Đi đến tận Rú Thành.*

Cách rút gọn các đoạn văn khác có câu chủ đề cũng sẽ được tiến hành theo cách tương tự như trên.

b) Rút gọn đoạn văn không có câu chủ đề

Cách rút gọn đoạn văn không có câu chủ đề được tiến hành theo trình tự sau:

– Phân tích các bậc ý trong đoạn văn. Cách phân tích tương tự như việc phân tích bậc ý trong đoạn văn có câu chủ đề đã nói ở trên.

Lưu ý:

Đoạn văn không có câu chủ đề vì thế sẽ không có câu bậc 0.

– Tiến hành rút gọn đoạn văn từ câu bậc cao tới câu bậc thấp.

– Nếu muốn rút gọn tối giản, ta cần thực hiện việc nén câu.

Ví dụ: Xét đoạn văn sau:

(1) *Gà vịt là những vật nuôi nhanh và chóng lớn.* (2) *Vì thế, nhân dân ta nhà nào thường cũng nuôi gà vịt.* (3) *Có nhà nuôi dăm mươi con.* (4) *Có những nhà nuôi hàng trăm con.* (5) *Có những hợp tác xã nuôi hàng nghìn con.*

(Theo Khoa học thường thức)

Trong đoạn văn này, câu (1) và câu (2) có quan hệ nhân quả với nhau. Đó là những câu bậc 1. Câu (3), câu (4) và câu (5) là những câu có quan hệ ngang bằng (song hành) với nhau và cùng làm rõ thêm nghĩa cho câu (2), vì thế đó là những câu bậc 2.

Bởi vậy, kết quả rút gọn đoạn văn này có thể như sau:

– Rút gọn tối giản (nén các câu lại thành một câu):

Gà vịt chóng lớn, để nuôi nên gia đình nào cũng thường nuôi dăm mười con.

– Rút gọn bậc 1:

(1) Gà vịt là những vật nuôi nhanh và chóng lớn. (2) Vì thế, nhân dân ta nhà nào thường cũng nuôi gà vịt.

2. Luyện mở rộng đoạn văn

Mở rộng đoạn văn được hiểu là thêm vào đoạn văn một số lượng câu nhất định để làm tăng dung lượng, tăng độ dài của đoạn văn. Như đã nói ở phần trên, mỗi lần thêm vào đó, ít nhất ta thêm vào cho đoạn văn một câu (chứ không phải là một ngữ, một thành phần câu). Việc mở rộng đoạn văn được tiến hành theo trình tự sau:

– Phân tích các bậc ý trong đoạn văn.

Việc phân tích các bậc ý được tiến hành tương tự như khi rút gọn đoạn văn.

– Tiến hành mở rộng đoạn văn (dựa vào kết quả phân tích các bậc ý). Việc mở rộng này có thể thực hiện như sau:

+ Đối với đoạn có câu chủ đề, ta có thể thêm vào cho đoạn câu bậc 1, câu bậc 2 hoặc câu bậc 3,...

+ Đối với đoạn không có câu chủ đề, ta có thể thêm câu vào cho mọi bậc khác nhau của đoạn văn nếu xét thấy cần thiết.

Như vậy, việc mở rộng đoạn văn có thể tiến hành theo hàng ngang hay hàng dọc. Mở rộng theo hàng ngang là mở rộng đồng loạt các câu cùng bậc ý trong đoạn. Việc mở rộng này giúp cho đoạn văn trở nên *phong phú* hơn, *đầy đủ* hơn về nội dung. Còn việc mở rộng đoạn văn theo hàng dọc là mở rộng liên tiếp các câu từ bậc ý lớn cho tới những câu thuộc bậc ý nhỏ hơn (câu bậc 1 được mở rộng tới câu bậc 2, rồi câu bậc 2 lại được mở rộng tiếp tới câu bậc 3,...). Việc mở rộng theo hàng dọc giúp cho nội dung đoạn văn trở nên *sâu sắc* hơn.

Ví dụ: Xét đoạn văn sau:

Chí Phèo là một thằng cùn hơn cả thằng cùn. Hắn không cha, không mẹ. Hắn không người thân thích, họ hàng. Hắn không nhà, không cửa, không tác đất cắm dùi.

(Nam Cao, *Chí Phèo*)

Mở rộng:

– Theo hàng ngang

Đây là đoạn văn có câu chủ đề. Các câu còn lại trong đoạn có quan hệ song hành với nhau và đều là câu bậc 1 nên việc mở rộng theo hàng ngang trong đoạn văn này là thêm một câu (hoặc một số câu) bậc 1 khác vào số những câu bậc 1 đã có. Theo cách này ta có thể mở rộng để thu được đoạn văn như sau:

*Chí Phèo là một thằng cùn hơn cả thằng cùn. Hắn không cha, không mẹ. Hắn không người thân thích, họ hàng. Hắn không nhà, không cửa, không tác đất cắm dùi. **Hắn triền***

miền trong con say. Cả đời, hẳn chẳng bao giờ dám ước mơ được chung sống với một người con gái.

–Theo hàng dọc

Đoạn văn trên, mở rộng theo hàng dọc, ta có thể thêm vào một câu bậc 2, rồi sau đó thêm tiếp vào một câu bậc 3 và ta có thể thu được đoạn văn mở rộng như sau:

*Chí Phèo là một thằng cùn hơn cả thằng cùn. Hẳn không cha, không mẹ. **Cha mẹ hẳn đã quẳng hẳn vào cái lò gạch cũ cuối làng. Nơi đây đã lâu lắm chẳng có ai bước chân tới. Hẳn không người thân thích, họ hàng. Hẳn không nhà, không cửa, không tác đất cắm dùi.***

Trong đoạn văn này, câu 3 mở rộng thêm nghĩa cho câu 2, câu 4 mở rộng thêm nghĩa cho câu 3, vì thế đoạn văn này đã được mở rộng theo hàng dọc.

3. Luyện tập

Bài tập 1

Trong đoạn văn dưới đây, nếu được rút gọn ba câu, có thể lược bỏ câu nào? Vì sao?

(1) Những con ngan nhỏ mới nở được ba hôm thật là xinh xắn. (2) Chúng có bộ lông vàng óng. (3) Một màu vàng đáng yêu như màu của những con tơ non mới guồng. (4) Nhưng đẹp nhất vẫn là đôi mắt. (5) Đôi mắt chỉ bằng hạt cườm, đen nhánh hạt huyền. (6) Những hạt cườm lúc nào cũng lóng lánh đưa đi đưa lại như có nước.

(Theo Tô Hoài)

Bài tập 2

Hãy rút gọn tới bậc 1 đoạn văn dưới đây:

(1) Phan Bội Châu rất tích cực tham gia các hoạt động yêu nước. (2) Ông vào Huế vận động giới quan trường, nhất là giới sĩ phu như Nguyễn Thượng Hiền, Phan Châu Trinh,... (3) Năm 1902, ông ra Bắc liên lạc với Hoàng Hoa Thám. (4) Sau đó, ông viết bản "Lưu cầu huyết lệ tâm thư". (5) Bức thư nhằm kêu gọi lòng yêu nước của các nhân sĩ trong nước. (6) Lời lẽ của bức thư đã làm cho nhiều nhân sĩ bừng tỉnh.

(Theo SGK Lịch sử)

Bài tập 3

Hãy rút gọn đoạn văn sau đây theo hai cách:

– Lược bỏ những câu bậc cao tới bậc thấp.

– Nén câu.

(1) Hồ Chủ tịch đã qua đời. (2) Nhưng Người đã để lại cho chúng ta một di sản vô cùng quý giá. (3) Đó là thời đại Hồ Chí Minh, thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử quang vinh của dân tộc. (4) Đó là kỉ nguyên độc lập, tự do của Tổ quốc, kỉ nguyên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

(Điều văn của BCH TƯ
Đảng Lao động Việt Nam)

Bài tập 4

Hãy rút gọn đoạn văn dưới đây tới mức tối giản.

(1) Tài hoa, nhan sắc, tình nghĩa, nhân phẩm, công lí đều không còn có nghĩa gì trước thế lực của đồng tiền. (2) Tài tình, hiếu hạnh như Kiều cũng chỉ là một món hàng, không hơn không kém. (3) Ngay Kiều nữa, cái việc đại dột nhất, tội lỗi nhất trong suốt đời nàng, cái việc nghe lời Hồ Tôn Hiến khuyên Từ Hải ra hàng, một phần cũng bởi xiêu lòng vì ngọc vàng của Hồ Tôn Hiến.

(Hoài Thanh)

Bài tập 5

Hãy rút gọn đoạn văn dưới đây theo những cách có thể được.

(1) Có thể nói rằng nhất cử, nhất động của Từ đều vượt khuôn khổ thường tình. (2) Khi Từ ra đi, hình ảnh của Từ là cánh chim hồng lướt gió tung mây, không phải là lớp bụi hồng cuốn vó chinh an họ Thúc. (3) Khi Từ giận dỗi, đó là sấm sét đùng đùng nổi dậy, không phải là lời quát tháo ồn ào của viên tri phủ lập nghiêm. (4) Đến khi già từ cuộc sống, Từ lại không chịu nằm dài trên đất như kiểu thế nhân mà trông thẳng đứng thành một trụ đá cột đồng không ai lay chuyển.

(Vũ Hạnh)

Bài tập 6

Hãy mở rộng đoạn văn dưới đây bằng cách thêm vào chỗ trống một câu cần thiết bổ sung thêm nghĩa cho câu đứng ngay trước đó:

Mẹ con Cám quyết tâm giết Tấm. Nhưng Tấm đã không chết.

.....
..... Bởi vì
Tấm là tượng trưng cho cái thiện, cho chính nghĩa, cho nhân dân.

Bài tập 7

Bằng kiến thức đã học về mở rộng đoạn văn, hãy hoàn thiện đoạn văn sau:

Nội dung của truyện cổ dân gian rất phong phú. Truyện phản ánh cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên đầy khó khăn gian khổ của những người lao động trước đây.....

..... Truyện đã đề cao bản chất tốt đẹp của những người dân lương thiện, quanh năm chỉ biết mảnh vườn, thửa ruộng.....

..... Truyện cũng đã tố cáo bản chất xấu xa của giai cấp bóc lột tham lam, độc ác, kiêu ngạo, ngu dốt.

Bài tập 8

Hãy mở rộng đoạn văn dưới đây sao cho trong đoạn văn có câu bậc 2.

Các bài thơ của Bác, đẹp ở chữ, ở lời, ở câu, ở bố cục cân đối, hài hoà. Đẹp ở hình tượng, phong cảnh, đẹp ở cảm xúc, âm thanh, màu sắc, nhạc điệu, hình khối. Đẹp vì tứ cao, ý sâu. Đẹp vì giản dị, lộng lẫy, hùng vĩ, cao cả, hài hoà.

Bài tập 9

Từ câu "Đồng lúa xã Mễ Trì đẹp như một bức tranh.", hãy viết thành đoạn văn trong đó có câu chứa câu bậc 2.

Bài tập 10

Hãy viết một đoạn văn với nội dung tự chọn rồi sau đó:

- Mở rộng đoạn văn này tới câu bậc 2.
- Rút gọn đoạn văn này tới mức tối giản.

VI. LUYỆN CHỮA LỖI VỀ ĐOẠN VĂN

1. Chữa lỗi về nội dung

a) Lạc ý

Đây là một trong những lỗi hay gặp nhất trong các đoạn văn có câu chủ đề nêu lên một ý nào đó nhưng khi triển khai, các câu đứng ở phần sau lại phân tán, không tập trung làm rõ ý đó hoặc đang triển khai ý đó lại đột ngột chuyển sang trình bày ý khác.

Ví dụ:

Trong ca dao Việt Nam, những bài về tình yêu nam nữ là những bài nhiều hơn tất cả. Họ yêu gia đình, yêu cái tổ ấm cùng nhau chung sống, yêu nơi chôn nhau cắt rốn. Họ yêu người làng, người nước, yêu từ cảnh ruộng đồng đến công việc trong xóm, ngoài làng. Tình yêu đó nồng nhiệt, đậm thắm và sâu sắc.

Đoạn văn này có câu chủ đề nêu nội dung sẽ triển khai là *những bài về tình yêu nam nữ*, nhưng các câu sau lại không nói tới tình yêu đó mà lại nói tới những tình cảm hoàn toàn khác. Đoạn văn đã mắc lỗi lạc đề tài và chủ đề.

Để chữa lỗi này, cần phải loại bỏ những câu không đi đúng vào đề tài và chủ đề đã định và viết lại các câu khác sao cho nội dung tập trung thể hiện đề tài và chủ đề một cách chặt chẽ hơn.

b) Thiếu ý

Thiếu ý là lỗi thường gặp trong các đoạn văn có câu chủ đề nêu nhiều ý nhưng khi triển khai đoạn, các ý đó lại không được trình bày đầy đủ. Ở đây các câu đứng sau câu chủ đề chưa lấp đầy ý cho câu chủ đề, chưa ngang bằng ý với câu chủ đề.

Ví dụ:

Cư dân Văn Lang rất ưa ca hát và nhảy múa. Họ hát trong những đêm trăng hoặc ngày hội. Họ còn hát trong lúc chèo thuyền, săn bắn. Những nhạc cụ đệm cho những điệu hát thường là trống đồng, khèn, sáo, công,...

Đoạn văn nêu lên hai nội dung: ca hát và nhảy múa. Nhưng khi triển khai, đoạn văn này mới chỉ đề cập đến nội dung ca hát, còn nội dung nhảy múa chưa được nói tới. Đoạn văn này đã mắc lỗi triển khai thiếu hụt đề tài và chủ đề.

Để chữa lỗi này, cần phải viết thêm một số câu khác nữa, bổ sung cho ý nêu trong câu chủ đề còn thiếu hụt chưa được triển khai đầy đủ.

c) Loãng ý

Đây là loại lỗi thường gặp trong những đoạn văn có chứa quá nhiều câu bậc 2 hoặc câu bậc 3. Sự lấn át về mặt số lượng của những loại câu này sẽ làm cho nội dung bị dàn trải, phân tán và vì thế gây nên tình trạng loãng ý.

Ví dụ:

Bên cạnh con cò, con trâu được nói tới nhiều hơn cả trong ca dao, dân ca Việt Nam. Con trâu không mấy lúc thành thơ, cho nên khi nghĩ đến cuộc đời nhọc nhằn của mình, người nông dân thường nghĩ đến con trâu. Con cò tuy có vất vả, tuy phải lặn lội bờ sông nhưng còn có lúc được bay lên trời xanh. Con cò, con vạc, con nông là những con vật rất gần gũi với người lao động. Chúng mang những đức tính cần cù, chịu khó của người nông dân chân lấm tay bùn. Những lúc cần bọc bọch nỗi niềm, người nông dân thường đem những con vật đó ra để tâm sự.

Trong đoạn văn này, câu mở đầu cho ta biết đoạn văn sẽ trình bày về con trâu trong ca dao, dân ca Việt Nam. Nhưng trong khi triển khai, đoạn văn lại nói nhiều tới con cò, con vạc... Chính điều này đã làm cho đoạn văn bị loãng đề tài và chủ đề.

Để chữa loại lỗi này, cần mạnh dạn lược bỏ các câu bậc 2, bậc 3 và thêm vào đoạn văn những câu bậc 1, trực tiếp phục vụ cho đề tài và chủ đề.

d) Lặp ý

Đây là hiện tượng một đoạn văn có chứa nhiều câu trùng ý nhau, câu sau lặp lại nội dung đã có trong câu trước. Các câu trong đoạn lặp lại nhau càng nhiều thì nội dung trong đoạn càng nghèo nàn.

Ví dụ: *Mọi vật trong bài thơ **Mùa thu câu cá** của Nguyễn Khuyến đều buồn. **Mùa thu câu cá** là một bài thơ buồn. Cảnh vật đều phẳng phất nỗi buồn man mác. Nỗi buồn như thấm cả vào mọi vật. Cảnh vật nào dường như cũng chứa nỗi buồn riêng.*

Đọc đoạn văn, chúng ta đều thấy các ý bị lặp lại, nội dung không có sự phát triển và vì vậy ý trong đoạn trở nên luẩn quẩn. Đoạn văn đã mắc lỗi lặp đề tài và chủ đề.

Để sửa lỗi này, cần loại bỏ những câu lặp, ý lặp.

e) Mâu thuẫn ý

Trong đoạn văn, nếu ý câu trên trái ngược ý câu dưới, phủ nhận ý câu dưới; còn ý câu dưới lại bác bỏ ý câu trên, không phù hợp với ý câu trên ta nói đoạn văn bị mâu thuẫn ý.

Ví dụ:

Đoàn thuyền đánh cá ra khơi trong cảnh màn đêm buông xuống. Sóng biển cài then, đêm sập cửa, vũ trụ đi vào yên tĩnh, vắng lặng. Bốn bề không còn một tiếng động. Lá cờ nhỏ trên đỉnh cột buồm bay phấp phật trước gió. Những đường chỉ viền óng ánh như sáng rực trong đêm. Tiếng sóng vỗ vào mạn thuyền rì rầm nghe như bản nhạc vô tận của biển cả ngân nga muôn lời tâm sự. Những khuôn mặt rám nắng, những cánh tay gân guốc, bắp thịt nổi cuộn cuộn khẩn trương chuẩn bị nhổ neo lên đường.

Trong đoạn văn này, hai câu đầu đã xác định rõ thời gian, không gian và cảnh vật làm nền cho việc miêu tả: "màn đêm buông xuống", "đêm sập cửa", "yên tĩnh, vắng lặng", vì

vậy không thể có được những chi tiết miêu tả như: *cờ bay phấp phật, như bản nhạc vô tận và cũng không thể nhìn rõ được những khuôn mặt r ám nắng, những cánh tay gân guốc, bắp thịt nổi cuộn cuộn*. Viết như vậy là mâu thuẫn.

Để sửa lỗi này, cần đảm bảo tôn trọng hiện thực khách quan, đảm bảo trình bày đối tượng theo đúng những quy luật của tư duy.

g) Đứt mạch ý

Đoạn văn đứt mạch ý là đoạn văn không tạo thành một chuỗi liên tục ý, giữa các câu có sự gián đoạn hoặc nhảy cóc về ý, khiến cho mối quan hệ giữa các câu trở nên không rõ ràng.

Ví dụ: *Lòng thương người của Nguyễn Du bao trùm lên toàn bộ **Truyện Kiều**. Đoạn trích nào trong sách giáo khoa ông cũng thương xót Kiều. Bởi vì Kiều là người chịu biết bao nỗi đắng cay của cuộc đời.*

Trong đoạn văn này, giữa câu thứ nhất và câu thứ hai, giữa câu thứ hai và câu thứ ba đã bị đứt mạch ý. Vì sự đứt mạch ý này nên nội dung đoạn văn trở nên khó hiểu hoặc không thể hiểu được.

Để sửa loại lỗi này, cần xác định rõ mối quan hệ giữa các câu, rồi dựa vào mối quan hệ đó mà thêm các từ ngữ chuyển tiếp hoặc câu chuyển tiếp sao cho phù hợp.

2. Chữa lỗi về hình thức

a) Tách đoạn không phù hợp

Việc tách đoạn không phù hợp thể hiện ở hai điểm:

– Dung lượng quá lớn, chất chứa nhiều ý vượt quá sức tải của một đoạn văn hoặc dung lượng quá nhỏ, ý trong đoạn văn trở nên vụn vặt, rời rạc.

– Cơ sở phân chia đoạn văn không phù hợp hoặc thiếu nhất quán.

Ví dụ:

Nhiệt tình yêu nước của Trần Quốc Tuấn được thể hiện rõ ràng và mạnh mẽ ở thái độ phê phán nghiêm khắc của ông đối với sai lầm của các tướng sĩ dưới quyền. Trước hết, ông chỉ trích mạnh mẽ thái độ bạc tình, bạc nghĩa của tướng sĩ đối với chủ soái.

Ông phê phán thái độ bàng quan, vô trách nhiệm đối với Tổ quốc của họ.

Và kịch liệt hơn nữa khi ông phê phán thái độ thiếu tự tôn, tự trọng của tướng sĩ trước những thói ngạo mạn của kẻ thù.

Tiếp đó, ông đã thẳng thắn vạch trần mọi thói ăn chơi hưởng lạc, tầm thường, thậm chí thấp hèn của tướng sĩ trước cảnh Tổ quốc lâm nguy. Những lời lẽ của ông thật quyết liệt, mạnh mẽ.

Phần văn bản dẫn ra trên đây đã tách đoạn một cách lộn xộn, thiếu cơ sở phân chia nhất quán. Để chữa loại lỗi này, cần xác định rõ cơ sở tách đoạn và đảm bảo một cơ sở tách đoạn thống nhất trong toàn văn bản.

b) Phương tiện liên kết không phù hợp

Lỗi sử dụng không phù hợp các phương tiện liên kết thể hiện cụ thể ở một số điểm sau đây:

– Dùng không chính xác phương tiện liên kết khiến cho mối quan hệ giữa các câu trong đoạn không phù hợp với nhau, không ăn nhập ý với nhau.

– Dùng thiếu các phương tiện liên kết làm cho mối quan hệ giữa các câu trong đoạn trở nên không rõ ràng khiến cho nội dung đoạn văn trở nên mơ hồ, thiếu chặt chẽ.

Ví dụ:

Năm mười chín, chị đẻ đứa con trai, sau đó chồng mắc bệnh, ốm liền trong hai năm rồi chết. Chị làm quần quật suốt ngày phụng dưỡng cha mẹ chồng, hầu hạ chồng, bú mớm cho con. Có những ngày ngán ngủi, con bệnh lui đi, chồng chị yêu thương chị như một người phát cuồng.

Trong đoạn văn này, giữa câu thứ nhất và câu thứ hai đã dùng thiếu phương tiện liên kết nên nội dung giữa hai câu này mâu thuẫn với nhau. Để sửa lỗi này, ta cần thêm phương tiện liên kết vào để các ý trong đoạn văn vừa liên mạch vừa không mâu thuẫn với nhau.

3. Luyện tập

Bài tập 1

Đoạn văn dưới đây mắc lỗi triển khai thiếu hụt đề tài và chủ đề. Hãy phân tích và chữa lại cho phù hợp với câu chủ đề.

Nước ta có nhiều di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh. Ở Hà Nội có lăng Bác Hồ, có chùa Một Cột. Ở Huế có lăng tẩm của các vua chúa nhà Nguyễn. Ở Tây Nguyên có hồ Tơ Nưng. Ở Thành phố Hồ Chí Minh có bến cảng Nhà Rồng, nơi Bác Hồ rời nước nhà ra đi tìm đường cứu nước.

Bài tập 2

Đoạn văn dưới đây mắc lỗi gì trong việc triển khai đề tài và chủ đề? Hãy chữa lại cho đúng.

Thuở nhỏ, Lê Quý Đôn là một đứa trẻ thông minh nhưng ngỗ ngược. Ngay khi đi học, Lê Quý Đôn đã có ý thức tìm tòi, nghiên cứu, phê phán những điểm phản khoa học thường được tôn sùng thời bấy giờ. Ông thường tham gia bình văn cùng những người lớn tuổi. Không ai dám coi thường "chú học trò nhãi ranh" học nhiều, biết rộng ấy.

Bài tập 3

Đoạn văn dưới đây có mắc lỗi trong việc triển khai đề tài và chủ đề không? Nếu sai, hãy chữa lại cho đúng.

Trong lịch sử chống ngoại xâm, chúng ta thấy dân tộc ta anh hùng hào kiệt thời nào cũng có. Hai Bà Trưng phát ngọn cờ hồng khởi nghĩa đánh tan quân thái thú Tô Định, buộc hắn phải trốn vào đám loạn quân rút chạy về nước. Đất nước sau hơn hai thế kỉ bị phong kiến nước ngoài đô hộ đã giành được thắng lợi hoàn toàn.

Bài tập 4

Hãy xác định lỗi trong đoạn văn dưới đây và chữa lại cho đúng.

Nếu Thuý Vân có một vẻ đẹp phúc hậu, đoan trang thì Thuý Kiều lại mang một vẻ đẹp mặn mà, sắc sảo. Thuý Vân rất mực kiêu diễm, trang trọng. Gương mặt đầy đặn, phúc hậu, đẹp như trăng tròn với hàng lông mày xinh như "mày ngài". Vân có nụ cười tươi như

hoa, tiếng nói trong như ngọc và làn tóc đẹp hơn mây, nước da trắng hơn tuyết. Đó là vẻ đẹp của người thiếu nữ đang độ trăng tròn, thanh tao, trong sáng. Nhưng nếu Vân chỉ có nét đẹp về hình thể thì Kiều lại đẹp cả tài lẫn sắc. Kiều đẹp đến nỗi hoa cũng phải ghen, liễu cũng phải hờn và "cầm, kì, thi, hoạ" ở mặt nào Kiều cũng hơn người.

Bài tập 5

Đoạn văn dưới đây chưa đảm bảo được tính lôgic. Hãy phân tích và chữa lại cho đúng.

Trong rừng có một con chim lạ, lông và cánh trắng toát. Chúng chuyển từ cây nọ sang cây kia, khó mà có thể bắt được. Vào mùa rét, chúng di chuyển đến những nơi có nắng; còn vào mùa hè, chúng lại từ đâu bay về rất nhiều. Ở bất kì chỗ nào ta cũng có thể thấy chúng. Nhiều người đã đặt bẫy và bắt được không biết bao nhiêu mà kể.

Bài tập 6

Đoạn văn dưới đây có bị mắc lỗi trong việc sử dụng các phương tiện liên kết không? Nếu có, hãy chữa lại cho phù hợp.

Sơn Tinh và Thuỷ Tinh đều có sức mạnh ghê gớm. Người thứ nhất có tài vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Còn Sơn Tinh thì lại có tài khác: gọi gió, gió đến; gọi mưa, mưa về. Cả hai đều có sức mạnh ghê người và đều tỏ ra quyết liệt trong cuộc giao tranh sòng mái. Thuỷ Tinh hô mưa gọi gió làm giông bão rung cả đất trời. Sơn Tinh bốt từng quả đồi, từng dãy núi, dựng bực thành cao chặn đứng dòng nước. Trận chiến diễn ra càng ngày càng dữ dội. Nhưng cuối cùng phần thắng thuộc về Sơn Tinh vì Sơn Tinh có tài nghệ không thua kém gì Thuỷ Tinh.

Bài tập 7

Hãy xác định lỗi trong đoạn văn dưới đây và chữa lại cho phù hợp.

Thuý Kiều và Thuý Vân đều là con gái ông bà Vương Viên Ngoại. Nàng là một thiếu nữ tài sắc vẹn toàn, sống hoà thuận, hạnh phúc với cha mẹ. Họ sống êm ấm dưới một mái nhà, cùng có những nét xinh đẹp tuyệt vời. Vẻ đẹp của Kiều, hoa cũng phải ghen, liễu cũng phải hờn. Còn Vân lại có nét đẹp đoan trang, thùy mị. Còn về tài thì nàng hơn hẳn Thuý Vân. Thế nhưng nàng đâu có được hưởng hạnh phúc.

Bài tập 8

Hãy chữa lỗi tách đoạn cho phân trích dẫn dưới đây:

*Bài thơ **Đồng chí** của Chính Hữu ra đời cách đây hơn ba mươi năm rồi. Thế mà lần nào đọc lại bài thơ tôi cũng thấy lòng mình ấm áp, tràn ngập niềm vui lâng lâng, khó tả. Bài thơ đã giúp ta hiểu được thế nào là tình đồng chí, đồng đội, tình yêu của những người cùng chung lí tưởng. Đọc bài thơ, ta gặp được những anh bộ đội Cụ Hồ ở khắp miền đất nước, nào là nơi "nước mặn, đồng chua", nào là nơi "đất cày lên sỏi đá". Họ là những người chẳng quen nhau nhưng vì tình yêu Tổ quốc mà đến với nhau, cùng chia ngọt sẻ bùi với nhau. Rồi họ trở thành những người tri kỉ, những người đồng chí thân thiết.*

Phần lớn những anh bộ đội Cụ Hồ là những người nông dân mặc áo lính. Trước khi vào bộ đội, họ đã khổ, nhưng khi vào bộ đội rồi họ cũng chẳng có gì sung sướng hơn. Áo

của họ rách vai, quần của họ có nhiều mảnh vá, chân không giày mà lại phải sống ở nơi "rừng hoang sương muối", bị những cơn sốt run người hoành hành. Vất vả, gian khổ, thiếu thốn đủ mặt nhưng có điều đọc cả bài thơ vẫn không tìm thấy một lời thở than hay những ý nghĩ dao động. Trái lại, bao trùm lên cuộc sống của họ vẫn là tình đồng chí keo sơn, là niềm tin tất thắng. Hình ảnh "đầu súng trăng treo" vừa có cái chất của hiện thực nhưng cũng lại vừa có cái chất của lãng mạn. Đây là một hình ảnh đẹp bao trùm lên cả bài thơ, toả ánh sáng khắp cả bài thơ, xua tan đi cái ớn lạnh của sương muối, sưởi ấm lòng người chiến sĩ giữa đêm đông lạnh buốt với những cơn sốt rét hoành hành dữ dội. Đây là hình ảnh đẹp thể hiện được tư thế sẵn sàng chiến đấu cũng như tinh thần lạc quan cách mạng của anh bộ đội Cụ Hồ.

PHẦN NĂM

LUYỆN KĨ NĂNG TIẾP NHẬN VĂN BẢN

Trong đời sống hằng ngày cũng như trong việc học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên, việc đọc để tiếp nhận đầy đủ, chính xác một văn bản của người khác là công việc diễn ra thường xuyên, liên tục. Muốn nắm bắt được những nội dung thông tin có trong văn bản, muốn hiểu được một cách sâu sắc, người đọc phải có kĩ năng tiếp nhận văn bản. Nhưng kĩ năng hoạt động nói chung và kĩ năng hoạt động tiếp nhận văn bản, cũng như tạo lập văn bản nói riêng không phải tự nhiên có được mà phải qua một quá trình tập luyện nghiêm túc, công phu và bền bỉ mới có thể đạt tới. Bởi vậy, việc rèn luyện kĩ năng tiếp nhận văn bản được nói tới trong chương này là một việc làm hết sức có ý nghĩa và cần thiết đối với mỗi người sinh viên.

Nội dung của phần học tập dưới đây sẽ giúp chúng ta tập trung vào việc rèn kĩ năng *tiếp nhận văn bản*, đặc biệt là kĩ năng *tiếp nhận văn bản nghị luận*, kể cả *nghị luận xã hội lẫn nghị luận văn học*.

I. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC CỦA VĂN BẢN

Để có thể thực hiện được việc tiếp nhận văn bản, tức là để có khả năng phân tích văn bản một cách khoa học làm cơ sở cho việc tiếp nhận, chúng ta cần phải có những hiểu biết nhất định về đối tượng có tên là văn bản ấy. Trước hết, chúng ta sẽ tìm hiểu xem những yếu tố nào đã tạo nên nội dung và hình thức của một văn bản.

1. Những yếu tố tạo nên nội dung của văn bản

Hãy xét văn bản dưới đây:

TUYÊN TRUYỀN

Anh Tăng, học trò cụ Khổng, là một người đạo đức, được mọi người kính yêu. Một hôm, Tăng đi đón củi, quá trưa mà chưa về. Một người bà con đến nói với mẹ Tăng: "Nghe nói Tăng phạm tội giết người...".

Mẹ Tăng yên lặng nói: "Chắc là họ đồn nhảm. Con tôi hiền lành lắm, chắc nó không bao giờ giết người".

Lát sau, một người khác lại nói: "Nghe nói Tăng bị bắt rồi...".

Bà cụ Tăng bắt đầu lo sợ, nhưng vẫn bình tĩnh.

Vài phút sau, một người khác lại nói: "Nghe nói Tăng bị giải lên huyện rồi...".

Bà cụ Tăng vút cả công việc và chạy cuống cuống.

Không ai hiền lành bằng anh Tăng. Không ai tin tưởng anh bằng mẹ anh. Thế mà vì người đồn qua, kẻ đồn lại dù không đúng sự thật, mẹ Tăng cũng đâm ra lo ngại, hoang mang.

Ảnh hưởng của tuyên truyền là như thế.

*
* * *

Đế quốc Pháp – Mĩ không những chiến tranh xâm lược bằng quân sự, chúng còn chiến tranh bằng tuyên truyền.

Chúng dùng báo chí và phát thanh hàng ngày, tranh ảnh và sách vở in rất đẹp, các nhà hát, các trường học, các lễ cúng bái nhà thờ và chùa chiền, các cuộc họp,... để tuyên truyền.

Chúng lợi dụng tôn giáo, phong tục, tập quán, chúng bịa đặt những cái xấu và những tin đồn nhằm để tuyên truyền.

Mỗi tháng rải hàng chục triệu truyền đơn để tuyên truyền.

Nhất là lợi dụng những sai lầm, khuyết điểm của cán bộ ta để tuyên truyền.

Nói tóm lại, chúng dùng đủ mọi cách, mọi dịp để tuyên truyền, để hòng phá hoại tâm lí và tinh thần của nhân dân ta, cũng như chúng dùng bom đạn đi phá hoại mùa màng và giao thông của ta.

Thế mà có nhiều cán bộ ta xem khinh việc tuyên truyền của địch. Các đồng chí ấy nói: "Ai chẳng biết đế quốc Pháp – Mĩ là độc ác, Việt gian bù nhìn là xấu xa. Ai chẳng biết dân ta, Chính phủ ta, Cụ Hồ ta có một lòng vì dân vì nước, và kháng chiến nhất định thắng lợi. Cho nên dù địch tuyên truyền mấy cũng chẳng ai nghe".

Nghĩ như vậy là họ lầm to, là chủ quan khinh địch, là rất nguy hiểm, là để một thứ vũ khí rất sắc bén cho địch chống lại ta.

Nhân dân ta tốt thật. Nhưng ta nên ghi nhớ câu chuyện anh Tăng. Địch tuyên truyền xảo quyệt và bên bỉ, ngày này đến ngày khác, năm này đến năm khác, "giọt nước nhỏ lâu, đá cũng mòn". Cho nên không khỏi có một số đồng bào bị địch tuyên truyền mãi mà hoang mang.

Trách nhiệm của mỗi cán bộ, của mỗi người yêu nước là tìm mọi cơ hội, dùng mọi hình thức, để đập tan tuyên truyền giả dối và thâm độc của địch.

Chúng ta phải thắng địch về tuyên truyền cũng như bộ đội ta đánh thắng địch về mặt quân sự.

(C.B, báo *Nhân dân*, 1954)

Chúng ta bắt đầu từ việc tìm các yếu tố tạo nên *nội dung* văn bản này.

Văn bản *Tuyên truyền* đã phản ánh một mảng hiện thực của đời sống xã hội Việt Nam vào đầu những năm 50 của thế kỉ XX. Đó là âm mưu xảo quyệt của kẻ địch đối với nhân dân ta trong việc tuyên truyền và những nhận thức chưa đúng của cán bộ, chiến sĩ ta về sức mạnh của tuyên truyền cũng như trách nhiệm của toàn dân trong việc đập tan âm mưu tuyên truyền xuyên tạc ấy. Đây là chất liệu của cuộc sống, là thực tế được đưa vào trong văn bản và trở thành *nội dung* của văn bản.

Vậy, muốn thể hiện được những *nội dung* như chúng ta vừa nêu ra đó, cần phải có yếu tố gì?

a) Có thể nói yếu tố đầu tiên cần đến để có được *nội dung* trên chính là *khái niệm* truyền đạt nghĩa. Thiếu yếu tố này, chúng ta không thể trình bày được *nội dung* như chúng ta đang xem xét. Bởi vì nếu không có *khái niệm*, chẳng hạn như những *khái*

niệm nêu ra dưới đây thì không thể nói được điều như chúng ta muốn nói tới trong văn bản trên:

- Giải thích rộng rãi để mọi người tin, tán thành, ủng hộ và làm theo (**tuyên truyền**).
- Dựa vào những điều kiện thuận lợi nào đó để mưu tính lợi riêng không chính đáng (**lợi dụng**).
- Đối trá, lừa lọc một cách quỷ quyệt khó lường (**xảo quyết**).
- Cố ý làm cho hỏng, cho bị thiệt hại (**phá hoại**).
- Không yên lòng, không biết tin theo cái gì và nên xử trí ra sao (**hoang mang**).
- Phía đối lập có quan hệ chống nhau vì lẽ sống còn (**địch**).
- Sự xung đột vũ trang giữa các giai cấp, các dân tộc hoặc các nước nhằm thực hiện mục đích chính trị, kinh tế nhất định (**chiến tranh**).
- Phương tiện dùng để phá hoại và tiến hành đấu tranh (**vũ khí**).

Bởi vậy, dù văn bản có viết theo kiểu nào đi nữa, dù dài hay ngắn, dù câu chữ thế này hay thế khác thì những khái niệm như chúng ta vừa nói đến đều cần phải có và không thể thay đổi. Thay đổi khái niệm là thay đổi toàn bộ nội dung văn bản. Loại trừ những khái niệm cơ bản để truyền đạt nghĩa của văn bản là chúng ta đã loại trừ ngay nội dung của chính văn bản ấy.

b) Tuy vậy, những khái niệm thể hiện nội dung này khi đi vào văn bản lại nằm trong mối quan hệ với nhau rất chặt chẽ. Việc thể hiện đúng mối quan hệ ấy là cần thiết để người tiếp nhận văn bản hiểu đúng bản chất của hiện thực được phản ánh. Bởi thế, bên cạnh việc cần có những khái niệm truyền đạt nghĩa, để thể hiện được nội dung, văn bản cần có thêm một yếu tố nữa, đó là những *mối quan hệ* giữa các khái niệm. Không có mối quan hệ sẽ không có sự kết dính giữa các khái niệm, cũng có nghĩa là sẽ không có văn bản. Những mối quan hệ thường thấy trong văn bản là: quan hệ nhân quả, quan hệ bao hàm, quan hệ nhượng bộ,... Ví dụ: mối quan hệ giữa "địch tuyên truyền mãi" với "có một số đồng bào bị hoang mang" là mối quan hệ nhân quả; mối quan hệ giữa "mỗi tháng rải hàng chục triệu truyền đơn để tuyên truyền" và "nhất là chúng lợi dụng những sai lầm, khuyết điểm của cán bộ ta để tuyên truyền" là mối quan hệ liệt kê; mối quan hệ giữa "chúng ta phải đánh thắng địch về tuyên truyền" và "bộ đội ta đánh thắng địch về mặt quân sự" là mối quan hệ so sánh,... Những mối quan hệ này trong nội dung văn bản phải được đảm bảo đúng như mối quan hệ vốn có giữa những sự vật, sự việc, hiện tượng trong thực tế. Phản ánh sai những mối quan hệ đó có nghĩa là văn bản đã phản ánh sai hiện thực.

Như vậy, khi duy trì những khái niệm cơ bản trong văn bản, chúng ta cũng đồng thời bảo toàn nguyên vẹn cả những mối quan hệ giữa các khái niệm như chúng vốn có. Nói một cách khác, để truyền đạt một nội dung, trình bày một chủ đề, trong bất kì trường hợp nào, chúng ta cũng phải giữ nguyên những khái niệm chủ yếu và các mối quan hệ chủ yếu giữa các khái niệm. Thay đổi mối quan hệ giữa các khái niệm là đồng thời thay đổi cả nội dung văn bản. Sự thay đổi đó sẽ làm cho văn bản không còn là nó nữa.

Có thể nói, hai yếu tố *khái niệm* và *quan hệ* giữa các khái niệm chính là cơ sở logic của văn bản. Không có cơ sở này, chúng ta sẽ không có văn bản như nội dung chúng ta đang xem xét, vì bất kì một văn bản nào cũng phải được xây dựng trên một cơ sở của sự

phản ánh thực tế nào đấy. Đây chính là yếu tố xác lập sự tương ứng của văn bản với hiện thực. Loại bỏ những yếu tố này, nghĩa là gạt bỏ khái niệm và quan hệ giữa chúng, văn bản đang được xem xét cũng sẽ không còn nữa.

2. Những yếu tố tạo nên hình thức của văn bản

Chúng ta tiếp tục đi sâu vào văn bản trên để tìm ra những yếu tố thuộc bình diện hình thức.

a) Trước hết, chúng ta hãy xem xét văn bản về mặt từ ngữ. Giả định như chúng ta thay một số những từ ngữ nào đó trong văn bản bằng những từ ngữ khác gần nghĩa hoặc đồng nghĩa.

Ví dụ, thay:

- *hiền lành* bằng *hiền hậu, hiền dịu, dịu hiền.*
- *xảo quyết* bằng *quỷ quyết, gian ngoan, gian xảo.*
- *địch* bằng *kẻ địch, quân thù, kẻ thù, quân giặc, giặc, thù.*
- *thắng lợi* bằng *chiến thắng, đánh thắng.*
- *hàng ngày* bằng *từng ngày, ngày ngày, ngày nào.*

Chúng ta dễ dàng nhận ra rằng, dù tiếp tục thay nhiều và nhiều hơn nữa những từ ngữ đã có trong văn bản bằng những từ ngữ khác thì nội dung cơ bản của văn bản vẫn không thay đổi, nghĩa là những điều cần thông báo trong văn bản vẫn được giữ nguyên. Như vậy, việc thay đổi các từ ngữ gần nghĩa hoặc đồng nghĩa, việc dùng từ ngữ này hay từ ngữ khác, không làm ảnh hưởng nhiều lắm đến nội dung văn bản, không làm thay đổi được nội dung văn bản.

Bây giờ chúng ta xem xét tiếp về mặt cú pháp. Giả sử chúng ta lại thay đổi một số kiểu câu có trong văn bản bằng một số kiểu câu khác như đã thay thế khi tìm hiểu về mặt từ ngữ của văn bản.

Ví dụ:

Thay câu "Nhất là chúng lợi dụng những sai lầm, khuyết điểm của cán bộ ta để tuyên truyền" bằng những câu khác như:

- *Nhất là những sai lầm, khuyết điểm của cán bộ ta bị chúng lợi dụng để tuyên truyền.*
- *Nhất là – để tuyên truyền – chúng lợi dụng những sai lầm, khuyết điểm của cán bộ ta.*
- *Nhất là chúng lợi dụng để tuyên truyền những sai lầm, khuyết điểm của cán bộ ta.*

Hoặc như thay câu: "Cho nên không khỏi có một số đồng bào bị địch tuyên truyền mà hoang mang" bằng những câu như:

- *Cho nên có một số đồng bào không khỏi bị địch tuyên truyền mà hoang mang.*
- *Cho nên không khỏi có một số đồng bào hoang mang khi bị địch tuyên truyền.*

Những câu vừa dẫn ra nhằm mục đích thay thế trên, mặc dù kết cấu cú pháp của chúng có sự khác nhau, nhưng tất cả đều vẫn đảm bảo được nội dung thông báo cơ bản như câu trong văn bản.

Hơn thế nữa, không phải chỉ thay đổi câu này bằng câu khác, kiểu này bằng kiểu khác mà chúng ta còn có thể tách nhập câu, thay hẳn một số ngữ đoạn này bằng một số ngữ đoạn khác mà nội dung thông báo vẫn không thay đổi.

Ví dụ, có thể tách câu "Chúng lợi dụng tôn giáo, phong tục, tập quán, chúng bịa đặt những cái xấu và những tin đồn nhằm để tuyên truyền" thành hai câu: "Chúng lợi dụng tôn giáo, phong tục, tập quán". "Chúng bịa đặt những cái xấu và những tin đồn nhằm để tuyên truyền".

Chúng ta cũng có thể nhập hai câu "Địch tuyên truyền xảo quyệt và bên bí, ngày này đến ngày khác, năm này đến năm khác, "giọt nước nhỏ lâu, đá cũng mòn. Cho nên không khỏi có một số đồng bào bị địch tuyên truyền mãi mà hoang mang" thành một câu "Địch tuyên truyền xảo quyệt và bên bí, ngày này đến ngày khác, năm này đến năm khác, "giọt nước nhỏ lâu, đá cũng mòn", cho nên không khỏi có một số đồng bào bị địch tuyên truyền mãi mà hoang mang.

Như vậy, sự thay thế một từ, một ngữ đoạn, một câu,... bằng một từ, một ngữ đoạn, hoặc một câu khác có giá trị tương đương như chúng ta vừa xem xét ở trên được thực hiện một cách dễ dàng. Sự thay thế, loại bỏ yếu tố này hay yếu tố khác về ngôn ngữ như trên mặc dù nội dung không thay đổi nhưng ta vẫn thấy sự thay thế đó sẽ làm cho văn bản có những phẩm chất mới, khác hẳn với phẩm chất của văn bản đang xem xét. Sự thay thế quá nhiều sẽ làm cho nó cũng không phải là nó nữa. Tuy vậy, ảnh hưởng tới văn bản của những yếu tố *ngôn ngữ* này khác hẳn với hai yếu tố *khái niệm* và *quan hệ* như chúng ta đã xem xét ở trên. Việc loại bỏ yếu tố *khái niệm* và *quan hệ* sẽ dẫn tới sự phá vỡ nội dung, loại trừ hẳn hiện thực đang được xem xét. Nhưng việc xoá bỏ hoặc thay thế các yếu tố *ngôn ngữ* sẽ không làm mất đi nội dung đang được xem xét.

Nội dung trong những trường hợp thay thế này vẫn đảm bảo được những nét cơ bản như nội dung mà văn bản trước khi thay thế vốn có, nghĩa là vẫn đảm bảo được sự phản ánh lôgic nội dung hiện thực, không xuyên tạc tư tưởng của tác giả. Ở đây, sự thay đổi các yếu tố ngôn ngữ như từ ngữ, câu chữ,... như ta đã tiến hành ở trên rõ ràng không thuộc bình diện nội dung, không làm thay đổi hiện thực trình bày mà thuộc bình diện hình thức, thuộc đặc tính của việc trình bày tư tưởng. Việc trình bày tư tưởng theo cách này hay theo cách khác, sử dụng phương tiện ngôn ngữ này hay phương tiện ngôn ngữ khác sẽ tác động tới người đọc, người nghe, hoặc làm cho họ dễ dàng trong việc tiếp nhận nội dung hoặc ngược lại sẽ gây ra cho họ những khó khăn nào đó trong việc tiếp nhận chính nội dung ấy.

b) Thuộc bình diện hình thức của văn bản không phải chỉ có những yếu tố ngôn ngữ. Như chúng ta đã thấy, văn bản *Tuyên truyền* không phải chỉ gồm một câu mà là một tập hợp của nhiều câu. Các câu này được sắp xếp với nhau theo những mối quan hệ chặt chẽ, có tổ chức và được định vị rõ ràng trong văn bản. Các câu liên kết được với nhau, tạo thành một thể thống nhất, hoàn chỉnh cả về nội dung và hình thức cho văn bản chính là nhờ mối quan hệ đó. Mối quan hệ ấy được xây dựng như thế nào là tùy thuộc vào *thủ pháp cấu tạo* văn bản.

Văn bản chúng ta đang phân tích có một thủ pháp cấu tạo riêng. Giả sử chúng ta thay đổi thủ pháp cấu tạo riêng này của văn bản bằng một thủ pháp cấu tạo khác. Thay cho câu

chuyện được kể về anh Tăng ở phần mở đầu văn bản, chúng ta chỉ cần viết, chẳng hạn như "Tuyên truyền có sức mạnh ghê gớm". Chỉ một câu này thôi cũng đủ nói lên toàn bộ nội dung cũng như ý nghĩa mà câu chuyện đã có. Có thể coi hai cách mở đầu – cách thứ nhất kể ra một câu chuyện, cách thứ hai nói thẳng vấn đề cần nói trong một câu – có nội dung cần thông tin như nhau. Nhưng nếu đứng ở một phương diện khác, phương diện tiếp nhận văn bản để xem xét, chúng ta sẽ thấy hai cách vào đề trên mặc dù nội dung thông tin tương tự nhau nhưng hiệu quả tiếp nhận lại khác hẳn nhau. Cách vào đề bằng một câu chuyện là cách vào đề có sức hấp dẫn, lôi cuốn sự hứng thú của người tiếp nhận hơn. Qua sự dắt dẫn của câu chuyện, người đọc, người nghe sẽ tự rút ra được cho mình một kết luận không phải do người khác áp đặt mà do chính mình tự nhận thức được. Kết luận đó do được giải thích, chứng minh một cách đầy đủ nên tính thuyết phục cao. Những kết luận như vậy thường bao giờ cũng thấm thía, cũng sâu sắc. Còn cách vào đề chỉ bằng một câu như chúng ta thay thế, tuy ngắn gọn, nhưng tính thuyết phục bị giảm đi vì cái kết luận chúng ta đưa ra chưa được giải thích một cách đầy đủ, chưa được chứng minh một cách rõ ràng.

Theo dõi tiếp cách trình bày nội dung, chúng ta sẽ thấy cách lựa chọn, sắp xếp các câu, các đoạn văn... trong văn bản đều tuân theo những chủ định riêng của tác giả. Điều nổi bật là các đoạn văn trong bài viết thường rất ngắn và dường như được cấu tạo theo cùng một kiểu mô hình:

- *Đế quốc* bằng tuyên truyền.
- *Chúng dùng báo chí* để tuyên truyền.
- *Chúng lợi dụng* để tuyên truyền.
- *Mỗi tháng* để tuyên truyền.
- *Nhất là lợi dụng* để tuyên truyền.

Các đoạn văn với cùng một kiểu cấu tạo như vậy đã làm nổi rõ dụng ý của tác giả. Từ một nhận xét chung, tác giả lần lượt chỉ ra những việc làm cụ thể trong tuyên truyền của địch. Việc liệt kê liên tiếp những việc làm đó theo một trật tự định sẵn, theo một thủ pháp cấu tạo riêng biệt như vậy, chúng ta cũng có thể thay đổi lại được. Nhưng việc cải biên, đảo lại ấy tất sẽ dẫn đến hiệu quả là các vị trí cần nhấn mạnh theo ý riêng của tác giả, các nội dung cần tô đậm, cần khẳng định trong văn bản chắc chắn sẽ biến đổi, và cũng vì vậy mà sẽ gây khó khăn hoặc tạo thuận lợi trong việc tiếp nhận nội dung ở người đọc.

Như vậy, ở đây chúng ta thấy một yếu tố khác bên cạnh yếu tố ngôn ngữ tham gia vào việc tạo nên hình thức văn bản chính là *thủ pháp cấu tạo*. Vì thế có thể hiểu, thủ pháp cấu tạo chính là cách lựa chọn, sắp xếp, phân phối vị trí các câu, các đoạn trong việc trình bày nội dung văn bản.

Từ tất cả những sự phân tích trên đây, chúng ta thấy rằng văn bản được tạo thành từ bốn yếu tố cơ bản: *khái niệm, quan hệ, ngôn ngữ* và *thủ pháp*. Trong bốn yếu tố này, hai yếu tố đầu thuộc bình diện nội dung, hai yếu tố sau thuộc bình diện hình thức.

Các yếu tố thuộc bình diện nội dung tạo cơ sở logic cho văn bản, luôn luôn hướng tới việc giúp cho văn bản có sự tương ứng với hiện thực, đảm bảo sự phản ánh đầy đủ nhất, chính xác nhất thực tế khách quan.

Trong khi đó, các yếu tố thuộc bình diện hình thức luôn tìm cách giúp cho văn bản phát huy được hiệu quả nhất việc truyền đạt nội dung tới cho người nhận. Những yếu tố này hướng tới người tiếp nhận, tạo mọi điều kiện thuận lợi để họ tiếp thu văn bản.

Nói như vậy không có nghĩa là các yếu tố thuộc bình diện nội dung và hình thức tách rời nhau, biệt lập với nhau. Giữa chúng vẫn có những mối quan hệ rất khăng khít. Sự thay đổi hình thức văn bản này bằng một hình thức văn bản khác sẽ kéo theo sự phá vỡ dụng ý của tác giả, phá vỡ cách thức xây dựng luận điểm,... mặc dù chúng vẫn có cùng nội dung. Còn những yếu tố thuộc bình diện nội dung lại quy định việc lựa chọn hình thức, định ra một hình thức phù hợp với nó. Tuy vậy, cũng cần phải thấy rằng hình thức lại có tác động to lớn đến nội dung. Có một hình thức phù hợp, nội dung sẽ được tiếp nhận một cách dễ dàng hơn, chính xác hơn. Có thể nói, các yếu tố thuộc bình diện nội dung và hình thức vừa độc lập với nhau, vừa phụ thuộc vào nhau.

3. Luyện tập

Bài tập 1

Dựa vào hiện thực được trình bày và số lần xuất hiện của các từ ngữ trong văn bản sau, hãy xác định những khái niệm cơ bản được dùng để truyền đạt nghĩa của văn bản.

CÁI MỐT NÓI CHỮ

Ngôn ngữ là vỏ vật chất của tư duy. Khi tư duy con người càng phát triển thì ngôn ngữ càng phong phú. Chúng ta trân trọng và vui mừng trước sự phát triển của ngôn ngữ hiện đại. Ở đây, tôi xin chỉ bàn tới một khía cạnh của sự "bùng nổ" câu, chữ trong giao tiếp và trong văn tự của ta hiện nay.

Cho đến bây giờ, hầu như không ai không nói "đổi mới". Từ vị giáo sư tới người lao động bình thường. Từ người cao tuổi tới em thiếu nhi. Hình như trên các diễn đàn ai không nói "đổi mới" tức là thuộc trường phái bảo thủ. Và, vì đổi mới, nhiều người đã tung hô những câu nói, những từ ngữ khá là... tùy tiện.

Tôi đã được nghe một đồng chí cán bộ huyện về dự hội nghị ở xã, phát biểu ý kiến trong buổi tổng kết về giao nộp thuế lương thực mà đồng chí đó dang đàn suốt mấy giờ đồng hồ. Xin thống kê chưa đầy đủ những cụm từ được lặp lại nhiều lần: *trình độ dân trí, quốc kế dân sinh, xuống cấp, băng hoại, nhân văn, bản ngã, vĩ mô, vi mô,...*

Anh không quên nói tới "năm con rồng châu Á", rồi những "ma-phi-a", "ma-két-tinh",... Nhiều cán bộ nghiên cứu chuyên ngành được dự họp cũng phải nhận rằng, anh có trí nhớ rất tốt, vì không "đọc" sai từ nào. Nhưng khi có người không hiểu, khiếm tốn đề nghị anh "cho mấy đường cơ bản", thì anh giải thích sai lung tung.

Nhưng cái tật sính dùng những khái niệm mới lạ cho có vẻ "hiện đại" mà không hiểu như anh cán bộ huyện nọ không hiếm lắm. Và ảnh hưởng của cái mốt dùng chữ như thế là khá nhanh. Về nông thôn tôi không khỏi "giật mình" khi nghe một cán bộ văn hoá xã tuyên bố một câu: "Các vị không đi làm thủy lợi hoá, thì để sói mòn cơ sở hạ tầng à (!)".

Cũng cán bộ văn hoá xã đó còn chỉ trích văn hoá ông A, bà B trên tỉnh, trên trung ương không chịu đổi mới, cơ hội. Tôi hỏi: "Anh nói cụ thể xem họ đã cơ hội như thế nào?". Người được hỏi thản nhiên: "À, tôi cũng nghe người ta nói vậy".

Lập luận khoa học đâu phải là tìm cách làm cho những vấn đề vốn đơn giản trở nên xa lạ, phức tạp. Vì sao lại có những cán bộ lại cứ thích như giáo sư, như một nhà triết học mà không học cách diễn đạt giản dị, gãy gọn của quần chúng? Bà mẹ nói với con: "Phải nghĩ khác trước đi con ạ", chứ không bao giờ khuyên rằng: "Con phải đổi mới tư duy". Theo thiển nghĩ của tôi, việc "bất chước" cách nói, bất cần phân tích, chọn lựa, bất cần biết đối tượng nghe mình nói là ai, có nguyên nhân chủ yếu từ phía người nói và viết. Họ đã muốn chúng tỏ rằng ta đây cũng đổi mới, am hiểu cổ kim đông tây. Họ đã biến ngôn ngữ từ phương tiện giao tiếp trở thành mục đích "trang trí" cho mình. Kiến thức không đầy đủ, chấp vá mà lại hay nói chữ, không hiểu cũng nói theo thì chẳng khác một loại dây leo. Mà đã là dây leo thì phải dựa dẫm, không bao giờ có chính kiến, có thái độ dứt khoát, và mất dần thói quen độc lập suy nghĩ.

Học tập cái hay, cái mới là cần thiết. Học tập cách diễn đạt dễ hiểu, dễ đi vào lòng người là đòi hỏi nghiêm túc với mọi người. Đối với cán bộ lãnh đạo, vấn đề "học nói" càng trở nên cấp bách hơn. Có những điều tranh luận trong hội thảo thì phù hợp, nhưng nói trước đông đảo nhân dân sẽ trở nên xa lạ, lỗ bịch. Ngắn gọn, thiết thực, tránh dùng từ đao to búa lớn, hoa mỹ là cơ hội tốt để cắt bỏ thói lười biếng; nói dựa là thứ dây leo trong cuộc sống hằng ngày.

(Hải Đường, báo *Nhân dân chủ nhật*)

Bài tập 2

Đọc kĩ văn bản dưới đây, sau đó hãy chỉ ra những yếu tố thuộc bình diện hình thức của văn bản.

SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT TRONG THƠ

Sự trong sáng của ngôn ngữ là kết quả của một quá trình phấn đấu. *Trong* và *sáng* dính liền nhau; tuy nhiên, cũng có thể phân tích để các khái niệm trên được rõ nghĩa hơn nữa. Theo tôi nghĩ, *sáng* là sáng sủa, dễ hiểu, khái niệm được rõ ràng; thường thường khái niệm, nhận thức, suy nghĩ (tư duy) được rõ ràng thì lời diễn đạt ra cũng được minh bạch; tuy nhiên, nhất là trong thơ, có rất nhiều trường hợp suy nghĩ *sáng* rồi, dễ hiểu rồi, nhưng lời diễn đạt còn thô, chưa được trong, chưa được gọn, chưa được chau chuốt, do đó, tôi muốn hiểu chữ *sáng* là nặng về nói nội dung, nói tư duy, và chữ *trong* là nặng nói về hình thức, nói diễn đạt (và cố nhiên là nội dung và hình thức gắn liền), cho nên phải phấn đấu cho được *sáng* nghĩa, đồng thời lại phải phấn đấu cho được *trong* lời, đặt cho câu thơ, câu văn *trong sáng*...

Khi nói chuyện về tiếng Việt, Thủ tướng Phạm Văn Đồng có hơn một lần nhắc đến:

Long lanh đáy nước in trời

Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.

Theo ý tôi, đó là hai câu thơ trong sáng nhất giữa mấy nghìn câu thơ trong sáng của *Truyện Kiều*. Trong đôi câu thơ sáu tám này, Nguyễn Du dễ dàng dùng cái văn vốn đã

trong sáng của mình để mà tả ánh sáng, ánh sáng của mùa thu trong vắt, nó nắm lấy tất cả: ánh mặt trời của mùa thu sáng tỏ và không gay gắt phối hợp với không khí yên lặng ít bụi bặm dưới trời thu làm nổi rõ đường nét, màu sắc và xa gần của cảnh vật: cột khói biếc trong thành phố cổ, núi xa phơi mình như dát vàng, trời nước in nhau, nếu tách đứng riêng ra thì đây là hai câu thơ tả cảnh; nhưng để vào trong mạch văn, thì sở dĩ cảnh trong sáng được đến thế, còn là vì Thúc Sinh sau khi về thăm vợ là Hoạn Thư "cho phải đạo" thì đã được trèo lên mình ngựa mà "Roi câu vừa dõng dậm trường", quất ngựa, chỉ roi, trở lại với nàng Kiều, có thế thì cảnh mới phơi phơi đến như thế chứ.

Nói hơi dài về hai câu thơ, vì đây có thể coi như điển hình của sự trong sáng của lời thơ, cảnh thơ, tình thơ, cho ta một khái niệm rất rõ về sự trong sáng của ngôn ngữ. Và đưa *Truyện Kiều* lên trước, cũng là để gợi lên thế nào là sự trong sáng của tiếng Việt trong thơ.

Tiếng Việt ta giàu đẹp trong sáng. Bài thơ là một tổ chức ở trình độ cao của ngôn ngữ, một tổ chức chặt chẽ, tinh tế của ngôn ngữ, không lộn xộn, rối rắm, không phí phạm lời nói, không lảm lẩn nghĩa chữ; thơ chọn cách nói ngắn nhất mà giàu đẹp nhất, dồn chứa nhiều chất lượng nhất, mà câu thơ vẫn cứ trong sáng nhẹ nhõm, ung dung:

Giã nhà đeo bức chiến bào

Thét roi câu Vị ào ào gió thu!

Câu thơ *Chinh phụ ngâm* nói rất nhiều trong tám tiếng. Người đi đánh giặc thời trước, khi đã từ biệt vợ con rồi, thì lên đường rất khẩn trương, vừa khoác áo giáp vào người là đã nhảy lên ngựa phóng qua cầu sông Vị, roi quất giòn giã vun vút đến nổi như thét, trong khi đó thì gió thu nổi dậy ào ào, tinh thần nhanh như chớp, ngựa nhanh như gió, trong tiếng gió có tiếng roi, trên thân cầu có tiếng vó ngựa dồn dập. *Thét roi câu Vị ào ào gió thu*, hình ảnh, nhịp điệu, âm thanh, tất cả đi như một mũi tên bắn ! Đó cũng là một ví dụ khá điển hình về sự chất chứa trong sáng của ngôn ngữ trong thơ.

Ca dao là ngôn ngữ của quần chúng, nên bản thân nó gần gũi với sự trong sáng, bởi quần chúng vẫn thích một lối diễn đạt dễ lĩnh hội cho dù phong phú đến thế nào [...]. Ca dao là truyền khẩu, không sáng tác trên bản thảo, không chép vào giấy mực, cho nên nếu không dễ nhớ, dễ hiểu, dễ thuộc là sẽ bị đào thải. Bởi vậy, muốn tồn tại được, ca dao phải gần với sự trong sáng. Có những vị học giả trước đây bảo rằng: từ thời kì Hai Bà Trưng khởi nghĩa đánh đuổi Tô Định, dựng cờ độc lập, là đã truyền đi câu ca dao:

Nhiều điều phủ lấy giá gương,

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Muốn phấn đấu để làm cho trong sáng ngôn ngữ của thơ, cần phải thường xuyên, kiên trì học tập ngôn ngữ quần chúng, học tập ca dao, tục ngữ một cách sáng tạo... Còn phải học tập những nhà thơ lớn, nghĩa là học tập những người đã học tập ca dao mà lại nâng thơ của mình cao hơn ca dao nhiều nữa.

Muốn cho lời thơ trong sáng, bản thân cần phải suy nghĩ thật chín, phải chiếm lĩnh được nội dung; điều gì nghĩ ngợi được sáng rõ, thì diễn đạt ra sẽ được sáng tỏ...

[...] Khi nói giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, thì cũng cùng một lúc nói phát huy. Giữ cái cốt, cái lề, nhưng không khur khur ôm chặt...

Và sự trong sáng của tiếng Việt ở trong thơ không có nghĩa là lời cứ chạy trước ý, thoải mái đến mức cứ trôi phăng tuồn tuột; về từ, chữ, ngữ pháp, phong cách không có

gì chê trách được, duy chỉ chê trách là nghèo nội dung ! Như thế là một thứ "trong sáng" hình thức chủ nghĩa.

(Theo Xuân Diệu, *Công việc làm thơ*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1984)

Bài tập 3

Hãy so sánh nội dung và hình thức trình bày trong hai bài viết bình về bài thơ *Ồ... ó... ó... ó...* được dẫn ra dưới đây:

Ồ... Ó... O...

*Ồ... ó... ó...
Ồ... ó... ó...
Tiếng gà
Tiếng gà
Giục quả na
Mở mắt
Tròn xoe
Giục hàng tre
Đâm măng
Nhọn hoắt
Giục buồng chuối
Thơm lừng
Trúng cước
Giục hạt đậu
Nảy mầm
Giục bông lúa
Uốn câu
Giục con trâu
Ra đồng
Giục đàn sao
Trên trời
Chạy trốn.
Gọi ông trời
Nhô lên
Rửa mặt
Ồi bốn bề
Bát ngát
Tiếng gà
Ồ... ó... ó...
Ồ... ó... ó...*

(Trần Đăng Khoa)

Bài viết 1:

Bài thơ có cái tên thật ngộ: *Ồ... ó... o...* Tiếng gà mà thành một bài thơ. Lại là một bài thơ hay. Tiếng gà đã đánh thức thơ cậu bé Khoa hay chính hồn thơ ấy đã làm cho tiếng gà sống dậy trong buổi sáng trong lành của một ngày mới?

Ồ... ó... o...

Ồ... ó... o...

Tiếng gà vang lên náo nức cả làng quê, giục mọi người thức dậy và làm việc. Ai cũng nghe thấy tiếng gà: từ quả na, buồng chuối trong vườn; hạt đậu, bông lúa ngoài ruộng; hàng tre quanh làng; cho đến con trâu, và cả đàn sao, ông trời xa thế mà tiếng gà cũng vang tới. Và thật lạ, nghe tiếng gà, mọi vật đều tựa mình thức dậy, nảy nở sinh sôi, trào dâng sức sống. Như có phép tiên, tiếng gà làm cho cảnh làng quê bừng sáng, sống động hẳn lên. Cái gì cũng hoạt động, phát triển, cái gì cũng đẹp, thơm.

Tiếng gà đã thành một bài đồng dao tươi vui, ngộ nghĩnh. Theo tiếng gà, em đến với mọi vật quen thuộc của làng quê. Em thấy:

Quả na

Mở mắt

Tròn xoe

Hàng tre

Đám măng

Nhọn hoắt

Em nghe *hạt đậu* tựa mình *nảy mầm* trong lòng đất, em thấy *bông lúa* nặng thêm để *uốn câu*, và ngào ngạt cả không gian là *buồng chuối thơm lừng trúng cuốc*,... Ôi, chỉ một tiếng gà *Ồ... ó... o...* mà làm cho cả làng quê em sống dậy, rục rỡ, lung linh ! Tưởng như không có tiếng gà thì quê em không bừng sáng, đẹp tươi đến thế. Tiếng gà thật là kì diệu và em phải cảm ơn tiếng gà biết mấy.

Nhưng không phải chỉ có thế. Tiếng gà còn giục con trâu ra đồng, và điều này mới thật kì lạ, làm sao có thể tin được:

Giục đàn sao

Trên trời

Chạy trốn

Gọi ông trời

Nhô lên

Rửa mặt.

Có phải tiếng gà đã có uy lực với cả sao trời trên không trung xa lắc? Không phải thế đâu, mà tiếng gà chỉ báo hiệu một ngày mới bắt đầu. Ngày hiện ra thì sao trên trời không còn nữa và mặt trời mọc lên. Đàn sao đã chạy trốn và ông trời nhô lên rửa mặt là vì thế. Ôi, đàn sao mà cũng biết chơi trò "trốn tìm" và ông mặt trời cũng biết rửa mặt như chúng em khi ngủ dậy thì thật ngộ nghĩnh và thú vị biết bao ! Đó là mặt trời đã nhô lên từ biển Đông và biển đã rửa mặt cho ông sạch sẽ để ông chiếu rọi những tia nắng cho một ngày mới. Tất cả đều bắt đầu từ cái tiếng gà gáy "*Ồ... ó... o...*" ấy.

Cả bài thơ là một tiếng gà gáy như thế. Mở đầu và kết thúc đều bằng tiếng gà gáy "Ồ... ó... ó...". Ba mươi dòng thơ, dòng nào cũng ngắn, hai chữ, ba chữ, nhưng lại liền mạch, dòng nọ gọi dòng kia, đọc lên nghe như những nhịp gáy của chú gà trống: "Ồ... ó... ó !...", "Ồ... ó... ó !...". Tiếng gà sao mà náo nức, giục giã và mạch thơ tuôn chảy ào ạt đã làm cho tiếng gà bát ngát cả không gian:

Ồi bốn bề
Bát ngát
Tiếng gà
Ồ... ó... ó...
Ồ... ó... ó...

(Xuân Nguyễn)

Bài viết 2:

Đọc bài thơ *Ồ... ó... ó...* tôi có cảm giác như đang được đắm mình trong không gian tràn ngập tiếng gà.

Ồ... ó... ó...
.....
Ồ... ó... ó...

Trong trí tưởng tượng của Trần Đăng Khoa, tiếng gà sao mà kì diệu. Vạn vật bừng tỉnh. Cái đáng yêu của Trần Đăng Khoa là ở chỗ, đối với em, một ngày mới đồng nghĩa với những điều mới lạ, những việc làm có ích:

Tiếng gà
Tiếng gà
Giục quả na
Mở mắt
Tròn xoe
.....
Giục con trâu
Ra đồng

Phải chăng đó là ước mơ của em về một cuộc sống có nhiều điều tốt đẹp, chỉ có những điều tốt đẹp. Và tiếng gà khác nào chiếc đũa thần của bà tiên trong truyện cổ tích thoát cái đã làm đổi thay tất cả. Trần Đăng Khoa luôn biết diễn đạt những cảm nhận của mình một cách độc đáo. Quả na "mở mắt / tròn xoe". Quả na chín mà giống hệt như em bé tỉnh dậy dụi mắt ngạc nhiên và lạ lẫm với những điều thay đổi quanh mình. Còn nữa. Tiếng gà:

Giục đàn sao
Trên trời
Chạy trốn
Gọi ông trời
Nhô lên
Rửa mặt

Đàn ngữ chỉ dùng nói về động vật như đàn bướm, đàn ong, đàn chim, đàn gà,... vậy mà Trần Đăng Khoa đã gọi những vì sao trên bầu trời là "đàn sao" một cách rất tự nhiên.

Trong tâm hồn trẻ thơ của Trần Đăng Khoa, vũ trụ bao la cũng trở nên gần gũi, mọi vật đều ngộ nghĩnh, đáng yêu. Và, Khoa luôn có những khám phá bất ngờ về những điều diễn ra quanh mình.

Ôi bốn bề

Bát ngát

Tiếng gà

Ồ... ó... o...

Ồ... ó... o...

Khép lại bài thơ là một tâm trạng chộn rộn khó tả khi tiếng gà vang lên khắp xóm làng. Đọc lại những câu thơ này, tôi có cảm giác như mỗi ngày Trần Đăng Khoa đều thấp thỏm lúc trời rạng sáng để được đắm mình trong tiếng gà râm ran khắp làng quê và tưởng tượng ra những điều kì diệu sẽ đến với mọi vật khi bình minh lên.

Ồ... ó... o... Tiếng gà gáy sáng, đó là cả một thế giới âm thanh kì diệu đối với tâm hồn nhạy cảm của cậu bé làm thơ.

Tôi như nghe thấy nhịp sống hối hả của một ngày mới qua những dòng thơ hồn nhiên của Trần Đăng Khoa.

(Vũ Tố Nga)

II. PHÂN TÍCH VĂN BẢN

Để có thể tiếp nhận đầy đủ và chính xác những nội dung thông tin có trong văn bản, trước hết cần phải phân tích văn bản. Việc phân tích văn bản càng thực hiện tốt bao nhiêu thì việc lĩnh hội, tiếp nhận văn bản càng đạt kết quả cao bấy nhiêu.

Chúng ta cùng phân tích văn bản dưới đây:

NGHỆ THUẬT QUẢNG CÁO HIỆN ĐẠI

Quảng cáo là việc sử dụng các phương tiện thông tin để truyền tin về sản phẩm dịch vụ hoặc cho các phần tử trung gian, hoặc cho các khách hàng cuối cùng trong một khoảng thời gian và không gian nhất định.

Muốn làm quảng cáo phải nắm được chức năng của quảng cáo

Thứ nhất, đó là chức năng của thông tin. Quảng cáo là một loại thông tin thị trường nhằm đưa tin về hàng hoá. Một nhà kinh tế đã nói: "Làm kinh doanh mà không quảng cáo khác nào nháy mắt với một bạn gái trong bóng tối, chỉ có mình bạn biết bạn làm gì?". Tuy nhiên thông tin quảng cáo không thể thay thế được thông tin thị trường do tính cục bộ, chủ quan của quảng cáo. Nếu mọi người tiêu dùng đều tin ở quảng cáo thì khác nào đổ thóc giống ra mà ăn.

Chức năng thứ hai của quảng cáo là chức năng tạo sự chú ý. Quá trình diễn biến tâm lí của khách hàng thường trải qua các giai đoạn: Chú ý, thích, quyết định mua, hành động mua. Bằng ngôn ngữ, hình ảnh, màu sắc,... quảng cáo sẽ tác động vào chính điểm khởi đầu của chuỗi tâm lí khách hàng, khai thông những bế tắc trong chuỗi.

Những yêu cầu cơ bản của quảng cáo

Với những chức năng quan trọng như vậy, nghệ thuật quảng cáo đòi hỏi mỗi thông điệp quảng cáo phải thoả mãn các yêu cầu sau:

Đảm bảo tính thông tin

Quảng cáo là một thông tin về sản phẩm, nhưng do lượng thông tin ngắn và kinh phí quảng cáo hạn hẹp nên đòi hỏi thông tin quảng cáo phải ngắn gọn, rõ ràng và tập trung. Tuyệt đối tránh những thông tin quảng cáo dài lê thê kiểu giới thiệu sản phẩm của từng hãng.

Đảm bảo tính hợp lí

Mỗi tin quảng cáo có thể đưa ra bằng một hoặc hai phương tiện bảo đảm tin quảng cáo đến với người tiêu dùng nhanh nhất. Pháp và Mỹ là hai nước có những yếu tố văn hoá trái ngược nhau rất đáng chú ý. Những bà nội trợ Mỹ mất nhiều thời gian xem ti vi và đọc báo hơn, và họ tin tưởng hơn vào quảng cáo trước khi đi mua một sản phẩm. Do vậy, đối với nhà kinh doanh Mỹ, cần thiết phải gia tăng quảng cáo trên các phương tiện ti vi, báo ảnh, quảng cáo qua bưu điện. Các bà nội trợ Pháp lại mất nhiều thời gian hơn để đi mua sắm, xem xét các món hàng trên các giá đựng hàng hoá và lắng nghe ý kiến của người bán lẻ. Vì vậy, các công ti Pháp thường tập trung trưng bày đẹp cửa hàng cửa hiệu và cố gắng hạ giá thành chứ không tính đến những phương án quảng cáo đắt tiền.

Đảm bảo tính pháp lí

Những gì hợp pháp ở nơi này lại có thể phi pháp ở nơi khác. Lí do chính là sự cạnh tranh giữa các quốc gia về quan điểm bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ sự cạnh tranh, khuyến khích công dân, các tiêu chuẩn đạo đức và chủ nghĩa dân tộc. Ví dụ: Vương quốc Anh và Mỹ cho phép so sánh trực tiếp các nhãn cạnh tranh với nhau (như Pepsi và Coca cola), trong khi Phi-líp-pin lại cấm. Các nước Hồi giáo thì cấm tuyệt đối sử dụng những hình ảnh phụ nữ vì đó là vi phạm các tiêu chuẩn đạo đức xã hội. Việc quảng cáo những dụng cụ ngừa thai, những sản phẩm vệ sinh phụ nữ,... bị cấm ở một số địa phương.

Đảm bảo tính nghệ thuật

Tuy không phải là tác phẩm nghệ thuật, nhưng ít nhất thông điệp quảng cáo phải phù hợp với thẩm mỹ của người xem. Gần đây VTV1 xuất hiện thông điệp quảng cáo cho tivi M của hãng M có sử dụng diễn viên LH. Sau một loạt những pha đấm đá hết sức vô lí, anh ta bỏ mặt nạ ra và nói "Sẽ còn đã hơn nếu xem bằng tivi M". Ngay cả xem bằng tivi cũ của nhà mà đã thấy quá bức mình rồi thì có lẽ xem bằng tivi mới của hãng M chắc sẽ còn gai người hơn nhiều!

Đảm bảo sự dịch chuyển giữa các quốc gia

Nếu công ti bán hàng ở một nước có ngôn ngữ khác với họ thì hầu như luôn luôn thông tin phải được chuyển dịch sang ngôn ngữ đó. Khó khăn dễ thấy nhất là việc lồng tiếng, vì nó không bao giờ tương ứng với sự chuyển động của môi. Ngay cả trong cùng một ngôn ngữ thì các từ sử dụng cũng có thể có ý nghĩa khác nhau. Chẳng hạn, US Airlines đã sử dụng hình ảnh của *Paul Hogan*, một ngôi sao điện ảnh trong phim *Dundee cá sấu*, trong vùng xa xôi hẻo lánh ở *Australia* trên bìa của tạp chí hàng không với lời chú

thích "Paul has been camping there" (Paul cắm trại ở đó) và điều này cũng có nghĩa là Paul phô trương sự đồng tính luyến ái của mình (trong tiếng Australia).

Đảm bảo tính tiêu chuẩn hoá

Điểm mạnh của việc quảng cáo theo tiêu chuẩn hoá là tiết kiệm được chi phí và thâm nhập nhanh chóng vào các quốc gia. Hãng *Mc Cann Ericsson* đã tiết kiệm được 90 triệu USD nhờ thực hiện chương trình quảng cáo giống như nhau trên toàn cầu trong suốt 20 năm.

Trên đây là một vài ý nhỏ về nghệ thuật quảng cáo. Một tiêu chuẩn quyết định sự thành công là "quảng cáo phải đi vào lòng người".

(Nguyễn Hải Đạt)

Để phân tích văn bản này, chúng ta cần phải trả lời được những câu hỏi sau đây:

a) Văn bản này viết về cái gì?

Câu hỏi này buộc ta phải tìm hiểu về hiện thực được nói tới trong văn bản.

Mảng hiện thực được tác giả trình bày, phản ánh vào văn bản là một trong những yếu tố của nội dung văn bản. Mảng hiện thực này thường rất phong phú, đa dạng. Đó có thể là một sự việc, một hiện tượng; đó có thể là một suy nghĩ, một tâm trạng; và đó cũng có thể là một sự kiện, một vấn đề,... được tác giả quan tâm. Đọc văn bản, làm thế nào để chúng ta có thể phát hiện ra mảng hiện thực đang được tác giả trình bày trong đó?

Thông thường để phát hiện mảng hiện thực tác giả đưa vào văn bản, người ta dựa vào:

– Đầu đề của văn bản

Nhìn chung, đầu đề của văn bản, đặc biệt là trong các văn bản khoa học, tự nó chỉ ra hiện thực và nhiều khi có cả giới hạn, phạm vi của hiện thực được phản ánh. Vì vậy, dựa vào đầu đề, chúng ta có thể xác định chính xác được nội dung của văn bản và đến thẳng được những vấn đề mà văn bản đặt ra. Chẳng hạn, đối với văn bản trên, đầu đề là *Nghệ thuật quảng cáo hiện đại* tự nó chỉ ra cho chúng ta thấy đề tài của văn bản này là "nghệ thuật quảng cáo" trong thời "hiện đại". Như vậy dựa vào đầu đề, việc xác định mảng hiện thực trình bày trong văn bản sẽ nhanh chóng hơn và cũng vì thế việc định hướng tìm hiểu nội dung sẽ chính xác hơn.

– Các đề mục trong văn bản

Không phải văn bản nào cũng có đề mục, nhưng đối với các văn bản có chứa các đề mục thì chính những đề mục đó sẽ góp phần làm sáng rõ thêm cho đầu đề văn bản và giúp chúng ta xác định càng chính xác hơn nội dung của văn bản. Theo dõi bài viết *Nghệ thuật quảng cáo hiện đại*, chúng ta thấy nổi bật lên các đề mục lớn: "Muốn làm quảng cáo phải nắm được chức năng của quảng cáo" và "Những yêu cầu cơ bản của quảng cáo". Hai đề mục này rõ ràng đã giúp chúng ta khẳng định nội dung văn bản đang phân tích chắc chắn sẽ là "nghệ thuật quảng cáo" trong thời "hiện đại".

– Các từ ngữ được lặp đi lặp lại nhiều lần trong văn bản

Trong văn bản, những từ ngữ thể hiện đề tài thường được lặp đi lặp lại nhiều lần nhằm thống nhất nội dung của văn bản. Chính vì thế, những từ ngữ có tần số xuất hiện cao cũng góp phần giúp chúng ta phát hiện ra nội dung của văn bản dễ dàng và thuận lợi hơn. Đọc bài viết *Nghệ thuật quảng cáo hiện đại* ta thấy những từ ngữ như: quảng cáo là, tin quảng

cáo, thông điệp quảng cáo, ngôn ngữ quảng cáo,... được trở đi trở lại nhiều lần. Chính điều này một lần nữa giúp ta khẳng định nội dung mà chúng ta chỉ ra ở trên là đúng.

b) Văn bản này viết ra nhằm mục đích gì?

Câu hỏi này hướng chúng ta tới việc cần phải tìm hiểu hướng đích của văn bản.

Thông qua mảng hiện thực khách quan được đưa vào trong văn bản, bao giờ người viết cũng nhằm đạt tới một mục đích nhất định. Nhưng cái đích đó có đạt được hay không lại tùy vào cách xử lý hiện thực được đưa vào văn bản của tác giả. Có thể cùng một hiện thực nhưng cách xử lý khác nhau sẽ dẫn tới cách nhìn nhận và đánh giá khác nhau đối với văn bản.

Cách xử lý hiện thực và hướng người viết cần đạt đến chính là chủ đề của văn bản. Cái đích đó, tùy từng văn bản cụ thể, sẽ có sự khác nhau. Có thể đó là sự ca ngợi, sự đồng tình, ủng hộ; cũng có thể là sự phê phán, chỉ trích hoặc cũng có thể đó là sự bộc lộ tâm tình, bày tỏ thái độ,... đối với hiện thực được nói tới trong văn bản. Bởi vậy, việc xác định chủ đề của văn bản là cần thiết đối với việc phân tích tìm hiểu nội dung văn bản.

Vì chủ đề của văn bản chỉ có thể xác định được qua việc xem xét cách xử lý hiện thực, nên việc tìm hiểu chủ đề cũng cần phải dựa vào đầu đề, dựa vào những mục lớn nhỏ có trong văn bản. Nhưng chủ đề của văn bản không phải là cái được nói thẳng ra mà chỉ là cái được suy ra, nhận ra đằng sau cách lựa chọn hiện thực, đằng sau cách dùng từ ngữ, đằng sau cách sắp đặt lời lẽ được ghi trong văn bản. Bởi vậy, để tìm hiểu chủ đề, ngoài việc dựa vào đầu đề và các mục lớn nhỏ trong văn bản, chúng ta còn cần phải:

– Dựa vào hệ thống những câu chủ đề chứa đựng trong các đoạn văn

Các câu chủ đề của đoạn văn thể hiện được những luận điểm cơ bản và bộc lộ rõ nhất những quan niệm, thái độ của tác giả về vấn đề đang trình bày. Vì thế, để hiểu chủ đề chung của văn bản, chúng ta cần phải dựa vào tất cả các câu chủ đề trong từng đoạn văn. Ví dụ, để phát hiện ra chủ đề của văn bản *Nghệ thuật quảng cáo hiện đại*, cần dựa vào những câu chủ đề của văn bản này như: "Quảng cáo là một thông tin về sản phẩm, nhưng do lượng thông tin ngắn và kinh phí quảng cáo hạn hẹp nên đòi hỏi thông tin quảng cáo phải ngắn gọn, rõ ràng và tập trung"; "Tuy không phải là tác phẩm nghệ thuật nhưng ít nhất thông điệp quảng cáo phải phù hợp với thẩm mỹ người xem"...

– Dựa vào phần mở đầu và kết thúc văn bản

Đây là những phần mở và khép lại toàn bộ văn bản. Chính hai phần này thể hiện tập trung nhất nội dung của văn bản. Những câu kết văn bản kiểu như: "*Một tiêu chuẩn quyết định sự thành công của quảng cáo là phải đi vào lòng người*"... trong văn bản chúng ta đang xem xét là những câu rất đáng chú ý trong việc xác định chủ đề của văn bản.

Phối hợp xem xét các câu chủ đề của đoạn văn với việc tìm hiểu phần mở đầu và kết thúc văn bản, chúng ta xác định chủ đề của văn bản được nói tới ở trên là sự khẳng định: *Việc quảng cáo trong thời kì hiện đại phải có nghệ thuật đi vào lòng người.*

c) Văn bản này được viết ra như thế nào? Viết cho đối tượng nào?

Những câu hỏi này buộc chúng ta phải tìm hiểu kỹ về bố cục văn bản, cách lập luận trong văn bản, về cấu trúc câu được dùng trong văn bản,... Nói cách khác, ta phải tìm hiểu về những yếu tố thuộc hình thức tổ chức của văn bản.

Tìm hiểu văn bản, nếu như ta chỉ xem xét nội dung mà không chú ý tới hình thức tổ chức của văn bản thì đó là một thiếu sót lớn. Bởi lẽ nội dung bao giờ cũng có sự thống nhất với hình thức. Nếu hình thức không phù hợp sẽ dễ dàng dẫn tới sự phá vỡ nội dung. Cùng một đề tài và chủ đề, nghĩa là cùng một nội dung, nhưng cách tổ chức khác nhau sẽ đem lại những hiệu quả khác nhau. Bởi vậy, việc tìm hiểu hình thức tổ chức của văn bản, đặc biệt đối với văn bản văn học, là góp phần làm sáng rõ nội dung của văn bản đồng thời giúp người đọc thấy hết cái hay, cái đẹp và cái độc đáo trong việc dùng ngôn từ, hình ảnh cũng như những nét riêng khác của tác giả trong việc thể hiện nội dung.

Chẳng hạn với văn bản *Nghệ thuật quảng cáo hiện đại* nêu ra trên đây, ta thấy đó là một văn bản viết ra phục vụ cho các nhà doanh nghiệp, những người phải thường xuyên sử dụng tới quảng cáo để tiếp cận với người tiêu dùng. Bởi thế, những vấn đề đặt ra trong bài viết cần được trình bày cặn kẽ và phải đạt tính thuyết phục cao. Để thực hiện điều đó, tác giả đã lựa chọn và sử dụng loại bố cục ba phần. Phần mở bài được dùng để giới thiệu chung về khái niệm quảng cáo. Phần triển khai, trình bày chức năng của quảng cáo và những yêu cầu chung của nghệ thuật quảng cáo hiện đại. Phần kết bài, khẳng định nghệ thuật quảng cáo hiện đại phải là nghệ thuật đi vào lòng người. Cách trình bày này gây được ấn tượng mạnh về sự hoàn chỉnh của văn bản: trọn vẹn về nội dung và hoàn chỉnh về hình thức. Chính cách tổ chức như vậy góp phần giúp người đọc tiếp nhận văn bản một cách thuận lợi hơn.

Tóm lại, để tiếp nhận văn bản một cách có hiệu quả, ta cần phải tìm hiểu văn bản và các yếu tố hình thức tổ chức văn bản. Chỉ khi hiểu rõ những nội dung này ta mới có thể nói rằng ta có khả năng hiểu đầy đủ và sâu sắc văn bản.

III. TÓM TẮT VĂN BẢN

Sau khi phân tích và tìm hiểu văn bản, đặc biệt là văn bản khoa học, chúng ta thường có nhu cầu tóm tắt lại văn bản đó. Tóm tắt văn bản chủ yếu là ghi lại những nội dung chính của văn bản gốc dưới dạng dồn nén các thông tin theo một mục đích nào đó đã được định trước. Với những phong cách khác nhau, việc tóm tắt văn bản cũng sẽ có sự khác nhau. Nhưng vì khuôn khổ của tài liệu và thời gian luyện tập trên lớp có hạn, nên dưới đây chúng ta sẽ chỉ đề cập tới những vấn đề của việc tóm tắt các văn bản thuộc phong cách khoa học.

1. Mục đích của việc tóm tắt

Tóm tắt văn bản khoa học có nhiều mục đích khác nhau. Có thể kể ra dưới đây một vài mục đích chính:

- Giúp ta lưu giữ tài liệu ở dạng ngắn gọn nhất.
- Giúp ta nhớ nhanh những thông tin về nội dung cơ bản, những ý cốt lõi, những luận điểm chủ yếu của văn bản gốc.
- Khi cần thiết, có thể sử dụng bản tóm tắt làm trích dẫn hoặc làm căn cứ để khôi phục lại nội dung thông tin của văn bản gốc.
- Giúp việc nhìn bao quát toàn bộ nội dung cũng như quá trình lập luận, dẫn dắt của văn bản gốc trở nên dễ dàng hơn.

2. Yêu cầu chung của việc tóm tắt

Việc tóm tắt văn bản cần phải đạt những yêu cầu sau:

- Bản tóm tắt phải đảm bảo ngắn gọn, cô đọng so với bản gốc. Cần loại bỏ tất cả những chi tiết phụ, rườm rà làm dài dòng văn bản tóm tắt.
- Đảm bảo phản ánh trung thành những nội dung cơ bản, những hướng đích và cách thức lập luận, trình bày nội dung của văn bản gốc. Tuyệt đối không được làm sai lệch ý đồ của tác giả; tuyệt đối không được xuyên tạc hoặc thêm bớt bất kì một chi tiết nào vào văn bản tóm tắt khiến cho bản tóm tắt khác với bản gốc.
- Bản tóm tắt cần phải phù hợp với mục đích đặt ra. Bản tóm tắt càng ngắn, càng gọn mà vẫn thoả mãn được mục đích đặt ra thì càng tốt.

3. Cách tóm tắt văn bản

Giả sử sau khi đã phân tích, tìm hiểu đầy đủ văn bản *Nghệ thuật quảng cáo hiện đại*, chúng ta tiến hành tóm tắt văn bản này. Để văn bản tóm tắt đạt được những yêu cầu như chúng ta vừa nêu ra ở mục trên, ta có thể tiến hành tóm tắt văn bản lần lượt theo các bước sau:

a) Bước 1: Định hướng tóm tắt

– *Xác định rõ mục đích tóm tắt*

Đây là bước khởi đầu chi phối tất cả các quá trình tóm tắt sau này, từ việc chọn cách tóm tắt, lọc các chi tiết đến việc tính toán độ dài ngắn của văn bản. Vì thế, chỉ khi chúng ta định rõ được mục đích thì việc tóm tắt mới nên bắt đầu tiến hành.

– *Chọn cách tóm tắt*

Dựa vào mục đích đặt ra, chúng ta lựa chọn cách tóm tắt sao cho phù hợp. Có thể nêu ra một vài cách tóm tắt thường hay được sử dụng:

- + Tóm tắt thành đề cương.
- + Tóm tắt thành văn bản nhỏ.
- + Tóm tắt thành một câu (nén câu).

b) Bước 2: Tiến hành tóm tắt

Sau định hướng tóm tắt, nghĩa là đã xác định được mục đích và cách tóm tắt, chúng ta bắt đầu tiến hành tóm tắt văn bản. Dựa vào kết quả của việc phân tích và tìm hiểu văn bản, chúng ta có thể triển khai việc tóm tắt văn bản một cách thuận lợi. Ta hãy cùng tóm tắt văn bản *Nghệ thuật quảng cáo hiện đại* được nói tới ở trên theo ba cách:

Cách 1: Tóm tắt văn bản thành đề cương

Khi tóm tắt văn bản thành đề cương, ta cần chú ý:

(1). **Dựa vào bố cục của văn bản gốc để hình thành bộ khung cho đề cương tóm tắt văn bản**

Đối với văn bản có sẵn các đề mục thì mỗi đề mục đó sẽ ứng với một ý lớn, một mục trong đề cương. Đối với văn bản không có đề mục, ta cần dựa vào các luận điểm để lập thành từng mục ý cho đề cương.

Khi lập bộ khung đề cương, chúng ta nên sử dụng các kí hiệu chữ số La Mã (I, II, III,...), chữ số Ả Rập (1, 2, 3,...), các con chữ hoa (A, B, C,...) để tách các bậc ý lớn nhỏ, ý chính phụ cho thật rõ ràng. Đối với các văn bản gốc đã có sẵn kí hiệu, ta có thể dùng ngay

các kí hiệu đó cho văn bản tóm tắt... Đối với các văn bản gốc không có kí hiệu sẵn, chúng ta phải dựa vào các bậc ý trong văn bản mà ghi kí hiệu cho phù hợp. Điều quan trọng là nhất thiết phải dùng cùng một loại kí hiệu cho những ý ngang bậc nhau, không dùng hai ba loại kí hiệu cho cùng một bậc ý.

Không phải văn bản nào cũng cần dùng các kí hiệu (nhất là đối với các văn bản có độ dài chừng khoảng một hai trang in), nhưng việc dùng kí hiệu sẽ giúp chúng ta hiểu sâu hơn về cách lập luận, cách dẫn dắt của người viết, đồng thời chúng ta cũng bao quát được các bậc ý một cách rõ ràng hơn.

Văn bản *Nghệ thuật quảng cáo hiện đại* đã có sẵn các đề mục nên ta có thể lập bộ khung cho đề cương tóm tắt như sau:

NGHỆ THUẬT QUẢNG CÁO HIỆN ĐẠI

1. Muốn làm quảng cáo, phải nắm được chức năng của quảng cáo.

2. Những yêu cầu cơ bản của quảng cáo:

a) Đảm bảo tính thông tin.

b) Đảm bảo tính hợp lí.

c) Đảm bảo tính pháp lí.

d) Đảm bảo tính nghệ thuật.

e) Đảm bảo sự dịch chuyển giữa các quốc gia.

g) Đảm bảo tính tiêu chuẩn hoá.

(2). **Cụ thể hoá, chi tiết hoá cho bộ khung của đề cương**

Đây là công việc lấp đầy ý cho bộ khung để đề cương được hoàn chỉnh. Việc lấp đầy ý đến chừng mực nào tùy thuộc vào mục đích đã được người tóm tắt dự kiến trước. Các ý cần được ghi lại một cách ngắn gọn theo cách riêng của người tóm tắt. Có thể các ý đó được ghi lại thành một câu đầy đủ cả chủ ngữ lẫn vị ngữ, nhưng cũng có thể chỉ ghi lại bằng một vài từ, hoặc khi điều kiện cho phép, thậm chí ta có thể chỉ ghi lại bằng một từ.

Tiếp tục triển khai bộ khung văn bản đã nêu trên, chúng ta có thể làm đầy đủ như sau:

NGHỆ THUẬT QUẢNG CÁO HIỆN ĐẠI

1. Muốn làm quảng cáo, phải nắm được chức năng của quảng cáo.

– Chức năng 1: Thông tin thị trường.

– Chức năng 2: Tạo sự chú ý.

2. Những yêu cầu cơ bản của quảng cáo:

a) Đảm bảo tính thông tin.

– Thông tin phải ngắn gọn, rõ ràng, tập trung.

– Tuyệt đối tránh thông tin dài lê thê.

b) Đảm bảo tính hợp lí.

– Tin quảng cáo phải đến với người tiêu dùng nhanh nhất.

– Tăng quảng cáo trên tivi, báo ảnh, qua bitu điện (ở Mỹ).

– Trưng bày đẹp ở cửa hàng, hạ giá thành (ở Pháp)

c) Đảm bảo tính pháp lí.

Quảng cáo phải có tính pháp lí để:

–Tạo khả năng cạnh tranh.

–Bảo vệ người tiêu dùng.

–Bảo đảm tiêu chuẩn đạo đức.

–Giữ gìn tính dân tộc.

d) **Đảm bảo tính nghệ thuật.**

Phải phù hợp với thẩm mỹ người xem, người nghe, người đọc.

e) **Đảm bảo sự dịch chuyển giữa các quốc gia.**

–Vì ngôn ngữ khác nhau giữa các quốc gia.

–Vì ngay trong một ngôn ngữ cũng có sự khác nhau giữa các từ.

g) **Đảm bảo tính tiêu chuẩn hoá.**

–Để tiết kiệm chi phí.

–Thâm nhập được nhanh chóng vào các quốc gia.

Đến đây ta đã có một bản tóm tắt thành đề cương đầy đủ về văn bản *Nghệ thuật quảng cáo hiện đại*.

Cách 2: Tóm tắt thành văn bản nhỏ

Tóm tắt thành văn bản nhỏ là việc rút gọn văn bản gốc về mặt dung lượng thành văn bản tóm tắt có dung lượng nhỏ hơn nhưng vẫn giữ được những nội dung cơ bản, những ý chính của văn bản gốc.

Văn bản tóm tắt thường có bố cục ba phần tương tự như văn bản gốc:

– Phần mở đầu và phần kết thúc có thể được tóm tắt bằng cách đưa câu chủ đề có trong phần mở đầu và phần kết thúc của văn bản gốc vào bản tóm tắt. Đối với những văn bản gốc không có câu chủ đề, ta cần phải tìm cách tóm tắt các ý đó thành một hai câu để đưa vào bản tóm tắt của mình.

– Phần triển khai có thể được tóm tắt lần lượt bằng cách bám theo các luận điểm được trình bày trong văn bản gốc. Các luận điểm này thường được thể hiện ngay trong câu chủ đề của các đoạn văn, vì thế khi tóm tắt, ta có thể sử dụng những câu chủ đề này. Nếu như văn bản không sử dụng câu chủ đề trong đoạn văn, ta phải tự khái quát ý của từng đoạn hoặc một vài đoạn thành một hoặc hai câu để đưa vào bản tóm tắt. Khi sắp xếp các câu như vậy, ta cần sử dụng các phương tiện ngôn ngữ thích hợp để liên kết các câu lại sao cho văn bản tóm tắt trở thành một thể thống nhất, mạch lạc.

Khi tóm tắt các văn bản khoa học, cần chú ý sử dụng hệ thống thuật ngữ phù hợp với văn bản gốc.

Với văn bản *Nghệ thuật quảng cáo hiện đại*, ta có thể tóm tắt thành văn bản nhỏ như sau:

NGHỆ THUẬT QUẢNG CÁO HIỆN ĐẠI

Chức năng của quảng cáo là thông tin và tạo sự chú ý. Để thực hiện được chức năng này, quảng cáo phải thoả mãn một số yêu cầu nhất định.

Trước hết, quảng cáo phải có tính thông tin. Thông tin này phải ngắn gọn, rõ ràng, tập trung. Bên cạnh đó, quảng cáo phải đảm bảo tính hợp lí và pháp lí. Tính hợp lí giúp cho

tin quảng cáo đến với người tiêu dùng nhanh nhất. Tính pháp lý bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ khả năng cạnh tranh cũng như tiêu chuẩn đạo đức. Thêm vào đó, quảng cáo cũng phải tính đến tính nghệ thuật, phải phù hợp với thẩm mỹ người xem, người nghe, người đọc, phải chú ý đến sự chuyển dịch ngôn ngữ giữa các quốc gia. Ngoài ra, quảng cáo còn phải đảm bảo tính tiêu chuẩn hoá để tiết kiệm chi phí và có khả năng thâm nhập nhanh chóng vào các quốc gia.

Nói tóm lại, tiêu chuẩn quyết định sự thành công của quảng cáo chính là: Phải đi vào lòng người.

Đến đây, chúng ta được một văn bản tóm tắt hoàn chỉnh có kết cấu ba phần. Hai câu đầu được tách thành một đoạn văn có giá trị như phần mở của văn bản. Câu cuối cùng cũng được tách riêng thành một đoạn, có giá trị như phần kết của văn bản. Những câu khác thuộc phần phát triển.

Cách 3: Tóm tắt thành một câu

Cách này đòi hỏi chúng ta phải nắm được đề tài và chủ đề của văn bản (dựa vào câu chủ đề trong các đoạn văn) rồi tự tóm tắt văn bản thành một câu.

Với văn bản *Nghệ thuật quảng cáo hiện đại*, chúng ta có thể tóm tắt thành một câu như sau:

Nghệ thuật quảng cáo hiện đại phải thực hiện được chức năng thông tin, chức năng tạo sự chú ý, phải đảm bảo tính thông tin, tính hợp lý, tính pháp lý, tính nghệ thuật, sự chuyển dịch ngôn ngữ giữa các quốc gia, tính tiêu chuẩn hoá để quảng cáo đi vào lòng người.

Câu này đã thể hiện được đề tài và chủ đề chung của văn bản gốc.

IV. TỔNG THUẬT CÁC VĂN BẢN KHOA HỌC

1. Mục đích của việc tổng thuật

Tổng thuật văn bản khoa học nói riêng, tổng thuật văn bản nói chung là việc giới thiệu, thuyết minh, tóm tắt lại những nội dung thông tin cơ bản nhất rút ra được từ một vài công trình khoa học nhằm giới thiệu với người đọc, đặc biệt là các nhà khoa học một cách khái quát nhất những thành tựu khoa học, những vấn đề đang được đặt ra, những khuynh hướng nghiên cứu,... trong lĩnh vực khoa học được bài tổng thuật đề cập đến. Do đặc điểm này, việc tổng thuật văn bản khoa học thường nhằm vào các công trình khoa học mới được công bố (ở trong nước hay ở nước ngoài) hoặc những công trình đã được công bố rải rác trong nhiều thời điểm hoặc cùng công bố tập trung trong một thời điểm của một tác giả hoặc của nhiều tác giả mà người đọc chưa có điều kiện nghiên cứu và tìm hiểu.

Trong đời sống, có thể chúng ta phải tiến hành tổng thuật nhiều nội dung khác nhau và tổng thuật theo nhiều kiểu khác nhau. Có khi là tổng thuật các vấn đề khoa học; có khi là tổng thuật các vấn đề về chính trị, xã hội; có khi là tổng thuật dựa theo các bài viết; có khi lại là tổng thuật theo các ý kiến, phát biểu tại các cuộc hội thảo,... Nhưng vì điều kiện học tập, dưới đây chủ yếu chúng ta nói tới việc tổng thuật các văn bản khoa học.

2. Yêu cầu của việc tổng thuật

Việc tổng thuật văn bản khoa học cần phải đạt được những yêu cầu chủ yếu sau đây:

a) Nêu được những nội dung cơ bản, những tư tưởng chính của các văn bản gốc.

Tùy thuộc vào mục đích của việc tổng thuật mà ta có thể lựa chọn những cách tổng thuật khác nhau như:

– *Tổng thuật theo vấn đề.* Đây là việc tổng thuật theo cách quy nội dung của các văn bản thành những vấn đề tách biệt để trình bày. Với cách này có thể một văn bản sẽ được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong đề mục khác nhau của bài tổng thuật.

– *Tổng thuật theo cách điểm lần lượt từng văn bản.* Theo cách này, việc tổng thuật sẽ được tiến hành theo cách điểm lại lần lượt từng văn bản gốc mà người tổng thuật có trong tay. Với cách này mỗi văn bản gốc thường chỉ được nhắc tới một lần nhưng sâu hơn, kĩ hơn so với tổng thuật theo vấn đề.

b) Đảm bảo tính trung thực, khách quan khi trình bày lại các thông tin có trong văn bản gốc

Điều này đòi hỏi người viết tổng thuật tuyệt đối không được làm sai lệch nội dung thông tin trong các văn bản gốc khiến người đọc hiểu sai về tác giả và các công trình nghiên cứu của họ.

Tuy vậy, trong những trường hợp nhất định, chúng ta cần làm rõ hoặc cần có những nhận xét nào đó về các thông tin đưa ra trong văn bản gốc, để ta có thể nêu được ý kiến riêng của cá nhân mình. Điều quan trọng là phải viết như thế nào để người đọc hiểu đó là ý kiến riêng của người tổng thuật chứ không phải là thông tin của tác giả đưa ra trong văn bản gốc.

Dù tổng thuật theo vấn đề hay tổng thuật theo cách lần lượt điểm từng văn bản, người viết tổng thuật cũng phải cho bạn đọc rõ tên tác giả, tên công trình khoa học, nơi xuất bản, năm xuất bản, trang trích dẫn. Khi cần thiết, người viết tổng thuật cũng có thể cung cấp thêm cho bạn đọc những thông tin bổ sung về cuộc đời tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, hoặc những thông tin khác để giúp bạn đọc hiểu sâu hơn, đầy đủ hơn về nội dung tổng thuật.

3. Các bước tổng thuật

Dưới đây là những bước chung nhất của việc tổng thuật văn bản khoa học:

a) Định hướng tổng thuật

Trong bước này cần phải thực hiện những yêu cầu sau:

- Xác định mục đích và nội dung tổng thuật.
- Chọn cách tổng thuật: theo vấn đề hay theo cách điểm lần lượt từng công trình.
- Xác định công trình lựa chọn sẽ tổng thuật.
- Dự kiến số trang định viết.

b) Lập đề cương tổng thuật

Bước này bao gồm các công việc sau:

- Sắp xếp các ý lớn thành đề cương khái quát.

– Bổ sung, sắp xếp các ý nhỏ vào mục trong đề cương khái quát để có được đề cương chi tiết.

c) Viết văn bản tổng thuật

Đây là bước dùng các từ ngữ, câu văn, đoạn văn để diễn đạt các ý, lấp đầy những đề mục có trong đề cương để hoàn thành văn bản tổng thuật.

Ở bước này cần lưu ý đến việc dùng từ ngữ sao cho chính xác (đặc biệt là hệ thống thuật ngữ), đặt câu cho đúng ngữ pháp và tách đoạn cho phù hợp.

Một văn bản tổng thuật thường được viết theo bố cục ba phần:

– *Phần Mở bài:*

Giới thiệu chung về vấn đề tổng thuật.

– *Phần Thân bài:*

Nêu lần lượt các vấn đề, hoặc điểm lần lượt các công trình cần tổng thuật. Vì phải bao quát một số lượng công trình tương đối lớn với nhiều vấn đề đa dạng, phong phú, nên khi tổng thuật ta chỉ lựa chọn những gì đáng chú ý nhất, cốt tuỷ nhất trong tư tưởng của tác giả, trong nội dung các tác phẩm để đưa vào bản tóm tắt, tránh tổng thuật tràn lan, dàn trải.

Cùng với việc nêu vấn đề, điểm công trình, chúng ta có thể đưa ra những nhận định, những ý kiến bàn bạc riêng của mình. Để thực hiện điều này, người viết tổng thuật phải có kiến thức sâu rộng về lĩnh vực được tổng thuật và phải có năng lực đánh giá, nhận xét khoa học khi đưa ra những ý kiến riêng.

– *Phần Kết bài:*

Tóm tắt lại những nội dung đã trình bày, đưa ra những đánh giá chung hoặc những đề xuất, những lưu ý cần thiết.

Cuối bản tổng thuật cần lập một bản danh mục tất cả các tài liệu đã được tổng thuật với đầy đủ: tên tác giả, tên tác phẩm, nơi xuất bản, năm xuất bản, trang trích dẫn,...

d) Kiểm tra lại bài tổng thuật

Ở bước này, cần kiểm tra lại xem bài tổng thuật:

– có phù hợp với mục đích đặt ra không?

– có sai sót gì về nội dung không?

– có bản danh mục tài liệu tham khảo không?

– có sơ suất gì về cách diễn đạt không?

Nếu khâu nào có sai sót thì cần điều chỉnh, sửa đổi lại cho phù hợp.

Chúng ta cùng theo dõi văn bản tổng thuật dưới đây:

VỀ MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG CỦA VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG CHI PHỐI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ (Tổng thuật)

LTS: Bài viết của Hoàng Xuân Long trình bày cho bạn đọc một số kết quả thông tin nghiên cứu về văn hoá truyền thống Việt Nam trong mối quan hệ với sự phát triển kinh tế trong lịch sử. Nội dung của bài viết đề cập đến khá nhiều vấn đề khác nhau. Ở đây do phạm vi của tạp chí, chúng tôi chỉ xin giới thiệu hai phần: Phần nói về sự phát triển của sắc thái văn hoá Việt Nam trong quá trình người Việt di cư và định cư ở miền Nam, và phần lí giải, so sánh giữa hai trường hợp Việt Nam và Nhật Bản trong mối quan hệ của sự bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống với sự phát triển của đất nước, đặc biệt là sự phát triển kinh tế trong thời kì cận hiện đại. Dĩ nhiên, những ý kiến bình thuật của tác giả cũng có thể đưa ra trao đổi và tranh luận thêm.

Con người có mặt trên vùng đất phía Nam đã từ lâu. Theo kết quả khảo cổ, ít nhất từ cách đây 4000 – 5000 năm, ở miền Đông Nam Bộ và các cồn cát duyên hải đã có lớp người đầu tiên sinh sống. Tuy nhiên, trong nhiều thế kỉ, vùng đất này vẫn còn hoang vu, với dân cư thưa thớt là người Khơ-me và người Chăm. Đến thế kỉ XVII, đông đảo người Việt từ phía Bắc di cư xuống, việc khai phá mới được đẩy mạnh. Sau nữa, còn có cả lực lượng người Hoa tham gia sinh cư lập nghiệp. Người Việt, người Khơ-me, người Chăm, người Hoa đóng góp những giá trị tạo nên văn hoá của xã hội miền Nam. Trong đó phân quyết định thuộc về giá trị văn hoá của người Việt.

Từ miền Bắc và miền Trung di cư vào Nam, người Việt không hoàn toàn giữ nguyên vẹn nét văn hoá truyền thống nơi quê hương của họ. Cùng với đặc điểm văn hoá của người Khơ-me, người Chăm, người Hoa, người Việt di cư đã tạo nên những sắc thái văn hoá góp phần vào nền văn hoá dân tộc trên con đường phát triển.

Bình đẳng và tự chủ

Phần đông người di cư là dân tứ chiếng từ các vùng đã nổi tiếng hay cọ xát, hoặc là những lính tráng có tội bị triều đình đưa vào Nam. Họ vượt biển băng ngàn để đến sinh sống hẳn ở đây, nên họ đem theo mình tính tự do, ít chịu quy phục và ít bị ràng buộc bởi lễ giáo đạo đức Khổng Mạnh. Điều kiện tự nhiên dường như cũng tạo nên bình đẳng. Khác với người miền Bắc và miền Trung, trên vùng đất mới, bất kì ai có sức lao động quyết chí tự lập đều có thể khai phá rừng, vườn, đào điền, giăng câu, thả đó, mà bất cần phải cung phụng và phụ thuộc vào người khác. Ngoài ra trong thời kì đầu, người dân miền Nam còn chưa chịu một thể chế, quy tắc nào của khu vực hành chính ổn định. Mãi đến khi Gia Long lên ngôi mới lập ra bộ máy quản lí dân chúng.

Quan hệ bình đẳng ở miền Nam có điểm khác với quan hệ lệ làng, luật nước nói chung. Đây là bình đẳng mang tính cá nhân, không gắn vào cộng đồng. Người dân miền Bắc, dù có coi nhẹ phép nước thì vẫn phải tôn trọng lệ làng. Còn bản thân làng ấp trong Nam lại ít tập trung – làng ấp rải đều theo kênh rạch, mỗi nhà một vuông tre. Điều kiện sinh cư như vậy, nên sự ràng buộc của cộng đồng làng xã thiếu chặt chẽ.

Quan hệ bình đẳng và tính cách tự chủ có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh tế một cách tự phát và không có sự giúp đỡ từ bên ngoài, người dân vẫn đạt được những kết quả to lớn trong sự nghiệp chinh phục miền đất mới; quan hệ hàng hoá trên miền đất mới phát triển khá mạnh...

Nói chung, người Nam Bộ thích hợp với hoạt động kinh tế riêng lẻ, cần phát huy tính năng động cá nhân.

Ít bảo thủ

Dám rời bỏ quê hương với nhiều mối quan hệ trói buộc, hẳn những người tiên phong tiến vào miền Nam phải có suy nghĩ và hành động ngoài nếp truyền thống. Tiếp theo, bước chân di cư cùng với tác động của hoàn cảnh sinh hoạt mới lại làm rơi rụng nhiều tập quán cũ còn bám giữ... Việc mở rộng vùng đất hoang vu đầy khó khăn đã đào luyện thêm tính cách mạo hiểm. Mặt khác, điều kiện đất đai trù phú, khí hậu điều hoà, dễ kiếm ăn như vùng Đồng Nai, Cửu Long vừa khuyến khích vừa cho phép thử nghiệm phương pháp làm ăn mới.

Lượng người Hoa cũng góp phần nâng cao tính cách thực dụng. Đó là 3.000 người lính của Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch cùng với cánh thương nhân từng quen nghề buôn bán được Trần và Dương mời đến.

Về phía chính quyền, do nhu cầu sống còn, chính sách của Chúa Nguyễn ở Đàng Trong có phần cởi mở hơn so với tập đoàn vua Lê chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Chủ trương mở cửa thông thương với các vùng Đông Á, các nước phương Tây đã trực tiếp hoặc gián tiếp giúp cho người miền Nam tiếp thu cái mới.

Đặc điểm này mang lại các tác động nhất định:

– Do ít bị tư tưởng bảo thủ cầm tù, dân Nam Bộ nổi tiếng là "dám làm ăn lớn" như nhận xét của nhà bác học Lê Quý Đôn. Nhiều trung tâm thương mại phát triển nhanh như Cù Lao Phố, Hà Tiên, Mĩ Tho, Bến Nghé, Sài Gòn. Các vùng trung tâm người Hoa đóng một vai trò quan trọng, nhưng người Việt cũng tích cực tham gia buôn bán nhỏ.

– Do ít định kiến, người dân Nam Bộ đồng thời cũng rất nhẹ dạ, cả tin. Trong tín ngưỡng họ dễ dàng nhiễm thứ mê tín, tín ngưỡng kì quặc; trong kinh tế họ coi trọng chữ tín nhưng cũng mất cảnh giác trước những thủ đoạn gian ngoan hoặc nhiều khi thiếu thận trọng với việc lựa chọn đối tác.

– Xã hội miền Nam ít thích lí luận. Nếu như trong nếp sống, cách nghĩ của họ thiên về giản đơn, thẳng thắn; thì trên lĩnh vực hoạt động kinh tế, họ thiếu bài bản để hỗ trợ cho ý thích mạo hiểm, thiếu những lường tính tỉ mỉ khả dĩ để hạn chế sự thất bại.

Tiêu dùng hào phóng

Tập quán tiêu dùng của dân cư chịu ảnh hưởng của điều kiện sống. Từ miền Bắc và miền Trung vào miền Nam, có nghĩa là từ nơi điều kiện làm ăn khó khăn, eo hẹp đến với điều kiện thiên nhiên hào phóng. Dù không phải hoàn toàn "làm chơi, ăn thật", thì người dân cũng đỡ đi nhiều nỗi lo canh cánh về cảnh đói rét. Trịnh Hoài Đức đầu thế kỉ trước có viết "Gia Định đất rộng, thực vật nhiều không lo đói rét, nên dân ít súc tích (nghĩa là tích trữ, dành dụm) tập tục xa hoa". Tiêu dùng hào phóng của người dân Nam Bộ còn hai lí do khác. Bởi cuộc sống heo hút, cô đơn nên dân chúng có lòng hiếu khách, sẵn sàng nhường

com sẻ áo. "Ở Gia Định có người khách đến nhà, đầu tiên gia chủ dâng trầu cau, sau dâng tiếp com, bánh, tiếp đãi trọng hậu, không kể người thân quen sơ lạ, tông tích ở đâu ắt đều thâu nạp khoản đãi, cho nên người đi chơi không cần mang tiền gạo theo". Bởi cuộc sống thiếu vắng các hoạt động văn hoá, dù ở mức thấp, cho nên mọi người hướng vào vui thú qua cách nhậu nhẹt cùng bạn bè hoặc cờ bạc khi nhàn rỗi.

Tiêu dùng quá mức thường có tác dụng tiêu cực tới tích lũy đầu tư cho sản xuất. Tuy nhiên tác hại này chưa bộc lộ rõ. Trái lại, trên thực tế tiêu dùng mạnh đã thúc đẩy trao đổi hàng hoá. Chẳng hạn trong lúc nhiều ngành thủ công nghiệp ở Nam Bộ còn yếu kém, nhu cầu tiêu dùng vượt quá khả năng sản xuất tại chỗ, đã đòi hỏi phải tiến hành trao đổi hàng hoá với các nơi khác...

*

* *

Kinh tế Việt Nam thời kì phong kiến đã có bước phát triển nhất định. Ở thế kỉ XV, Việt Nam nói chung không thua kém mấy nước phát triển nhất của thế giới hồi đó. Thế rồi sự tụt hậu bộc lộ rõ khi châu Âu tiến sang chủ nghĩa tư bản, và tiếp nữa Nhật Bản vượt qua thách thức để tiếp thu công nghệ phương Tây. Khoảng cách giữa Việt Nam với trình độ tiên tiến của thế giới chỉ được tạo lập trong một khoảnh khắc ngắn của lịch sử, nhưng đó chính là sự tích tụ lâu dài và thuộc về vấn đề rất cơ bản: quan hệ truyền thống và phát triển. Châu Âu và Nhật Bản tiến hành công nghiệp hoá thành công, thoát khỏi phương thức sản xuất phong kiến, đều phải giải quyết mối quan hệ giữa truyền thống và phát triển.

Châu Âu phát huy truyền thống cạnh tranh cá nhân, đồng thời đoạn tuyệt quá khứ dứt khoát với các truyền thống khác để tiến lên. Nhật Bản phát huy truyền thống đoàn kết xã hội cùng với sự điều chỉnh và cải tiến truyền thống khác để nhằm tiến tới hiện đại hoá. So sánh Việt Nam – châu Âu, người ta có thể rút ra: Việt Nam sở dĩ trì trệ bởi không có truyền thống cạnh tranh cá nhân, không dứt khoát đoạn tuyệt với nhiều truyền thống... Tuy nhiên có câu hỏi đặt ra là tại sao Việt Nam không chuyển mình như Nhật Bản?

Thứ nhất, lịch sử Việt Nam từng có những cuộc cải cách như cải cách Khúc Thừa Hạo, Hồ Quý Ly, Trịnh Cương, Quang Trung– Nguyễn Huệ. Các cuộc cải cách này gắn liền với cách nghĩ, cách làm mang tính chất thực dụng như đã trình bày ở trên. Có thực dụng mới có cải cách. Vì thực dụng nửa vời nên cải cách kém sâu sắc hoặc không thắng lợi.

Nếu các cuộc cải cách thành công thì lịch sử dân tộc mới có các bước tiến chuẩn bị cho bước nhảy vọt to lớn sau đó. Chẳng hạn những nghiên cứu về Nhật Bản thường chỉ ra rằng kỉ nguyên Minh Trị bắt nguồn từ nhiều thay đổi trong suốt thời kì tiền hiện đại. Thời kì đó, ở Nhật Bản mặc dù thu nhập cao theo đầu người không tăng, nhưng đã tích lũy các tiền đề để hấp thụ kĩ nghệ hiện đại.

Thứ hai, vấn đề nền tảng tư tưởng khả dĩ đóng vai trò điểm tựa lựa chọn và chắt lọc tinh hoa của thời đại. "Tính cách Nhật Bản" là cơ sở quan trọng thực hiện việc tiếp thu công nghệ phương Tây.

Nước Nhật nhờ biến đạo Khổng thành "của mình" mà còn làm được công việc kì diệu là cải biến đạo Khổng theo hướng thích nghi với thời đại. Đạo Khổng phát huy trong phong trào Sin-ga-cu, Hô-tô-cu, Bu-si-đô; đạo Khổng phát huy qua vai trò của nhà nước...

Cần nhìn nhận đúng phản ứng tiêu cực của Việt Nam trước thách thức từ phương Tây hồi thế kỉ XIX. Sự thiếu hụt nền tảng văn hoá cần thiết đã chi phối trên nhiều mặt. Thái độ của triều Nguyễn về các đề nghị cải cách, nói chung khác xa thái độ của Mạc Phủ Tô-cu-ga-oa, giai đoạn cuối. Ý tưởng cải cách của Nguyễn Trường Tộ (điển hình nhất trong các nhà duy tân Việt Nam cuối thế kỉ XIX) kém bài bản nhiều so với tư tưởng của Phu-cu-da-oa. Xã hội Việt Nam chưa sẵn sàng chấp nhận và thực hiện cải cách lớn, giả định những đề án được triều đình chấp thuận, thì cũng không thể diễn ra cải cách thực sự trong cuộc sống.

Thứ ba, ở châu Âu thương nhân là người đóng vai trò quyết định thực hiện sự quá độ tiến lên chủ nghĩa tư bản. Ở Nhật Bản, nhân vật chính của thời kì quá độ là Nhà nước. Để Nhà nước đảm nhiệm sứ mệnh đó, bên cạnh việc thiết lập được một bộ máy nhà nước mạnh, còn cần một xã hội thống nhất, luôn hưởng ứng (vô điều kiện) đường lối lãnh đạo của Nhà nước.

Lịch sử Việt Nam, ngoại trừ các cuộc chiến tranh chống xâm lược, khá phổ biến tình trạng cát cứ, tàn quyền; 12 sứ quân thế kỉ X; 20 năm đầu thế kỉ XIII (cuối đời Lí) đất nước lâm vào cảnh loạn lạc do các cuộc chiến tranh giữa các phe phái phong kiến gây ra; nạn cát cứ cuối thế kỉ XVI; chiến tranh Bắc – Nam thế kỉ XVII,... Ngay cả lúc cần thống nhất lực lượng đối phó trước thách thức bên ngoài, thì đất nước vẫn triền miên rối loạn. Hai mươi năm trị vì của Minh Mạng (1820 – 1840), có đến 200 cuộc khởi nghĩa. Sang đời Thiệu Trị (1841– 1847) chỉ khoảng 7 năm có gần 50 cuộc khởi nghĩa. Đời Tự Đức (1848 – 1883), có tới hàng chục cuộc khởi nghĩa. Về mặt này, có thể thấy trường hợp Việt Nam rất phù hợp với nhận định của tác giả Ma-tu-xa-va: "Khi bọn thực dân châu Âu mới bước chân đến, phần lớn các nước Đông Nam Á đang ở vào thời kì phong kiến phát triển. Vào thời kì đó... giữa những nước đó, những mối quan hệ buôn bán kinh tế khác đang phát triển và củng cố. Nhưng những cuộc nội chiến phong kiến liên miên, những cuộc chiến tranh đàn áp các cuộc khởi nghĩa của nông dân đã làm cho các quốc gia đó bị suy yếu.

Tình trạng nội chiến gây tai hại cho phát triển kinh tế mới là mặt nổi. Nhân tố bên vững, thường xuyên cản trở sức mạnh tổng hợp của dân tộc trong hoạt động kinh tế, phải nói là truyền thống phân quyền giữa lệ làng và phép nước tạo ra cộng đồng cục bộ.

Thứ tư, giáo dục có ý nghĩa quyết định cho Nhật Bản vượt qua thách thức của thời đại. Khoảng thời kì cô lập với thế giới bên ngoài (1639 – 1859), mặc dù chính quyền Mạc Phủ Tô-cu-ga-oa đàn áp và ngăn cấm việc tuyên truyền tư tưởng phương Tây, nhưng đồng thời chính quyền này cũng đã biết phát triển và cải biến mạnh mẽ đạo Khổng. Chính sách giáo dục kéo dài 200 năm ít nhất có tác dụng truyền bá, phổ cập lối tư duy trí tuệ và duy lí, đào tạo các quân nhân thành lớp người quan liêu hữu hiệu, đào tạo lớp công nhân có kĩ thuật hợp với nhà máy hiện đại.

Thêm nữa, đạo Khổng không phải là giáo lí duy nhất phát triển thời Tô-cu-ga-oa. Lối học thực hành (Zi-su-ga-cu) bao gồm nông học, lập bản đồ, toán học, y học, thiên văn học và lịch sử tự nhiên cũng được chú ý.

Ở Việt Nam, Khổng giáo dần dần thay thế vị trí giáo dục tri thức của đạo Phật. Từ thời Lê, học Nho giáo trở thành một nghề xã hội học (học để làm quan). Hệ thống trường Nho nhanh chóng mở rộng đến các làng xã... Về điểm này, Việt Nam có vẻ giống Nhật Bản hơn Thái Lan. Tuy vậy, thực chất sự khác nhau giữa giáo dục Việt Nam và Nhật Bản lại rất cơ bản: đạo Khổng Nhật Bản mang tính lôgic và thực tế hơn; trong hệ thống giáo dục ở Việt Nam không có dạng học thực hành như "Zi-su-ga-cu", những người có tri thức về khoa học tự nhiên như Lê Quý Đôn, Nguyễn Trường Tộ,... cực kì hiếm và khó phát huy tác dụng.

Hơn cả các lí do về địa lí, về kinh tế... bốn phân tích thuộc khía cạnh văn hoá truyền thống nêu trên, rất đáng coi trọng khi tìm hiểu sự trì trệ của Việt Nam trước ngưỡng cửa bước sang thế kỉ XX. Chính những nhân tố chìm sâu trong đời sống kinh tế – xã hội Việt Nam đã chi phối phần cơ bản của lịch sử dân tộc. Và hiện nay để phát triển đất nước, chúng ta sẽ tiếp tục phải đụng đầu với các truyền thống đó.

(Hoàng Xuân Long)

V. LUYỆN TẬP

Bài tập 1

Hãy đọc hai văn bản dưới đây và cho biết văn bản đó:

- Viết về cái gì?
- Viết nhằm mục đích gì?
- Viết cho ai đọc?
- Viết theo phong cách nào?

Văn bản 1:

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Hỡi đồng bào cả nước,

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Lời bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tuỷ, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa. Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.

Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hoà.

Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, xoá bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Tê-hê-răng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do ! Dân tộc đó phải được độc lập !

Về những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ Lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trình trọng tuyên bố với thế giới rằng:

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

(*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4,
NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995)

Văn bản 2:

SỨC SỐNG CỦA DÂN VIỆT NAM TRONG CA DAO VÀ CỔ TÍCH

[...] Cổ tích Việt Nam bắt nguồn ở cùng một nơi với ca dao nên cùng rung động một tinh thần ấy, một lòng ham sống ấy.

Nhưng cổ tích không có hình thức nhất định như ca dao. Những câu chuyện cổ lưu truyền trong dân chúng sở dĩ đáng chú ý là vì phần nội dung, chứ không phải là vì phần hình thức, vì văn chương.

Khi xem xét nội dung những câu chuyện cũ để cố gắng lục lấy trong đó một ý nghĩa đáng ghi nhớ, chúng tôi thấy có thể tạm xếp cổ tích nước ta thành hai loại: một loại tìm giảng nghĩa những hiện tượng tự nhiên, một loại tìm giảng nghĩa những hiện tượng trong xã hội.

Sinh sống trong một giang sơn tuy đẹp đẽ, nhưng không phải không hung dữ, phải vật lộn với một khí hậu hay thay đổi, nhiều gió bão, phải chống chọi với những sức mạnh thiên nhiên khó hiểu, người dân luôn luôn đem một vài nét huyền ảo mà giảng nghĩa sự thật, khi còn chưa cất nghĩa được những sự thật ấy một cách hợp lí.

Không những người dân ta, mà cả người dân các nước đứng trước những sức mạnh thiên nhiên, cũng có những thái độ như vậy. Những vai trò trong truyện cổ tích thường là

những sức mạnh thiên nhiên đã được biến thành người ta. Những truyện cổ tích thường là những hiện tượng thiên nhiên, khéo thuật, khéo tả, thành ra mạch lạc, kết cấu li kì.

Nhà văn hào A-na-tôn Phơ-răng-xơ (Anatone France) nước Pháp có đem một vài truyện cổ nước Pháp ra phân tích, và thấy truyện thì tả cảnh mặt trời mọc, rồi bị đêm ăn mất, sáng hôm sau lại hình như được nhả ra, truyện thì tả sự luân chuyển ngày tháng,... Còn nhiều điều phát minh tương tự, chúng tôi tiếc không nhớ được rõ ràng mà thuật lại ở đây.

Vì có mục đích đem tâm tính, tình cảm của người mà gán cho thiên nhiên, để cố gắng hiểu thiên nhiên ấy, nên ta thấy nhiều xứ ở thực xa nhau mà có truyện cổ tích giống nhau. Chẳng hạn như truyện *Tám Cám* ta thấy cả ở truyện cổ tích Pháp hay Ai Cập.

Nhưng nếu trong một xứ nào có một hiện tượng tự nhiên đặc biệt, không thấy ở chỗ nào khác, thì truyện cổ tích giảng nghĩa hiện tượng ấy cũng không thấy ở xứ nào khác cả. Ví dụ như truyện *Sơn Tinh Thủy Tinh* ở trung châu Bắc Kỳ ta. Mục đích truyện ai cũng biết, là cốt để giải nghĩa cảnh lụt lội hàng năm xảy ra, tuy đáng lo ngại nhưng thật hùng vĩ.

Trí tưởng tượng của dân chúng còn vào đến cả thế giới súc vật. Đem tính tình của người ta gán cho cả vũ trụ rồi, dân chúng lại đem tính tình ấy mà gán cho cả cầm thú nữa. Những phương pháp giảng nghĩa thế giới của đầu óc bình dân thực là nên thơ và chất phác. Song loại cổ tích giảng nghĩa thiên nhiên, tuy cũng đã chứng minh được tinh thần lạc quan của dân tộc ta, cũng vẫn chưa đáng để ý bằng loại cổ tích lịch sử, có mục đích là chữa lại, hay tô điểm thêm cho những sự việc xảy ra trong xã hội.

Lịch sử thường sẵn những trang đau thương, mà hiếm những trang vui vẻ: bạc anh hùng hay gặp bước gian nguy, kẻ trung nghĩa thường lâm cảnh khốn đốn. Những khi ấy, trí tưởng tượng dân chúng tìm cách chữa lại sự thực, để khỏi phải công nhận những tình thế đang u uất.

Ta thử lấy truyện *Hai Bà Trưng* mà xét. Tuy trong lịch sử có chép rõ ràng Hai Bà phải tự vẫn sau khi đã thất trận, nhưng ngay ở làng Đồng Nhân nơi thờ Hai Bà vẫn chép rằng Hai Bà đều hoá đi, chứ không phải tử trận. Đối với các nữ tướng của Hai Bà cũng vậy, ta chỉ thấy các vị anh hùng đó hoá lên trời.

Nghe truyện *Phù Đổng Thiên Vương*, tôi thường tưởng tượng đến một trang nam nhi, sức vóc khác người, với tâm hồn chất phác giản dị, như tâm hồn người thuở xưa. Tráng sĩ ấy gặp lúc nước nhà lâm nguy đã xông pha ra trận, đem sức khoẻ mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng. Tuy thế người trai làng Phù Đổng vẫn còn ăn một bữa cơm (chỗ ấy nay lập đền thờ ở làng Xuân Tảo) rồi nhảy xuống Hồ Tây tắm, xong mới ôm vết thương lên ngựa đi tìm một rừng cây âm u nào, ngồi dựa một gốc cây to, giấu kín nỗi đau đớn của mình mà chết.

Bên Pháp cũng có một truyện tương tự, ấy là truyện một người dân quê khoẻ mạnh lạ thường tên là Lơ Grăng Phe-rê (Le Grand Ferré) đã giết được nhiều kẻ xâm lăng người Anh Cát Lợi. Có bạn anh ta ốm, nghe tin giặc đến, tức giận, vùng dậy cầm búa ra giết

được mười mấy tên. Giặc sợ chạy mất. Sau vì mệt nhọc đổ mồ hôi, về uống nước lã nên bệnh nặng thêm mà chết.

Nhưng chàng Lơ Grăng Phe-rê đã không được tôn lên ngang với thần linh. Chúng tôi sẽ đề cập đến chàng là để thấy tâm hồn hai tráng sĩ hơi tương tự.

Bên những sự việc có tính cách lịch sử, dân chúng còn chú ý đến một vài tình cảnh khác thường trong cuộc sống hàng ngày. Gặp những chuyện đau thương đặc biệt, trí tưởng tượng của dân chúng cũng tìm cách chữa lại, điểm một nét huyền ảo cho bớt được nỗi bi đát.

Ví dụ như chuyện vợ chồng chàng Trương: chàng Trương đi đánh giặc khi vợ mới có mang. Lúc trở về, con đã biết nói. Một hôm đùa với con tự xưng là bố, thấy con không nhận mà nói rằng bố nó tối tối vẫn đến. Trương buồn và ghen, day nghiêng vợ đến nỗi nàng phải tự vẫn. Một tối, ngồi bên đèn đùa với con, thấy nó chỉ lên bóng mình trên tường mà nói: "Bố đã đến kìa". Lúc đó mới biết là mình lầm thì không kịp nữa.

Câu chuyện lẽ ra chấm hết ở đó, nhưng dân chúng không chịu nhận cái tình thế đau đớn ấy, và cố gắng đem một nét huyền ảo để an ủi ta. Vì thế mới có đoạn thứ hai, kể chuyện nàng Trương xuống thủy cung, và sau còn gặp mặt chồng một lần nữa.

Xem thế, tinh thần Việt Nam không ưa bi đát, không ưa đem cái bất lực của con người trước số mệnh ra mà say sưa. Người dân lúc nào cũng trọng sự sống hơn cái chết, và không công nhận số mệnh đau đớn mà tìm cách chống lại định mệnh, chữa lại định mệnh, để làm dịu bớt những vết thương, để tăng lên lòng tin tưởng, vui vẻ, ham sống [...].

(Nguyễn Đình Thi, trong tập *Mấy vấn đề văn học*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1958)

Bài tập 2

Hãy tóm tắt văn bản dưới đây thành một đề cương chi tiết.

TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP CÓ NHỮNG HÌNH THỨC NÀO?

Tùy vào Luật doanh nghiệp của từng quốc gia, trong một nền kinh tế có nhiều *hình thức tổ chức doanh nghiệp*. Tuy nhiên có thể chia làm ba loại hình thức tổ chức cơ bản.

Đã có lúc nào trong giao dịch làm ăn, bạn nghe người ta lặp đi lặp lại một cách lí thú cái từ này: "*Sole Proprietorship*"? Chắc ít ra cũng hơn một lần nghe. Đó chính là *hình thức doanh nghiệp một người*. Lí thú đấy chứ ! Một cá nhân đứng ra thành lập và là *chủ sở hữu duy nhất*, chịu trách nhiệm *vô hạn* về mặt pháp lí. Chẳng hạn người ấy – cá nhân ấy là bạn – xin bạn hãy luôn tâm niệm điều này: Khi làm ăn thua lỗ là phải *bán* nhà cửa, gia sản đã đành... *bán tất* để trả nợ. Luật ghi rõ đấy nghen !

Còn "*Corporations*" là gì vậy? Hình thức này được nhiều người quan tâm lắm đây, nhất là ở nước ta. *Corporations* được hiểu dưới một tên gọi khá hấp dẫn: *Công ti cổ phần*. Thời gian gần đây tên gọi này ít nhiều trở nên gần gũi, thông dụng trong giao tiếp của nhiều người.

Công ti cổ phần là hình thức tổ chức do hai người (cá nhân, tổ chức) trở lên tự nguyện (thông qua điều lệ) góp vốn lại qua hình thức mua *cổ phiếu* của công ti phát hành. Những người góp vốn được gọi là cổ đông – họ chịu trách nhiệm *hữu hạn* đối với con số vốn bỏ ra kinh doanh của mình. Đại hội cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị sẽ bầu ra Tổng giám đốc.

Biết rằng hình thức thứ hai này đang được nhiều người quan tâm, xin nói rõ thêm rằng Công ti cổ phần cũng được chia làm hai dạng là:

– *Công ti công cộng*. Đây là dạng công ti có số *cổ đông lớn*, *cổ phiếu* về nguyên tắc được phép trao đổi buôn bán trên thị trường chứng khoán. Ở đây xin mở ngoặc: Luật công ti Việt Nam gọi dạng này là *công ti cổ phần*.

– *Công ti riêng*. Đây là công ti có số *cổ đông hạn chế* và *cổ phiếu* của nó không được mua bán trên thị trường chứng khoán. Luật công ti Việt Nam gọi dạng này là *công ti trách nhiệm hữu hạn*. Như vậy: Công ti trách nhiệm hữu hạn là doanh nghiệp trong đó các thành viên cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn đóng góp và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ti trong phạm vi phần vốn của mình góp vào.

Theo Luật Công ti Việt Nam (ban hành ngày 21-12-1992), phần vốn góp của tất cả các thành viên phải đóng đủ ngay khi thành lập công ti. Các phần vốn phải được ghi rõ trong điều lệ công ti. Công ti *không được phép phát hành bất kì loại chứng khoán nào*. Việc *chuyển nhượng phần vốn* giữa các thành viên được thực hiện tự do, nhưng khi chuyển nhượng phần vốn góp cho *người khác* không phải thành viên *phải được sự nhất trí* của nhóm thành viên đại diện cho ít nhất 3/4 số vốn điều lệ công ti.

Khi thành lập, nếu công ti không quá 11 thành viên thì các thành viên tự động phân công nhau đảm nhận các nhiệm vụ quản lí và kiểm soát công ti; cử một người trong số họ hoặc *thuê một người khác làm giám đốc công ti*. Nếu công ti có từ 12 thành viên trở lên thì phải tiến hành bầu ra Hội đồng Quản trị và các kiểm soát viên.

Trong nền kinh tế hỗn hợp, dạng công ti trách nhiệm hữu hạn là một trong các dạng tổ chức chính. Dạng này có một số ưu điểm:

– Các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm đối với công ti cho đến hết phần hùn vốn của mình đã đóng góp.

– Quy mô kinh doanh có thể mở rộng. Điều này mang ý nghĩa thiết thực là có thể mở rộng khả năng tài chính của công ti lên quy mô lớn.

– Công tác quản lí sẽ hiệu quả hơn vì đã tách quản lí với quyền sở hữu và quản lí được chuyên môn hoá do các nhà quản lí chuyên nghiệp đảm nhận.

– Thời gian hoạt động dài, kinh doanh liên tục không phụ thuộc vào tư cách pháp nhân của các cổ đông còn hay mất.

– Có khả năng chuyển quyền sở hữu dễ dàng.

– Được hưởng tư cách pháp nhân, mọi hoạt động đều tiến hành nhân danh công ti chứ không nhân danh cá nhân.

Trên đây là những kiến thức ban đầu nhưng lại rất cần thiết cho mọi người trong hoạt động kinh tế và góp phần cùng mọi ngành kinh tế đưa đất nước vào thời kì phát triển vượt bậc.

(Phạm Văn Nam)

Bài tập 3

Đọc và tóm tắt văn bản *Đất là vàng nhưng chưa là... vốn* theo hai cách:

- Tóm tắt thành đề cương.
- Tóm tắt thành một văn bản nhỏ.

ĐẤT LÀ VÀNG NHƯNG CHƯA LÀ... VỐN

Những nghịch lí cần được giải quyết

Doanh nghiệp nhà nước nào cũng kêu thiếu vốn. Phải chăng các đơn vị này không biết đến một khoản vốn khổng lồ đang nằm ngay dưới chân họ? Riêng ở Thành phố Hồ Chí Minh, ước tính nguồn vốn này ít nhất cũng gấp hai lần tổng giá trị tài sản cố định của các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn.

Thực vậy, theo Cục thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, tổng giá trị tài sản cố định của các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn (tính đến ngày 1-1-1996) theo nguyên giá là 28.634 tỉ đồng, bao gồm: nhà cửa, vật dụng kiến trúc, máy móc thiết bị và các phương tiện vận tải, trong lúc các doanh nghiệp nhà nước này đang chiếm hữu một diện tích là 27.532.195m² đất (khoảng 2.753 ha), trừ phần sử dụng vào các mục đích công cộng, cũng còn lại khoảng 25 triệu m². Nếu tính theo giá trị sử dụng mà hiện nay các công ti Phát triển nhà đang chào bán các khu đất ở vùng ven (như Quận 12, Gò Vấp,...) với giá trung bình 2 triệu đồng/1m² thì giá trị sử dụng số diện tích trên là 50.000 tỉ đồng ! Đây là khoản tiền khổng lồ, chưa bao giờ được tính toán khi sử dụng nguồn lực này. Ai cũng nói "tắc đất, tắc vàng" nhưng đất do các doanh nghiệp nhà nước chiếm hữu thì lại thuộc về ngoại lệ, các chuyên viên, các nhà nghiên cứu ở Viện Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh đã phải kêu lên như vậy.

"Vốn hoá" hay "không vốn hoá"?

Con số thực tế còn chưa dừng lại. Bởi nếu tính cả diện tích đất hiện do các doanh nghiệp quốc phòng, DN đoàn thể nắm giữ, thì tổng số diện tích đất ở các doanh nghiệp nhà nước lên tới trên 35.477.000 m², chiếm 54,15% tổng diện tích đất xây dựng được kê khai (hoàn tất vào tháng 12-1996). Ngoài ra còn hàng triệu mét vuông kho bãi (phần lớn tập trung ở các quận nội thành) do các doanh nghiệp nhà nước quản lí; nếu tính giá trị sử dụng đất theo mức trung bình của khung giá quy định của UBND thành phố chưa tính giá thị trường thì số vốn có được từ quỹ mặt bằng trên cũng khoảng 5.000 – 7.000 tỉ đồng.

Tất cả đều chưa được "vốn hoá". Vì theo quy định hiện hành, mặt bằng quỹ đất do các doanh nghiệp nhà nước sử dụng đều không tính giá trị sử dụng đất trong vốn của doanh nghiệp, không xem quỹ đất là vốn. Đây là điểm khác biệt rất quan trọng giữa doanh nghiệp nhà nước với các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác. Một chuyên viên giải thích: Chính vì vậy, vốn được xác định trên sổ sách để giao cho các

doanh nghiệp nhà nước quá thấp so với thực tế toàn bộ vốn mà doanh nghiệp đang sử dụng. Điều này đã tạo ra nhiều bất lợi với doanh nghiệp. Như vốn điều lệ thấp làm giảm địa vị tài chính của doanh nghiệp nhà nước trong mọi quan hệ kinh tế. Cơ cấu nợ trên vốn cao hơn cơ cấu thực làm xấu đi tình hình tài chính của doanh nghiệp; làm giảm khả năng thế chấp của doanh nghiệp khi cần thiết vay nợ ngân hàng hoặc nhận các khoản tín dụng khác.

Nhưng không ít giám đốc các doanh nghiệp nhà nước vẫn tỏ ra muốn duy trì hiện trạng, vì theo họ, nếu "vốn hoá" cả giá trị quyền sử dụng đất, chắc chắn tỉ suất lợi nhuận của doanh nghiệp nhà nước sẽ thấp đi, mức đóng góp vào ngân sách của khu vực này sẽ giảm. Đặc biệt là trong tình hình hiện nay sản xuất và kinh doanh mỗi ngày một khó. Họ dẫn những số liệu của Cục Quản lý và tài sản Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh năm 1995 là 19% đã giảm sút còn 14,2% vào năm 1996. Nếu "vốn hoá" cả đất thì tỉ suất này còn giảm đến mức nào?

"Đẻ trứng vàng" cho những ai?

Nói vậy, chứ hiện nay quỹ đất đang là "con gà đẻ trứng vàng" cho nhiều doanh nghiệp nhà nước. Nhất là những đơn vị có sẵn đất thuộc quyền sử dụng của mình, và nhất là các khu đất có giá trị cao... Một quan chức ở Sở Địa chính Thành phố Hồ Chí Minh cho biết: các doanh nghiệp hiện nay chỉ phải trả 0,5%/ năm hoặc 0,7%/ năm trên khung giá Nhà nước quy định, nghĩa là thấp hơn nhiều lần so với giá trị đất mà các doanh nghiệp tư nhân hay công ti nước ngoài phải thuê. Hơn nữa, các doanh nghiệp nhà nước cũng chỉ phải trả tiền thuê cho phần đất được giao chính thức, còn lại phần phi chính thức thì chưa phải trả phí. Số đất phi chính thức này lại không phải là nhỏ. Các doanh nghiệp nhà nước (do địa phương quản lý) chiếm khoảng 8,6%, và các doanh nghiệp nhà nước (trung ương) chiếm 400% diện tích đất được giao chính thức. Rõ ràng chỉ có Nhà nước là bị thiệt, còn các doanh nghiệp nhà nước này cứ "ung dung hưởng lộc". Họ đem đất cho tư nhân, cho nước ngoài thuê lại với giá thị trường.

Một thống kê đầy đủ cho biết đã có hơn 5% diện tích đất thuộc khu vực Nhà nước quản lý, sử dụng được đem cho thuê lại. Tất nhiên việc cho thuê này chỉ tạo doanh thu riêng, hoặc lợi ích cục bộ cho đơn vị, mà Nhà nước không thể điều phối.

"Chế độ thuê đất hiện nay, rõ ràng chỉ tạo ra độc quyền với các doanh nghiệp đang chiếm hữu đất của Nhà nước, không có tác dụng nâng cao khả năng sử dụng đất, cũng như việc khuyến khích việc phát triển doanh nghiệp mới" – một chuyên viên ở Viện Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh khẳng định. Ông đặt vấn đề: Làm sao còn có đất sẵn, để có thể cho các doanh nghiệp mới thành lập, hoặc doanh nghiệp muốn mở rộng quy mô sản xuất thuê với giá ưu đãi đó? Chắc chắn các doanh nghiệp này phải đi "mua quyền sử dụng đất" bằng cách này hay cách khác...

Quản lý bằng giá trị chứ không bằng hiện vật

"Xác định giá trị thực của doanh nghiệp nhà nước để tăng vốn riêng của doanh nghiệp" là một trong những chính sách mà Viện Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị với Chính phủ nhằm xác lập vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế Nhà nước trên địa

bàn. Để làm được điều này, cần tiến hành đánh giá lại tài sản của doanh nghiệp nhà nước theo giá thị trường, với phương thức thực hiện như cách thẩm định tài sản doanh nghiệp, như một phương thức tăng vốn cho doanh nghiệp, tức là "vốn hoá" mọi giá trị tài sản cố định mà doanh nghiệp đang chiếm hữu. Nhà nước thay việc quản lí tài sản doanh nghiệp bằng hiện vật, sang quản lí bằng giá trị.

Tuy nhiên, để không ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm hay dịch vụ, không ảnh hưởng đến việc trích lập các quỹ, nhất là việc tích tụ vốn để tái đầu tư của doanh nghiệp, trong quá trình thực hiện việc "vốn hoá" này, các nhà nghiên cứu đã đề xuất cho phép tăng thời gian khấu hao tài sản cố định đã định lại, phù hợp với từng loại doanh nghiệp; giảm mức thu trên vốn (thường gọi là "thuế vốn"), phù hợp với từng loại hình kinh doanh.

Cũng đã đến lúc cần chấm dứt một trong những nghịch lí còn đang tồn tại là *đất đai, mặt bằng* của doanh nghiệp nhà nước nếu đem hợp tác với thành phần kinh tế khác thì biến thành vốn, còn nếu tự mình sử dụng thì không phải là... vốn !

(Phạm Hùng Nghị)

Bài tập 4

Hãy tổng thuật các bài viết dưới đây theo cách lần lượt điểm từng văn bản; sau đó dựa vào kết quả tổng thuật, hãy soạn đề cương cho bài thuyết trình trước lớp theo từng văn bản đã cho.

Văn bản 1:

HÃY CỨU LẤY CÁI NÔI CỦA CHÚNG TA

Trái Đất là cái nôi và ngôi nhà của thập loại chúng sinh và cây cỏ. Suốt cuộc hành trình từ hang động đến nhà chọc trời, con người thường xuyên có tham vọng cải thiện cuộc sống của mình. Nhưng chính con người đã tàn phá một cách khủng khiếp ngôi nhà chung của nhân loại.

Hơn sáu triệu kilômet rừng rộng bằng một nửa diện tích châu Âu, bị đốn trụi trong 20 năm qua. Đất trồng trọt bị xói mòn, bùn cát lấp các con sông trên thế giới gấp ba lần thế kỉ trước. Ngay từ đầu thế kỉ XVIII, nồng độ khí cacbonic đã tăng 27% và đang nhanh chóng tăng lên. Tầng bảo vệ Ô-zôn, tấm áo giáp của con tàu Trái Đất đã bị chọc thủng nhiều nơi. Dân số thế giới có thể từ 5,3 tỉ hiện nay lên tới 10 tỉ năm 2050 và ngay sau đó là 11 tỉ hoặc 12 tỉ. Con tàu vũ trụ Trái Đất đang tiếp tục cuộc hành trình trong vũ trụ với bao hiểm hoạ rình đón. Buồn thay, những hiểm hoạ đó lại do chính con người gây ra. Hãy trở lại với những tư tưởng của Bơ-len-đơ Pa-xcan: "Con người là cây sậy biết suy nghĩ. Con người tàng trữ chân lí mà cũng là một cái ổ bần thỉu đầy mờ ám và sai lầm. Vinh quang, cao cả mà cũng là cận bã". Con đường tiến bộ hàng thiên niên kỉ nay thật đáng tự hào mà cũng có khi đáng xấu hổ. Người ta chém giết, hãm hiếp ở châu Á, châu Phi để lấy về châu báu và hồ tiêu. Trí tuệ và lòng dũng cảm của Cri-xtốp Cô-lông cuối cùng rơi vào tay bọn săn vàng, chiếm đất và dẫn đến sự điêu tàn của người da đỏ cùng các nền văn minh của họ.

Con người không để cho nhau được sống yên lành. Và cũng không để cho muôn loài tồn tại. Vậy mà Trái Đất vốn là nơi nương náu và sinh trưởng của muôn loài. Sự khám phá châu Mỹ đã dẫn tới diệt chủng đàn bò bi-dông, nhiều loài thú đẹp đẽ khác, kể cả đàn sói. Đàn voi châu Phi chỉ còn 1/10, mỗi năm có 5.000 con voi bị giết chỉ để lấy ngà làm cán dao, quả bi-a, và những thứ xa xỉ khác của kẻ giàu có. Châu Phi, châu Á, châu Mỹ La-tinh bị bóc lột thậm tệ phải bán rừng để cầm hơi, dù rừng là mạng sống của đất nước.

Bước vào năm 2000, nạn ô nhiễm môi trường đã đến giới hạn cuối cùng mà Trái Đất có thể chịu đựng được.

Non sông gấm vóc hình chữ S mà cha ông ta đã để lại cho chúng ta, đã từng bị chiến tranh, cái nghèo và tình trạng lạc hậu tàn phá. Mỗi năm chúng ta đốn trụi 200.000 ha rừng. Một công trình nghiên cứu cấp Nhà nước cho biết: Nếu không ngăn chặn khai phá rừng bừa bãi như hiện nay thì chỉ vài năm nữa, chúng ta sẽ không còn rừng nguyên sinh. Những cánh rừng trồng đang làm xanh lại đất nước là một thành tựu lớn lao, nhưng bạch đàn không thể thay thế đỉnh, lim, sến, táu. Rừng thiêng vì đã tích tụ hàng triệu năm thời gian, mà con người không thể làm ra thời gian được. Từ đất nước của voi, của tê giác một sừng, tê giác hai sừng, bầy hổ báo, hươu nai, hiện nay chúng ta chỉ còn lại khoảng 500 con voi, dăm bảy con tê giác và vài chục con bò rừng. Chúng ta đang lấn chiếm môi trường sống của chúng, bắt giết chúng để mưu lợi, đã nhiều năm qua chúng ta dừng dừng và nương nhẹ lũ săn trộm tàn bạo khi chúng giết voi trong rừng thẳm Tây Nguyên hay hạ sát những chú chim sâu vô tội ở vườn thiêng Văn Miếu.

Hãy bắt đầu khi chưa quá muộn, hãy làm cho mọi người hiểu được bất kì hành vi nào của con mình cũng làm thay đổi ít nhiều cái nôi thiêng liêng của chúng ta. Chúng ta không thể không nghĩ đến các thế hệ con cháu chúng ta. Hãy để lại cho muôn đời con cháu mai sau giang sơn cẩm tú mà cha ông ta đã để lại cho chúng ta. Hãy để lại cho con cháu chúng ta không phải là sa mạc mà là những cánh đồng màu mỡ, những thảo nguyên và rừng núi xanh rờn, những tiếng gấm thiêng liêng của núi rừng, những tiếng gù êm ái của chim muông.

Môi trường sống bền vững, đó là vấn đề bức xúc của loài người, không trừ một nơi nào trên Trái Đất.

(Theo phụ san *Văn nghệ*)

Văn bản 2:

NHỮNG THẨM HOẠ ĐƯỢC BÁO TRƯỚC

Thẩm họa từ vũ trụ

Hai mối nguy hiểm luôn rình rập và đe dọa Trái Đất là tiểu hành tinh và sao Chổi. Tiểu hành tinh lang thang xung quanh Mặt Trời, giữa sao Hoả và sao Mộc, thỉnh thoảng lại bật ra khỏi quỹ đạo của mình và lao xuống Trái Đất. Sao Chổi ở mãi gần sao Diêm

Vương, nhưng một ngày nào đó vẫn có thể quét qua Trái Đất những đám bụi đá bắn. Gần 200 ngôi sao Chổi được nhận diện và chừng ấy tiểu hành tinh đang trên trục giao thoa với đường đi của Trái Đất. Theo nhà khoa học Ri-chốt Gríp (Richard Grieve) thuộc Tổ chức giám sát địa chất Ca-na-đa, cho đến nay, các tiểu hành tinh đã gây ra 139 hố trên bề mặt Trái Đất. Nổi tiếng nhất là hố Toungouska ở Siberie (Nga). Ngày 30 – 6 – 1908, một thiên thạch có đường kính 10m đã tàn phá một vùng rộng 20km², tương đương với 10 megatonne (10 triệu tấn) thuốc nổ TNT. Ở Yucata (Mê-hi-cô), một thiên thạch đã tạo nên một hố có đường kính 180 km. Thảm họa này đã gây ra đám cháy lớn, tung hàng triệu tấn bụi đen lên bầu trời suốt nhiều năm. Sự việc này cũng đã từng xảy ra cách đây 65 triệu năm, đã làm cho 2/3 số giống loài sinh vật biến mất khỏi Trái Đất. Ngày 23–3–1989, một tiểu hành tinh có đường kính 600m giao thoa với Trái Đất ở khoảng cách 690.000km. Vào tháng 1–1991, đài quan sát thiên văn (Spacewatch telescope) thuộc trường đại học A-ri-zôn-na, đã phát hiện một tiểu hành tinh khác đang trên đường giao thoa với Trái Đất ở khoảng cách 170.000 km. Khoảng cách này là vùng "ngoại ô" của Trái Đất. Kỉ lục về khoảng cách gần nhất được đài quan sát này phát hiện vào ngày 10 – 5 – 1993. Một khối đá lớn đang lao về Trái Đất với vận tốc 76.800 km/giờ và né khỏi Trái Đất ở khoảng cách 144.000km.

Thực ra xác suất để tiểu hành tinh chạm vào Trái Đất chỉ xảy ra một lần trong nửa triệu năm. Tháng 5 – 1991, cơ quan không gian Mĩ (Na-sa) đã thành lập một uỷ ban, bao gồm các chuyên gia quốc tế, mang tên là Spaceguard Survey chuyên làm nhiệm vụ canh giữ Trái Đất. Uỷ ban này đề xuất xây dựng hệ thống 6 kính viễn vọng để nhận diện tiểu hành tinh từ xa. Dự toán chi phí xây dựng là 50 triệu đôla chi phí bảo dưỡng hàng năm. Trên đỉnh núi Pa-lô-ma (Ca-li-phoóc-ni-a) một kính viễn vọng khổng lồ cũng đang làm nhiệm vụ nhận diện các tiểu hành tinh có khả năng lao vào Trái Đất. Nhận dạng được nguy hiểm và tìm cách loại trừ chúng, giới quân sự Mĩ đề xuất phương án phóng tên lửa có mang bom hạt nhân lên không gian và điều khiển cho nó nổ cạnh các tiểu hành tinh để làm lệch hướng bay của chúng. Tuy nhiên, một số người lo sợ tiểu hành tinh Toutatis sẽ bay tới Trái Đất vào tháng 9–2000 và sao Chổi Swiff Tuttle sẽ quét Trái Đất vào tháng 8–2126. Donald Yeomans thuộc cơ quan Nasa lại khẳng định: trong 200 năm nữa, chẳng có tiểu hành tinh nào đe dọa Trái Đất cả.

Vũ trụ còn ẩn chứa nhiều nguy cơ tiềm tàng đe dọa Trái Đất. Ngày 24 – 2 – 2987, ngôi sao khổng lồ Saduleak 69–202 nổ, phát ra năng lượng ánh sáng tương đương năng lượng của 100.000 Mặt Trời. Ngôi sao này cách xa Trái Đất 180.000 năm ánh sáng (1 năm ánh sáng – 9.461 tỉ km). Nếu vụ nổ xảy ra cách Trái Đất 30 năm ánh sáng thì tầng ô-zôn của Trái Đất sẽ bị rách, hệ động vật, thực vật sẽ bị tàn phá nặng nề. Nếu vụ nổ xảy ra cách Trái Đất 10 năm ánh sáng thì sự sống sẽ biến mất trên Trái Đất. Nhưng hiện tượng sao nổ trước khi chết chỉ xảy ra một lần trong 570 triệu năm.

Hiểm hoạ "khí hậu Trái Đất sẽ lạnh lại" cũng là mối nguy cơ quan trọng. Trong lòng Trái Đất và khối vật chất dẫn nở thường xuyên, vì thế một lúc nào đó Trái Đất sẽ lạnh đi và con người sẽ chết cồng. Hoặc Trái Đất sẽ co lại và nóng lên, lúc ấy con người sẽ bị "nướng sạch". Hoặc giả, ngôi sao Mặt Trời một lúc nào đó sẽ chết. Nhiệt độ Mặt Trời giảm, khối cầu lửa mặt trời sẽ bay chạm vào Trái Đất và Trái Đất sẽ tan thành tro bụi. Nhưng chuyện này có thể xảy ra không trước 5 tỉ năm nữa !

Thảm hoạ do con người

Năm 1972, trong Hội nghị quốc tế về môi trường ở Stốc-khôm (Thụy Điển), các nhà khoa học đã lên tiếng báo động: Trái Đất sẽ tự huỷ diệt. Hiểm hoạ quan trọng nhất là vấn đề dân số. Dân số thế giới tăng với tốc độ khủng khiếp. Thời phục hưng, dân số thế giới mới có 450 triệu người; năm 1900 là 1,5 tỉ; năm 1950 là 2,5 tỉ, và hiện nay là 5,4 tỉ. Theo dự báo của Liên hợp quốc, đến năm 2075 dân số thế giới sẽ là 10 tỉ người. 10 tỉ người sẽ khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, nạn ô nhiễm sinh thái gia tăng và áp lực của làn sóng nhập cư từ các nước nghèo sang nước giàu càng khốc liệt hơn, từ đó gây ra các cuộc xung đột vũ trang triền miên. Quả bom dân số sẽ tạo nên hiện tượng hoang mạc hoá đất đai. Hiện nay, ở châu Phi, châu Á, Nam Mỹ, mỗi năm có khoảng 6 triệu ha đất đai bị hoang mạc hoá, diện tích rừng ngày càng co hẹp lại vì tình trạng khai thác bừa bãi. Mỗi năm, tổng số diện tích rừng nhiệt đới giảm 80.000km², tương đương với diện tích nước Áo. Rừng biến mất sẽ tạo nên hiệu ứng nhà kính, hàm lượng khí cacbonic tăng, mặt đất sẽ bị nung nóng thường xuyên và mất đi chất màu mỡ. Sau cùng, nhiều loài động vật, thực vật sẽ biến mất. Theo số liệu thống kê, mỗi năm trung bình có khoảng 100.000 giống loài bị tuyệt chủng, gấp đôi số loài bị tuyệt chủng cách đây 400 năm. Số lượng loài bị tuyệt chủng bao giờ cũng cao hơn các loài mới được phát hiện.

Một nguy cơ rất lớn do con người gây ra đe dọa Trái Đất là tầng ozone bị thủng nặng nề, tia cực tím của Mặt Trời không thể huỷ hoại sinh vật sống trên Trái Đất là nhờ có tầng ôzôn bảo vệ. Nhưng với tốc độ phát triển công nghiệp như hiện nay, các hoá chất như metan, oxyde azote, chlorofluoro cacbon (CFC),... do nhà máy, xe cộ... thải ra, đang đục thủng tầng ô-zôn. Theo dự báo của tổ chức IPCC (Intergovernmental Panel on Climate Change), năm 2100, nhiệt độ Trái Đất sẽ tăng thêm 4,5°C, hoang mạc sẽ bành trướng và diện tích rừng phòng hộ sẽ co lại. Chưa kể nếu xảy ra cuộc chiến tranh hạt nhân trên quy mô toàn thế giới, cháy lớn sẽ xảy ra, bụi và muội than sẽ che lấp ánh sáng mặt trời và Trái Đất sẽ rơi vào thời kì băng giá. Các nhà khoa học gọi hiện tượng ấy là *mùa đông hạt nhân*.

Các chuyên gia thuộc Ủy ban khoa học về các vấn đề môi trường đã lên tiếng cảnh tỉnh: "Nếu con người đối xử thô bạo với Trái Đất, Trái Đất sẽ trả thù".

Văn bản 3:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẤP BÁCH VỀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Khói bụi, tiếng ồn và nước bẩn đều tác động trực tiếp đến cuộc sống của chúng ta. Vấn đề ô nhiễm môi trường đang ngày càng trở nên trầm trọng, nhưng nếu nói về môi trường mà chỉ nhắc đến vệ sinh môi trường thì chưa đủ, mà phải kể đến các thành phần cơ bản của nó: đất, nước, không khí, khí hậu, động thực vật, biển, rừng,... Mỗi thành phần này lại đóng một vai trò như là một môi trường: môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí, khí hậu, môi trường đa dạng sinh học, môi trường sinh thái, môi trường xã hội, dân số và môi trường,...

Chúng tôi xin đề cập đến một tình trạng cấp bách cần bảo vệ và phát triển lâu bền: *môi trường sinh thái và tài nguyên*.

Sự suy thoái của môi trường tài nguyên đất

Mặc dù sản xuất nông nghiệp đã và đang phát triển rõ rệt, nhưng môi trường đất cũng đã và đang suy thoái nghiêm trọng.

Biểu hiện rõ rệt nhất là quá trình đá ong hoá. Như ta đã biết, sau khi quá trình này hoàn tất thì môi trường sinh thái hoàn toàn bị phá huỷ, thay vào đây là sinh thái "vùng đất chết". Quá trình này, rất tiếc, vẫn diễn ra mạnh ở miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, miền Trung, miền núi phía bắc và trung du Bắc Bộ. Chỉ tính riêng miền Đông Nam Bộ, trong tổng diện tích 2.365.212 ha đã có 356.176 ha đã và đang bị đá ong hoá, chiếm tỉ lệ 15,14% (một diện tích không nhỏ). Những nghiên cứu của chúng tôi chứng tỏ quá trình này ở miền Đông đang có xu hướng tăng và hình thành loại đá ong tảng (Bhannen) rất nguy hiểm.

Mặt khác, quá trình xói mòn đất cũng không kém phần quyết liệt, nhất là trên vùng đất đồi phù sa cổ hoặc đất ba-dan. Ví dụ tại các điểm nghiên cứu, nơi thảm thực vật che phủ bị phá hoại, với tốc độ 7 – 8 độ, lượng mưa 1.900mm/năm thì mỗi năm bị trôi đi một lớp đất màu 1,6 – 1,7cm. Vậy là sau 6 – 7 năm từ khi môi trường bị phá huỷ, đất trở thành sỏi đá. Muốn khôi phục môi trường đó, cần phải 70 – 80 năm trồng rừng tu bổ. Nguyên nhân chủ yếu là do chặt phá rừng, phá huỷ môi trường sinh thái, canh tác bừa bãi.

Rừng và rừng đầu nguồn bị phá huỷ

Theo thống kê chưa đầy đủ, năm 1945, tính bình quân trên cả nước tỉ lệ rừng che phủ là 45%. Nhưng theo thời gian, rừng bị thu hẹp dần, trung bình mỗi năm mất đi 100.000 ha. Năm 1992, độ che phủ chỉ còn 25%, đến nay chỉ còn 23%. Vùng Tây Bắc "rừng che bộ đội, rừng vây quân thù" (Tố Hữu) là vậy, mà nay chỉ còn 13,3%. Còn vùng Đông Bắc qua các vòng cung: Bắc Sơn, Ngân Sơn, Đông Triều, nay chỉ còn 15,4% rừng.

Theo tài liệu gần đây, qua 5 năm phát động, ta đã trồng lại được 750.000 ha rừng tập trung và 2 tỉ cây phân tán, nhất là sau Dự án 237 diện tích rừng được trồng tăng. Thế nhưng diện tích rừng bị phá vẫn còn tiếp tục tăng do di cư tự do ở miền núi phía Bắc và

Nam, do phá rừng lấy gỗ lậu, đốt than trồng tía,... Nguy hiểm nhất là rừng đầu nguồn bị phá huỷ bằng cách tạo cháy rừng, để rồi lập biên bản thanh lí và thừa cơ "đục nước béo cò".

Do vậy mà khí hậu thời tiết thay đổi, hiệu ứng nhà kính tăng, lũ lụt xảy ra mạnh hơn, một số sông ở miền Trung lại cạn về mùa khô và "giận dữ" về mùa mưa, bồi lắng các lòng hồ Trị An, Dầu Tiếng, Đơn Dương,...

Rừng ngập mặn bị chặt phá để nuôi tôm

Sau một thời gian nghiên cứu, chúng tôi đã có nhận xét về quá trình rừng ngập mặn, nuôi tôm ở Minh Hải (điểm nghiên cứu Đầm Dơi) vào những năm 1992 – 1994, mặc dù đã có lệnh cấm của Nhà nước, nhưng thấy nuôi tôm quá lãi, nhiều người vẫn tìm cách phá rừng ngập mặn để nuôi tôm. Năm đầu, năm thứ hai thường trúng lớn, nhưng đến năm thứ ba, thứ tư thì năng suất sụt giảm. Đến năm 1995 thất bại rất lớn. Lí do: chặt phá rừng và nuôi tôm vô tội vạ đã làm thay đổi hoàn toàn điều kiện môi trường.

Phải hiểu rằng chính rừng ngập mặn mới có điều kiện sinh thái môi trường phù hợp cho phù du, thức ăn của tôm phát triển và cho tôm sinh sản.

Nếu phá rừng, tức là phá huỷ điều kiện môi trường của chúng, tức là diệt tôm. Thất bại báo trước đã xảy ra. Hậu quả rừng ngập mặn còn lâu mới được khắc phục. Một số ruộng lúa, cánh đồng đã được ngọt hoá nay nhiễm mặn và xơ xác. Nạn chặt rừng để đốt than cũng còn phát triển mạnh. Đáng để ý là một số cơ quan Nhà nước cũng đóng góp vào sự huỷ diệt này. Hiện nay, rừng ngập mặn bị phá huỷ 70% diện tích: một con số báo động.

Điều kiện môi trường nông thôn

Hệ thống kênh rạch chằng chịt, hiện tượng mặn hoá và phèn hoá ở nông thôn miền Nam là những nguy cơ của môi trường.

Vào các giai đoạn cuối mùa khô, mặn xâm nhập vào hàng chục kilômet mấy năm gần đây có biểu hiện mặn ăn sâu hơn. Vì vậy diện tích Đông xuân bị thu hẹp, người dân thiếu nước ngọt, sinh hoạt khó khăn. Cũng vào mùa khô – kể cả đầu mùa mưa – các vùng nông thôn sâu như Tháp Mười, Tân Thạnh, Biển Bạch,... nước phèn có độ pH rất thấp, ảnh hưởng đến sinh thái môi trường. Hậu quả là nhiều bệnh tật xảy ra: mắt toét, lão hoá, đường ruột, thương hàn, sốt xuất huyết. Những giếng nước của UNICEF sâu 70 m cũng chỉ có 10 – 15% là tác dụng, còn hầu hết 6 tháng đều bị phèn hoá. Nước ngọt cho dân rất thiếu. Nhưng mùa nước ngập, điều kiện bệnh môi trường lại có nguy cơ phát triển rất nguy hiểm... Một vài điểm tập trung thị tứ ở nông thôn lại trở nên những trung tâm ô nhiễm do nhà ở dọc bờ kênh. Người ta thải bất cứ thứ gì thải được xuống dòng kênh.

Một con sông cần lưu ý

Nhiều sông ở miền Trung bị ô nhiễm đáng lo ngại do hiện tượng khai thác vàng (dùng hợp chất thuỷ ngân để đãi). Xưa nay các con sông này nhất là vùng cửa sông, cá và thuỷ hải rất phong phú, nay nghèo kiệt. Đây là chưa kể ô nhiễm do chất thải công nghiệp và nông nghiệp (thuốc trừ sâu, phân bón).

Các con sông ở đồng bằng sông Cửu Long thì có hiện tượng sụt lở dọc sông. Có nhiều nơi lở sâu 50 – 100m và dài vài trăm mét. Quá trình xâm thực có chiều hướng gia tăng tạo nên nhiều sự cố "môi trường" ở Tân Châu (An Giang) và Tiền Giang.

Bờ biển đang bị biến dạng

Hiện tượng ô nhiễm dầu do sự cố môi trường và chất thải có dầu đã làm ô nhiễm hầu hết các bãi tắm miền Đông và cả Bến Tre. Lượng dầu đã tăng quá 2 – 5 lần cho phép và đã có hiện tượng kết dính paraffine nổi, nửa nổi nửa chìm hoặc chìm trên mặt nước gần bờ.

Hiện tượng cạn kiệt tài nguyên: bờ biển miền Trung và kể cả Kiên Giang mà hàng năm khai thác trên 200 nghìn tấn hải sản nay đã đến mức báo động. Cách đây 5 – 7 năm, tàu lưới rê 40 – 50 mã lực đi biển 20 – 22 ngày thu được 5 – 10 tấn cá thu, ấy vậy mà nay chỉ còn là huyền thoại.

Theo dự báo khi quả đất nóng lên thì nước biển ở vùng nhiệt đới sẽ dâng lên 50– 70 cm. Vậy thì điều gì sẽ xảy ra cho vùng ven biển nước ta?

Hiện tượng khai thác nước ngầm vô tổ chức

Tốc độ đô thị hoá quá nhanh, dân số tăng, khu dân cư mới mọc lên nhiều, mà cấp nước thì không kịp, để ra hiện tượng "người người khoan giếng, nhà nhà có giếng". Điều tất yếu đã và đang xảy ra: Nguồn nước ngầm bị ô nhiễm. Bởi vì do công cụ khai thác không bảo đảm, vị trí khoan giếng không đúng. Các giếng khoan thường qua lớp thổ nhưỡng phèn nên hầu hết các giếng không đúng kỹ thuật đều bị ô nhiễm phèn. Một số bị ô nhiễm hữu cơ hoặc vi sinh. Mặt khác, khai thác bừa bãi gây ra hiện tượng sụt, lở đất – điều đã thấy ở ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh. Như ta biết, nguồn nước ngầm bị ô nhiễm thì khó lòng cứu chữa vì đó là tài sản vô giá.

Nước thải và chất thải chưa được xử lý

Điều không thể chấp nhận được là gần như 100% nhà máy, công xưởng đều tống nước thải chưa được xử lý ra kênh rạch, hoặc nếu có được xử lý thì cũng chưa đạt yêu cầu. [...]

Nước thải bệnh viện và bệnh phẩm cũng chưa được xử lý tốt. Thậm chí nước thải của một số bệnh viện tỉnh nọ chỉ cách ống hút nước cấp cho thành phố không quá 200m. Nghĩa là ô nhiễm bệnh viện lại được tái ô nhiễm sinh hoạt.

Ô nhiễm không khí bắt đầu trầm trọng ở các đô thị

Ở các đô thị lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Việt Trì, nồng độ SO₂, CO₂ đã vượt 2 – 10 lần cho phép. Riêng các khu vực như nhà máy xi măng hoặc các trục giao thông chưa được tráng nhựa, ô nhiễm bụi đã gấp 50 – 60 lần cho phép.

Rác và chất thải rắn

Mặc dù đã có nhiều chiến dịch "không xả rác", "sạch và xanh", nhưng kết quả còn ở mức khiêm tốn. Theo quy định, môi trường còn xa mới đạt được tiêu chuẩn cho phép.

Vệ sinh thực phẩm và môi trường

Các bệnh dịch tả, sốt xuất huyết, kiết lị, thương hàn vẫn còn phổ biến. Thủ phạm của chúng là vấn đề vệ sinh môi trường và vệ sinh thực phẩm. Thức ăn bày bán không che đậy, quá hạn, ôi thiu đang đầy rẫy khắp nơi.

Trên đây chỉ là điểm qua một số nét sơ lược và cấp bách của hiện trạng môi trường. Mong rằng nỗi lo này không phải của riêng ai.

(Lê Bá Huy)

Bài tập 5

Hãy tổng thuật ba văn bản dưới đây theo cách tổng thuật theo vấn đề.

Trước hết lập đề cương tóm tắt văn bản, sau đó dựa trên kết quả tổng thuật, soạn đề cương cho bài thuyết trình trên lớp về một trong các vấn đề đã nêu trong bài tổng thuật. (Lưu ý: Mỗi người thuyết trình 5 phút. Nộp đề cương này sau một tuần).

Văn bản 1:

Về tình hình năm 1997, như báo cáo của Chính phủ tại kì họp trước đã nêu, nền kinh tế nước ta được tiếp sức từ những thành tựu của quá trình đổi mới, nhưng cũng đứng trước những khó khăn, thách thức rất lớn, gồm cả những vấn đề từ nội tại nền kinh tế cũng như những nhân tố tác động bất lợi từ bên ngoài.

Thiên tai nặng nề ở nhiều vùng và cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ diễn ra từ giữa năm 1997 trong khu vực đã và đang gây ra những tổn thất và khó khăn lớn đối với nền kinh tế nước ta vốn còn nhiều mặt yếu kém.

Trong bối cảnh có nhiều khó khăn và thử thách, nhìn lại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 1997, tuy một số chỉ tiêu có thấp hơn một ít so với báo cáo của Chính phủ tại kì họp thứ hai của Quốc hội, như nhịp độ tăng trưởng GDP đạt 8,8% so với mức kế hoạch đề ra 9%; sản xuất công nghiệp 13,2/14%; dịch vụ 9/12% và kim ngạch xuất khẩu 22/27%, song nhìn chung, có thể đánh giá sự phát triển kinh tế, xã hội của nước ta trong năm 1997 vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá; quan hệ đối ngoại tiếp tục được tăng cường và mở rộng; sự ổn định chính trị – xã hội được giữ vững; an ninh, quốc phòng được bảo đảm. Đó là những thành tựu hết sức quan trọng, là kết quả của sự nỗ lực phấn đấu đầy gian khổ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Mặt khác, chúng ta cũng thấy rõ hơn những chỗ yếu và khó khăn lớn của nền kinh tế nước ta với chiều hướng phát triển không thuận, gây tác động tiêu cực không chỉ trong năm 1997 mà còn kéo dài ảnh hưởng sang những năm sau. Đó là sự giảm sút nhịp độ tăng trưởng của nền kinh tế, đặc biệt là một số ngành kinh tế quan trọng như cơ khí, điện tử, sản xuất phân bón, hàng không, du lịch, bưu điện,... Sự tăng trưởng chậm lại của kim ngạch xuất khẩu và sức mua xã hội, giảm sút đầu tư nước ngoài, tình trạng thiếu lành mạnh và kém an toàn của hệ thống tài chính – tiền tệ.

Điều cần nhấn mạnh là những khó khăn, yếu kém nói trên không phải là hiện tượng nhất thời mà bắt nguồn từ chỗ yếu cơ bản của nền kinh tế, nổi lên là:

– Hiệu quả và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp và của nền kinh tế còn thấp và chậm được cải thiện; phương hướng và cơ cấu đầu tư chưa hợp lý; cơ cấu kinh tế chậm thay đổi.

– Quan hệ phân phối trong xã hội còn nhiều bất hợp lý; đất nước nghèo nhưng còn tiêu dùng quá khả năng làm ra, chưa thật sự cần kiệm và dồn sức cho đầu tư phát triển; tỉ lệ tích lũy từ nội bộ thấp; cơ chế, chính sách chưa đủ sức huy động được tối đa tiềm năng của đất nước và đầu tư phát triển; chưa ngăn chặn được tệ nạn lãng phí của công, tệ nạn tham nhũng và những thủ đoạn làm giàu bất chính. Sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng và sự thu nhập giữa các tầng lớp dân cư có chiều hướng mở rộng.

– Tính công khai dân chủ chậm được phát huy và tình trạng thiếu trật tự, kỉ cương, vi phạm pháp luật khá nghiêm trọng trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và cả khu vực Nhà nước; một bộ phận trong bộ máy công quyền và cán bộ, công chức, không những thiếu kiến thức và năng lực quản lí mà trong quá trình thi hành công vụ còn cố ý làm sai luật và quy định của Nhà nước; sách nhiễu, vi phạm quyền và lợi ích của nhân dân.

– Bước vào năm 1998, những thành tựu và tiến bộ đạt được năm 1997 đã tạo thêm thế và lực cho nền kinh tế; đồng thời, những yếu kém và khó khăn trong năm 1997 lại trở thành các nhân tố tác động đến tình hình năm 1998 với quy mô và mức độ cao hơn, phức tạp hơn. Thêm vào đó là diễn biến thời tiết, khí hậu từ cuối năm 1997 đến nay hết sức phức tạp.

Được sự lãnh đạo chỉ huy sát sao của Trung ương, Bộ Chính trị, của các cấp uỷ Đảng và sự phấn đấu quyết liệt của các cấp, các ngành, của đồng bào và chiến sĩ trong cả nước, nên mặc dù tình hình kinh tế – xã hội quý I – 1998 gặp phải những khó khăn và thách thức lớn hơn trước, đặc biệt là thiên tai và ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ trong khu vực, nhưng chúng ta đã kịp thời đề ra các giải pháp đúng đắn, hạn chế được một phần khó khăn; duy trì được các hoạt động kinh tế – xã hội; đất nước tiếp tục ổn định và phát triển.

Tuy nhiên, tình hình ba tháng qua cũng bộc lộ rõ hơn những yếu tố chưa bảo đảm sự phát triển ổn định về kinh tế và trong thời gian tới còn nhiều khó khăn hơn, đặc biệt là những khó khăn nảy sinh trong tình hình mới:

– Sức cạnh tranh và hiệu quả của nhiều sản phẩm và doanh nghiệp vốn đã yếu, lại phải chống đỡ với sức ép ngày càng mạnh của sự phá giá đồng tiền ở các nước xung quanh. Trong quý I năm nay, giá xuất khẩu một số mặt hàng mà ta có ưu thế giảm rất mạnh so với cùng kì năm trước (dầu thô giảm 21%, cao su giảm 42,5%, gạo giảm 13,8%, lạc nhân giảm 30,7%, hạt điều giảm 6,2%). Vì vậy, tuy nhiều mặt hàng xuất khẩu tăng khá về khối lượng nhưng kim ngạch xuất khẩu gia tăng chỉ bằng một nửa tốc độ tăng của cùng kì năm trước (12,2%). Mặt khác, sự biến động tỉ giá giữa đồng nội tệ và ngoại tệ đã làm cho vật tư, thiết bị nhập khẩu đắt hơn, làm tăng giá thành nhiều sản phẩm trong nước. Một số nước trong khu vực đã vượt qua thời kì khủng hoảng gay go nhất, chuyển sang bước dần dần ổn định với lợi thế cạnh tranh mới, tạo thêm thách thức mới đối với nước ta. Thị trường xuất khẩu trong khu vực bị co lại, trong khi việc mở thị trường mới còn ở dạng tiềm năng. (Trong hai tháng đầu năm, lượng

hàng hoá ta xuất sang các nước ASEAN giảm 48% so với cùng kỳ năm trước, riêng Sin-ga-po giảm 69%, xuất sang Trung Quốc giảm 20,4%, Hàn Quốc giảm 60%. Việc mở rộng thị trường sang khu vực châu Âu và Bắc Mỹ, sang châu Phi và Trung Cận Đông có nhiều triển vọng, nhưng sự chuyển hướng thị trường là cả một quá trình khó khăn với nhiều vấn đề đặt ra rất phức tạp.)

– Thị trường tiêu thụ đang gặp khó khăn gắn với sức cạnh tranh của hàng hoá còn thấp là nhân tố hết sức quan trọng hạn chế việc phát huy năng lực sản xuất đã tạo lập được, làm cho nhịp độ tăng trưởng công nghiệp và một số ngành dịch vụ (hàng không, bưu điện, du lịch, thương mại,...) thấp hơn cùng kỳ các năm trước. Bên cạnh đó, việc đổi mới và nâng cao hiệu quả của khu vực doanh nghiệp nhà nước chưa chuyển biến rõ nét, những trở ngại về thể chế và thủ tục đối với đầu tư phát triển của các doanh nghiệp và nhân dân còn phải tiếp tục tháo gỡ. Trong nông nghiệp, chúng ta còn phải nỗ lực rất lớn để khắc phục hậu quả thiên tai, hạn chế thiệt hại do thời tiết không thuận, nạn chuột phá hoại và ngăn chặn nạn cháy rừng.

– Đầu tư của khu vực nhà nước, đặc biệt là nguồn vốn tín dụng nhà nước và đầu tư của doanh nghiệp nhà nước khó đảm bảo được dự kiến kế hoạch đầu năm; đầu tư của khu vực tư nhân đang mới chỉ khởi động bước đầu, trong khi đó, đầu tư trực tiếp của nước ngoài không chỉ giảm về số dự án mới, mà đáng quan tâm hơn là vốn thực hiện trong quý I của những dự án đã cấp giấy phép chỉ bằng 56% so với cùng kỳ năm trước. Nguồn vốn ODA được giải ngân trong quý I mới chỉ đạt 15% kế hoạch năm. Tình hình này nếu không khắc phục được sẽ tác động trực tiếp đến nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong thời gian trước mắt cũng như những năm sau.

– Bội chi ngân sách mặc dù được thu hẹp, nhưng vẫn còn lớn, trong khi tốc độ tăng thu ngân sách từ năm 1996 đến nay mỗi năm một giảm. Ngân sách năm 1998 vốn đã căng thẳng lại bị giảm thu do một số sản phẩm chủ lực được tiêu thụ với giá thấp hơn nhiều so với năm trước và so với thời điểm xác định dự toán, đặc biệt là dầu thô. Trong khi đó, do tỉ giá thay đổi, một mặt có làm cho nguồn thu tăng lên, nhưng chủ yếu ngân sách phải chi nhiều hơn cho việc trả nợ nước ngoài và một số khoản chi khác. Tình trạng chậm thanh toán khối lượng đầu tư thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách vẫn kéo dài. Việc thực hiện Pháp lệnh tiết kiệm, chống lãng phí của công mới bắt đầu triển khai, còn phải được chỉ đạo kiên quyết, bền bỉ để đem lại hiệu quả thiết thực và tạo thành nền nếp.

– Những yếu tố không lành mạnh về tiền tệ – tín dụng vẫn còn là mối đe dọa sự ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là tỉ lệ nợ quá hạn cao của các ngân hàng thương mại; việc quản lí, nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo đảm khả năng trả nợ nước ngoài còn thiếu vững chắc. Vấn đề tỉ giá hối đoái và quản lí ngoại hối còn đòi hỏi phải theo dõi sát sao diễn biến và tác động nhiều mặt, cả ở trong nước và từ bên ngoài để có giải pháp xử lí kịp thời, phù hợp, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô.

– Một vấn đề xã hội nổi cộm trong quý I năm nay và còn tiếp diễn là số lao động nghỉ việc, mất việc tăng ở mức cao nhất trong nhiều năm qua, cả trong khu vực doanh nghiệp nhà nước, trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, và trong số lao động xuất

khẩu sang Hàn Quốc. Tình hình đó làm cho vấn đề giải quyết việc làm ngày càng thêm gay gắt.

Mặt khác, ở một số nơi đang tồn đọng nhiều vấn đề phức tạp, gây bất bình trong nhân dân, nhưng chưa giải quyết dứt điểm.

Nhìn lại tình hình năm 1997 và bước đầu thực hiện Nghị quyết Quốc hội, Nghị quyết Trung ương IV trong mấy tháng đầu năm 1998, thực tiễn cho phép rút ra mấy vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và các ngành, các cấp:

Một là, quá trình phát triển kinh tế, xã hội nước ta tuy còn nhiều khó khăn với những diễn biến hết sức phức tạp cả trong và ngoài nước, song nhân dân ta, đất nước ta vẫn còn nhiều khả năng và nhân tố tích cực có thể phát huy để hạn chế những tác động tiêu cực, ngăn ngừa và khắc phục những yếu tố gây mất ổn định và suy thoái; duy trì được nhịp độ phát triển kinh tế, xã hội; tạo tiền đề cho bước tiến vững chắc hơn cho những năm sau...

Hai là, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới là con đường đúng đắn và là động lực to lớn để tiếp tục giải phóng và khơi dậy mọi tiềm năng của đất nước, đồng thời thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài vào mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội...

Ba là, đường lối, chủ trương của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội không những phải được thể chế hoá đúng đắn bằng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, mà điều không kém phần quan trọng là phải nắm chắc thực tiễn, lựa chọn đúng các vấn đề mấu chốt và cụ thể hoá bằng các chương trình hành động thiết thực với sự chỉ đạo, điều hành tập trung, sâu sát trong từng thời gian để tạo ra bước chuyển biến liên tục, có hiệu quả. Trong các cuộc gặp đại diện cộng đồng các doanh nghiệp, một tiếng nói phản ánh tâm trạng lo lắng của nhân dân nói chung và của giới kinh doanh nói riêng là các chủ trương, chính sách đúng đắn của Trung ương, khi đi qua nhiều tầng nấc hành chính đã bị biến dạng, một phần do sự thiếu hiểu biết, thiếu trách nhiệm, nhưng phần nặng hơn là do tệ quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu của không ít cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước. Đây là vấn đề lớn đặt ra cho bộ máy hành chính, từ Chính phủ và cơ quan chỉ đạo, điều hành của các ngành Trung ương tới các cấp chính quyền địa phương và cơ sở. Tạo được chuyển biến trong việc giải quyết vấn đề này là một nhân tố có ý nghĩa hết sức quan trọng để các doanh nghiệp và nhân dân phát huy mọi nguồn lực sẵn có, vượt qua khó khăn, thách thức phát triển kinh tế, xã hội.

(Trích *Báo cáo của Chính phủ tại kì họp thứ ba, Quốc hội khoá X, phân Đánh giá kinh tế-xã hội năm 1997 và tình hình quý I - 1998*)

Văn bản 2:

1. Chúng ta bước vào năm 1998 khi đợt bão lũ lớn ở đồng bằng Nam Bộ cuối năm trước còn để lại hậu quả nặng nề, lại tiếp đến hạn hán gay gắt kéo dài chưa từng thấy ở nhiều vùng, hiện nay lũ lụt đang gây thiệt hại lớn ở nhiều tỉnh Trung Bộ.

Trong khi đó, cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ bùng nổ từ giữa năm 1997, cuốn nền kinh tế nhiều nước trong khu vực vào vòng suy thoái, đang có chiều hướng lan rộng sang một số nước khác và tác động ngày càng rõ rệt đến nền kinh tế nước ta. Những lĩnh vực chịu ảnh hưởng trực tiếp là: xuất khẩu bị thu hẹp thị trường, bất lợi về giá; đầu tư trực

tiếp của nước ngoài giảm mạnh cả về dự án mới và về thực hiện những dự án đã được cấp giấy phép; dịch vụ cho khách quốc tế sút kém, nhất là hàng không, du lịch, viễn thông; sức ép đối với tỉ giá hối đoái gây biến động trên thị trường ngoại hối và tăng thêm khó khăn cho cán cân thanh toán quốc tế. Hệ quả tổng hợp là đầu tư và sản xuất kinh doanh bị thu hẹp trên một số lĩnh vực, các cân đối vĩ mô càng thẳng thừng thêm, số người thất nghiệp tăng. Tình hình đó buộc chúng ta phải điều chỉnh mức tăng trưởng và một số cân đối lớn của kế hoạch năm 1998, như đã thể hiện trong Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội vào giữa năm nay.

Căn cứ vào diễn biến từ đầu năm đến nay để dự báo cả năm, có thể tổng quát kết quả thực hiện Nghị quyết kì họp thứ hai của Quốc hội (tháng 11 – 1997) về nhiệm vụ kinh tế – xã hội năm 1998 trên những nét lớn như sau:

– Nền kinh tế tiếp tục phát triển tương đối toàn diện, đạt nhịp độ tăng trưởng khoảng 6%.

Mặc dù bị thiệt hại nặng nề do thiên tai gây ra, nông nghiệp vẫn tăng khoảng 2% tổng giá trị sản lượng, trong đó nổi bật nhất là lương thực đạt sản lượng 31,3 triệu tấn, đưa mức bình quân đầu người lên trên 400kg, đạt mục tiêu đề ra cho năm 2000; cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, thủy sản, làm muối, trồng và bảo vệ rừng đều tăng.

Sản xuất công nghiệp chịu tác động mạnh của cuộc khủng hoảng khu vực, song đã cố gắng khắc phục khó khăn, duy trì được nhịp độ tăng trưởng khoảng 11% (quốc doanh tăng khoảng 8%, dân doanh 6%, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 22%). Hầu hết sản phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước đều tăng, trong đó có một số sản phẩm tăng nhanh khi áp dụng biện pháp dán tem chống hàng nhập lậu, nhiều mặt hàng chủ yếu tăng khối lượng xuất khẩu.

Các ngành dịch vụ tuy có bộ phận giảm sút, nhưng nhìn chung vẫn tăng 6%.

Trong điều kiện thị trường quốc tế giảm giá nhiều mặt hàng xuất khẩu quan trọng của nước ta, như dầu thô, than đá, cao su, chè, lạc, hàng may mặc, giày dép,... việc giữ được kim ngạch xuất khẩu bằng mức năm trước là một cố gắng lớn.

– Trước sức ép mạnh của những biến động lớn về tài chính – tiền tệ khu vực, chúng ta vẫn duy trì được về cơ bản sự ổn định kinh tế vĩ mô. Bội chi ngân sách được kiềm chế ở mức Quốc hội cho phép (năm 1997 = 4,2% GDP, năm 1998 giảm xuống còn 3,6%). Lưu thông tiền tệ không có biến động lớn; các cơ sở về tỉ giá hối đoái được xử lí linh hoạt nên không kéo dài. Tỉ lệ nhập siêu so với GDP từ 9,9% năm 1997 giảm xuống 7,2% năm 1998. Chỉ số giá tiêu dùng được kiềm chế dưới 10% như dự kiến đầu năm; tuy tăng hơn năm trước nhưng chủ yếu là tăng giá lương thực, góp phần bù lại thua thiệt của nông dân do bất lợi về cách kéo giá cả mấy năm trước. Nhìn chung đời sống nhân dân ổn định do được mùa và hàng hoá bán được giá.

– Việc đổi mới quan hệ sản xuất được xúc tiến tích cực hơn. Diện cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước được mở rộng; các doanh nghiệp đã chuyển thành công ty cổ phần, qua một thời gian hoạt động, hầu hết đều tăng hiệu quả, tăng vốn, tăng việc làm. Việc chuyển

đổi hợp tác xã cũ và xây dựng hợp tác xã mới theo luật hợp tác xã được xúc tiến mạnh hơn và bước đầu phát huy tác dụng hỗ trợ tích cực kinh tế hộ gia đình, được nông dân ủng hộ. Ở nhiều vùng, nhất là vùng trung du, miền núi đã xuất hiện nhiều trang trại trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, phát triển kinh tế hàng hoá với quy mô vừa và nhỏ có hiệu quả. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài duy trì được nhịp độ tăng trưởng trên 20%.

– Các lĩnh vực giáo dục, kinh tế, văn hoá, y tế, xã hội có bước phát triển và tiến bộ mới. Quy mô giáo dục, đào tạo ở các cấp học, theo nhiều hình thức, tiếp tục mở rộng. Các hoạt động văn hoá, thông tin chú trọng hơn đến việc bảo vệ, phát huy tinh hoa văn hoá dân tộc. Công tác y tế dự phòng được đẩy mạnh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời dịch bệnh trong hoàn cảnh có nhiều thiên tai. Công tác kế hoạch hoá gia đình đạt được kết quả khả quan trong việc giảm tốc độ tăng dân số. Hoạt động thể dục thể thao có nhiều tiến bộ mới cả về mở rộng phong trào và nâng cao thành tích trong một số môn. Phong trào đền ơn đáp nghĩa, hoạt động từ thiện tiếp tục được duy trì; các chương trình quốc gia về xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm và các chương trình mục tiêu về phát triển văn hoá, xã hội được triển khai có hiệu quả hơn; cuộc đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, đặc biệt là nạn ma tuý được tiến hành kiên quyết hơn trước.

Nhìn tổng quát năm 1998, nền kinh tế nước ta tiếp tục tăng trưởng, đời sống của nhân dân ổn định, sự nghiệp văn hoá, xã hội tiếp tục phát triển, sự ổn định chính trị, xã hội được duy trì và củng cố. Trong bối cảnh đầy khó khăn và thử thách, những thành tựu mà toàn Đảng, toàn dân đã phấn đấu giành được trong năm qua là rất quan trọng.

Những thành tựu đã giành được và những nhân tố cơ bản đưa tới thắng lợi thời gian qua trong bối cảnh đầy thử thách cần được toàn dân, toàn Đảng nhận thức đầy đủ để phấn khởi, tự tin, đoàn kết, vững bước đi lên.

2. Chúng ta tự hào về thành tựu, nhưng không thể chủ quan, thoả mãn mà phải thấy những mặt yếu cùng với những diễn biến không thuận đang cản trở, thậm chí đe dọa sự ổn định và phát triển kinh tế, xã hội của nước ta. Trong những tình huống mới xuất hiện hoặc diễn ra nghiêm trọng hơn trong năm nay, nổi lên mấy nét lớn:

– Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế giảm 1/3 so với bình quân của hai năm trước; sự giảm sút đó diễn ra trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp và du lịch; lần đầu tiên trong thập kỉ này kim ngạch xuất khẩu hầu như không tăng so với năm trước.

– Đầu tư phát triển và sản xuất kinh doanh bị thu hẹp trên một số lĩnh vực, trước hết là những lĩnh vực gắn với kinh tế đối ngoại (xuất khẩu, đầu tư nước ngoài, dịch vụ cho khách quốc tế).

– Việc duy trì các cân đối kinh tế vĩ mô có nhiều khó khăn hơn, đặc biệt là cân đối ngân sách, cân đối vốn, cân đối ngoại tệ và cán cân thanh toán quốc tế. Tình trạng thiếu lành mạnh trong hệ thống tín dụng cùng với các yếu tố tác động tới giá trị đồng tiền là những vấn đề lớn phải giải quyết để tránh những biến động làm mất ổn định kinh tế vĩ mô.

Vấn đề giải quyết việc làm vốn đã bức xúc càng thêm gay gắt do một số doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, dẫn lao động và tình trạng dôi dư lao động khi sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước; số người thất nghiệp tăng kéo theo nhiều hệ quả về xã hội trong khi không ít tệ

nạn xã hội đã ở mức nghiêm trọng. Tỷ lệ tăng dân số còn cao, nhất là ở những vùng đời sống thấp, gây thêm khó khăn cho việc xoá đói giảm nghèo.

Những diễn biến nêu trên chịu tác động rõ nét của cuộc khủng hoảng khu vực và hậu quả nặng nề của thiên tai. Song, cần phải nhìn thẳng vào sự thật là nhịp độ tăng trưởng kinh tế đã bắt đầu giảm sút từ năm 1996, lúc đầu ở mức nhẹ, sau nặng dần; những yếu tố thiếu lành mạnh trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ đe dọa sự ổn định kinh tế vĩ mô đã xuất hiện trước khi bùng nổ khủng hoảng khu vực.

Vì vậy, chúng ta cần nhìn nhận rõ *những mặt yếu kém* của bản thân nền kinh tế nước ta mà cuộc khủng hoảng khu vực làm tăng thêm và bộc lộ rõ hơn. Đó là tình trạng kém hiệu quả và yếu sức cạnh tranh của các doanh nghiệp và của nền kinh tế; tình trạng còn sơ khai, thiếu đồng bộ, thiếu trật tự, kỉ cương của cơ chế thị trường, tình trạng quản lí nhà nước vừa kém hiệu lực, có mặt buông lỏng, vừa chưa dứt bỏ được quan liêu giai cấp. Tình trạng đó khó tránh khỏi khi chúng ta đi lên từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu mới ở bước đầu trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đang trong quá trình chuyển đổi thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Khắc phục tình trạng đó phải có thời gian, nhanh hay chậm còn tùy thuộc vào sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của Đảng và Nhà nước ta.

Trong khi ghi nhận những tiến bộ đã đạt được, chúng ta thẳng thắn và nghiêm khắc phân tích những khuyết điểm trong sự lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện là nguyên nhân chủ quan gây trở ngại cho công cuộc đổi mới và phát triển; do đó, đã hạn chế những thành tựu đáng lẽ có thể đạt cao hơn, nhiều hơn.

Một số chủ trương quan trọng nhằm đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực chưa được nhận thức sâu sắc trên cơ sở thực tiễn nên chưa quán triệt được đường lối của Đảng. Chính sách, thể chế còn thiếu đồng bộ và chưa đủ cụ thể, chưa thật thông thoáng và nhất quán để tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho việc phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, của nhân dân và của đồng bào ta ở nước ngoài. Các nhân tố mới đã xuất hiện khá nhiều trong hoạt động kinh tế của quần chúng và đơn vị cơ sở nhưng chưa được tổng kết kịp thời để thống nhất nhận định và đề ra chủ trương, chính sách mới.

Sự chỉ đạo, điều hành của các ngành, các cấp có những biểu hiện thiếu kiên quyết, còn quan liêu, nặng về hình thức, chưa thật sát cơ sở, thiếu kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện, buông lỏng kỉ luật, khiến cho người làm tốt thiếu phần khởi vì không được đánh giá, biểu dương kịp thời, kẻ tắc trách hoặc làm sai vẫn nhởn nhơ vì không bị phát hiện và xử lí nghiêm minh. Đó là nguyên nhân chính làm cho nhiều chủ trương, chính sách, thể chế đã ban hành không được chấp hành nghiêm chỉnh, thậm chí bị biến dạng qua các tầng nấc và thủ tục hành chính. Dư luận đã đánh giá Đảng, Nhà nước và Chính phủ có nhiều chủ trương đúng, nhưng làm được ít; nhân dân đồng tình với nhiều chủ trương, chính sách nhưng không tin vào kết quả thực hiện.

Tổ chức bộ máy nhà nước công kênh, biên chế nặng nề, hiệu suất thấp. Đội ngũ cán bộ, công chức chưa thấm nhuần ý thức và trách nhiệm phục vụ nhân dân, lại yếu về trình độ, năng lực. Tệ tham nhũng, lãng phí, cửa quyền, sách nhiễu còn nặng, biện pháp khắc

phục còn kém hiệu lực, ảnh hưởng xấu tới uy tín của Đảng và Nhà nước, làm giảm lòng tin của nhân dân, của các nhà đầu tư, kinh doanh trong nước và nước ngoài.

Những khuyết điểm về chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện chủ yếu của hệ thống hành chính nhà nước các cấp. Là cơ quan cao nhất trong hệ thống đó, Chính phủ xin nhận khuyết điểm và trách nhiệm của mình trước Quốc hội và đồng bào cả nước.

(Trích Báo cáo của Chính phủ tại kì họp thứ tư,
Quốc hội khoá X, phần Đánh giá tình hình
kinh tế – xã hội năm 1998)

Văn bản 3:

Trong hoàn cảnh đầy khó khăn, thử thách, nền kinh tế nước ta tuy ở trình độ phát triển thấp, còn nhiều yếu kém so với nhiều nước xung quanh, nhưng vẫn tiếp tục có mức tăng trưởng dương (ước tính quý I, GDP tăng khoảng 4%) và đạt được yêu cầu ổn định các mặt của đời sống xã hội; lĩnh vực văn hoá, xã hội có bước tiến bộ; an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững; quan hệ quốc tế tiếp tục được mở rộng với thành công của nhiều hoạt động đối ngoại quan trọng.

Những thành tựu đó là kết quả của ý chí đoàn kết phấn đấu với nỗ lực rất lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, chứng minh chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới là đúng đắn, đồng thời chỉ ra những tiềm năng lớn trong việc phát huy nội lực và những lợi thế để đưa đất nước vượt qua khó khăn, tiếp tục phát triển bền vững.

Mặt khác, tình hình kinh tế, xã hội trong mấy năm qua cũng bộc lộ đậm nét những mặt yếu kém và chiều hướng diễn biến khó khăn, phức tạp hơn, nổi lên là:

1. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế tiếp tục giảm, đặc biệt là sản xuất công nghiệp tăng chậm hơn cùng kì các năm trước, tỉ lệ sử dụng năng lực sản xuất thấp, hàng tồn đọng tăng; thị trường trong nước kém sôi động, sức tiêu thụ hàng hoá có xu hướng giảm; xuất khẩu, nhập khẩu đều giảm.

2. Đầu tư phát triển trong nền kinh tế chưa có chuyển biến tích cực; kế hoạch đầu tư của Nhà nước triển khai chậm, nhất là nguồn vốn tín dụng; đầu tư trực tiếp của nước ngoài giảm mạnh; đầu tư của doanh nghiệp nhà nước và của nhân dân vẫn trì trệ. Chủ trương phát huy nội lực chưa được các ngành, các cấp quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện còn kém hiệu quả; còn thiếu chính sách và biện pháp hữu hiệu để phát huy và động viên mạnh mẽ các nguồn lực trong nhân dân. Tình hình này sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới, đòi hỏi phải có những chủ trương, biện pháp mạnh mẽ để khắc phục.

3. Tình trạng thiếu lành mạnh trong hệ thống tài chính – tiền tệ khắc phục còn chậm; một số chỉ tiêu quan trọng, nhạy cảm đối với sự ổn định kinh tế vĩ mô vẫn còn ở mức đáng lo ngại, nhất là cán cân thanh toán quốc tế, nợ nước ngoài, tỉ lệ nợ quá hạn trong tổng dư nợ,...

4. Một số vấn đề xã hội diễn ra gay gắt hơn; số người không có hoặc thiếu việc làm tiếp tục tăng; tình hình thiếu đói gay gắt hơn ở những vùng bị thiên tai; một số tệ nạn xã

hội, nhất là nạn ma túy, mại dâm tiếp tục diễn biến phức tạp, tình trạng thiếu trật tự kỉ cương, vi phạm pháp luật còn khá nặng nề trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

5. Bộ máy quản lí, điều hành, trước hết là Chính phủ, tuy có một số tiến bộ, nhưng nhìn chung vẫn còn yếu kém trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện, chưa nâng cao được hiệu lực quản lí nhà nước; đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu về kiến thức, năng lực; một bộ phận không nhỏ kém ý thức kỉ luật trong công việc; tệ quan liêu, sách nhiễu, tham nhũng, gây khó khăn cho cấp dưới, vi phạm quyền và lợi ích của doanh nghiệp và nhân dân vẫn còn nghiêm trọng.

*(Trích Báo cáo của Chính phủ tại kì họp thứ năm,
Quốc hội khoá X, phần Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ
năm 1999 qua bốn tháng đầu năm)*

PHẦN SÁU

LUYỆN KĨ NĂNG XÂY DỰNG VĂN BẢN

Xây dựng văn bản là một quá trình bao gồm nhiều bước khác nhau, vừa kế tiếp nhau vừa đồng thời với nhau, nhưng nhìn một cách chung nhất, có thể chia thành bốn bước sau:

- Định hướng xây dựng văn bản.
- Lập đề cương văn bản.
- Triển khai đề cương thành văn bản
- Kiểm tra và hoàn thiện văn bản.

Dưới đây chúng ta sẽ tìm hiểu về những bước này.

I. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG VĂN BẢN

Xây dựng văn bản là một hoạt động, vì vậy cũng giống như tất cả các hoạt động khác, việc xây dựng văn bản cần phải có định hướng. Có thể coi đây là những đường hướng, những dự kiến được tính toán trước khi người xây dựng chính thức bắt tay vào việc thể hiện văn bản thành những câu chữ cụ thể.

Việc định hướng thường được tập trung vào việc trả lời sáng rõ cho một số câu hỏi sau đây:

- Nói (viết) nhằm đạt kết quả gì (mục đích giao tiếp)?
- Nói (viết) về những vấn đề gì (nội dung giao tiếp)?
- Nói (viết) với đối tượng nào (nhân vật giao tiếp)?
- Nói (viết) như thế nào (cách thức giao tiếp)?

Việc định hướng càng rõ rệt bao nhiêu, nghĩa là việc trả lời những câu hỏi trên càng cụ thể, càng rõ ràng bao nhiêu thì bài viết, bài nói càng chặt chẽ, càng tập trung, vì thế càng đạt hiệu quả giao tiếp bấy nhiêu.

1. Định hướng mục đích giao tiếp

Mỗi một bài viết, bài nói thường có một hoặc một vài mục đích giao tiếp riêng. Có thể mục đích đó là sự thông báo tin tức mới, trao đổi một vài vấn đề được nhiều người quan tâm, hoặc cũng có thể đó là sự phê phán, sự động viên, cổ vũ, hoặc cũng có thể đó là sự đe dọa, lên án,... Mục đích giao tiếp rất đa dạng và sẽ được xác định một cách cụ thể tùy thuộc vào từng cuộc giao tiếp.

Mục đích của một ngôn bản có thể chia nhỏ ra thành:

- Mục đích tác động về nhận thức.
- Mục đích tác động về tình cảm.
- Mục đích tác động về hành động.

Hiệu quả của việc giao tiếp sẽ được đánh dấu bằng những mục đích giao tiếp đã đạt được đến chừng mực nào. Nhưng việc có đạt được mục đích hay không và đạt đến chừng mực nào thì không phải lúc nào cũng có thể nhận ra được ngay tức thời. Tất nhiên là, trong đại đa số trường hợp, hiệu quả của việc giao tiếp, chúng ta có thể nhận ra ngay lập tức.

Nhưng trong thực tế, có những cuộc giao tiếp người ta chỉ có thể nhận ra hiệu quả của nó sau một thời gian dài, thậm chí năm, mười năm sau mới có thể thấy được.

Tuy vậy vẫn có thể nói một cách khái quát là ngôn bản đạt được hiệu quả giao tiếp khi ngôn bản đó có sự tác động tới người nghe làm cho họ thay đổi về nhận thức, biến đổi về tình cảm và từ đó hành động theo hướng mà người nói mong muốn. Những ngôn bản đạt được đầy đủ cả ba mục đích: tác động về nhận thức, tác động về tình cảm và tác động về hành động là những ngôn bản đạt hiệu quả giao tiếp cao. Ngược lại, những ngôn bản không đạt được đích đặt ra là những ngôn bản không đạt hiệu quả giao tiếp.

2. Định hướng nội dung giao tiếp

Định hướng nội dung là việc xác định mảng hiện thực sẽ được đề cập tới trong văn bản. Chính mảng hiện thực này đã tạo thành nội dung của văn bản. Nội dung đó có thể là những sự vật, hiện tượng của tự nhiên, của xã hội được người nói (viết) nhận thức, hay cũng có thể là những tư tưởng, tình cảm, hoặc những câu chuyện tưởng tượng,... của người phát. Nhưng giữa ý định của người phát (nội dung dự kiến) với sản phẩm của việc thực hiện ý định đó (văn bản) thường bao giờ cũng vẫn có một khoảng cách nhất định. Không phải lúc nào người phát cũng có thể thể hiện hết và hoàn toàn chính xác những ý định của mình trong ngôn bản, bởi rất nhiều lí do như: khả năng sử dụng ngôn từ, hoàn cảnh giao tiếp, tình trạng sinh lí,... Do đó giữa văn bản và nội dung dự kiến ban đầu của người viết, người nói bao giờ cũng có một khoảng cách nhất định.

Tuy vậy, chúng ta vẫn phải nhấn mạnh lại một lần nữa rằng, nếu chúng ta luôn luôn tính đến hiệu quả giao tiếp thì nội dung định thể hiện không bao giờ cũng hoàn toàn do phía người phát quyết định. Bởi lẽ, trong giao tiếp, người tiếp nhận văn bản luôn luôn được xác định một cách cụ thể về nhận thức, về nghề nghiệp, về tâm lí, về quan hệ xã hội, về hứng thú,... Vì thế, trong những trường hợp cụ thể ấy, người nghe, người đọc có thể tiếp nhận thông tin này, từ chối thông tin kia, hoặc thích thú chi tiết loại này, không chú ý tới chi tiết loại kia,... tùy thuộc vào nhu cầu, hứng thú, thói quen, sở thích của họ. Chính điều này đã tạo nên một áp lực buộc người phát phải lựa chọn nội dung cho ngôn bản khi tiến hành giao tiếp.

3. Định hướng nhân vật giao tiếp

Người viết, người nói và người đọc, người nghe – những nhân vật tham gia quá trình giao tiếp – được chúng ta gọi chung là những nhân vật giao tiếp.

Trong hoạt động giao tiếp, nếu người phát luôn luôn là một, thì người nhận không phải lúc nào cũng như vậy. Có khi người nhận là một nhưng có khi người nhận lại là số đông (như trường hợp giáo viên giảng dạy trong nhà trường, trường hợp một báo cáo viên nói trước công chúng,...). Nhưng cũng có những trường hợp, mặc dù người nhận là số đông, song chỉ có một hoặc một số nhất định trong số đông đó là đối tượng giao tiếp đích thực mà người phát hướng tới. Ở những trường hợp ấy, người nhận đích thực sẽ nhận ra trong ngôn bản những tín hiệu riêng dành cho bản thân mình.

Có người đã nghĩ rằng khi mình đã là người phát thì mình muốn trình bày nội dung ngôn bản thế nào cũng được, tùy vào ý thích của bản thân. Đây là một ý nghĩ sai lầm. Bởi lẽ, trong hoạt động giao tiếp, như chúng ta đã nói tới ở trên, bao giờ cũng gồm: người phát và người nhận. Vì vậy, hiệu quả giao tiếp không phải chỉ phụ thuộc vào người phát mà còn phụ thuộc vào người nhận. Nói (viết) những vấn đề mà người nhận không hiểu hoặc không muốn nhận; hoặc nói (viết) những vấn đề không phù hợp với nếp nghĩ, với thói quen trong đời sống thường ngày của người nhận... thì có thể nói rằng cuộc giao tiếp đã không đạt hiệu quả.

Như vậy, việc hiểu biết về người tiếp nhận ngôn bản là điều không thể thiếu đối với người viết, người nói. Hiểu biết này càng cụ thể, càng phong phú thì hiệu quả giao tiếp càng cao. Đó là những hiểu biết về thói quen sử dụng ngôn ngữ, lợi ích, kinh nghiệm, hoàn cảnh sống,... của người giao tiếp. Đó là những hiểu biết về nhu cầu, hứng thú, tâm lí,... của họ. Hiểu biết thói quen ngôn ngữ để có cách lựa chọn phương tiện ngôn ngữ phù hợp với "khẩu vị" của họ, từ cách dùng từ, đặt câu tới cách sử dụng hình ảnh. Hiểu biết sở thích, hứng thú,... để chọn nội dung giao tiếp khơi gợi, duy trì được hứng thú của họ. Có khi chỉ bằng một từ, một hình ảnh, một chi tiết đáp ứng được nhu cầu, "gãi đúng chỗ ngứa" của họ, sức thuyết phục của ngôn bản sẽ thay đổi hẳn. Có thể nói rằng, sự hiểu biết về đối tượng giao tiếp càng phong phú, càng sâu sắc thì hiệu quả của việc giao tiếp càng cao.

Từ những sự phân tích trên, chúng ta có thể kết luận rằng nhân vật giao tiếp là một trong những nhân tố cần phải được định hướng rất rõ ràng trước khi trình bày văn bản.

4. Định hướng cách thức giao tiếp

Việc lựa chọn cách thức giao tiếp phù hợp là một yếu tố quan trọng tạo nên hiệu quả giao tiếp. Có khi với cách trình bày này lại đạt hiệu quả cao hơn rất nhiều so với cách trình bày khác. Thậm chí, có khi ta chỉ cần thay một từ này bằng một từ khác, một câu này bằng một câu khác,... mà hiệu quả giao tiếp lại thay đổi hẳn. Vì thế việc lựa chọn cách thức giao tiếp là điều cần được chú ý.

Cách thức tiếp nhận nội dung văn bản còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nữa như đặc điểm giới tính, điều kiện sống, tâm lí xã hội,... của người nhận. Mỗi người, tùy thuộc vào đặc điểm riêng của mình mà có thể có những cách luận giải khác nhau về văn bản. Như vậy, từ nội dung của một ngôn bản duy nhất có thể nảy sinh ra rất nhiều những biến thể khác nhau về nội dung ở người nhận. Đây là điều thường gặp đối với các ngôn bản nghệ thuật và ít hơn trong các văn bản chính luận, khoa học... Và đây cũng chính là cơ sở tạo nên tính đa nghĩa cho ngôn bản.

Để hiểu rõ hơn việc đối tượng giao tiếp và những yếu tố khác đã tác động như thế nào tới việc tổ chức văn bản, chúng ta hãy cùng theo dõi cách dùng từ ngữ, hình ảnh trong những lời nói sau đây của Bác Hồ. Khi nói với đồng bào theo đạo Phật. Bác nói:

Đời sống của nhân dân ta dần dần càng được cải thiện, cũng giống như tôn chỉ mục đích của đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui, no ấm.

Cuối cùng tôi xin chúc các vị luôn luôn mạnh khoẻ, tịnh tiến tu hành, phục vụ chúng sinh, phụng sự Tổ quốc, bảo vệ hoà bình.

Những từ ngữ như *tôn chỉ mục đích, thăm mĩ, chí thiện, tịnh tiến tu hành, phục vụ chúng sinh, phụng sự Tổ quốc,...* là những từ ngữ, những lời nói của miệng rất quen thuộc của những người tu hành nơi cửa Phật. Cách nói này của Bác vừa tạo được sự gần gũi, tạo được mối quan hệ tốt với người nghe, vừa tăng được sức thuyết phục và đạt được mục đích giao tiếp đã đặt ra.

Còn khi Bác nói với những người nông dân về một vấn đề khó nhận thức, Bác lại dùng những hình ảnh rất cụ thể và quen thuộc với họ theo một kiểu khác:

Xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như làm ruộng. Trước phải khó nhọc cày bừa, chân bùn tay lấm, làm cho lúa tốt thì mới có gạo ăn.

Những hình ảnh được dùng để so sánh là những hình ảnh rất gần gũi với bà con nông dân: *làm ruộng, cày bừa, chân bùn tay lấm*. Chỉ với bà con nông dân, Bác mới dùng những hình ảnh ấy.

Hoặc khi nói chuyện với những người Việt Nam lâm đường lạc lối theo Pháp, Bác đã nói:

Tôi biết rằng các người đều là con dân nước Việt Nam song vì Pháp bắt buộc, hoặc bị chúng lừa gạt cho nên đi lính cho chúng. Chứ thật ra không ai muốn cõng rắn về cắn gà nhà, rước voi về rày má tổ chống lại Tổ quốc để mang tiếng Việt gian.

Những từ ngữ Bác dùng: *bị lừa gạt, bắt buộc, không muốn, cõng rắn về cắn gà nhà, rước voi về rày má tổ,...* đã chịu sự chi phối rất rõ ràng của đối tượng giao tiếp, những người lâm đường lạc lối theo Pháp chống lại nhân dân. Nhưng khi nói với mọi người dân khác về chính những con người lâm đường này, Bác lại nói:

Năm ngón tay cũng có ngón dài ngón ngắn, nhưng ngắn dài đều tập hợp lại ở nơi bàn tay.

Những ví dụ dẫn này đã góp phần khẳng định về vai trò của đối tượng giao tiếp trong việc tổ chức ngôn bản, tổ chức bài làm văn của học sinh. Mặc dù nhân tố này là nhân tố ngoài ngôn ngữ nhưng lại là nhân tố không thể bỏ qua khi tiến hành giao tiếp.

5. Luyện tập

Bài tập 1

Văn bản dưới đây viết về nội dung gì? Nhằm mục đích gì? Cho ai đọc? Và, cách thức trình bày như thế nào?

VỀ ĐẸP CỦA BÀI CA ĐAO "HÔM QUA TÁT NƯỚC ĐẦU ĐÌNH"

*Hôm qua tát nước đầu đình,
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.
Em được thì cho anh xin,
Hay là em để làm tin trong nhà.*

*Áo anh sứt chỉ đường tà,
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.
Áo anh sứt chỉ đã lâu,
Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng.
Khâu rồi anh sẽ trả công,
Ít nữa lấy chồng, anh lại giúp cho.
Giúp em một thúng xôi vò,
Một con lợn béo, một vò rượu tăm.
Giúp em đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp, đôi tầm em đeo.
Giúp em quan tám tiền cheo,
Quan năm tiền cưới, lại đèo buồng cau.*

Bài ca như một nụ hoa cứ nở dần, nở dần để lộ ra cái nhụy thơm tho, kín đáo bên trong, phảng phất mùi hương mê say mà không sao nắm bắt được. Mỗi ý, mỗi từ đều thấp thoáng cái bóng ẩn hiện của nó, phải đọc kĩ mới thấm thía. Như một bức kí họa, bài thơ ngắn nhưng có đủ chi tiết, đường nét, màu sắc. Nét đẹp của hình tượng thơ ở đây là vẻ chân thật, mộc mạc, nhưng lại hết sức tinh tế, sâu xa.

Hai câu mở đầu gợi lên khung cảnh có tính truyền thống về tình yêu trong ca dao, có mái đình cổ kính, hồ nước trong veo, hoa sen thơm ngát và có thể cả trăng nữa, nhưng cái chủ yếu là khung cảnh của công việc lao động vất vả, hứng thú. Cái áo chàng trai bỏ quên có thể vô tình, nhưng rất có thể là hữu ý. Cũng có khi chỉ là sự "bị đặt" khéo léo để tạo nên cái cửa sổ đầu tiên để chàng trai hé mở lòng mình với cô gái. Phụ nữ vốn ưa sự thanh mảnh, duyên dáng, nên cái áo bỏ quên, chàng trai cũng phải nói là mắc trên cành hoa sen cho đẹp. Tâm lí này chúng ta thường gặp trong ca dao. Một chàng trai khác đã "tán" rất đáng yêu:

*Cô kia cắt cỏ bên sông
Muốn sang anh ngả cành hồng cho sang.*

Chẳng ai tin cái câu anh hứa, nhưng không ai bắt bẻ anh, bởi vì đó là cách nói đẹp cốt để chứa đựng cái "thần" của câu thơ: Tấm lòng yêu quý, nâng niu đối với người con gái mình yêu.

Trở lại bài thơ, câu tiếp buông ra lửng lơ như hỏi, nhưng thật ra là sự khẳng định, ràng buộc khéo léo cô gái với mình.

*Em được thì cho anh xin
Hay là em để làm tin trong nhà
Áo anh sứt chỉ đường tà*

Phải công nhận là chàng trai rất tế nhị. Áo anh không rách mà chỉ "sứt chỉ đường tà" rất kín đáo thôi. Nhưng cái "sứt chỉ" này cũng đáng nghi ngờ lắm. Có thể nó là cái cớ để giúp anh nói ra điểm quan trọng nhất mà không có nó bài thơ sẽ sụp đổ:

Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu

Thật là một cách giới thiệu khéo léo gia cảnh mẹ già con đơn của mình, để làm mềm lòng cô gái vốn hay thương người. Tuy nhiên chàng trai không nhờ thẳng "em" mà lại nhờ một "cô ấy" nào đó rất băng quơ, bóng gió khâu hộ để có dịp đóng vai một ông anh vô tư, hào hiệp "trả công" rất hậu khi "cô ấy" lấy chồng. Nhưng càng đọc xuống, chúng ta càng phân vân. Đến hai câu kết thì không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng phải đến mấy chữ cuối cùng thì mới thật là "đắt": Cái buồng cau đèo thêm ấy thật là "chết" người ! Ngày xưa miếng trầu quả cau thường là sứ giả của tình yêu, giúp bao đôi lứa nên duyên.

Khi mới gặp nhau, họ buông ra những lời ý nhị để thăm dò:

Có trầu mà chẳng có cau

Làm sao cho đỡ môi nhau thì làm

Trong lễ dạm hỏi cưới xin, càng không thể thiếu được quả cau miếng trầu. Cho nên, khi chàng trai đèo buồng cau thì chúng ta vỡ lẽ ra rằng: Chàng trai này láu cá thật! Những thứ anh hứa giúp toàn là đồ sính lễ dạm hỏi cưới xin, và "cô ấy" đây chẳng ai khác ngoài "em"! Tưởng anh buông cô gái ra, hoá ra anh vợ vào cho mình thật khéo ! Chúng ta cảm thấy cái buồng cau ấy còn đèo thêm một nụ cười hóm hỉnh, đáng yêu của chàng trai nữa.

Chung quy lại, chuyện cái áo "sút chỉ đường tà" bỏ quên trên cành hoa sen chỉ là sự thêm thắt, đưa đẩy để dẫn dắt đến chuyện buồng cau. Toàn bộ bài thơ là những việc bịa ra gối lên nhau nhưng vẫn làm chúng ta rung cảm vì cái bịa đó dựa trên cái thật là hiện thực tâm trạng phong phú sinh động, là tình yêu đậm thắm của chàng trai đối với cô gái.

(Phong Lan)

Bài tập 2

Dựa vào các từ ngữ, các chi tiết có trong văn bản dưới đây, hãy chỉ ra đối tượng giao tiếp mà tác giả đã hướng tới.

TÂM SỰ VỚI CÁC EM VỀ TIẾNG VIỆT

Chúng ta yêu tiếng Việt, chúng ta vô vàn yêu quý tiếng nói Việt Nam của chúng ta. Chúng ta yêu quốc ngữ, quốc văn. Tiếng Việt do muôn đời tổ tiên chúng ta sáng tạo, xây dựng, giữ gìn; và người lưu truyền phát huy mãi mãi tiếng Việt là tuổi trẻ, muôn thế hệ trẻ nối tiếp lồng lộng tương lai.

[...] Các em hiện nay tuổi mười bốn, mười lăm, trong cuộc chạy tiếp đước giữa các thế hệ, các em sẽ tiến lên cầm ngọn đuốc của dân tộc giơ cao lên sáng ngời ! Đối với tiếng Việt cũng vậy; những người ngày mai rất gần đây giữ gìn và phát huy tiếng Việt là các em ! Tâm hồn nhạy bén, trong sáng dào dạt của các em sẽ đưa đến những kho tàng mới cho tiếng Việt. Ngay từ bây giờ, các em phải có ý thức ấy. Các em yêu mến hãy nghĩ xem ! Còn gì sung sướng hơn được làm lụng đổ mồ hôi trên đất nước của Tổ quốc liền một khối từ Lạng Sơn đến Cà Mau, đất nước mà hiện giờ ta đang phải lấy cả máu mình để bảo vệ, còn gì sung sướng hơn được nói, viết, học tiếng Việt, tâm hồn ta gắn liền với tinh hoa tiếng nói Việt Nam yêu quý !

(Xuân Diệu)

Bài tập 3

Hãy phân tích mục đích cần đạt đến của văn bản dưới đây về các mặt:

- Nhận thức
- Tình cảm
- Hành động

Nêu nhận xét về sự phù hợp giữa cách thức trình bày văn bản với mục đích đặt ra.

ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ

Điều rất quan trọng cần phải làm nổi bật là sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn của Hồ Chủ tịch.

Rất lạ lùng, rất kì diệu là trong 60 năm của một cuộc đời sóng gió diễn ra ở rất nhiều nơi trên thế giới cũng như ở nước ta, Bác Hồ vẫn giữ nguyên phẩm chất cao quý của một người chiến sĩ cách mạng, tất cả vì nước, vì dân, vì sự nghiệp lớn, trong sáng, thanh bạch, tuyệt đẹp.

Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị như thế nào, mọi người chúng ta đều biết: bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, lối sống. Bữa cơm chỉ có vài ba món rất giản đơn, lúc ăn Bác không để rơi vãi một hạt cơm, ăn xong, cái bát bao giờ cũng sạch và thức ăn còn lại thì được sắp xếp tươm tất. Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ. Cái nhà sàn của Bác vẻn vẻn chỉ có vài ba phòng, và trong lúc tâm hồn của Bác lộng gió thời đại, thì cái nhà nhỏ đó luôn luôn lộng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn, một đời sống như vậy thanh bạch và tao nhã biết bao ! Bác suốt đời làm việc, suốt ngày làm việc, từ việc lớn nhất: việc cứu nước, cứu dân đến việc rất nhỏ, trồng cây trong vườn, viết một bức thư cho một đồng chí, nói chuyện với các cháu miền Nam, đi thăm nhà tập thể của công nhân, từ nơi làm việc đến phòng ngủ, nhà ăn... Trong đời sống của mình, việc gì Bác tự làm được thì không cần người giúp, cho nên bên cạnh Bác, người giúp việc và phục vụ có thể đếm trên đầu ngón tay, và Bác đã đặt cho số đồng chí đó những cái tên mà gộp lại là ý chí chiến đấu và chiến thắng: Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi !

Nhưng chớ hiểu lầm rằng Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật. Bác Hồ sống đời sống giản dị, thanh bạch như vậy, bởi vì Người sống sôi nổi, phong phú đời sống và cuộc đấu tranh gian khổ và ác liệt của quần chúng nhân dân. Đời sống vật chất giản dị càng hoà hợp với đời sống tâm hồn phong phú, với những tư tưởng, tình cảm, những giá trị tinh thần cao đẹp nhất. Đó là đời sống thực sự văn minh mà Bác Hồ nêu gương sáng trong thế giới ngày nay.

Trong 60 năm của cuộc đời chiến đấu, Hồ Chủ tịch luôn luôn ung dung và thư thái, giặc đến bên cạnh vẫn bình thản và chính trong lúc nguy biến như vậy, Người cầm lái lại càng sáng suốt, kiên cường, vững chắc, trấn tĩnh mọi người và vượt khỏi gian nguy. Ngay

trong lúc ở tù, tay chân bị trói buộc, thì người chiến sĩ sôi nổi đó vẫn ung dung thư thái, và tâm hồn đó cùng cảnh ngồn đó đã sinh ra những bài thơ tuyệt đẹp:

*Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp,
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông.
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

Và khi mới ra tù, tập leo núi:

*Núi áp ôm mây, mây áp núi
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ
Bồi hồi dạo bước Tây Phong lĩnh
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa.*

Sự ung dung, thư thái đó toả ra trong bản *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, mà mọi người đọc *Di chúc* ở nước ta cũng như nước ngoài đều thấm thía.

Giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người, trong tác phong, Hồ Chủ tịch cũng rất giản dị trong lời nói và bài viết, vì muốn cho quần chúng nhân dân hiểu được, nhớ được, làm được. Suy cho cùng, chân lí, những chân lí lớn của nhân dân ta cũng như của thời đại là giản dị: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí ấy không bao giờ thay đổi"... Những chân lí giản dị mà sâu sắc đó lúc thâm nhập vào quả tim và bộ óc của hàng triệu con người đang chờ đợi nó, thì đó là sức mạnh vô địch, đó là chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

(Phạm Văn Đồng, trong *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc, tinh hoa của thời đại*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1974)

Bài tập 4

Hãy phân tích nội dung giao tiếp, mục đích giao tiếp, đối tượng giao tiếp và cách thức giao tiếp được thể hiện ở các đoạn trích dưới đây:

Đoạn trích 1:

Rừng tre, nứa ở nước ta có nhiều loại, nhưng thông dụng nhất có khoảng 30 loài như: tre Trinh, tre hoa, tre vầu, luồng, giang, lồ ô, nứa trúc... Các loại tre, nứa này phân bố ở Tây Bắc, Việt Bắc, Đông Nam Bộ.

(Việt Nam đất nước giàu đẹp)

Đoạn trích 2:

Nước Việt Nam xanh muôn ngàn cây lá khác nhau. Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý, nhưng thân thuộc nhất vẫn là tre nứa. Tre Đông Nai, nứa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ, lũy tre thân mật làng tôi... đâu đâu ta cũng có nứa tre làm bạn.

(Thép Mới, *Cây tre*)

Đoạn trích 3:

Sông Đà khai sinh ở huyện Cảnh Đông tỉnh Vân Nam, lấy tên là Li Tiên mà đi qua một vùng núi ác, rồi đến gần nửa đường thì xin nhập quốc tịch Việt Nam, trưởng thành mãi lên và đến ngã ba Trung Hà thì chan hoà vào sông Hồng. Từ biên giới Trung – Việt

tới ngã ba Trung Hà là 500 cây số lượn vòng rần, và tính toàn thân sông Đà thì chiều dài là 888 nghìn thước mét.

(Nguyễn Tuân, Sông Đà)

Đoạn trích 4:

Sông Đà dài 910km, từ Vân Nam vào nước ta theo hướng tây bắc – đông nam, gần như song song với sông Hồng. Đoạn chảy ở địa phận nước ta dài trên 500km. Qua Lai Châu, dòng sông chảy trong một thung lũng sâu giữa khối cao nguyên đá vôi vùng Tây Bắc nên lắm thác ghềnh và đi qua những hẻm núi hùng vĩ.

(Theo SGK Địa lí)

Đoạn trích 5:

Làng xóm ta xưa kia lam lũ quanh năm mà vẫn quanh năm đói rách. Làng xóm ta ngày nay bốn mùa nhộn nhịp cảnh làm ăn tập thể. Đâu đâu cũng có trường học, nhà giữ trẻ, nhà hộ sinh, câu lạc bộ, sân và kho của hợp tác xã, nhà mới của xã viên. Đời sống vật chất ngày càng ấm no, đời sống tinh thần ngày càng tiến bộ.

(Hồ Chí Minh)

Đoạn trích 6:

Nhìn xuống cánh đồng có đủ các màu: xanh pha vàng của ruộng lúa, xanh rất mượt của lúa chiêm đương thời con gái, xanh đậm của những rặng tre, đây đó một vài cây phi lao xanh biếc và rất nhiều màu xanh khác nữa. Cả cánh đồng thu gợn trong tầm mắt, làng nối làng, ruộng tiếp ruộng. Cuộc sống ở đây có một cái gì mặn mà, ấm áp.

(Hoài Thanh – Thanh Tịnh)

II. LẬP ĐỀ CƯƠNG VĂN BẢN

Lập đề cương (còn gọi là lập dàn ý, lập bố cục, lập dàn bài) là viết ra trên giấy (trong những trường hợp nào đó có thể là sự hình dung trong óc) những nội dung cơ bản dự định triển khai trong văn bản, là sự sắp xếp các ý theo sự thống nhất của từng tiểu chủ đề, phản ánh cơ sở logic của hiện thực và thể hiện được cách trình bày, cách lập luận riêng của tác giả về nội dung vấn đề được đề cập tới.

1. Tác dụng của việc lập đề cương

Đề cương chính là bộ khung của toàn bộ văn bản. Chúng ta có thể so sánh đề cương như là bản thiết kế trong xây dựng. Ngôi nhà càng hiện đại, càng đồ sộ cũng giống như văn bản càng dài, càng có dung lượng lớn thì càng cần có bản thiết kế thật tỉ mỉ, chi tiết để giúp cho việc thi công ngôi nhà, cho việc xây dựng văn bản diễn ra một cách nhanh chóng, thuận lợi, tránh được những sai sót đáng tiếc xảy ra, nhất là việc bỏ sót chi tiết, bỏ sót ý, hoặc ý không cân xứng giữa các phần.

Đề cương được lập ra sẽ giúp chúng ta:

– Có cái nhìn bao quát chung cho toàn bộ những nội dung triển khai trong suốt văn bản. Nhờ có đề cương, những nội dung này sẽ hiện ra một cách cụ thể, rõ ràng và dễ nhận biết hơn.

– Có thể nhận ra đâu là ý chính cần nhấn mạnh, cần đi sâu; đâu là ý phụ có thể bỏ qua hoặc lướt qua để làm nổi rõ đề tài cũng như chủ đề của văn bản. Nhờ đề cương,

chúng ta có điều kiện suy nghĩ, lựa chọn những nội dung, những chi tiết, thậm chí là cả các câu chữ sao cho phù hợp với việc định hướng đã được đặt ra.

– *Chủ động trong việc tính toán dung lượng* chung của văn bản cũng như dung lượng riêng của từng phần, từng ý. Bên cạnh đó, đề cương cũng giúp cho chúng ta *phân phối thời gian* viết cho từng phần một cách hợp lí trong những trường hợp cần phải tính toán tới thời gian hoàn thành văn bản.

2. Yêu cầu của việc lập đề cương

Chính vì đề cương có tầm quan trọng như vậy, nên đề cương cần phải đảm bảo một số yêu cầu nhất định:

– *Đề cương phải thể hiện được đề tài cũng như chủ đề cần phải triển khai trong toàn bộ văn bản.* Những nội dung cần triển khai này trong đề cương phải phù hợp với mục đích giao tiếp, nhân vật giao tiếp và cách thức giao tiếp đã được chuẩn bị trong bước định hướng.

– *Các ý lớn, nhỏ trong đề cương phải sắp xếp một cách hợp lí, một mặt vừa phản ánh được logic tồn tại, vận động của bản thân đối tượng trình bày, mặt khác cũng cần phản ánh được logic của bản thân việc trình bày đó.* Bởi lẽ nếu logic của đối tượng quy định mọi cách trình bày văn bản, thì kết quả chúng ta sẽ thu được những văn bản có cấu trúc giống nhau khi cùng viết về một đề tài. Hơn nữa, nhận thức của chúng ta đối với sự vật luôn mang tính chủ động, sáng tạo nên mỗi người có một cách tiếp cận riêng, cách trình bày, thể hiện riêng. Vì thế ngay trong đề cương, chúng ta cũng cần phải thể hiện được cái riêng đó trong cách tiếp cận và trình bày về đối tượng, mặc dù logic về sự tồn tại và vận động của đối tượng giữ vai trò chủ đạo cho việc lập đề cương văn bản.

– *Đề cương trình bày cần cô đọng, ngắn gọn, sáng sủa và phải có những kí hiệu nhất định để ghi các đề mục, các ý hoặc các chi tiết.* Thông thường những ý cùng bậc cần được đánh dấu bằng cùng một loại kí hiệu; những đề mục, những ý lớn,... trong đề cương thường được ghi lại bằng một từ, một ngữ hoặc một câu. Rất ít khi chúng ta gặp trong đề cương mà một đề mục hoặc một ý lớn nào đó lại được ghi bằng nhiều câu.

Ví dụ, cho đề bài:

Bàn về vai trò và tác dụng to lớn của sách trong đời sống tinh thần của con người, nhà văn M. Go-rơ-ki có viết: "Sách mở rộng ra trước mắt tôi những chân trời mới".

Hãy giải thích và bình luận ý kiến trên.

Chúng ta có thể lập một đề cương như sau:

Mở bài:

- Nêu vai trò của sách từ xưa đến nay trong đời sống tinh thần của con người.
- Đưa vấn đề mà M. Go-rơ-ki đã đề cập tới: "Sách mở rộng ra trước mắt tôi những chân trời mới".

Thân bài:

(1). Giải thích ý nghĩa câu nói của M. Go-rơ-ki

a) Sách là gì?

- Là kho tàng tri thức

- + Về kinh nghiệm sản xuất
- + Về đời sống con người
- + Về thế giới tự nhiên
- Là sản phẩm tinh thần
 - + Sản phẩm của văn minh nhân loại
 - + Kết quả của lao động trí tuệ
 - + Hàng hoá có giá trị đặc biệt
- Là người bạn tâm tình gần gũi
 - + Giúp ta hiểu điều hay lẽ phải
 - + Làm cho cuộc sống tinh thần thêm phong phú

b) Sách mở rộng những chân trời mới

- Sách giúp ta hiểu biết về mọi lĩnh vực
 - + Về khoa học tự nhiên
 - + Về khoa học xã hội
- Sách giúp ta vượt qua không gian, thời gian
 - + Hiểu quá khứ, hiện tại, tương lai
 - + Hiểu trong nước, ngoài nước

(2). Bình luận về tác dụng của sách và nêu ý kiến cá nhân

a) Sách tốt

- Nâng cao tầm hiểu biết về tự nhiên và xã hội.
- Giúp ta khám phá ra chính bản thân mình.
- Chắp cánh ước mơ và khát vọng sáng tạo.

b) Sách xấu

- Xuyên tạc, bóp méo sự thật.
- Mang tính chất thương mại.
- Đi ngược lại với suy nghĩ và nếp sống lành mạnh của con người.

(3). Thái độ đối với việc đọc sách

- Tạo thói quen và duy trì hứng thú đọc sách.
- Chọn sách tốt có giá trị khoa học hoặc nhân văn.
- Phê phán và lên án những sách có nội dung xấu.

Kết bài:

- Khẳng định lại tác dụng của sách.
- Hành động của cá nhân.

Trên đây là ví dụ về đề cương cho một bài làm văn trong nhà trường phổ thông. Trên thực tế, chúng ta thấy có thể xuất hiện nhiều dạng khác, dài ngắn không đồng đều nhau, nhưng dù lập đề cương thế nào chăng nữa thì những yêu cầu cơ bản của một đề cương như chúng ta vừa nêu cũng cần phải được đảm bảo.

3. Luyện tập

Bài tập 1

Theo anh (chị), bài viết dưới đây được triển khai theo một đề cương như thế nào? Hãy lập lại đề cương đó một cách chi tiết.

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC

Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là trong lúc này.

Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy. Có người chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của *Lục Vân Tiên*, và hiểu *Lục Vân Tiên* khá thiên lệch về nội dung và về văn, còn rất ít biết về thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, khúc ca hùng tráng của phong trào yêu nước chống bọn xâm lược Pháp lúc chúng đến bờ cõi nước ta cách đây một trăm năm !

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ yêu nước mà tác phẩm là những trang bất hủ ca ngợi cuộc chiến đấu oanh liệt của nhân dân ta chống bọn xâm lược phương Tây ngay buổi đầu lúc chúng đặt chân lên đất nước chúng ta.

Nguyễn Đình Chiểu vốn là một nhà nho, nhưng sinh trưởng ở đất Đồng Nai hào phóng, lại sống giữa lúc nước nhà lâm nguy, vua nhà Nguyễn cam tâm bán nước để giữ ngai vàng, nhưng khắp nơi, nhân dân và sĩ phu anh dũng đứng lên đánh giặc cứu nước. Vì mù cả hai mắt, hoạt động của người chiến sĩ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu chủ yếu là thơ văn. Và những tác phẩm đó, ngoài giá trị văn nghệ, còn quý giá ở chỗ nó soi sáng tâm hồn trong sáng, và cao quý lạ thường của tác giả, và ghi lại lịch sử của một thời khổ nhục nhưng vĩ đại !

"Kiến nghĩa bất vi vô đồng dã !". Đời sống và hoạt động của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương anh dũng. Cảnh đất nước cũng như cảnh riêng càng long đong, đen tối, thì khí tiết của người chí sĩ yêu nước càng cao cả, rạng rỡ:

*Sự đời thà khuất đôi tròng thịt,
Lòng đạo xin tròn một tấm gương !*

Cuộc đời và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là của một chiến sĩ hi sinh phấn đấu vì một nghĩa lớn. Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn chiến đấu, đánh thẳng vào giặc ngoại xâm và tội tớ của chúng.

*Học theo ngòi bút chí công
Trong thi cho ngụ tấm lòng Xuân Thu !
Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm,
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà !*

Đối với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút, viết văn là một thiên chức. Và Nguyễn Đình Chiểu quý trọng chức trách của mình chừng nào thì càng khinh miệt bọn lợi dụng văn chương để làm việc phi nghĩa chừng nấy:

*Thấy nay cũng nhóm văn chương
Vóc dê da cạp khôn lường thực hư !*

*
* *

Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu làm sống lại trong tâm trí của chúng ta phong trào kháng Pháp oanh liệt và bền bỉ của nhân dân Nam Bộ từ 1860 về sau, suốt hai mươi năm trời. Quân của triều đình dưới sự chỉ huy của một danh tướng lúc bấy giờ, Nguyễn Tri Phương, đã đánh thua ở Sài Gòn, Tự Đức vội vã đầu hàng, năm 1862 cắt ba tỉnh miền Đông, năm 1867 cắt ba tỉnh miền Tây cho giặc. Mặc dù nước nhà gặp cảnh hiểm nghèo và khổ nhục như vậy, các tầng lớp nhân dân Nam Bộ lúc bấy giờ, nhân dân lao động và các bậc sĩ phu đều kiên quyết vùng dậy đánh giặc cứu nước. "Giặc đến nhà đàn bà phải đánh*!". Phong trào bắt đầu dấy lên ở miền Đông, sau lan rộng ở khắp nơi Lục tỉnh, biến thành cuộc chiến tranh nhân dân rộng lớn, nhiều nơi, nhiều lúc sôi nổi và mạnh mẽ lạ thường, khiến cả kẻ thù cũng không tiếc lời tỏ lòng khâm phục (theo nhiều sách của người Pháp trong khi viết về cuộc chiến tranh xâm lược Nam Bộ): khởi nghĩa của Trương Định ở Gò Công, Thủ khoa Huân ở Mỹ Tho, Phan Liêm và Phan Tôn ở Bến Tre, Nguyễn Trung Trực ở Rạch Giá, Đỗ Thừa Lương và Đỗ Thừa Tự ở Cần Thơ, Nguyễn Văn Bường và Quản Hón ở Hóc Môn, Bà Điểm,... Làm sao sưu tầm tài liệu về những trang sử oanh liệt này, về biết bao cuộc chiến đấu anh dũng ở khắp nơi, về biết bao chiến công của biết bao anh hùng liệt sĩ, để đánh giá đúng tầm rộng lớn và sức mạnh của phong trào kháng Pháp lúc bấy giờ, một phong trào bắt nguồn từ lòng căm thù vô hạn của quần chúng nhân dân đối với giặc ngoại xâm, nguyện hi sinh tất cả và chiến đấu đến cùng để cứu nước, cứu dân. Chúng ta hãy nghe một đôi đoạn trong bài hịch phổ biến lúc bấy giờ:

"Bớ các quan ơi, chớ thấy chín trùng hoà nghị mà tấm lòng địch khái nữ phiêu pha, cho rằng ba tỉnh giao hoà mà cái việc cừu thù đành lơ lửng !

Bớ các làng ơi, chớ thấy đồn lũy dưới Gò Công thất thủ mà trở mặt hại nhau, chớ nghe bảo trên Bến Nghé phân cơ mà đành lòng theo mọi !

*Hỡi ơi, oan nhường ấy, hận nhường ấy, cừu thù nhường ấy, làm sao trả đặng mới ưng !
Công bấy lâu, nghiệp bấy lâu, lao khổ bấy lâu, bao đành bỏ qua sao phải?...*

Hồi tưởng cuộc chiến đấu anh dũng vô song của dân tộc Việt Nam ta ở Nam Bộ lúc bấy giờ, ruột chúng ta đau như cắt xé. Giá như triều đình lúc bấy giờ không phải ở trong tay bọn vua chúa nhà Nguyễn phản bội và đầu hàng mà ở trong tay những người kế tục sự nghiệp của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, kế tục sự nghiệp yêu nước và anh dũng của Nguyễn Huệ, thì phong trào kháng Pháp lúc bấy giờ ở Nam Bộ chắc chắn còn mạnh mẽ hơn nhiều, nhất là đã được lãnh đạo thống nhất và kiên trì đấu tranh cho đến thắng lợi, đồng thời phong trào ấy chắc được sự ủng hộ kiên quyết của cả nước, như vậy đất Đồng Nai anh dũng từ đó đã trở nên bức thành đồng ngăn chặn bọn cướp nước phương Tây xâm phạm

đất nước chúng ta ở Nam Bộ, và do đó, đã bảo vệ vẹn toàn độc lập và thống nhất của Tổ quốc !

Cho nên không phải ngẫu nhiên mà thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, một phần lớn là những bài văn tế, ca ngợi những người anh hùng suốt đời tận trung với nước, và than khóc những người liệt sĩ đã trọn nghĩa với dân. Ngòi bút, nghĩa là tâm hồn trung, nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu đã diễn tả thật là sinh động và náo nùng, cảm tình của dân tộc đối với người chiến sĩ của nghĩa quân, vốn là người nông dân, xưa kia chỉ quen cày cấy, bỗng chốc trở thành người anh hùng cứu nước.

Chúng ta hãy đọc lại nhiều đoạn trong bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*:

Hỡi ôi !

Súng giặc đất rên,

Lòng dân trời tỏ.

[...]

Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen !

Thác mà ưng đình miếu để thờ, tiếng hay trải muôn đời ai cũng mộ..."

Bài ca của Nguyễn Đình Chiểu làm chúng ta nhớ bài *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi. Hai bài văn: hai cảnh ngộ, hai thời buổi, nhưng một dân tộc. Hịch của Nguyễn Trãi là khúc ca khải hoàn, ca ngợi những chiến công oanh liệt chưa từng thấy, biểu dương chiến thắng làm rạng rỡ nước nhà. Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là khúc ca những người anh hùng thất thế, nhưng vẫn hiên ngang: *Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc... muôn kiếp nguyện được trả thù kia...*

Có lẽ dưới tuổi vàng, linh hồn của Nguyễn Đình Chiểu và những nghĩa quân lúc bấy giờ, ngày nay phần nào đã được hả dạ !

Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu còn có những đoá hoa, những hòn ngọc rất đẹp, như bài *Xúc cảnh*:

Hoa cỏ ngùi ngùi ngóng gió đông,

Chúa xuân đâu hỏi có hay không?

Mây giăng ải Bắc trông tin nhận,

Ngày xé non Nam bật tiếng hồng.

Bờ cõi xưa đà chia đất khác,

Nắng sương nay há đội trời chung !

Phong trào kháng Pháp khắp nơi sôi nổi và mạnh mẽ lúc bấy giờ ở Nam Bộ, làm nảy nở nhiều nhà văn, nhà thơ, tài năng xuất chúng, bản lĩnh phi thường, mà tác phẩm là những bông hoa một thời oanh liệt và đau thương: Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa, Huỳnh Mẫn Đạt, Nguyễn Văn Lạc, Nguyễn Hữu Huân, Hồ Huân Nghiệp,... Thật rất khó chọn một bài để ví dụ trong rất nhiều bài đều hay, đều có ý nghĩa và hương vị. Xin trích mấy câu trong bài thơ của Nguyễn Tư Giản tiền Nguyễn Thông về Bình Thuận (nguyên văn chữ Hán, dưới đây là văn dịch):

Bao giờ Bến Nghé lại trong

Cho dòng sông Nhị vang lừng khải ca?

Cưỡi thuyền lên tận Ngân Hà,

*Biển xanh ra ngắm, trăng ngà sáng soi.
Cảnh tình nghĩ lại chưa vui,
Núi sông còn gánh hai vai nặng nề.*

*
* *

Bây giờ xin nói về *Lục Vân Tiên*, một tác phẩm lớn của Nguyễn Đình Chiểu, rất phổ biến trong dân gian, nhất là ở miền Nam. Phải hiểu đúng *Lục Vân Tiên* thì mới thấy hết giá trị của bản trường ca này. Đúng đây là một bản trường ca ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý trọng ở đời, ca ngợi những người chính nghĩa ! Tất nhiên, những giá trị luân lí mà Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi, ở thời đại chúng ta, theo quan điểm của chúng ta thì có phần đã lỗi thời. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu cũng như nhiều bậc hiền triết ngày xưa ở phương Đông hoặc phương Tây, vẫn để lại cho đời sau những điều giáo huấn đáng quý trọng. Lại thêm Nguyễn Đình Chiểu suốt đời sống trong lòng quần chúng nhân dân, giữa lúc nhân tình thế thái là sự mĩa mai đối với triết lí Khổng Mạnh. Chính Nguyễn Đình Chiểu phải viết câu: "*Trượng phu có chí ngang tàng !*" Không thể tự trối mình trong khuôn khổ của đạo lí cổ truyền. Cho nên các nhân vật của *Lục Vân Tiên*: Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, Tiểu đồng,... là những người đáng kính, đáng yêu, trọng nghĩa, khinh tài, trước sau một lòng, mặc dầu khổ cực, gian nguy, quyết phấn đấu vì nghĩa lớn. Họ là những nhân vật của một thuở đã qua, điều đó không cần phải nói. Nhưng họ là những con người có ruột gan, xương thịt. Họ sống trong xã hội cũng như biết bao xã hội từ xưa đến nay, có người tốt kẻ xấu, người ngay kẻ gian, có nhiều đau khổ bất công, họ đã đấu tranh không khoan nhượng chống mọi gian dối, bất công và họ đã thắng. Họ là những tấm gương dũng cảm. Vì những lẽ đó họ gần gũi chúng ta và câu chuyện của họ làm chúng ta cảm xúc và thích thú.

Về văn chương của *Lục Vân Tiên*, phải để ý đây là một truyện "kể", truyện "nói". Tác giả cố ý viết một lối văn "nôm na", dễ hiểu, dễ nhớ, có thể truyền bá rộng rãi trong dân gian. Có người hay hạch những chỗ lời văn không hay lắm; ở đây phải nhớ rằng Nguyễn Đình Chiểu vì mù nên chỉ có thể đọc cho người khác viết và như vậy, thật khó sửa chữa lại nguyên bản; lại thêm, đến nay chẳng ai biết nguyên bản ấy là bản nào ! Và hiện nay mấy bản sao mà người ta có thể căn cứ đều có chỗ khác nhau ! Dầu sao đôi chỗ sơ sót về văn chương không hề làm giảm giá trị văn nghệ của bản trường ca thật là hấp dẫn từ đầu đến cuối. Tôi không nhớ tôi đọc *Lục Vân Tiên* lúc nào, song đến nay tôi còn thuộc lòng nhiều vần thơ rất hay:

*Kim Liên, ơi hỡi Kim Liên
Đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê.*

.....

*Vân Tiên đầu đội kim khôi,
Tay cầm siêu bạc, mình ngồi ngựa ô.*

Trong dân gian miền Nam, người ta thích *Lục Vân Tiên*, người ta say sưa nghe "kể" *Lục Vân Tiên* không chỉ vì nội dung câu chuyện, còn vì văn hay của *Lục Vân Tiên*.

Tóm lại, Nguyễn Đình Chiểu là một người chí sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn của nước ta. Đời sống và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng, nêu cao địa vị và tác dụng của văn học, nghệ thuật, nêu cao sứ mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá và tư tưởng.

Nhân kỉ niệm ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu (ngày 3 tháng 7 năm 1888), trong lòng chúng ta, chúng ta hãy đốt một nén hương để tưởng nhớ người con vinh quang của dân tộc !

(Phạm Văn Đồng, trong *Tạp chí Văn học*, số 7, 1963)

Bài tập 2

Anh (chị) hãy trình bày về vấn đề: *Người học sinh phổ thông không phải chỉ cần học giỏi Toán mà còn cần học giỏi cả Văn nữa.*

Giả sử có một đề cương được lập như dưới đây cho nội dung này. Anh (chị) có tán thành đề cương này không? Vì sao? Nếu được lập đề cương khác, anh (chị) sẽ lập như thế nào cho nội dung mình định trình bày?

ĐỀ CƯƠNG

Mở bài:

- Giới thiệu tầm quan trọng của việc học Toán trong nhà trường.
- Khẳng định ích lợi của Văn học đối với đời sống con người.

Thân bài:

(1). Học Văn giúp ta hiểu cuộc sống sâu sắc hơn, phong phú hơn thông qua các hình tượng văn học

– Giúp ta hiểu biết về thiên nhiên, đất nước, con người của dân tộc mình và các dân tộc khác.

– Giúp ta hiểu biết những giá trị tinh thần của loài người.

(2). Học Văn giúp ta bồi dưỡng những tư tưởng và tình cảm đúng đắn

– Biết yêu thương, căm giận; biết cách cảm, cách nghĩ đúng đắn.

– Biết sống nhân ái, hiền hoà.

– Biết cảm nhận những cái đẹp từ các hình tượng văn học.

(3). Học Văn giúp ta rèn luyện lời ăn tiếng nói thêm tinh tế

– Đa dạng hoá lời ăn tiếng nói (dùng từ, đặt câu,...)

– Ý thức được đầy đủ hơn tính văn hoá của lời nói.

– Thấy được cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ dân tộc trong các tác phẩm văn chương và qua đó rút ra bài học về cách sử dụng ngôn ngữ cho bản thân.

(4). Học Toán và học Văn đều cần cho vốn văn hoá chung của mỗi con người

– Học vấn của mỗi con người đều cần những hiểu biết phổ thông về Văn và Toán.

– Việc rèn luyện tư duy logic qua học Toán và tư duy hình tượng qua học Văn đều cần cho cuộc sống của mỗi con người.

Kết bài:

– Khẳng định lại vai trò và ý nghĩa của việc học Văn.

– Trên cơ sở đó đưa ra kết luận: *Người học sinh phổ thông không phải chỉ cần học giỏi Toán mà còn cần học giỏi cả Văn nữa.*

Bài tập 3

Cho đề bài làm văn sau:

"Tục ngữ có câu:

*Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao*

Hãy giải thích và lấy dẫn chứng trong đời sống thường ngày để minh hoạ".

Có hai đề cương dưới đây được lập cho đề bài trên. Theo anh (chị), đề cương nào hợp lí hơn? Vì sao? Nếu được lập một đề cương khác, anh (chị) sẽ lập như thế nào?

ĐỀ CƯƠNG 1

(1). Giải thích nghĩa của từ ngữ

– Nghĩa đen của "một", "ba", "cây", "núi".

– Nghĩa bóng của các từ trên.

(2). Giá trị của câu tục ngữ

– Nhắc nhở mọi người phải đoàn kết chặt chẽ.

– Xây dựng tập thể vững mạnh.

(3). Lấy dẫn chứng

– Cùng giúp nhau trong học tập.

– Cùng giúp nhau xây dựng phong trào lớp về các mặt hoạt động.

ĐỀ CƯƠNG 2

(1). Giải thích nghĩa của câu tục ngữ

– Nghĩa đen.

– Nghĩa bóng.

(2). Chứng minh bằng dẫn chứng

– Trong nhà trường.

– Ngoài xã hội.

– Ở gia đình.

(3). Rút ra bài học

– Cần phải đoàn kết để tạo sức mạnh.

– Phải biết cách đoàn kết.

Bài tập 4

Giả định như dưới đây là một số chủ đề của hội thảo, anh (chị) hãy tách ra từ những chủ đề đó một khía cạnh nội dung để chuẩn bị tham dự hội thảo:

(1). Cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.

(2). Thiên nhiên trong *Truyện Kiều*.

(3). Lòng yêu nước của dân tộc ta trong thơ văn cổ.

Từ ba chủ đề hội thảo này, có một bạn đã dự định chọn nội dung trình bày như sau đối với từng chủ đề:

a) Tính chất tự sự của truyện *Lục Vân Tiên*.

b) Ánh trăng và con người trong *Truyện Kiều*.

c) *Bình Ngô đại cáo* – Bản tuyên ngôn độc lập của đất nước.

Anh (chị) thấy nội dung mà bạn dự định phát biểu có phù hợp với chủ đề chung của hội thảo không? Vì sao?

III. TRIỂN KHAI ĐỀ CƯƠNG THÀNH VĂN BẢN

Đề cương tuy quan trọng nhưng chưa phải là một văn bản hoàn chỉnh, trọn vẹn. Bởi vậy, cần chuyển đề cương thành những câu chữ cụ thể. Đây chính là việc triển khai đề cương thành văn bản.

Mỗi văn bản có một kiểu cấu tạo riêng. Tuy vậy, nhìn một cách chung nhất, để tạo được một văn bản hoàn chỉnh, khi triển khai, chúng ta cần viết văn bản theo trình tự sau:

1. Viết phần Mở bài

Phần Mở bài có nhiệm vụ giới thiệu đề tài, xác định chủ đề cho nội dung trình bày và xác lập mối quan hệ giữa tác giả với đối tượng giao tiếp. Phần này chỉ ra hệ thống vấn đề, nội dung vấn đề và phạm vi vấn đề sẽ được bàn đến.

Trong các văn bản khoa học, phần Mở bài thường mang nhiệm vụ thông tin thuần túy và nghiêng về cách trình bày logic. Nhưng trong các văn bản mang tính chất giao tiếp công cộng, chẳng hạn như bản tin, ghi nhanh, tường thuật, phóng sự,... phần Mở bài ngoài nhiệm vụ thông tin những nội dung sẽ trình bày còn mang thêm nhiệm vụ tâm lí. Đó là việc mở đầu làm sao cho thu hút sự chú ý, tăng sức hấp dẫn và lôi cuốn ngay được người đọc, người nghe. Để thực hiện được điều này, phần Mở bài thường cải biến cách trình bày logic thành cách nói hình tượng hoặc đưa ra một thông báo thú vị, khơi gợi trí tò mò hay dẫn ra một sự kiện độc đáo, một hiện tượng trái với lệ thường...

Có thể mở bài bằng cách *trực tiếp*. Đó là việc nêu thẳng các vấn đề sẽ được trình bày trong phần Thân bài.

Ví dụ:

*Nói đến mùa thu trong thơ Việt Nam không thể không nhắc đến Nguyễn Khuyến. Nguyễn Khuyến làm nhiều thơ về mùa thu như: **Thu điếu**, **Thu ẩm**, **Thu vịnh**,... nhưng trong đó bài **Thu điếu** là bài thơ hay hơn cả.*

Cách trình bày trực tiếp này thường ngắn gọn, rõ ràng, tốn ít thời gian nhưng lại khô khan, không hấp dẫn lôi cuốn người đọc.

Cũng có thể mở bài bằng cách *gián tiếp*. Vào đề theo cách này, người viết không nêu trực tiếp các vấn đề định trình bày mà thường bằng một số sự việc, sự kiện, hiện tượng hoặc câu chuyện hấp dẫn, người viết dần dần đưa người đọc, người nghe vào vấn đề cần trình bày trong văn bản.

Ví dụ:

Trong lịch sử đã và đang xuất hiện những tài năng mà ánh sáng trí tuệ của họ còn soi rọi mãi về sau. Cuộc đời của họ ít gặp những nỗi gian lao. Họ sáng tạo nhẹ nhàng, tự nhiên như hoa nở ban mai, như chim hót lúc bình minh.

Nhưng bên cạnh những con người đó, có những con người có một cuộc đời khác hẳn. Đê-mô-xten nói ngọng và hay xấu hổ, đã hằng ngày ngậm sỏi, gào thi với sóng biển, cuối cùng trở thành nhà hùng biện vĩ đại thời cổ. M. Lô-mô-nô-xốp, con người khổng lồ, phải khắc phục nỗi tủi cực "lớn xác rồi mà vẫn chưa biết đọc" và đã trở thành nhà bác học Nga vĩ đại. Van Hốp (Hà Lan), người mắc bệnh tâm thần, nhờ kiên trì đấu tranh với bệnh tật, đã trở thành nhà bác học lừng danh, có công xây dựng Thuyết hoá học không gian và được Giải thưởng Nô-ben đầu tiên về Hoá học. Pôn-tri-a-ghin bị mù hai mắt từ năm còn học lớp 6, nhưng vẫn kiên trì khắc phục khó khăn và tiếp tục đi học, cuối cùng trở thành nhà Toán học xuất sắc và viện sĩ chính thức Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô.

Nhiều tài năng trong số này, ngay từ bé, thậm chí khi đã lớn rồi, vẫn bị rầy la là kém cỏi hoặc "bất tài". Giêm Oát bị coi là "học trò kém của lớp", còn Niu-ton thì không được thầy cho học giáo trình Vật lí và Toán trung học. [...] Oan-tơ Xcôt đã có lần bị một giáo sư gọi là "một thằng thộn và mãi mãi vẫn là một thằng thộn". Đác-uyn bị đuổi ra khỏi Trường Đại học Ê-din-bua vì không có khả năng học tập và Anh-xtanh bị trượt khi thi vào Trường Đại học Bách khoa Duy-rích...

Thế nhưng, những con người "bất tài" đó cuối cùng đã có những cống hiến lớn lao và trở thành những thiên tài để lại những dấu tích bất hủ trong nền văn hoá loài người. Vậy bí quyết thành công của họ là ở chỗ nào? Sức mạnh nào đã thôi thúc họ vượt khó để đi đến thành công? Rõ ràng đó là nhờ ý chí.

(Theo Thế Trường)

Cách mở bài gián tiếp như trên có chỗ mạnh là sức lôi cuốn người đọc, người nghe cao nhưng lại thường dễ rơi vào chỗ lan man, dài dòng; vấn đề cần trình bày thường bị chìm đi trong sự kiện, số liệu hay hiện tượng và hơn nữa việc mở bài kiểu này thường tốn nhiều thời gian.

Như vậy, việc vào đề như thế nào là tùy thuộc vào vấn đề trình bày, vào dự kiến dung lượng định viết, vào đối tượng giao tiếp và vào thời gian cho phép để thực hiện bài viết đó.

2. Viết phần Thân bài

Phần này còn được gọi là phần triển khai. Đây là phần quan trọng nhất của toàn bộ văn bản, nó làm nhiệm vụ phát triển những tư tưởng chủ yếu được vạch ra ở phần Mở bài sao cho đầy đủ, trọn vẹn.

Nếu phần Mở bài chỉ mang những thông tin tổng luận thì phần Thân bài lại mang những nội dung thông tin chi tiết, cụ thể, đáp ứng được sự chờ đợi của người đọc. Ở đây diễn ra mọi quá trình: thông báo, giải thích, bình luận, bác bỏ, rẽ nhánh, mở rộng, bác câu,... Để đáp ứng thông tin một cách trọn vẹn, phần chính bao giờ cũng phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức.

Đặc biệt chú ý trong phần Thân bài là mối quan hệ giữa vấn đề chung và riêng, giữa cái khái quát và cái cụ thể, giữa cái bao hàm và cái bị bao hàm, giữa sự kiện và các con

số,... Trong văn bản khoa học hay chính luận, việc trình bày các luận điểm, luận cứ và lập luận có tầm quan trọng đặc biệt.

Luận điểm là những điều tác giả cần dẫn người đọc, người nghe tới nhưng chưa được giải thích, chưa được chứng minh. Luận điểm chỉ có giá trị như một kết luận khi luận điểm đó được giải thích và chứng minh một cách đầy đủ.

Luận cứ được coi là cơ sở để làm sáng rõ luận điểm. Đó là những lí lẽ, những dẫn chứng đưa ra để giải thích, chứng minh cho luận điểm. Không có luận cứ, kể cả luận cứ lí lẽ lẫn luận cứ dẫn chứng, thì cũng sẽ không có những kết luận mang tính thuyết phục.

Lập luận là quá trình sắp xếp, liên kết các ý lại thành một khối thống nhất để dẫn người đọc đến với từng kết luận nhỏ (luận điểm) và từ đó đến với kết luận chung của toàn văn bản (luận đề).

Về mặt tâm lí, phần Thân bài phải đảm bảo duy trì tới mức tối đa sự hứng thú của người đọc, người nghe. Phần này cần tránh tình trạng gây căng thẳng không cần thiết và sự quá tải về dung lượng khiến người đọc mệt mỏi, không đủ sức để theo dõi hết văn bản.

Khi viết phần Thân bài, cần chú ý một số điểm sau:

a) Cách viết đoạn văn

Đoạn văn có thể nhìn từ nhiều góc độ khác nhau.

(1). Từ góc độ *chức năng*

Từ góc độ này, chúng ta thấy ở phần Thân bài có thể có các loại đoạn như: *đoạn nêu luận điểm, đoạn triển khai luận điểm, đoạn nối,...* Mỗi đoạn này có thể có những độ dài ngắn khác nhau tùy thuộc vào nội dung trình bày. Việc phân chia thành từng loại đoạn như vậy chỉ có tính chất tương đối, vì cũng có thể ngay trong một đoạn tính chất này được thể hiện một cách đan xen nhau.

Ví dụ:

Một thời đại vừa chẵn mười năm.

Trong mười năm ấy, thơ mới đã tranh đấu gắt gao với thơ cũ, một bên giành quyền sống, một bên giữ quyền sống. Cuộc tranh đấu kéo dài cho đến ngày thơ mới toàn thắng. Trong sự thắng lợi ấy, cũng có công những người tả xung hữu đột nơi chiến trường, nhưng trước hết là công những nhà thơ mới. Tôi không so sánh các nhà thơ mới với Nguyễn Du để xem ai hơn ai kém. Đời xưa có thể có những bậc kì tài đời nay không sánh kịp. Đừng lấy một người sánh với một người. Hãy sánh thời đại cùng thời đại. Tôi quyết rằng trong lịch sử thi ca Việt Nam chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lần một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kì dị như Chế Lan Viên,... và thiết tha, rạo rức, băn khoăn như Xuân Diệu.

Từ người này sang người khác sự cách biệt rõ ràng. Cá tính con người bị kiềm chế trong bao lâu bỗng được giải phóng. Sự giải phóng có thể tai hại cho chỗ khác. Ở đây nó chỉ làm giàu cho thi ca. Cái sức mạnh sức tích từ mấy ngàn năm nhất đán tung bờ vỡ đê.

Cảnh tượng thực là hỗn độn. Nhìn qua ta chỉ thấy một điều rõ: ảnh hưởng phương Tây, hay đúng hơn ảnh hưởng Pháp.

Nhưng ảnh hưởng Pháp cũng có chia đậm nhạt khác nhau.

(Hoài Thanh, *Một thời đại trong thi ca*,
trong *Thi nhân Việt Nam*)

Trong 4 đoạn văn trên, đoạn 2 và 3 được dành để triển khai luận điểm, triển khai những nội dung thông tin mới cần thông báo, trong khi đó đoạn 1 và 4 nội dung chủ yếu lại không mang tính thông tin mới mà chỉ là sự nhắc lại, lặp lại những thông tin đã biết và mang tính chất nối, tính chất chuyển tiếp tương đối rõ ràng.

(2). Từ góc độ *cách thức nghị luận*

Xem xét từ góc độ cách thức nghị luận là xem xét mối quan hệ ý nghĩa một cách khái quát nhất giữa các câu trong đoạn văn. Từ góc độ này, chúng ta có thể chia đoạn văn trong phần triển khai thành một số loại đoạn chủ yếu như sau: *đoạn giải thích, đoạn chứng minh, đoạn bình luận, đoạn so sánh, đoạn nhân quả, đoạn phân tích, đoạn tổng hợp, đoạn tổng hợp – phân tích – tổng hợp* (còn gọi là *đoạn tổng – phân – hợp*).

Giải thích, hiểu theo nghĩa chung nhất, là làm cho người đọc, người nghe hiểu biết được những điều mà họ chưa rõ, hoặc hiểu nhưng chưa hiểu đến nơi đến chốn.

Ví dụ:

Liêm là trong sạch, không tham lam.

Ngày xưa, dưới chế độ phong kiến, những người làm quan không đục khoét dân, thì gọi là liêm, chữ liêm ấy chỉ có nghĩa hẹp. Cũng như ngày xưa trung là trung với vua, hiếu là hiếu với cha mẹ mình thôi.

Ngày nay, nước ta là dân chủ cộng hoà, chữ liêm có nghĩa rộng hơn; là mọi người đều phải liêm. Cũng như trung là trung với Tổ quốc, hiếu là hiếu với nhân dân; ta thương cha mẹ ta, mà còn phải thương cha mẹ người, phải làm cho mọi người đều biết thương cha mẹ.

(Hồ Chí Minh)

Còn *chứng minh* là làm sáng tỏ vấn đề để cho người đọc, người nghe tin vào những điều mà họ còn thấy băn khoăn, nghi ngờ hoặc tin nhưng chưa thật chắc chắn. Khi chứng minh có thể dùng cả dẫn chứng lẫn lí lẽ.

Ví dụ:

Qua Đèo Ngang trước tiên là một bài thơ tả cảnh. Cảnh vật hiện ra phong phú dần theo bước chân người đi. Có cảnh sắc: cỏ cây, hoa lá, tiểu phu bên sườn núi, chợ bên sông, nhà; có âm thanh: tiếng cuốc cuốc, gia gia khắc khoải, dồn dập. Và khi lên đến đỉnh núi thì nhà thơ đã nhìn được một cách tổng quát, toàn thể: trời, non, nước. Cái mệnh mông mông vô cùng và hùng vĩ ấy của thiên nhiên đã làm nhà thơ sống lại: dừng chân đứng lại.

(Trần Thị Băng Thanh)

Thông thường, giải thích và chứng minh gắn liền với nhau. Khi giải thích cho người đọc, người nghe hiểu thì chúng ta cũng đồng thời đã làm cho họ tin vào những điều mà

mình trình bày, còn khi chúng ta chứng minh để người đọc, người nghe tin thì cũng có nghĩa là chúng ta đã làm cho họ hiểu điều mà mình trình bày.

Bình luận là bày tỏ ý kiến riêng về một vấn đề, đánh giá bản chất, ý nghĩa của vấn đề, khẳng định tính đúng sai, mở rộng vấn đề để giải quyết một cách triệt để, sâu sắc và toàn diện hơn. Khi bình luận, chúng ta cần kết hợp vừa bình vừa luận để vấn đề đã được đưa ra xem xét trở nên chặt chẽ và có sức thuyết phục hơn.

Ví dụ:

Người ta, khi mất một cái gì, thì một mất mười ngờ. Mà khi trong bụng đã ngờ vực thì các ngoại vật cũng theo đấy mà biến đổi đi cả. Phàm tâm trí mình đã cảm giác làm sao, thì tự mình lại tưởng tượng một cái cảnh sắc hợp như thế. Người mình vui thì mình thấy sự vật bên ngoài mình như cũng vui; người mình buồn, thì mình thấy sự vật bên ngoài cũng buồn. Chẳng qua là tại tự mình in trí mình vậy, chứ ngoại vật hồ đẽ đã có mối liên lạc mật thiết với mình mà thật thay đổi như thế đâu ! Cái tâm chuyển thời hết thủy muôn pháp đều chuyển theo. Cho nên cái tâm cần phải chính. Tâm có chính thì tư tưởng, hành vi mới thoát khỏi tà khúc được.

(*Cổ học tinh hoa*)

Ở đây ta nhận thấy nhờ kinh nghiệm sống cộng với những lí lẽ sắc sảo, tác giả đã bình về những khía cạnh tâm lí khác nhau của người mất của. Đó là những nét tâm lí rất trái ngược, đối lập nhau, tương phản nhau trong những thời điểm khác nhau. Sau khi bình, người viết luận rằng: "Cái tâm chuyển thời hết thủy muôn pháp đều chuyển theo. Cho nên cái tâm cần phải chính. Tâm có chính thì tư tưởng, hành vi mới thoát khỏi tà khúc được". Cách bình và luận như vậy làm cho vấn đề đưa ra bàn bạc trở nên sâu sắc hơn và tính thuyết phục sẽ cao hơn.

So sánh là sự đối chiếu sự vật, hiện tượng nọ với sự vật, hiện tượng kia để làm nổi rõ một trong những sự vật, hiện tượng được đem ra so sánh, hoặc để rút ra một kết luận cần thiết theo dụng ý của người nói, người viết.

Có hai cách dùng so sánh để lập luận:

Thứ nhất, *lập luận bằng cách so sánh tương đồng* là cách lập luận đi từ cái đã biết để suy ra cái chưa biết mà mọi người đều phải thừa nhận cái chưa biết vì giữa cái chưa biết với cái đã biết có những nét tương tự nhau.

Ví dụ:

Bài thơ hay cũng như hòn ngọc quý, bông hoa đẹp; phải chăng còn hơn thế, vì ngọc cũng có lúc phải mòn, hoa cũng có khi tàn héo, nhưng thơ hay thì còn sống mãi. Ngọc đã quý, vẫn cần bàn tay mài dũa; hoa đã đẹp, vẫn cần bàn tay gọt tủa, trưng bày; thơ dù hay vẫn cần đến những lời bình tri âm tri kỉ. Những lời bình hay có khi đem lại hiệu quả không ngờ, như tạo thêm cho thơ một vầng hào quang, như giúp đời phát hiện một vì sao xa bị mây mù che khuất.

(Theo *Sổ tay người yêu thơ*,
Trường ĐHSPT Thành phố Hồ Chí Minh)

Thứ hai, *lập luận bằng cách so sánh tương phản* là cách lập luận theo kiểu đối chiếu đối tượng này với đối tượng khác trong sự tương phản lẫn nhau để nhằm khẳng định một trong hai đối tượng mà lập luận cần hướng tới.

Ví dụ:

Có thể nói rằng nhất cử, nhất động của Từ đều vượt khuôn khổ thường tình. Khi Từ ra đi, hình ảnh của Từ là cánh chim hồng lướt gió tung mây, không phải là lớp bụi hồng cuốn vó chinh an họ Thúc. Khi Từ nổi giận, đó là sấm sét đùng đùng nổi dậy, không phải là lời quát tháo ôn ào của viên tri phủ lập nghiêm. Đến khi từ già cuộc sống, Từ lại không chịu nằm dài trên đất như kiểu thế nhân mà trông thẳng đứng thành một trụ đá cột đồng không ai lay chuyển.

(Vũ Hạnh, *Đọc lại "Truyện Kiều"*)

Nhân quả là cách thức lập luận đi từ nguyên nhân tới kết quả, hoặc đi từ kết quả rồi chỉ ra nguyên nhân hoặc chỉ ra mối quan hệ nhân quả theo cách liên hoàn.

Liên hệ nhân quả là mối liên hệ tất yếu và có tính quy luật của sự vật và hiện tượng. Không sự vật, hiện tượng nào xuất hiện mà lại không do sự tác động, kích thích của sự vật hay hiện tượng khác. Sự vật, hiện tượng trực tiếp quyết định sự nảy sinh, sự hình thành của sự vật, hiện tượng khác thì đó là *nguyên nhân*. Còn sự vật, hiện tượng do tác động của sự vật, hiện tượng khác mà xuất hiện thì đó là *kết quả*. Nguyên nhân làm nảy sinh kết quả nên nguyên nhân là cái có trước, kết quả là cái có sau.

Lập luận nhân quả, thực chất là lập luận quy nạp. Người đọc, người nghe đã công nhận nguyên nhân thì tất sẽ công nhận kết quả. Cái kết quả rút ra được trong quá trình lập luận nhân quả đó cũng chính là kết luận cần đạt tới của lập luận.

Theo cách lập luận nhân quả, phần mở đầu đoạn văn có thể sẽ là những câu nêu nguyên nhân, hoặc cũng có thể là những câu nêu kết quả. Khi phần Mở bài nêu nguyên nhân thì đó chính là phần luận cứ của lập luận. Còn khi phần Mở bài nêu kết quả thì đó chính là kết luận của lập luận.

Phân tích, đó là sự phân chia đối tượng thành những bộ phận nhỏ, những khía cạnh nhỏ để lần lượt khảo sát, xem xét. Loài người từ lâu đã nhận ra rằng bất cứ đối tượng nào cũng đều do nhiều bộ phận hợp thành. Mỗi bộ phận đó lại có những tính chất riêng, đặc trưng riêng để phân biệt nó với các bộ phận khác. Bởi vậy, để hiểu biết sâu về bản chất của đối tượng, ta cần phải biết rõ ràng, cụ thể về từng bộ phận hợp thành ấy. Để đạt được điều đó, chúng ta phải phân tích.

Việc phân chia đối tượng thành những phần nhỏ hơn không thể tiến hành tùy tiện mà cần phải tuân theo một số nguyên tắc nhất định:

– Phải đảm bảo sự phân chia phản ánh đúng nhất tổ chức của đối tượng. Phân chia không đúng bản chất của đối tượng sẽ dẫn đến chỗ làm cho nhận thức của con người cũng sẽ bị lầm lẫn, sai lạc.

– Phải đáp ứng tốt nhất cho mục đích của lập luận. Mỗi đích lập luận có cách phân chia riêng. Không thể có cách phân chia chung cho mọi mục đích. Ví dụ, với mục đích tìm hiểu về cơ thể con người, sinh học đã chia con người thành: đầu, mình và tứ chi. Trong khi đó

cũng với mục đích miêu tả con người, văn học lại chia thành: ngoại hình và nội tâm. Sự phân chia như vậy là phù hợp với mục đích của việc trình bày.

– Phải phân chia theo cùng một tiêu chí, nghĩa là đều phải dựa vào một cơ sở phân chia thống nhất từ bước chia đầu tiên tới bước chia cuối cùng. Trong quá trình phân chia, tiêu chí này không được thay đổi.

– Phải phân chia theo nguyên tắc cấp bậc, nghĩa là việc phân chia đối tượng không được nhảy vọt, không được vượt cấp. Bắt đầu chia cái toàn thể thành cái bộ phận nhỏ. Sau đó các bộ phận nhỏ lại được chia thành các bộ phận nhỏ hơn. Các bộ phận nhỏ hơn lại được tiếp tục phân chia thành các bộ phận nhỏ hơn nữa. Cứ như vậy, việc phân chia được tiến hành tới khi kết thúc.

Tổng hợp, đó là việc hợp các bộ phận nhỏ lại thành cái chung, cái toàn thể. Kết quả của sự phân tích mới chỉ cho phép ta hiểu một cách riêng lẻ, đơn lập, chưa cho sự hiểu biết chỉnh thể, trọn vẹn về đối tượng. Muốn hiểu đối tượng trong sự thống nhất hữu cơ của những cái đơn lẻ kia, ta cần tổng hợp lại. Chỉ khi đã phân tích, rồi sau đó nhìn nhận lại đối tượng với cái nhìn chung trong mối quan hệ giữa các yếu tố bộ phận, ta mới có sự hiểu biết đầy đủ, đúng đắn và toàn diện về bản chất của đối tượng.

Để sự tổng hợp được chính xác, cần phải tuân theo nguyên tắc:

– Chỉ tổng hợp cái chung, cái đồng nhất trong từng bộ phận.

– Chỉ tổng hợp những cái bộ phận thuộc từng cấp bậc.

Như vậy, khi phân tích cần coi đối tượng là một chỉnh thể để làm căn cứ. Còn khi tổng hợp ta lại cần lấy sự phân tích để làm cơ sở: tổng hợp cái chung trong các bộ phận nhỏ cấu thành bộ phận lớn, rồi tổng hợp những cái chung trong bộ phận lớn thành cái chung trong bộ phận lớn hơn. Phân tích và tổng hợp là một cặp thao tác thường đi song đôi với nhau, quy định lẫn nhau.

Tổng hợp – phân tích – tổng hợp được hiểu là cách thức trình bày lập luận theo kiểu tổng hợp, phân tích rồi lại tổng hợp. Vì là cách trình bày nên *tổng hợp* và *phân tích* cũng được hiểu đơn giản hơn *quy nạp* và *diễn dịch*. Nếu quy nạp và diễn dịch là những thao tác dùng để nhận thức, khám phá chân lí thì tổng hợp chỉ là việc nêu vấn đề tổng quát, còn phân tích chỉ là việc nêu các ý kiến bộ phận trong việc trình bày nhận thức của chúng ta về hiện thực.

Lập luận *tổng hợp – phân tích – tổng hợp* thường được bắt đầu bằng việc nêu một nội dung, một vấn đề mang ý nghĩa tổng quát, sau đó là việc phân tích nhỏ nội dung tổng quát thành nội dung bộ phận để xem xét, rồi cuối cùng là việc khái quát, nâng cao hoặc mở rộng nội dung đã được nêu ra trong quá trình phân tích. Cách lập luận như vậy cần phải sử dụng các thao tác: tổng hợp (tổng), phân tích (phân) và tổng hợp (hợp) nên được gọi tắt là lập luận tổng – phân – hợp.

Đoạn văn trình bày theo kiểu *tổng hợp – phân tích – tổng hợp* là đoạn văn được bắt đầu bằng một nhận định chung, một chân lí hay một nhận xét mang tính khái quát rồi sau đó là những nội dung mang tính riêng biệt, cụ thể và khép lại đoạn văn là một ý mang tính tổng kết hoặc kết luận chung.

Ví dụ:

Tiếng cười trong truyện tiểu lâm Việt Nam mang rất nhiều cung bậc khác nhau. Tiếng cười ở mảng truyện về người nông dân chủ yếu để giải thoát buồn phiền, mệt nhọc cho nên cung bậc cười thật vô tư, thoải mái. Cái cười ở đây thật to, thật dữ dội, cười xong đầu không phải vương vấn gì cả. Ở mảng truyện về tầng lớp tiểu thương, trí thức róm như thầy lang, thầy cúng, thầy bói,... lại là nụ cười chế giễu, mỉa mai, đả kích. Cái cười để mà nghĩ và càng nghĩ càng cười, càng cười càng thấy chua xót hơn. Còn ở mảng truyện về bọn cường hào, quan lại, tiếng cười trở nên quyết liệt, mạnh mẽ, không khoan nhượng. Tiếng cười mang ý nghĩa chống đối, kêu gọi lật đổ, kêu gọi sự đổi thay. Phải nói là các cung bậc cười trong truyện tiểu lâm thật phong phú, đa dạng, tiếng cười vừa là để giáo dục con người, vừa để cười cho sáng khoái, để tồn tại, để phấn đấu vươn tới cuộc đời tốt đẹp hơn.

(Theo Kho tàng truyện tiểu lâm Việt Nam)

(3). Từ góc độ thao tác tư duy

Từ góc độ này, chúng ta lại có thể chia đoạn văn thành: *đoạn diễn dịch, đoạn quy nạp*.

Thao tác tư duy là thao tác hoạt động dùng để nhận thức hiện thực, để tìm ra chân lí, cũng tức là để tìm ra các ý kiến, tìm ra các luận điểm và xác lập mối quan hệ giữa các ý kiến. Khi nói tới tư duy, chúng ta thường đề cập tới các thao tác *diễn dịch* và *quy nạp*, *phân tích* và *tổng hợp*. Các thao tác này một mặt là thao tác dùng để nhận thức hiện thực, mặt khác lại là các thao tác dùng để trình bày nhận thức của chúng ta về hiện thực. Nhưng xét dưới góc độ tư duy logic thì chỉ có *diễn dịch* và *quy nạp* mới thực sự là các thao tác dùng để phát hiện, tìm tòi, nhận thức cái mới. Còn các thao tác *phân tích* và *tổng hợp* chủ yếu là thao tác dùng để trình bày các ý kiến của chúng ta về hiện thực...

Diễn dịch là cách lập luận được bắt đầu bằng một nhận xét chung khái quát hoặc những điều đã được mọi người thừa nhận... mà suy ra những nét riêng, cụ thể.

Ví dụ:

Ý ảnh hưởng tới lời mà lời cũng ảnh hưởng tới ý vì lời là để diễn đạt ý. Hễ sửa một lời cho đẹp hơn thì ý cũng hay hơn, mới hơn. Chẳng hạn bạn viết: "Gió đã hơi lạnh rồi". Nhưng thấy lối phô diễn ấy thường lắm, không làm cho độc giả chú ý tới được, bạn bèn sửa: "Đã nghe rét mướt luôn trong gió" thì đâu phải bạn chỉ thay lời, mà còn thay cả ý nữa đấy. Hoặc nếu bạn nói: "Tôi buồn lắm". Rồi bạn thấy lời đó chưa đủ mạnh để diễn tả nỗi sâu ngùn ngụt của bạn, bạn bèn sửa lại: "Vạn lí sâu lên, núi tiếp mây" thì ai dám bảo rằng ý của bạn đã không thay đổi.

(Nguyễn Hiến Lê)

Quy nạp là cách lập luận được bắt đầu bằng những nhận xét mang tính cụ thể, riêng biệt để đến với những nhận định mang tính tổng quát, những nhận xét chung.

Ví dụ:

Từ Hải chống lại triều đình không thấy rõ vì lẽ gì, ngoài khát vọng tự do, ngang dọc. Điều đó khác với lẽ thường. Lẽ thường khởi nghĩa chống lại triều đình, ai ai cũng nêu chính nghĩa của mình để thu phục nhân tâm. Trong phạm vi văn học ta, bài Hịch Tây Sơn khi tiến quân ra Bắc diệt Trịnh cũng như Trung nghĩa ca của Đoàn Hữu Trưng đều nói rõ lí do và mục tiêu hành động của nghĩa quân là vì an ninh, hạnh phúc của nhân dân, vì

công bằng nhân đạo mà trừ khử bọn tham tàn, bạo ngược. Từ Hải, trái lại, tuyệt nhiên không nói đến cái đại nghĩa ấy, trừ việc giúp Kiều báo ân báo oán, nghĩa là giúp một cá nhân đặc biệt liên hệ đến mình. [...] Chung quy điều nổi bật ở Từ là lối sống tự do, ngang dọc.

(Theo Lê Trí Viễn)

(4). Từ góc độ kết cấu

Từ góc độ này, đoạn văn có thể được phân ra thành: *đoạn văn có kết cấu chuỗi* và *đoạn văn có kết cấu song hành*.

Kết cấu ở đây được hiểu là cách thức tổ chức các yếu tố nội dung (sự kiện, hiện tượng, luận điểm,...) theo một kiểu mô hình nhất định. Kết cấu không phải chỉ đơn thuần là sự sắp xếp vị trí các yếu tố của nội dung mà còn là việc tổ chức nghĩa của văn bản, của đoạn văn dựa trên mạng lưới các mối quan hệ logic của các yếu tố nội dung. Vì thế có người đã cho rằng nói tới kết cấu chủ yếu là nói tới quan hệ chiều sâu, quan hệ nghĩa của đoạn văn, của văn bản chứ không phải là nói tới kết cấu bề mặt, tới sự sắp xếp vị trí của các yếu tố nội dung. Việc sắp xếp ý trong đoạn văn, trong văn bản theo một sơ đồ, một mô hình nào đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi không chỉ cho việc thể hiện tư tưởng chính xác, rõ ràng, đầy đủ, thể hiện tối ưu những nội dung đang xem xét mà còn giúp cho người tiếp nhận đoạn văn, tiếp nhận văn bản được dễ dàng, nhanh chóng.

Đoạn văn có kết cấu chuỗi là đoạn văn trong đó các yếu tố nội dung được thể hiện nối tiếp nhau liên tục, yếu tố trước tạo tiền đề cho sự xuất hiện của yếu tố sau, yếu tố sau tạo tiền đề cho sự xuất hiện của yếu tố sau nữa và cứ thế liên tục cho tới hết đoạn văn. Ở đây, các yếu tố được xâu chuỗi với nhau, nội dung được triển khai đường như theo một đường thẳng, và nhờ vậy, đoạn văn đã tạo được sự thống nhất nghĩa và logic.

Ví dụ:

Nguyễn Trãi, người anh hùng dân tộc, văn võ song toàn; văn là chính trị: chính trị cứu nước, cứu dân, nội trị, ngoại giao, "mở nền thái bình muôn thuở, rửa nỗi thẹn nghìn thu" (Bình Ngô đại cáo); võ là quân sự: chiến lược và chiến thuật, "yếu đánh mạnh, ít địch nhiều... thắng hung tàn bằng đại nghĩa" (Bình Ngô đại cáo); văn và võ đều là vũ khí, mạnh như vũ bão, sắc như gươm dao: "Viết thư thảo hịch tài giỏi hơn hết một thời" (Lê Quý Đôn), "Văn chương mưu lược gắn liền với sự nghiệp kinh bang tế thế" (Phan Huy Chú). Thật là một con người vĩ đại về nhiều mặt trong lịch sử nước ta.

(Phạm Văn Đồng)

Đoạn văn có kết cấu song hành là đoạn văn trong đó các yếu tố nội dung được thể hiện trong sự đối chiếu, phát triển song song với nhau. Các yếu tố nội dung thuộc đoạn văn ở kiểu kết cấu này không có sự móc nối, lồng chéo nhau như kiểu kết cấu xâu chuỗi.

Ví dụ:

Các cụ ta ưa những màu đỏ chói, ta lại ưa những màu xanh nhạt... các cụ bàng hoàng vì tiếng côn trùng đêm khuya, ta nao nao vì tiếng gà lúc đúng Ngọ. Nhìn một cô

gái xinh xắn, ngây thơ, các cụ coi như đã làm một điều tội lỗi, ta thì cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh. Cái ái tình của các cụ thì chỉ là sự hôn nhân, nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng: cái tình say đắm, cái tình thoáng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi,... cái tình trong giây phút, cái tình ngàn thu.

(Luu Trọng Lư)

b) Cách liên kết các đoạn văn

Biết xây dựng những kiểu đoạn văn khác nhau là một việc làm cần thiết nhưng chưa đủ. Bên cạnh việc biết lập cấu tạo cho nội bộ một đoạn văn, chúng ta còn cần phải biết liên kết các đoạn văn lại với nhau để chúng lập thành một chuỗi liên tục, mạch lạc của các ý.

Trong văn bản, các đoạn văn không rời rạc, tách biệt nhau mà nằm trong mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau, tạo thành một chuỗi chặt chẽ trong mạch dắt dẫn, mạch lập luận của người viết. Chính điều này buộc chúng ta một mặt vừa phải biết sắp xếp vị trí các đoạn văn, vừa phải biết liên kết chúng lại thành một thể thống nhất, tạo sự hoàn chỉnh cho nội dung văn bản cả về mặt logic ngữ nghĩa, lẫn về mặt cấu trúc văn bản.

Như đã nói trong phần *Liên kết đoạn văn* ở chương trên, chúng ta có thể liên kết đoạn văn bằng nhiều phương tiện khác nhau:

(1). Liên kết đoạn văn bằng các từ ngữ

Ví dụ:

– Các từ ngữ: *trái lại, nhưng, tuy vậy, tuy thế, đối lập với,...* được dùng để liên kết các đoạn có nội dung tương phản nhau.

– Các từ ngữ: *tương tự, cũng thế, cũng giống như, giống với,...* được dùng để liên kết các đoạn có nội dung tương đồng nhau.

– Các từ ngữ: *nó, chúng, thế, vậy, này, đó, ấy,...* được dùng để liên kết các đoạn có những nội dung được các từ ngữ này thay thế.

Dưới đây là một ví dụ cụ thể về việc sử dụng các từ ngữ để liên kết đoạn văn.

Nước nóng chết cả cá, nhưng chết mất con cá cờ thì âu là tiếc đứt ruột. Phải có con mắt trẻ thơ, tâm lí trẻ con mới viết được hai câu thơ:

Nước như ai nấu

Chết cả cá cờ...

"Cua ngoi lên bờ": không sống ở nông thôn, không có thực tế ruộng đồng không có câu thơ đó. Nóng quá, cua phải ngoi lên bờ nhưng bất ngờ đến sừng sốt khi:

Cua ngoi lên bờ

Mẹ em xuống cấy.

Hai câu thơ, hai hình ảnh đối nghịch nhau gây ra một chấn động tình cảm mạnh trong lòng người đọc. Có phải nói gì nhiều về những vất vả nhọc nhằn của người mẹ để làm ra hạt gạo? Hai câu thơ đó đã nói quá nhiều. Một câu như đám mây mang điện tích âm gặp câu kia mang điện tích dương tạo nên tiếng sét. Tiếng sét đó làm chấn động tình cảm trong lòng bạn đọc.

(Nguyễn Bùi Vợi)

(2). Liên kết đoạn văn bằng câu nối

Ngoài việc dùng từ ngữ, chúng ta có thể dùng câu nối để liên kết các đoạn văn. Câu nối có chức năng chủ yếu là liên kết, chuyển tiếp từ đoạn văn nọ sang đoạn văn kia. Nếu như trong câu nối có mang tính thông tin thì thông tin đó hoặc là đã cũ, đã được trình bày ở phần nội dung đoạn văn trên, hoặc là sẽ được trình bày cụ thể trong đoạn văn tiếp theo hay trong đoạn văn có chứa câu nối đó (khi câu nối mở đầu đoạn văn).

Về mặt cấu tạo, chúng ta có thể hình dung câu nối ở dạng đây đủ nhất sẽ bao gồm các thành phần sau:

<i>Vị trí 1</i>	<i>Vị trí 2</i>	<i>Vị trí 3</i>	<i>Vị trí 4</i>
Từ ngữ nối với phần văn bản trên	Nhắc lại nội dung thông tin đã trình bày ở phần văn bản trên	Từ ngữ nối với phần văn bản dưới	Đưa ra nội dung sẽ trình bày trong phần văn bản dưới
Ví dụ: <i>Ở trên,</i>	<i>tôi đã nói Xuân Diệu là một nhà thơ dồi dào,</i>	<i>dưới đây</i>	<i>tôi xin nói thêm Xuân Diệu là một nhà thơ luôn luôn tìm tòi.</i>

Tất nhiên, không phải câu nối nào trong cấu tạo cũng có đầy đủ các bộ phận trên. Có câu chỉ xuất hiện vị trí thứ nhất và thứ hai, có câu lại xuất hiện chỉ có vị trí thứ ba và thứ tư. Nhưng dù xuất hiện ở dạng nào đi nữa thì chức năng của câu nối vẫn luôn luôn là liên kết đoạn văn, liên kết các phần khác nhau trong văn bản.

(3). Liên kết đoạn văn bằng trật tự tuyến tính

Ngoài việc liên kết các đoạn văn bằng từ ngữ hay bằng câu nối như đã nói tới ở trên, chúng ta có thể dùng việc sắp xếp vị trí của đoạn văn trong văn bản để liên kết các đoạn văn lại với nhau. Việc liên kết như vậy được gọi là liên kết bằng trật tự tuyến tính.

Mỗi đoạn văn thể hiện một nội dung riêng biệt phản ánh những mối quan hệ thời gian, không gian, nhân quả,... giữa các đối tượng được trình bày trong đoạn văn. Chính nội dung hiện thực được phản ánh như thế đã quy định vị trí của đoạn văn trong văn bản, đã định vị chỗ đứng trước sau của từng đoạn trong văn bản. Đến lượt mình, việc sắp xếp theo trình tự trước sau như vậy của các đoạn văn lại có tác dụng liên kết chặt chẽ các đoạn văn lại với nhau thành một chỉnh thể thống nhất, phản ánh đúng được quy luật tồn tại và vận động của hiện thực.

Ví dụ:

Đứng về một phía nào đó mà nhìn, có thể nói lịch sử của thơ văn Nguyễn Du, đặc biệt là lịch sử "Truyện Kiều", cũng long đong như vậy. Từ khi ra đời cho đến gần đây, trong một thời gian rất lâu, "Truyện Kiều" không hề có một chỗ ngồi cho yên ổn. Người khen khen rất mực, người chê chê cũng hết lời, cứ đặt vấn đề ra là y như rằng có tranh luận và tranh luận hết sức sôi nổi, say sưa. Rõ ràng đây là một nơi va chạm kịch liệt của nhiều

loại quan điểm khác nhau về thế giới, về nhân sinh, về đạo đức, về nghệ thuật, về chính trị.

Chỉ từ Cách mạng tháng Tám về sau, thân thế của "Truyện Kiều" trong xã hội Việt Nam mới đỡ ba chìm bảy nổi. Tuy có nhiều vấn đề cần phải thảo luận và chưa phải đã có thể kết luận được ngay nhưng dần dần chúng ta đã xác định được vị trí của "Truyện Kiều" trong nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, nó là vị trí của nhà thơ lớn nhất, của tác phẩm lớn nhất trong văn học cổ điển Việt Nam.

Nhưng phần đóng góp chính của Nguyễn Du chưa hẳn là đóng góp về nghệ thuật: "Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài". Tấm lòng Nguyễn Du mới là phần đóng góp chính. **Tấm lòng ấy giờ đây vẫn còn có thể qua thơ văn Nguyễn Du bồi dưỡng tình cảm cho chúng ta.** Đừng có ai nghĩ một cách ngây thơ và thiếu khiêm tốn rằng bởi vì thời đại ta vượt xa thời đại Nguyễn Du nên về mặt tư tưởng, tình cảm chúng ta không còn có gì phải học tập ở Nguyễn Du nữa... Nguyễn Du không có điều kiện để trở thành người cách mạng. Nhưng ý thức buồn, tức đó, nỗi xót xa về thân phận làm người trong xã hội cũ thì Nguyễn Du lại có và như chúng ta đã thấy, có đến một độ rất sâu.

(Hoài Thanh)

c) Cách lập luận trong đoạn văn

(1). Thế nào là một lập luận?

Lập luận đã được chúng ta đề cập tới ở phần trên. Dưới đây chúng ta sẽ tìm hiểu kĩ hơn về vấn đề lập luận trong đoạn văn.

Lập luận là đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng một cách đầy đủ, chặt chẽ, nhất quán và đáng tin cậy nhằm dẫn dắt người đọc, người nghe đến với một kết luận hoặc chấp nhận một kết luận nào đấy mà người viết, người nói muốn đạt tới.

Ví dụ:

Cùng một cảnh mộ nơi Đạm Tiên mà trong buổi chơi xuân thì thanh thanh lặng lặng:

Nao nao dòng nước uốn quanh

Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang

Sau khi Kim Kiều gặp nhau, yêu nhau chưa nói được với nhau một lời đã mỗi người một ngả thì phong cách như băng khuâng một mối tình khó tả:

Dưới dòng nước chảy trong veo

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.

Đến khi Kim Trọng nhớ người trở lại tìm cảnh thì cảnh lại ra chiều đứng đưng, tình nghịch:

Một vùng cỏ mọc xanh rì

Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu.

Kiều không biết mấy lần nhìn trăng, nhưng cảnh trăng mỗi lần mỗi khác: khi rạo rục yêu đương, khi gần gũi âu yếm, khi bát ngát bao la, khi ám ảnh như một lời trách móc, khi cô đơn, khi tàn tạ, khi mong manh.

Có thể nói thiên nhiên trong "Truyện Kiều" cũng là một nhân vật thường kín đáo, lặng lẽ nhưng không mấy khi không có mặt và luôn luôn thấm đượm tình người.

(Hoài Thanh, *Nguyễn Du, một trái tim lớn, một nghệ sĩ lớn*)

Đoạn trích trên là một lập luận. Từ việc nêu ra hàng loạt các lí lẽ, dẫn chứng về sự thay đổi của thiên nhiên trong *Truyện Kiều*: *cảnh như thanh thanh lặng lặng trong buổi Thuý Kiều chơi xuân nơi mộ Đạm Tiên; cảnh như bâng khuâng một mối tình khó tả khi Kim Kiều gặp nhau; cảnh như đứng đưng, tình nghịch trong buổi chiều khi Kim Trọng trở lại vườn Thuý; cảnh như rạo rức yêu đương, cảnh như gân gỏi âu yếm, cảnh như bát ngát bao la trong một lần Kiều nhìn trăng*, nhà phê bình Hoài Thanh đã kết luận: "Thiên nhiên trong *Truyện Kiều* cũng là một nhân vật thường kín đáo, lặng lẽ nhưng không mấy khi không có mặt và luôn luôn thấm đượm tình người". Quá trình trình bày, dắt dẫn vấn đề đi từ những lí lẽ, dẫn chứng đến với kết luận như vậy chính là lập luận. Nói một cách khác, lập luận là quá trình xây dựng lí lẽ để đề xuất ý kiến, liên kết các ý kiến dẫn đến kết luận của bài viết, bài nói.

(2). Các yếu tố của lập luận

Một lập luận thường bao gồm ba yếu tố:

– Luận cứ lập luận: là căn cứ để rút ra kết luận.

Đó là những lí lẽ, những dẫn chứng được rút ra từ thực tiễn của đời sống xã hội, đời sống văn học hoặc những chân lí được nhiều người thừa nhận... dùng để làm chỗ dựa, làm cơ sở cho việc dẫn tới kết luận. Trong bất kì một bài viết, bài nói nào, kết luận bao giờ cũng đòi hỏi cần phải được giải thích, phân tích, chứng minh. Không có sự giải thích, phân tích, chứng minh thì kết luận sẽ không có giá trị. Vì thế nói tới lập luận, không thể không nói tới việc giải thích, phân tích và chứng minh cho kết luận. Những lí lẽ, dẫn chứng đưa ra nhằm mục đích giải thích, phân tích và chứng minh cho kết luận ấy chính là các luận cứ trong một lập luận.

Ở ví dụ nêu trên, những dẫn chứng và lí lẽ được Hoài Thanh rút ra từ *Truyện Kiều*: *cảnh như thanh thanh lặng lặng trong buổi Thuý Kiều chơi xuân nơi mộ Đạm Tiên; cảnh như bâng khuâng một mối tình khó tả khi Kim Kiều gặp nhau; cảnh như đứng đưng, tình nghịch trong buổi chiều khi Kim Trọng trở lại vườn Thuý*,... chính là các luận cứ của lập luận.

Luận cứ có thể được chia thành hai loại:

+ *Luận cứ thực tế*: là những lí lẽ, chân lí, các nguyên lí, các nghi thức được nhiều người biết đến, những số liệu, chi tiết, mẫu chuyện, dẫn chứng minh hoạ,... được rút ra từ đời sống hiện thực.

+ *Luận cứ nhân tạo*: là các lí lẽ, các dẫn chứng do người viết, người nói tự tạo ra trong quá trình lập luận.

Trong hai loại luận cứ này, luận cứ thực tế là luận cứ có giá trị đối với kết luận của lập luận.

Số lượng luận cứ trong lập luận có thể là nhiều và cũng có thể chỉ là một. Khi số lượng luận cứ nhiều, điều quan trọng nhất là các luận cứ phải cùng tập trung theo một hướng, không đối lập nhau, không mâu thuẫn nhau. Tuy vậy không phải bất kì luận cứ nào cũng có giá trị như nhau đối với kết luận.

Thực tế cho thấy, có luận cứ đạt được sự phù hợp cao đối với kết luận, có giá trị lớn trong việc thuyết phục người đọc tin vào kết luận, khẳng định kết luận, nhưng cũng có luận cứ có giá trị thấp hơn, tính thuyết phục yếu hơn đối với kết luận. Tuy nhiên, dù có giá trị nhiều hay ít thì cả hai luận cứ loại này đều được gọi là những *luận cứ đồng hướng* với kết luận.

Nhưng không phải trong bất kì một lập luận nào, tất cả các luận cứ cũng đều là đồng hướng. Có những trường hợp luận cứ đi ngược chiều với kết luận, phủ nhận nội dung nêu ra trong kết luận, làm giảm giá trị của lập luận. Những luận cứ như vậy được gọi là *luận cứ nghịch hướng* với kết luận. Tuy nhiên, trong luận văn nghị luận, do tính chất tranh luận mạnh mẽ của loại văn này nên việc đưa ra các luận cứ nghịch hướng có tác dụng ngăn ngừa sự "cãi lại", sự lật lại vấn đề của người tranh luận và giúp cho người đọc thêm cơ sở tin tưởng vào kết luận mà người nói, người viết đưa ra.

Ví dụ:

*Trong xã hội **Truyện Kiều**, đồng tiền đã thành một sức mạnh tác quái rất ghê. Nguyễn Du không phải không nhắc đến tác dụng tốt của đồng tiền. Có tiền Thúc Sinh, Từ Hải mới chuộc được Kiều, Kiều mới cứu được cha và sau này mới báo được ơn cho người này, người nọ. Đó là những khi đồng tiền nằm trong tay người tốt. Nhưng chủ yếu Nguyễn Du vẫn nhìn về mặt tác hại. Vì Nguyễn Du thấy rõ cả một loạt hành động gian ác, bất chính đều là do đồng tiền chi phối. Quan lại vì tiền mà bất chấp công lí; sai nha vì tiền mà làm nghề buôn thịt bán người; Sở Khanh vì tiền mà táng tận lương tâm; Khuyển, Ung vì tiền mà làm những điều ác. Cả xã hội chạy theo tiền.*

(Hoài Thanh)

Kết luận mà lập luận hướng tới chính là "*Trong xã hội **Truyện Kiều**, đồng tiền đã thành một sức mạnh tác quái rất ghê*". "*Cả xã hội chạy theo tiền*", nghĩa là nói tới mặt tác hại, mặt tiêu cực của đồng tiền. Nhưng trong số những luận cứ đưa ra trong quá trình lập luận đã có những luận cứ đi ngược lại, làm giảm hiệu lực của kết luận này, đó là "Nguyễn Du không phải không nhắc đến tác dụng tốt của đồng tiền", "Có tiền Thúc Sinh, Từ Hải mới chuộc được Kiều, Kiều mới cứu được cha và sau này mới báo được ơn cho người này, người nọ". Những luận cứ đó chính là những luận cứ nghịch hướng.

– Kết luận lập luận: là điều rút ra được sau khi đã giải thích, phân tích và chứng minh trong quá trình lập luận. Kết luận là cái đích của một lập luận. Đây là điều người viết, người nói muốn người đọc chấp nhận.

Trong ví dụ đã dẫn trên, ý kiến mà Hoài Thanh nêu ra: "Thiên nhiên trong *Truyện Kiều* cũng là một nhân vật thường kín đáo, lặng lẽ nhưng không mấy khi không có mặt và luôn luôn thấm đượm tình người" là kết luận của lập luận, là cái đích nhà phê bình muốn dẫn bạn đọc tới.

Không thể nói đến lập luận khi không nói đến đích, đến kết luận. Không có đích, nghĩa là không có kết luận thì cũng sẽ không có lập luận. Thông qua các luận cứ của lập luận, người viết, người nói có thể dẫn người đọc, người nghe đến với những kết luận rất khác nhau. Có thể đó là một sự khẳng định, một sự phủ định, hoặc một sự bực

lộ thái độ, tình cảm,... nhưng dù khác nhau thế nào đi chăng nữa thì kết luận vẫn luôn luôn là cái cần có trong một lập luận.

Kết luận trong lập luận là cái cần có, nhưng kết luận lại có thể được thể hiện *tường minh* hay *không tường minh*.

+ *Kết luận tường minh* là kết luận được phát biểu trực tiếp thành lời, thành câu chữ cụ thể. Kết luận như trường hợp Hoài Thanh đã đưa ra trong bài viết trên là kết luận tường minh.

+ *Kết luận không tường minh* là kết luận không được phát biểu trực tiếp thành lời, thành câu chữ cụ thể mà người đọc, người nghe chỉ có thể nhận biết được bằng cách suy ra từ các luận cứ có trong lập luận.

Ví dụ:

Trong tập Nhật kí trong tù, có những bài phác họa sơ sài mà chân thật và đậm đà, càng nhìn càng thú vị như một bức tranh thủy mặc cổ điển. Có những bài cảnh lộng lẫy sinh động như những tấm thảm thêu nền gấm chỉ vàng. Cũng có bài làm cho người đọc nghĩ tới những bức sơn mài thâm trầm, rợn rợn.

(Theo Đặng Thai Mai)

Trong đoạn văn trên, nhà phê bình Đặng Thai Mai mới chỉ đưa ra những luận cứ mà chưa đưa ra kết luận. Nhưng vì luận cứ đã đầy đủ và đích lập luận cũng đã rõ ràng nên người đọc có thể tự rút ra kết luận: *Nghệ thuật thơ của tập Nhật kí trong tù thật là đặc sắc*. Kết luận này là một kết luận không tường minh vì đó là điều người đọc tự suy ra từ các luận cứ đã có sẵn.

Thường kết luận không tường minh chỉ được sử dụng trong những trường hợp các luận cứ đã đủ sức thể hiện rõ ràng cái đích tác giả muốn đạt đến, hoặc kết luận đó tác giả không tiện nói thẳng ra vì những lí do nhất định nào đấy. Như vậy, ngay trong trường hợp kết luận không được viết ra, ta vẫn phải coi đây là một lập luận hoàn chỉnh có *kết luận không tường minh*.

– Cách thức lập luận: là sự phối hợp, tổ chức, liên kết các luận cứ theo những cách thức suy luận nào đấy để dẫn đến kết luận và làm nổi bật kết luận.

Các luận cứ trong một lập luận không bao giờ nằm tách biệt nhau mà luôn luôn ở trong mối quan hệ ràng buộc, liên kết chặt chẽ với nhau. Bởi vậy, khi tiến hành lập luận, chỉ khi nào người viết, người nói xác định thật rõ được mối quan hệ giữa luận cứ với luận cứ, giữa luận cứ với kết luận thì khi ấy người nói, người viết mới có thể lựa chọn được một cách thức lập luận phù hợp, nghĩa là chọn được chính xác một quỹ đạo chung cho các luận cứ và kết luận.

Trong lập luận, khi có từ hai luận cứ trở lên, bắt đầu xuất hiện vấn đề sắp xếp trật tự các luận cứ. Luận cứ đưa ra trong quá trình lập luận không phải là sự liệt kê dễ dãi, tùy tiện mà đó là sự sắp xếp có định hướng nhằm làm tăng hiệu quả của lập luận. Giá trị của một luận cứ không phải chỉ được thể hiện ở nội dung chứa đựng trong luận cứ mà còn bộc lộ cả ở vị trí sắp xếp của chúng trong lập luận.

Thông thường, trong lập luận, các luận cứ đồng hướng được sắp xếp ở gần vị trí của kết luận hơn so với các luận cứ nghịch hướng. Còn trong số các luận cứ đồng hướng, luận

cứ nào có giá trị đối với kết luận hơn lại được sắp xếp ở vị trí gần kết luận hơn. Như vậy, trong quá trình lập luận, việc sắp xếp vị trí của luận cứ phụ thuộc vào sự tác động mạnh hay yếu của luận cứ đối với kết luận. Luận cứ càng mạnh, càng cần đứng gần vị trí của kết luận hơn. Đảo lại vị trí của luận cứ trong lập luận sẽ làm ảnh hưởng không nhỏ đến giá trị của kết luận.

Giả sử trong lập luận vừa dẫn trên, ta đảo lại vị trí của luận cứ nghịch hướng xuống gần kết luận, còn luận cứ đồng hướng để xa kết luận hơn: "Trong xã hội *Truyện Kiều*, quan lại vì tiền mà bất chấp công lí; sai nha vì tiền mà làm nghề buôn thịt bán người; Sở Khanh vì tiền mà táng tận lương tâm; Khuyển, Ưng vì tiền mà làm những điều ác. Nguyễn Du vẫn nhìn (đồng tiền) về mặt tác hại, vì Nguyễn Du thấy rõ cả một loạt hành động gian ác bất chính đều là do đồng tiền chi phối, tuy Nguyễn Du không phải không nhắc đến tác dụng tốt của đồng tiền. Có tiền Thúc Sinh, Từ Hải mới chuộc được Kiều, Kiều mới cứu được cha và sau này mới báo được ơn cho người này, người nọ. Đó là những khi đồng tiền nằm trong tay người tốt... Đồng tiền đã thành một sức mạnh tác quái rất ghê. Cả xã hội chạy theo tiền". Lúc này ta thấy giá trị thuyết phục của kết luận giảm đi nhiều.

Trong khi lập luận cũng cần chú ý tới việc lựa chọn số lượng các luận cứ đồng hướng và nghịch hướng sao cho phù hợp. Nếu như lập luận bao gồm toàn bộ các luận cứ đồng hướng thì việc lựa chọn số lượng luận cứ đúng và đủ là cần thiết. Bởi vì trong trường hợp này, nếu các luận cứ lựa chọn chưa thật tốt, chưa thật đầy đủ chỉ làm giảm đi mà không làm mất đi giá trị của kết luận. Nhưng khi có thêm các luận cứ nghịch hướng, mà những luận cứ nghịch hướng đó lại nhiều hơn số lượng các luận cứ đồng hướng thì kết luận bị mất đi giá trị mà không còn là việc giảm giá trị nữa.

Kết luận đứng ở vị trí nào trong đoạn văn nghị luận là tùy thuộc vào cách thức lập luận được người viết lựa chọn. Đối với cách lập luận diễn dịch, kết luận sẽ đứng đầu đoạn văn. Đối với cách lập luận quy nạp, hoặc tổng – phân – hợp, kết luận sẽ đứng cuối đoạn văn. Kết luận đứng ở vị trí nào sẽ kéo theo việc sắp xếp các luận cứ đồng hướng và nghịch hướng có trong lập luận đó. Bởi vậy, việc lựa chọn cách thức lập luận sẽ quyết định vị trí sắp xếp của luận cứ và kết luận trong quá trình lập luận.

3. Viết phần Kết bài

Phần Kết bài có nhiệm vụ tạo sự hoàn chỉnh, tính trọn vẹn cho văn bản, đồng thời góp phần giải tỏa tâm lí chờ đợi của người đọc.

Có thể kết thúc văn bản theo nhiều cách khác nhau, nhưng về cơ bản có hai cách chính:

a) Kết thúc khép

Đó là cách kết thúc theo kiểu tóm tắt lại, hệ thống hoá lại những vấn đề đã được trình bày trong phần triển khai của văn bản. Thông thường, đối với những văn bản có dung lượng lớn, người đọc khó nhớ hết các điểm đã trình bày, phổ biến các văn bản dùng kết thúc khép.

Ví dụ:

Chất lượng nghệ thuật của các tác phẩm Nam Cao không hoàn toàn đồng đều, nhưng nói chung bằng một tài năng lớn, Nam Cao đã có những đóng góp mới mẻ đối với sự phát triển của văn xuôi Việt Nam. Nghệ thuật tiểu thuyết Nam Cao có sắc thái hiện đại rõ rệt

và về nhiều mặt, đã đánh dấu bước phát triển mới của tiểu thuyết "quốc ngữ" Việt Nam, mới phôi thai vài ba chục năm, đang hiện đại hoá với một tốc độ đặc biệt mau lẹ.

(Lịch sử văn học Việt Nam 1930 – 1945,
NXB Giáo dục)

b) Kết thúc mở

Đó là kết thúc theo kiểu dựa vào những điểm đã được trình bày ở phần Thân bài mà đưa ra những liên tưởng, những cảm nghĩ, những đề nghị,... Thường các văn bản ngắn hay sử dụng kết thúc mở.

Ví dụ:

Nguyễn Du có lẽ không từng viết kịch hay đóng kịch, nhưng rõ ràng Nguyễn Du rất biết "nhập vai", Nguyễn Du từng hoà với Kiều làm một và hoà làm một đến một mức rất sâu. Nhưng hoà làm một với Kiều mà vẫn là Nguyễn Du, người sáng tạo ra cả thế giới Truyện Kiều, vẫn nhìn Kiều và nhìn mọi người trong truyện với cái nhìn của Nguyễn Du. Cái khó trong nghệ thuật viết truyện cũng như trong nghệ thuật sân khấu, phải chăng là ở chỗ này?

(Hoài Thanh)

Nói văn bản dài kết thúc khép còn văn bản ngắn kết thúc mở, không có nghĩa là cứ văn bản dài thì kết thúc khép còn văn bản ngắn thì kết thúc mở. Độ dài ngắn của văn bản không quyết định kiểu kết thúc văn bản. Khép lại văn bản theo kiểu nào là tùy nội dung vấn đề được trình bày, tùy phong cách người viết và tùy thuộc vào đối tượng giao tiếp mà tác giả hướng tới.

IV. KIỂM TRA VÀ HOÀN THIỆN VĂN BẢN ĐÃ VIẾT

Sau khi hoàn thành việc triển khai văn bản, chúng ta phải rà soát lại văn bản đã được viết. Mục đích của việc rà soát này là để kiểm tra lại xem bài viết có đạt được những yêu cầu đặt ra trong bước định hướng không.

Khi kiểm tra, ta cần tập trung chú ý vào việc xem xét có bỏ sót ý nào trong đề cương không, có luận điểm nào chưa được triển khai không, cách viết như vậy có phù hợp với đối tượng không, câu chữ có điểm gì cần phải điều chỉnh,...

Việc hoàn thiện bài viết là cần thiết. Công việc này giúp ta tránh được những lỗi đáng tiếc. Nhưng việc điều chỉnh, hoàn thiện lại bài viết nhiều lúc rất phức tạp, nếu như người viết bỏ sót ý, hoặc lạc hướng viết... Bởi vậy, kiểm tra không phải chỉ được tiến hành sau khi đã viết xong mà cần được thực hiện song song với quá trình triển khai văn bản.

V. LUYỆN TẬP

Bài tập 1

Dựa vào những đoạn mở đầu dưới đây, hãy cho biết: Từng văn bản này trình bày về nội dung gì? Với đối tượng giao tiếp nào?

Đoạn văn 1:

"Bản án chế độ thực dân Pháp" của Hồ Chủ tịch là đối tượng nghiên cứu phong phú về nhiều mặt: chính trị, triết học, lịch sử, văn học, mỹ học,... Về phương diện văn học, "Bản án chế độ thực dân Pháp" là một hiện tượng văn học. Bài này chỉ giải quyết

một vấn đề trong nhiều vấn đề văn học mà người làm công tác nghiên cứu có thể đề cập tới, đó là việc sơ bộ nhận định vị trí quan trọng của tác phẩm ấy trong thời đại văn học chúng ta, ở phương Tây cũng như ở Việt Nam.

(Đỗ Đức Hiểu)

Đoạn văn 2:

Trong "Truyện Kiều", cái đoạn Kiều nhờ em thay mình trả nghĩa chàng Kim, cái đoạn thường gọi là cảnh trao duyên là một đoạn có thể gợi lên nhiều suy nghĩ đối với những anh chị em công tác sân khấu và nói chung đối với những ai yêu sân khấu.

(Hoài Thanh)

Đoạn văn 3:

Một nửa loài người trên thế giới không đọc quảng cáo. Một nửa số người có đọc thì cũng không để ý đến thông báo của anh. Một nửa số có để ý đến thì lại không đọc nó. Một nửa số có đọc lại không coi nó là quan trọng. Một nửa số coi là quan trọng thì không tin vào thông báo. Một nửa số tin vào thông báo thì lại không mua hàng của anh vì họ không cần đến. Bởi vậy, việc quảng cáo cần phải thông minh.

(Nguyễn Hải Đạt,

Nghệ thuật quảng cáo hiện đại)

Đoạn văn 4:

Bài thơ hay cũng như hòn ngọc quý, bông hoa đẹp; phải chăng còn hơn thế, vì ngọc cũng có lúc phải mòn, hoa có khi tàn héo, nhưng thơ hay thì còn sống mãi. Ngọc đã quý, vẫn cần bàn tay mài dũa, trưng bày; thơ dù đã hay vẫn cần đến những lời bình tri âm tri kỉ. Những lời bình hay có khi đem lại hiệu quả không ngờ, như tạo thêm cho thơ một vầng hào quang, như giúp đời phát hiện một vì sao xa bị mây mù che khuất.

(Theo Sổ tay người yêu thơ,

Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh)

Đoạn văn 5:

Chọn một đề tài muôn thuở như **Tống biệt** lại viết theo thể hành, một thể thơ cũ theo luật Đường, Thâm Tâm đã tự đặt mình vào một thách thức lớn. Nghìn năm trước, trên lầu Hoàng Hạc, Thi tiên Lí Bạch phải gác bút giữa lúc thi hứng đang dào dạt trước một bài thơ của Thôi Hiệu. Vậy mà trước Thâm Tâm đã đi vào cổ điển bao nhiêu bài thơ, bài thơ viết về Tống biệt, trong Đường thi, Kiều, **Chinh phụ ngâm**, thơ Tản Đà,... Ngay trong phong trào Thơ mới cũng không ít kiện tướng làm thơ về đề tài này, đề tài "tử" của chủ nghĩa lãng mạn. Bị đè nặng bởi những cái bóng vĩ đại, lại chỉ có trên tay cái thứ "tài liệu" đã bị vắt kiệt như vậy, nếu không muốn "núp bóng" để bị "cóm bóng", Thâm Tâm chỉ còn mỗi một cách là vượt lên, tìm ra một hình thức nghệ thuật tân kì.

(Đỗ Lai Thúy)

Đoạn văn 6:

Đời người chỉ có một lần không nên ra vào nhiều. Nhưng nếu cái lần vào ra đầu tiên không thuận buồm xuôi gió, không đạt yêu cầu, thì nên và cần phải vào lại, ra lại, không có gì đáng xấu hổ, không nên nản chí. Vạn sự khởi đầu nan là thế. Với một con người là

như vậy mà với cuộc đời của nhiều con người của cả một tập thể cộng đồng, nhớ ra như thế thì cũng phải nên như thế. Ấy là cái luật đời chung. Đọc lại **Vào đời** trong không khí của những ngày đổi mới, mới thấy có nhiều điều cần phải nên xem xét lại.

(Nguyễn Văn Lưu)

Đoạn văn 7:

Lịch sử văn học Việt Nam, nhất là giai đoạn "Tiền chiến" có không ít hiện tượng phức tạp, từng gây sóng gió trong dư luận. Song phức tạp, sóng gió như Vũ Trọng Phụng thì thật hiếm có. Sự nghiệp văn học của nhà văn đầy tài năng này có số phận thăng trầm thật lạ lùng. Có lúc, Vũ Trọng Phụng lại được đặt lên đỉnh cao của vinh quang, rồi lại có lúc bị vùi sâu xuống đất đen, nhưng chưa có nhà văn nào bị vùi dập đến thế. Cũng ít có nhà văn nào thu hút sự chú ý đặc biệt của giới văn học, giới giáo dục, giới lãnh đạo, và của xã hội nói chung nhiều đến thế, mà ý kiến lại trái ngược nhau đến thế.

(Nguyễn Hoàn Khung)

Bài tập 2

Hãy viết đoạn mở đầu cho nội dung văn bản dưới đây:

Thuý Kiều là một người tài sắc tuyệt vời. Nhưng nói có tài có sắc ở đây chung quy lại cũng là nói có tình. Bởi vì cái tài của Kiều, cụ thể là tiếng đàn của Kiều, cái sắc của Kiều, cụ thể là cái vẻ mặn mà nồng thắm, trước hết là biểu hiện cái tình. Kiều không phải là người có thể đứng đưng trước mọi việc ở đời mà là người hay động lòng, suy nghĩ. Trong cảnh chơi xuân nô nức, dễ mấy ai để ý đến một nấm mồ vô chủ. Nhưng Kiều để ý, hỏi han, thắp hương, khấn vái và thương xót không rời chân. Đến khi nàng yêu thì đó là một thứ tình yêu đắm say, mãnh liệt:

Tình trong như đã mặt ngoài còn e

Chập chờn cơn tỉnh cơn mê.

Yêu nhau, nàng chủ động xây dựng hạnh phúc với người yêu. Gót chân nàng "thoản thoắt" đi sang nhà Kim Trọng, cái hình ảnh nàng "xăm xăm băng nẻo vườn khuya một mình", bây giờ đây vẫn còn có thể làm cho một số người ngơ ngác, phân vân. Nhưng thiết tha với hạnh phúc của mình, nàng lại càng thiết tha hơn nữa với hạnh phúc của người. Trước cái nguy cha và em bị bắt, bị đánh đập đến chết, nàng không chút ngần ngại, nàng dứt khoát hi sinh:

Để cho để thiếp bán mình chuộc cha.

Ai không mong cho một con người như vậy được hạnh phúc? Nhưng hạnh phúc nàng toan nắm được trong tay thì cuộc đời cướp mất. Bị đẩy đoạ vào những nơi vô cùng ô nhục, giữa vòng vây trùng trùng điệp điệp của một xã hội bất nhân, nàng vẫn cố vùng dậy, cố làm chủ lấy đời mình. Nhưng mỗi lần nàng cố cất đầu ra khỏi bùn nhơ là một lần lại bị dúi xuống, bị đạp xuống sâu hơn một tầng nữa. Mà nào nàng có mơ ước chuyện gì cao xa đâu. Cái mơ ước của nàng có khi thật là bé nhỏ, thảm hại. Nàng tính tới, tính lui, thậm chí chịu tra tấn đến cực hình để được yên thân làm một người vợ lẽ. Thế mà rồi cũng không xong. Tất cả những cố gắng, những mơ ước lớn nhỏ của nàng đều tan ra như mây khói. Đời nàng không chỉ là một tấn bi kịch mà là một chuỗi dài những bi kịch kế tiếp nhau.

Đời Kiều là một tấm gương oan khổ, một câu chuyện thâm trầm về vận mệnh con người trong xã hội cũ. Dựng lên một con người, một cuộc đời như vậy là một cách Nguyễn Du phát biểu ý kiến của mình trước những vấn đề thời đại. Lời phát biểu ấy trước hết là một tiếng kêu thương, một tiếng kêu náo nùng, đau đớn, suốt trong quyển truyện không lúc nào không vang vọng bên tai.

Tiếng kêu thương ấy, Nguyễn Du gửi vào thân thế một người đàn bà vì cái ách của xã hội cũ đối với người đàn bà đặc biệt nặng nề, cay nghiệt. Nhưng nói đến một người đàn bà mà thực ra Nguyễn Du đã nói giùm nỗi niềm cho tất cả những người bị dày dọ. Chính vì vậy mà trong hơn một trăm năm qua, hàng trăm vạn người đã xem *Truyện Kiều* là truyện của mình và mượn bài thơ của Nguyễn Du làm một tiếng than bi thiết.

Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Câu thơ ấy, đúng như Tố Hữu nói: "*còn đọng nỗi đau nhân tình*". Nỗi đau của hàng vạn kiếp sống lâm than, cơ cực.

(Hoài Thanh)

Bài tập 3

Dựa vào những từ ngữ nào trong đoạn Kết bài dưới đây, ta có thể dự đoán được nội dung của văn bản đã trình bày trong phần Thân bài? Đó là nội dung gì?

Đoạn văn 1:

Chất lượng nghệ thuật của các tác phẩm Nam Cao không hoàn toàn đồng đều, nhưng nói chung bằng một tài năng lớn, Nam Cao đã có những đóng góp mới mẻ đối với sự phát triển của văn xuôi Việt Nam. Nghệ thuật tiểu thuyết Nam Cao có sắc thái hiện đại rõ rệt và vẻ nhiều mặt, đã đánh dấu bước phát triển mới của tiểu thuyết "quốc ngữ" Việt Nam mới phôi thai vài ba chục năm, đang hiện đại hoá với một tốc độ mau lẹ.

(*Lịch sử văn học Việt Nam 1930 – 1945*, NXB Giáo dục)

Đoạn văn 2:

*Nghệ thuật của ca dao rất tinh vi, tế nhị, đáp ứng mật thiết với nội dung phong phú. Cách dùng chữ, những lối biến thể, những lối hình tượng hoá, cụ thể hoá, nhân cách hoá, sát với thực tế biểu hiện ở nội dung, làm cho ca dao trở nên những câu hát rất thấm thía về mặt trữ tình, cũng như về mặt phản ánh cuộc đời của nhân dân lao động. Những thể **phú, tử, hứng** của ca dao là những thể mà ca dao Việt Nam và **Kinh Thi** của Trung Quốc đều có. Rất có thể là những thơ ca dân gian của nhiều nước khác cũng có những thể ấy, vì nó là những phương pháp nghệ thuật cơ bản, cần thiết cho việc cấu tứ cho thơ ca trữ tình.*

(Vũ Ngọc Phan)

Đoạn văn 3:

Trên nửa thế kỉ đã trôi qua, kể từ năm tháng đầu những bài thơ mới ra đời. Vượt lên những nền nếp bảo thủ trên thi đàn, thơ mới đã sớm được khẳng định. Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên,... đã đem lại cho thơ ca những rạng rỡ của một thời kì mới. Hành trình của thơ mới trong mấy chục năm qua không tránh khỏi nhiều gian truân. Có quan niệm cực đoan xem thơ mới là trào lưu thơ ca lãng mạn, thoát li hiện thực,

không góp gì vào sự phát triển của cuộc đời, của nguồn mạch thơ dân tộc. Có quan niệm xem thơ mới chỉ đánh thức dậy phần mềm yếu, uỷ mị trong người đọc hôm qua và hôm nay. Trong những năm tháng cả đất nước lên đường chống Pháp và chống Mĩ, trên thi đàn nổi lên "Những bài thơ đánh giặc", "Những dòng thơ lửa cháy", thơ mới – hành hoa duyên dáng này – có lúc tưởng như bị lãng quên đi trong không khí sôi động của thời cuộc. Nhưng rồi những giá trị tinh thần ấy không thể mất đi trong sương khói của thời gian và cũng chính sự chọn lọc của thời gian đã chứng minh hành hoa tươi thắm ấy vẫn còn nhiều bông hương sắc dành cho cuộc sống hôm nay, để cho lòng ta thêm trân trọng, yêu mến.

(Hà Minh Đức)

Bài tập 4

Hãy viết đoạn kết bài sao cho phù hợp với những đoạn mở dưới đây:

Đoạn văn 1:

Chí Phèo (1941) là kết tinh những thành công của Nam Cao trong đề tài nông dân và là một kiệt tác trong nền văn xuôi trước Cách mạng. Khác với đa số truyện ngắn khác của Nam Cao, **Chí Phèo** phản ánh xã hội nông thôn trực tiếp trên bình diện đấu tranh giai cấp. Qua hình tượng Chí Phèo, một trường hợp nông dân lưu manh hoá, Nam Cao không những đã miêu tả sâu sắc, cảm động cuộc sống đầy đọa của người nông dân bị đè nén, bóc lột đến cùng cực, mà còn đồng cảm khẳng định nhân phẩm của họ trong khi họ bị xã hội vùi dập đến mất cả hình người, tính người.

(Nguyễn Hoàn Khung)

Đoạn văn 2:

Nguyễn Khuyến nổi tiếng nhất trong văn học Việt Nam là về thơ Nôm. Mà trong thơ Nôm của Nguyễn Khuyến, nức danh nhất là ba bài thơ mùa thu: **Thu điếu**, **Thu ẩm**, **Thu vịnh**: Bài **Thu vịnh** có thần hơn hết, nhưng ta vẫn phải thừa nhận bài **Thu điếu** là điển hình cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam ở Bắc Bộ.

(Theo Xuân Diệu)

Bài tập 5

Hãy dựa vào những mẫu gợi ý dưới đây để luyện viết một số câu nối đoạn văn đứng trước với đoạn văn đứng sau:

- a) Trên đây... dưới đây... xem xét...
- b) Phần trên... dưới đây... đề cập đến...
- c) Ở trên... phần tiếp theo... xét kĩ...
- d) Chúng ta đã... sau đây chúng ta sẽ...
- e) Phần trên dành cho...
- g) Còn phần sau đây sẽ...
- h) Ngược lên trên... còn phần sau đây sẽ...

Bài tập 6

Hãy điền vào chỗ trống những từ ngữ thích hợp để liên kết phần trên và phần dưới của văn bản:

– Ở trên chúng ta đã nói đến tình yêu quê hương, làng xóm trong ca dao, dưới đây..... Trong ca dao Việt Nam, những bài về tình yêu nam nữ chiếm số lượng lớn. Đó là những bài về nỗi nhớ nhung khi xa cách, nỗi lo lắng khi muốn bảo vệ tình yêu chung thủy, những đau đớn khi xảy ra cản trở làm cho ước nguyện không thành, rồi đến khi có chồng cũng xảy ra biết bao buồn tủi chỉ vì những kỉ cương phong kiến... Tất cả những tình cảm vui buồn ấy, nhân dân Việt Nam đã thổ lộ trong ca dao, làm cho ca dao có tính chất trữ tình sâu sắc.

– Chúng ta đã phân tích kĩ....., dưới đây chúng ta sẽ xem xét kĩ hơn về cái bọn có quyền, có thế khác trong xã hội. Đó là một lũ sai nha, bọn Ưng, bọn Khuyển. Đó là bọn người như Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Bạc Hà, Bạc Hạnh,... Đó là bọn người có quyền, có thế bởi đồng tiền. Chúng đục khoét, tàn phá xã hội. Chúng làm cho bao người con gái có tài có sắc như Kiều rơi vào vòng tủi nhục.

Bài tập 7

Hãy liên kết hai đoạn văn dưới đây bằng những câu nối thích hợp theo hai cách:

– Câu nối đặt ở vị trí cuối đoạn văn thứ nhất.

– Câu nối đặt đầu đoạn văn thứ hai.

Trong ca dao dân ca Việt Nam có nhiều bài nói đến con cò. Con cò là một trong những con vật gần gũi với người nông dân hơn cả. Những lúc cày cuốc, cấy hái, người nông dân Việt Nam thường thấy con cò ở bên cạnh họ. Con cò lội theo luống cày, con cò bay trên đồng lúa, con cò đứng trên bờ ruộng rửa lông, ngắm nhìn người nông dân làm lụng.

Con trâu rất thân thiết với người dân lao động. Nhưng con trâu phải cái nặng nề, chậm chạp, sống cuộc sống vất vả, chẳng mấy lúc thanh thoi. Vì vậy, chỉ khi nghĩ đến đời sống nhọc nhằn cực khổ của mình, người nông dân mới liên hệ đến con trâu, con vật tiêu biểu nhất cho sức sản xuất nơi đồng ruộng.

(Theo Vũ Ngọc Phan)

Bài tập 8

Hãy theo dõi cuộc đối thoại trong văn bản dưới đây và trả lời các câu hỏi.

NHÀ MÁY NÀO QUAN TRỌNG NHẤT

– Tôi cho rằng nhà máy quan trọng nhất phải là nhà máy chế tạo ô tô. Các bạn có thấy không, nếu không có ô tô thì không đi đâu xa được. Này nhé, ô tô buýt chở người đi làm, ô tô tải chở hàng đi khắp các công trường nhà máy. Xe chữ thập đỏ lao vun vút đưa bác sĩ tới những nơi cấp cứu. Xe cứu hoả phóng như bay tới những chỗ có đám cháy,... Đâu đâu cũng cần ô tô. Các bạn thấy đấy, rõ ràng nhà máy chế tạo ô tô là quan trọng nhất chứ.

– Không ! Tôi không cho rằng nhà máy chế tạo ô tô là quan trọng nhất. Vì ô tô ngừng làm việc, nhà máy ô tô tạm nghỉ sản xuất thì điều này không ai cảm thấy ngay tức thì. Bởi vậy, tôi cho rằng nhà máy chế tạo đồng hồ là quan trọng nhất. Nếu không có chiếc đồng hồ báo thời gian thì mọi việc sẽ bị rối loạn. Công nhân đi làm muộn, chúng ta sẽ đến lớp không đúng giờ, tàu hoả, ô tô, máy bay,... đều không chạy theo thời gian biểu. Và như vậy

biết bao sự cố sẽ xảy ra. Bởi vậy nhà máy chế tạo đồng hồ là không thể ngừng làm việc được.

– Tôi không tán thành những ý kiến trên. Nếu nhà máy đồng hồ và nhà máy chế tạo ô tô nghỉ việc không phải là vô thời hạn, ngừng không lâu, mấy ngày thôi, thì đã sao? Chả ai thấy điều đó cả. Vì vậy đây không phải là nhà máy quan trọng nhất. Theo tôi, nhà máy quan trọng nhất phải là nhà máy không thể ngừng một phút, thậm chí không thể ngừng một giây. Đó chính là nhà máy điện. Như các bạn đã biết, nhà máy điện làm việc suốt ngày đêm, không nghỉ chủ nhật, không nghỉ ngày lễ, ngày tết, thậm chí không nghỉ cả ăn trưa, ăn tối. Không thể để cho nó nghỉ được bởi vì không có điện thì không một nhà máy nào có thể làm việc được, cả nhà máy ô tô lẫn nhà máy chế tạo đồng hồ. Mọi sinh hoạt bình thường của nhân dân bị đảo lộn: quạt không chạy, bếp điện không làm việc, đèn không sáng, vô tuyến tắt ngấm,... Như vậy, tôi có thể khẳng định với các bạn rằng nhà máy điện là nhà máy quan trọng nhất.

(Viết dựa theo tài liệu nước ngoài)

Câu hỏi:

a) Ý kiến đầu tiên khẳng định nhà máy chế tạo ô tô là quan trọng nhất. Để khẳng định điều đó, người nói đã đưa ra bao nhiêu luận cứ? Đó là những luận cứ gì?

b) Vì sao ý kiến thứ hai không tán thành với ý kiến đầu tiên?

Ý kiến thứ hai cho rằng nhà máy chế tạo đồng hồ là quan trọng nhất. Để khẳng định điều đó, người nói đã đưa ra bao nhiêu luận cứ? Đó là những luận cứ gì?

c) Ý kiến thứ ba không tán thành với hai ý kiến trên, vì sao?

Để khẳng định nhà máy điện là quan trọng nhất, ý kiến thứ ba đã đưa ra những luận cứ gì?

Bài tập 9

Dưới đây là một ý kiến phát biểu về vấn đề giao thông. Hãy đọc và trả lời câu hỏi.

ĐI ẦU

Hàng ngày không ai có thể đứng yên một chỗ mà cần di chuyển. Đó là sự đi lại. Có rất nhiều phương tiện giúp người đi cho nhanh, cho đỡ mệt. Nhưng tùy cách đi, có cách đi đẹp, đáng khen; có cách xấu, đáng chê.

Đáng đi bộ, thường khoan thai uyển chuyển. Đi bộ không gõ guốc cồm cộp, không lê dép quèn quẹt, cũng không chen lấn xô đẩy. Đi bộ mà lại chen vào giữa hai người khác đi ngược chiều là đi... ầu.

Còn xe cộ? Xe mà nhảy lên hè để đi là sai. Phóng nhanh, vượt ẩu, đâm vào người khác, không những không xin lỗi mà còn quay lại cà khịa với người bị đâm lại càng sai. Ấy là chưa kể có những kẻ chuyên ăn vạ về chuyện này thì lại càng sai biết chừng nào! Đáng trách cả mấy cậu học sinh "choai choai" cứ ngang nhiên ngồi trên xe, phóng xe ngay trên bãi cỏ công viên làm các em nhỏ, cụ già sợ xanh cả mắt. Đêm yên tĩnh, cứ rú ga, bóp còi inh ỏi thì thật đáng phạt lắm. Đua xe đánh võng thì thật đáng "bỏ tù" vì coi thường tính mạng người khác. Lái xe không có bằng, say bia, say rượu, gây tai nạn rồi

bỏ chạy... là một cái thói đi ẩu cần xử lí thật nghiêm. Đi xe máy, ô tô mà có những thái độ "láo xược" ấy thì dù có xe đẹp đến đâu, áo quần có sang đến mấy chẳng qua cũng chỉ là kẻ thiếu văn hoá, thiếu giáo dục mà thôi.

An toàn là cần thiết. Dáng đi đứng, sự đi lại cũng cần phải đúng luật lệ. Đó là biểu hiện nếp sống văn minh của đời sống, khấn trương nhưng trật tự, kỉ cương chứ không tùy tiện, vong mạng, bất chấp xã hội. Đi đứng cũng là thể hiện trình độ hiểu biết, trình độ văn hoá, trình độ giáo dục của mỗi người, và đồng thời thể hiện trình độ văn minh, kỉ cương pháp luật của một thành phố, một đất nước vậy. Đi ẩu cần phải loại trừ khỏi nếp sống đô thị càng sớm càng tốt.

(Theo Băng Phương)

Câu hỏi:

- a) Ở đoạn văn thứ nhất, người viết muốn nêu lên vấn đề gì?
- b) Ở đoạn văn thứ hai, những luận cứ nào được tác giả sử dụng để giải thích cho việc đi bộ ẩu?
- c) Ở đoạn văn thứ ba, những luận cứ nào được tác giả sử dụng để giải thích cho việc đi xe ẩu?

Bài tập 10

Để hướng tới kết luận: "Con đường của thơ ca là tình cảm, cảm xúc", có ba cách lập luận khác nhau được thể hiện trong ba đoạn văn dưới đây. Hãy đọc và cho biết:

- a) Luận cứ được đưa ra trong từng lập luận để phục vụ cho kết luận là gì?
- b) Những luận cứ của lập luận nào là phù hợp với kết luận cần hướng tới hơn cả?

Đoạn văn 1:

Tôi nhớ lại câu nói của Mai-a-cốp-xki: "Trên đời có những vấn đề chỉ giải quyết bằng thơ". Phải chăng đôi cánh của thơ ca chính là dòng tình cảm chân thật, đầm ấm. Thơ ca mang tâm trạng đến với tâm trạng; thơ ca có khả năng bao quát sâu rộng không gian và thời gian, từ đó gợi mở trong lòng ta, có những lúc nó sẽ bùng lên dữ dội, nó sẽ giúp ta hiểu và đánh giá chính ta và những người xung quanh, từ đó ta sẽ được cải tạo, sẽ nâng con người chúng ta lên.

Đoạn văn 2:

Đối diện với thơ ca ta đối diện với một đại dương mênh mông cảm xúc. Biển sống động bồi hồi, có lúc tưởng phẳng lặng mà cuộn trào bao đợt sóng ngầm, có lúc trào dâng sôi nổi. Biển thơ nâng con thuyền tới một bến bờ rực rỡ ánh sáng. Thơ cho ta vị ngọt của đời, giúp ta thấy rõ rằng: "Không có truyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra".

Đoạn văn 3:

Nói rằng nhân tố làm nên chất thơ là tình cảm mà không là lí trí hoặc những cái khác thì quả không thuyết phục. Có những câu thơ triết luận rất hay làm bùng sáng một vấn đề nhận thức mới mẻ. Có những câu thơ giàu tính đối thoại, tranh biện. Tuy nhiên ẩn chứa bên trong những suy tư, những triết lí của câu thơ đấy phải là một sự xúc cảm, một sự xúc động sâu xa về đời sống, về nhân tình thế thái của nhà văn và chính cái đó gây tác động

sâu xa với người đọc. Vậy, xét cho cùng con đường chủ yếu làm nên thơ, nên sự tác động của thơ là tình cảm, cảm xúc.

Bài tập 11

Hãy chỉ ra những luận cứ đồng hướng và những luận cứ nghịch hướng trong lập luận sau:

Độ ấy thơ mới vừa ra đời. Thế Lữ như vầng sao đột ngột hiện ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam. Dẫu sau này danh vọng Thế Lữ có mờ đi ít nhiều, nhưng người ta không thể không nhìn nhận ra cái công của Thế Lữ đã dựng nên thơ mới ở xứ này. Thế Lữ không bàn về thơ mới, không bênh vực cho thơ mới, không bút chiến, không diễn thuyết, Thế Lữ chỉ lặng lẽ, điềm nhiên bước những bước vững vàng mà trong khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ xưa phải tan vỡ. Bởi vì không có gì khiến người ta tin ở thơ mới hơn là đọc những bài thơ mới hay.

Bài tập 12

Hãy chỉ ra kết luận trong lập luận dưới đây:

Quyền tự do là của quý báu nhất của loài người. Không có tự do người ta cũng chỉ sống như súc vật. Tự do đây không phải là muốn làm gì thì làm: một thứ tự do vô tổ chức và vô ý thức. Sở dĩ như vậy là vì loài người sống thành đoàn thể, sống thành xã hội cho nên phải hiểu tự do có nghĩa là muốn làm gì thì làm nhưng là làm theo lẽ phải, theo lí trí, để không phạm tới sự tự do của người khác và không phạm tới quyền lợi chung của tập thể.

(Theo Nghiêm Toản)

Bài tập 13

Hãy đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi.

CHỖ NÊN HAM MÊ CỜ BẠC

Tính ham mê cờ bạc là một tính rất xấu, nó làm cho người ta phải nhiều sự thiệt hại và mất cả phẩm giá. Ai đã mắc phải tính xấu ấy thì chẳng mấy người tránh khỏi sự nghèo khó túng bần, rồi sinh ra gian lận điên đảo, vì cờ bạc là một cách ăn chơi tổn hại nhiều tiền. Hoạ là mới có khi được, mà được thì xa phí hết ngay, còn khi thua thì nhiều, mà thua mãi thì thành ra công nợ, có khi đến nỗi vong gia thất thổ, phải đi ăn mày ăn xin, ăn trộm ăn cắp, làm những điều hèn hạ xấu xa. Đã cờ bạc thì còn danh giá gì ! Dẫu ông gì bà gì, mà đã ngồi vào đám bạc thì cũng thành ra đê tiện. Ai cũng gọi là con bạc, đồ cờ bạc. Bởi thế cho nên các anh phải giữ gìn, đừng bắt chước những phường cờ bạc, đừng có tập nhiễm lấy cái thói xấu ấy.

(Theo Quốc văn giáo khoa thư)

Câu hỏi:

- a) Hãy xác định kết luận của lập luận.
- b) Có thể coi câu "Đã cờ bạc thì còn danh giá gì" là kết luận chung mà bài viết hướng đến được không? Vì sao?

Bài tập 14

Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

[...] Cách nhau mười lăm năm, Kim Trọng nghe lại tiếng đàn của Thuý Kiều và so sánh "Xưa sao sầu thảm nay sao vui vầy". Nhưng có đúng là khúc nhạc đoạn đầu "sầu thảm" và khúc nhạc đoạn cuối "vui vầy" không?... Sầu thảm... và ...vui vầy..., theo tôi chỉ là chủ quan của chàng Kim lúc ấy mà thôi. Thật ra lần đầu tiên Thuý Kiều đánh đàn cho Kim Trọng nghe, thì còn gì hạnh phúc bằng? Nếu có buồn thì đó là cái buồn của người đang yêu và được yêu mà thôi. Cái buồn của những người đang hưởng hạnh phúc nhưng lại sợ hạnh phúc nửa chừng tan vỡ. Còn cái vui của tiếng đàn khi tái hợp thì chỉ là cái vui của những người hết thời "hoa đương phong nhị, trăng vòng tròn gương". Cái vui của lí trí đứng đắn, cái vui đã có "khóc thầm" bay rồi. Làm gì có cái vui của tiếng đàn lần thứ nhất với "tiếng hạc bay qua", với "tiếng suối mới sa nửa vời"? Cho nên có thể nói cùng là hai khúc nhạc tình yêu nhưng cái buồn trong khúc nhạc yêu đương lần đầu tiên là cái buồn mà vui, còn cái vui trong khúc nhạc yêu đương lần sau là cái vui mà có pha buồn.

(Theo Tế Hanh)

Câu hỏi:

- a) Hãy xác định câu kết luận của lập luận.
- b) Hãy chỉ ra những luận cứ được sử dụng trong quá trình lập luận.

Bài tập 15

Hãy đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Thơ mới không nói đến đấu tranh cách mạng, đó là nhược điểm lớn. Thơ mới nói chung buồn. Thơ mới thiếu khí phách cách mạng, nhưng thơ mới là một phong trào văn học phong phú, một phong trào sáng tạo dồi dào có nhiều yếu tố tích cực. Lòng yêu quê hương đất nước, yêu sự sống, yêu con người, yêu tiếng Việt thiết tha. Thơ mới đã trau dồi tiếng Việt, làm cho ngôn ngữ thơ Việt Nam uyển chuyển và hiện đại, biểu hiện được tất cả các màu sắc tâm hồn của người Việt Nam ở thế kỉ này. Nếu không có phong trào Thơ mới thì cũng không có ngôn ngữ thơ mới vừa súc tích, sắc bén vừa uyển chuyển, mượt mà mà chứa đựng nhiều năng lượng trữ tình cho những nhà thơ các thế hệ ra đời sau Cách mạng tháng Tám để biểu hiện tư tưởng và tình cảm của mình. Vì vậy, có thể nói thơ mới xứng đáng được mệnh danh là **Một thời đại trong thi ca** (Hoài Thanh), một thời đại phong phú, dồi dào sức sáng tạo của hồn thơ dân tộc, của tiếng nói Việt Nam.

(Theo Huy Cận)

Câu hỏi:

- a) Hãy chỉ ra kết luận của lập luận.
- b) Hãy chỉ ra mối quan hệ của các luận cứ và kết luận.

Bài tập 16

Hãy chỉ ra các lập luận trong các đoạn văn sau:

Đoạn văn 1:

Tiếng nói cũng vậy, nó phải phản ánh đời sống và phục vụ đời sống hàng ngày cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng, cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta hiện nay, đời sống chính trị, văn hoá và văn học nghệ thuật. Thế nào là

phản ánh cuộc sống? Đó là diễn tả ý nghĩ và tình cảm của người nghe, người đọc. Muốn vậy phải dùng tiếng nói của dân tộc, lời nói, cách nói thông thường nhất, mộc mạc nhất không chỉ có lợi ích là dễ hiểu, mà còn có thể gây cảm xúc mạnh mẽ cho người nghe, người đọc. Cho nên phải chống mạnh mẽ hơn nữa cái tật hay "nói chữ" mà Bác Hồ thường phê bình: "Đã dốt lại hay nói chữ!". "Đúng quá, chính vì dốt mà hay nói chữ".

(Phạm Văn Đồng)

Đoạn văn 2:

Nhưng có người còn tự hỏi rằng: Tại sao người trong một nước phải đoàn kết với nhau? Một điều thật dễ hiểu. Bởi lẽ mỗi chúng ta cùng chung một dòng giống, cùng chung một dân tộc, một tiếng nói, cùng sống chung một lãnh thổ. Những điểm chung đó là sợi dây ràng buộc, giúp những người trong một nước phải gắn bó với nhau. Chúng ta thử nghĩ nếu không may đất nước bị lâm nguy, chẳng lẽ tất cả chúng ta được an vui, sinh tồn? Hoặc khi có thiên tai, lũ lụt xảy ra thì tất cả chúng ta sẽ cùng nhau hứng chịu. Do đó, người trong một nước phải yêu thương đùm bọc lẫn nhau. Đó là tình nghĩa đồng bào cùng sống trên một lãnh thổ. Chính tình cảm thiêng liêng đó đã giúp cách mạng Việt Nam vượt qua mọi phong ba bão táp và cập bến vinh quang như hiện nay.

(Vũ Tiến Quỳnh)

Đoạn văn 3:

Cha mẹ là người nuôi dưỡng con cái, công lao đó to lớn đến dường nào. Mẹ ta mang nặng đẻ đau, khi bé thì mẹ ta cho ta bú mớm, đến khi lớn lên thì cha mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc khi ta khoẻ mạnh cũng như lúc ta ốm đau. Làm sao mà có thể kể xiết những nỗi vất vả cực nhọc, gian nan mà cha mẹ ta đã từng trải qua để nuôi ta khôn lớn.

(Vũ Tiến Quỳnh)

Đoạn văn 4:

Văn học dân gian không những đẹp ở nhiều khía cạnh nội dung mà còn đẹp ở nghệ thuật thể hiện. Những chi tiết vừa hồn nhiên vừa giản dị, vừa tưởng tượng phóng khoáng phi thường trong thần thoại, truyền thuyết và cổ tích; những câu chuyện ngụ ngôn hàm súc, dí dỏm, những truyện cười giàu chất trí tuệ trong kho tàng truyện cổ dân gian; những lời hay ý đẹp, những hình tượng bình dị mà óng ả, những tình cảm đầm ấm nhuần nhị và chân thành trong vườn nghệ thuật ca dao dân ca... những "hòn ngọc quý" ấy sẽ mãi mãi hấp dẫn độc giả mọi thế hệ, làm giàu thế giới mơ ước của trẻ thơ mà không một loại hình tiểu thuyết nào có thể thay thế được!

Bài tập 17

Hai đoạn văn dưới đây đều được viết theo kiểu quy nạp nhưng có sự khác nhau trong cách lập luận. Hãy chỉ ra sự khác nhau đó.

Đoạn văn 1:

Trong hàng nghìn năm dưới ách thống trị của phong kiến ngoại bang xâm lược... văn học bác học cổ điển của ta có những tác phẩm tiến bộ mang cốt cách dân tộc, nhưng vẫn chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng thống trị ngoại bang... Trong gần một thập kỉ dưới ách áp bức bóc lột của thực dân Pháp, văn nghệ bác học của ta bị lai căng, nhưng vẫn

có những tác phẩm tiến bộ, tuy nhiên nền văn nghệ bác học đó cũng không tích cực bằng văn nghệ của quần chúng... Vì vậy, muốn phát huy truyền thống dân tộc tốt đẹp, lành mạnh, phong phú và sâu sắc thì trước hết phải chú trọng đến văn nghệ của quần chúng.

Đoạn văn 2:

Đứa trẻ ra đời bởi một tình yêu gắng gượng trong một gia đình không có hạnh phúc. Người bố phần chí, lặng lẽ trả thù số phận bằng những khói thuốc phiện, người mẹ trẻ trung tuy khao khát hạnh phúc chân thật, nhưng cũng đành chịu cúi đầu trước lễ giáo phong kiến, âm thầm như chiếc bóng dưới chân tường. Gia đình sa sút rồi sụp đổ hẳn. Bố chết. Mẹ ngược xuôi tần tảo. Đứa trẻ mồ côi cha, xa tình mẹ, phải sống bơ vơ đói rách, lêu lổng, trong sự lờm nguýt đay nghiến của họ hàng và thái độ dửng dưng của xã hội. Có thể nói **Những ngày thơ ấu** (Nguyễn Hồng) chủ yếu là những kỉ niệm đau buồn, tủi cực của một đứa trẻ sinh ra trong một gia đình bất hoà, phá sản và truy lạc, sớm phải sống bơ vơ, lêu lổng.

Bài tập 18

Hai đoạn văn sau nói về giá trị phê phán của *Truyện Kiều* nhưng có cách sắp xếp trật tự các luận cứ khác nhau. Hãy đọc và cho biết khi đổi vị trí của các luận cứ, ý nghĩa khẳng định của kết luận có gì thay đổi? Giải thích rõ sự thay đổi đó.

Cách 1:

(1) **Truyện Kiều** là tấn bi kịch về cuộc đời, về thân phận người con gái tài sắc vẹn toàn. (2) Bi kịch ấy, như chúng ta đã phân tích ở trên, rõ ràng do đồng tiền đưa tới. (3) Đồng tiền đã tác oai, tác quái trong xã hội, làm đảo ngược công lí, đã biến con người thành món hàng mua đi bán lại, đã chà đạp lên những tình cảm thiêng liêng nhất của con người. (4) Đồng tiền đã phát huy thế lực vạn năng của nó. (5) "Tài hoa, nhan sắc, tình nghĩa, nhân phẩm, công lí đều không còn nghĩa gì trước thế lực của đồng tiền. Tài tình, hiếu hạnh như Kiều cũng chỉ là một món hàng, không hơn không kém". (6) Chủ đề về đồng tiền là chủ đề nổi bật và xuyên suốt toàn bộ tác phẩm. (7) Người đọc thấy ghê tởm với cái thực trạng xã hội phong kiến thế kỉ XVIII với vị trí ngự trị của đồng tiền, đồng tiền điều hành tất cả. (8) Giá trị tố cáo của **Truyện Kiều** chính là ở chỗ đó.

Cách 2:

(1) **Truyện Kiều** là tấn bi kịch về cuộc đời; về thân phận người con gái tài sắc vẹn toàn. (2) Bi kịch ấy, như chúng ta đã phân tích ở trên, rõ ràng do đồng tiền đưa tới. (3) Chủ đề về đồng tiền là chủ đề nổi bật và xuyên suốt toàn bộ tác phẩm. (4) Người đọc thấy ghê tởm cái xã hội phong kiến thế kỉ XVIII với vị trí ngự trị của đồng tiền, đồng tiền điều hành tất cả. (5) Đồng tiền đã phát huy thế lực vạn năng của nó. (6) Đồng tiền đã tác oai, tác quái trong xã hội, làm đảo ngược công lí, đã biến con người thành món hàng mua đi bán lại, đã chà đạp lên những tình cảm thiêng liêng nhất của con người. (7) "Tài hoa, nhan sắc, tình nghĩa, nhân phẩm, công lí đều không còn nghĩa gì trước thế lực của đồng tiền. Tài tình, hiếu hạnh như Kiều cũng chỉ là một món hàng, không hơn không kém". (8) Giá trị tố cáo của **Truyện Kiều** chính là ở chỗ đó.

Bài tập 19

Dựa vào các luận cứ và kết luận của lập luận dưới đây, hãy sắp xếp kết luận ở vị trí thích hợp nhất để tạo thành lập luận hoàn chỉnh.

(1). Chị Dậu là một trong những hình ảnh đẹp nhất về người nông dân trong văn học nước ta.

(2). Với tác phẩm *Tắt đèn*, Ngô Tất Tố đã làm cho hình ảnh của chị mãi mãi sống trong tâm trí của chúng ta.

(3). Chị đã từng được ví như đoá sen quê nở trên đầm bùn của xã hội thực dân – phong kiến.

(4). Mặc dù bị bọn cường hào, địa chủ, quan lại áp bức, bóc lột nặng nề; mặc dù phải chịu những nỗi khổ đau cùng cực, song chị vẫn giữ trọn những phẩm chất quý báu của người phụ nữ Việt Nam.

Bài tập 20

Đoạn văn dưới đây được lập luận theo kiểu chứng minh. Anh (chị) hãy viết một đoạn văn khác về *Truyện Kiều* có cách lập luận tương tự.

*Mọi người dân Việt Nam đều say mê **Truyện Kiều**. Từ những nhà nho trước đây như Mộng Liên Đường, Chu Mạnh Trinh là những người học rộng, biết nhiều đến những cụ già hiện nay trình độ văn hoá còn thấp kém, thế nhưng không ai không thuộc dăm ba câu Kiều, thậm chí có người thuộc cả quyển Kiều. Từ những người chiến sĩ cách mạng bị vào tù ra tội mà vẫn luôn nhớ mang trong mình quyển Kiều, coi nó như một người bạn tri âm đến các anh chiến sĩ hải đảo, biên phòng ngày ngày bận bịu trăm công, nghìn việc, thế mà cứ lúc rảnh rỗi lại ngồi ngâm nga đôi ba câu Kiều hoặc chơi trò "đố Kiều" thành thạo. Rồi ngay cả những em bé mới tới tuổi đến trường, đã có em đòi ông bà, cha mẹ đọc Kiều, kể Kiều cho nghe. Sức hấp dẫn của **Truyện Kiều** thật là kì diệu.*

Bài tập 21

Trong lập luận dưới đây có luận cứ nào không phù hợp với kết luận? Tại sao?

*Văn xuôi của ta từ Cách mạng tháng Tám đến nay đã khắc hoạ nhiều hình ảnh của con người mới trong lao động sản xuất. Đó là những người nông dân Liên khu V đã dùng sức người kéo bừa thay trâu quyết tâm giữ vững sản xuất trong hoàn cảnh bị giặc Pháp thường xuyên càn quét, khủng bố (**Con trâu**, Nguyễn Văn Bổng). Đó là chú bé Lũy liên lạc đã dũng cảm xông vào đồn giặc và hi sinh anh dũng (**Xung kích**, Nguyễn Đình Thi). Đó là những nam nữ thanh niên gan góc nhả xuống sông ken thân mình làm con đê sống ngăn sóng biển hung dữ (**Bão biển**, Chu Văn). Đó là những người dân Tây Nguyên phải lấy đá thay rìu chặt cây để khai hoang trồng rẫy, từng bước tổ chức lại cuộc sống của mình, kiên quyết bám rẫy, bám làng không chịu đi theo địch (**Đất nước đứng lên**, Nguyễn Ngọc). Đó là những con người hiểu rõ giá trị sức lao động của mình như trong **Bài ca vỡ đất** của Hoàng Trung Thông:*

"Bàn tay ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm".

Bài tập 22

Hãy chỉ ra lỗi của lập luận sau và đề xuất cách chữa phù hợp hơn.

(1) Lòng yêu nước cuộn cuộn chảy trong huyết quản vua tôi thời Trần đã làm nên một thời đại lịch sử đẹp – một thời đại rực sáng với hai chữ "Sát Thát" và "Hào khí Đông A". (2) Hẳn chúng ta vẫn nghe âm vang câu nói đõng dạc, hiên ngang của vị tướng tài ba Trần Bình Trọng: "Ta thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc". (3) Lòng yêu nước thiết tha của vị tướng già Trần Quốc Tuấn khiến ông viết lên **Hịch tướng sĩ** bất hủ. (4) Mặt khác, lòng yêu nước thiết tha, cháy bỏng đã được các vị bô lão hô vang trong Hội nghị Diên Hồng: "Đánh ! Đánh !...". (5) Ngày đêm lo lắng cho vận mệnh đất nước mà Phạm Ngũ Lão mong mỏi gặp Trần Quốc Tuấn để bày tỏ nỗi lòng, bàn mưu giúp nước. (6) Với lòng yêu nước sục sôi, nóng lòng muốn tham gia luận bàn việc nước mà chàng thiếu niên 16 tuổi Trần Quốc Toản bóp nát trái cam vua ban cho lúc nào không biết. (7) Nhân dân cũng một lòng ủng hộ kháng chiến, sẵn sàng bỏ "vườn không nhà trống" để dụ quân địch theo mưu kế của triều đình.

Bài tập 23

Dưới đây là hai đoạn văn mắc lỗi lập luận. Hãy chỉ ra lỗi đó và phân tích nguyên nhân mắc lỗi.

Đoạn văn 1:

Bên cạnh con cò, con trâu được nói nhiều hơn cả trong ca dao, dân ca Việt Nam. Con trâu không mấy thanh thoi, cho nên khi nghĩ đến cuộc đời nhọc nhằn của mình, người nông dân thường nghĩ đến con trâu. Con cò tuy có vất vả, tuy có lúc phải lặn lội bờ sông nhưng có lúc còn được bay lên mây xanh. Con cò, con vạc, con nông là những con vật rất gần gũi với người dân lao động. Chúng mang những đức tính cần cù, chịu khó của người nông dân chân lấm tay bùn. Những lúc cần bực bực nỗi niềm, người nông dân thường dùng những con vật đó ra để tâm sự, để giải bày nỗi lòng mình.

Đoạn văn 2:

Trong tác phẩm **Chí Phèo**, Nam Cao đã vẽ lên bộ mặt của con quỷ dữ ở làng Vũ Đại – Chí Phèo. Nhắc đến Chí Phèo là người ta lại nhớ đến một người say, một kẻ chuyên nghề đâm thuê, chém mướn và rạch mặt ăn vạ. Dường như suốt cả cuộc đời Chí không có ước mơ và thèm khát đến cuộc sống gia đình. Có một lần, sau khi tỉnh rượu, nằm trong nhà lẳng nghe tiếng chim hót, tiếng người đi chợ,... Chí chợt mong muốn được quay lại làm người. Đã có lúc Chí cũng ước mơ một gia đình nho nhỏ: chồng làm thuê cuộc mướn, vợ dệt vải xe tơ,... Vậy mà tất cả điều đó của Chí đều không được xã hội thừa nhận.

Bài tập 24

Có người nhận xét rằng đoạn văn dưới đây là một lập luận hoàn chỉnh. Anh (chị) hãy cho biết ý kiến của mình.

Ca dao có nhiều câu ca ngợi cảnh đẹp đất nước. Nếu Lạng Sơn – nơi biên giới phía Bắc – hấp dẫn người ta bởi "có phố Kỳ Lừa, có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh" thì kinh thành Thăng Long – nơi phồn hoa đô hội – lại có sức lôi cuốn bởi "phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ". Ca dao đưa chúng ta theo: "Đường vô xứ Nghệ quanh quanh –

Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ" để đến với xứ Huế đẹp và thơ, đắm mình trong đêm "lờ mờ bóng ngả trăng chênh" với "giọng hò xa vọng thắm tình nước non". Rồi xa nữa là "Nhà Bè nước chảy chia hai – Ai về Gia Định Đồng Nai thì về". Có thể nói đất nước ta hiện lên qua những vãn ca dao thân thuộc, đâu đâu cũng đẹp, mỗi miền có một vẻ đẹp riêng biệt, kì thú. Tình yêu đất nước, tình cảm gia đình, tình yêu lứa đôi thể hiện trong ca dao cũng thật đậm đà, sâu nặng.

Bài tập 25

Hãy phân tích luận cứ và kết luận của lập luận sau để phát hiện lỗi và đề ra cách chữa sao cho phù hợp.

*Tác phẩm **Chí Phèo** không chỉ có sự sáng tạo về mặt hình thức. Đọc kĩ tác phẩm ta thấy **Chí Phèo** là một truyện ngắn mà lại xây dựng được cả ba thì của thời gian: quá khứ, hiện tại và tương lai. Điều này có lẽ chưa một tác phẩm truyện ngắn đương thời nào có thể làm được. Tác phẩm **Chí Phèo** không chỉ là sự phản ánh người nông dân bị lưu manh hoá và bị kịch bị cự tuyệt quyền làm người mà còn là một sự phát hiện và khẳng định bản chất lương thiện của họ ngay cả khi họ đã đánh mất cả nhân hình lẫn nhân tính.*

(Bài làm của học sinh)

Bài tập 26

Hãy chỉ ra kết luận và các luận cứ trong đoạn văn sau và cho biết các luận cứ đó có phù hợp với kết luận không. Tại sao?

(1) Bất kì trong hoàn cảnh nào, tâm hồn Xuân Diệu cũng khát khao giao cảm với đời trong niềm khao khát đến mê say. (2) Vì thế ông luôn "thức nhọn mọi giác quan" để đón nhận và hưởng thụ mọi ngon ngọt của cuộc đời. (3) Sống gần gũi, hoà nhập với đời, Xuân Diệu đã phát hiện ra nhiều điều mới mẻ, lí thú trong thế giới xung quanh mà người thường khó phát hiện được. (4) Những điều hấp dẫn ấy đã được ông gửi gắm vào những bài thơ tình mãnh liệt, cháy bỏng. (5) Ông chính là nhà thơ lớn nhất của tình yêu, của tuổi trẻ. (6) Đọc giả thêm mến yêu và khâm phục tài sáng tác sung mãn, dồi dào của ông.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Đại Doãn, *Mấy vấn đề về làng xã Việt Nam* (Lí luận và thực tiễn), tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 1, 1987.
2. Đỗ Huy, *Hướng phát triển của văn hoá Việt Nam*, tạp chí *Triết học*, số 6, 1991.
3. Nguyễn Huy Dinh, *Hệ tư tưởng Lê*, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 6, 1986 *Hệ tư tưởng trước Lê*, số 5, 1987; *Hệ tư tưởng Trần*, số 4, 1986.
4. Văn Tạo, *Một vài suy nghĩ về tính bản địa và đặc sắc của nền văn hoá Việt Nam*, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 1, 1986.
5. Lương Quỳnh Khuê, *Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, một nhu cầu phát triển của văn hoá hiện đại*, tạp chí *Triết học*, số 4, 1992.
6. Trần Văn Giàu, *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1980.
7. Vũ Khiêu, *Đạo đức mới*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974.
8. Đỗ Huy – Trường Lưu, *Sự chuyển đổi các giá trị trong văn hoá Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993 (chương II, IV).
9. Harry T. Oshima, *Tăng trưởng kinh tế ở châu Á gió mùa – nghiên cứu bằng phương pháp so sánh*, tập một, UBKHXH Việt Nam, Hà Nội, 1989.
10. Bùi Xuân Đính, *Lệ làng phép nước*, NXB Pháp lí, Hà Nội, 1985.
11. Y. Hanry, *Economic agrycole de l'Indochina*, Hà Nội, 1932.
12. *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản chữ Hán), quyển V, xem bài *Các nhà nước phong kiến Việt Nam đã có những chính sách khuyến khích tư nhân hoá ruộng đất*.
13. Kwtaylor, *The brith of Việt Nam*, NXB Đại học Tổng hợp Ca-li-phoóc-ni-a, 1983.
14. Nguyễn Tài Thư và các tác giả, *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập một, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.
15. Nguyễn Duy Hình, *Hệ tư tưởng Lê*, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 6, 1986.
16. *Gia Định thành thống chí*, tập II, 1972.
17. G.A. Mactuseva, *Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1962.
18. Yoshihara Kunio, *Sự phát triển kinh tế của Nhật Bản*, xem bài *Sự phân tích, so sánh giữa giáo dục Nhật Bản và Thái Lan trong lịch sử*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.

Chịu trách nhiệm nội dung:

PGS.TS. NGUYỄN VĂN HÒA

Biên tập:

TỔ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

PHÒNG KHẢO THÍ - ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC